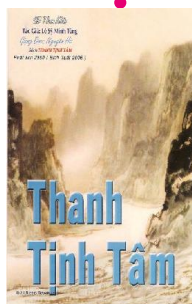


THANH TỊNH TÂM



Lê Sỹ Minh Tùng

--- o0o ---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 22-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

01. Luân hồi
Lời Mở Đầu
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Ý Nghĩa Của Luân Hồi?
02. Hiện tượng khi chết
03. Con người và nghiệp quả
04. Nghiệp Sát hại
05. Nghiệp quả và Tướng diện
06. Nghiệp quả và Sức khỏe
07. Nghiệp quả và Tài năng
08. Nghiệp quả và Nhân cách
09. Nhân cách và Tình cảm
10. Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp
11. Chuyên Nghiệp
12. Tôn giả Xá Lợi Phất
Thiết Lập Tu Viện Kỳ Viên
Giáo Hóa Kẻ Phản Đồ
Cõi Tây Phương Cực Lạc
Sự Sinh Tử Của Kẻ Tu Hành
Lòng Khoan Dung Độ Lượng
Chánh Đạo Thắng Ác Quỷ

- Xin Nhập Diệt Trước Đức Phật
Hồi Gia Và Nhập Diệt
13. Tôn giả Mục Kiền Liên
Làm Cầu Báu Đón Phật Đà
Ứng Biến Thần Thông
Dùng Thần Thông Độ Ngoại Đạo
Thần Thông Thắng Sức Quyến Rũ Của Giai Nhân
Chiều Dài Pháp Âm Của Phật
Ngạ Quỷ Và Nhân Duyên Nghiệp Báo
Thần Thông Không Thắng Nghiệp Lực
Vu Lan Cứ Mẹ
Người Đệ Tử Đầu Tiên Hy Sinh Vì Đạo
14. Tôn giả Đại Ca Diếp
Người Vợ Không Chung Chăn Gối
Đời Là Khổ Nào
Xuất Gia Theo Phật
Cứu Độ Cho Vợ Hiền
Xả Lợi Phất Bị Tham Ván
Bà Lão Nghèo Sanh Về Cõi Trời
Quan Sát Hoạt Động Của
A Nan Tặng Bình Bát
Thích Tu Khổ Hạnh
Đức Phật Chia Nửa Tòa
Nhận “Y” “Bát” Của Phật
Tam Tạng Kinh
Long Hoa Tam Hội
15. Tôn giả Ca Chiên Diên
Phải Cầu Đức Phật
Xưng Niệm Tam Bảo
Luận Về Đạo Đức Và Tuổi Tác
Tại Sao Con Người Tranh Chấp?
Răn Dạy Bọn Thiếu Niên Vô Lễ
Luận Về Thuyết Vô Thường!
Thuyết Đạo Lý Phát Tài Cho Kẻ Nghèo
Chuyển Ái Tình Thành Giác Ngộ
16. Tôn giả Phú Lô Na
Khuyên Chúng Tỳ Kheo
Tận Lực Hoằng Pháp Lợi Sanh
Thế Gian Là Quê Hương
Đức Phật Thọ Ký Cho Vị Lai Tôn Phật

- Chánh Pháp Là Pháp Thân Phật
17. Tôn giả A Na Luật
Từ Chôi Thiếu Nữ Cầu Hôn
Bị Mù Vì Lời Nguyện
Đức Phật Vá Y Cho A Na Luật
Nguyên Nhân Làm Nữ Nhân Bị Đọa Lạc
Tu Nơi Rừng Sâu Tịch Mịch
Cảm Hóa Kẻ Cướp
Phật Dạy Bát Đại Nhân Giác
Lời Sau Cùng Với Đức Phật
18. Tôn giả A Nan
Giúp Thành Lập Ni Đoàn
Nàng Ma Đăng Già
Đạo Pháp Và Tình Cảm
Trở Thành Thị Giả Của Phật
Phật Pháp Và Trí Kỹ
Đề Bà Đạt Đa
Phật Đoán Bảy Điềm Mộng Của A Nan
Lời Di Giáo Sau Cùng
Đại Hội Kết Tập Kinh Điển
Tôn Giả Nhập Diệt

--- o0o ---

01. Luân hồi

Con người càng được kính trọng càng được khen ngợi thì bản ngã càng có cơ hội phát triển nhiều. Mà chạy theo bản ngã là chạy theo sinh tử luân hồi.

Khi từ bi và trí tuệ được phát triển trọn vẹn thì con người sẽ không còn phân biệt nữa vì bắt đầu từ thời điểm ấy từ bi là trí tuệ mà trí tuệ cũng là từ bi và họ sẽ thấy rõ ràng tất cả bản thể Chân Như của vạn pháp. Hình tướng bề ngoài tuy khác nhau nhưng Thể Tánh bên trong chỉ là một. Đó chính là :”Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” vậy.

Điều qua trọng nhất con người cần phải biết là tất cả mọi chúng sinh đều có khả năng thành Phật vì ai ai cũng đều có sẵn Phật tính trong mình,

chỉ vì mê lầm không thấy rõ tính chất cao quý thiêng liêng nơi mình mà chúng sinh mới bị mê đắm vào vòng đau khổ luân hồi.

Nguyên nhân của tất cả sự khổ đau bắt đầu từ bản ngã vì nó vốn có khuynh hướng phân biệt thân sơ, tốt xấu, giàu nghèo, ta và người... và từ đó nảy sinh các tham vọng, ái dục, đố kỵ, tranh chấp đẩy con người lún sâu vào vòng sinh tử khổ đau.

Con người nên quay vào bên trong để lắng nghe tiếng gọi của Chân Tâm mà sống với tự tánh thanh tịnh thì không bị lôi cuốn của thế gian. Một người chết đuối không thể cứu một người khác cũng đang chết đuối. Một việc làm cao đẹp chỉ có nghĩa khi nó được làm bởi một cái tâm vị tha chân thật.

Làm sao biết rằng việc làm của mình là hoàn toàn vô vị lợi? Chỉ khi nào làm mọi việc mà không thấy có mình làm, không thấy có chúng sinh được cứu độ, không thấy mình và chúng sinh có sự khác biệt đó mới là vô ngã.

Đức Phật thuyết pháp cho 5 vị đệ tử đầu tiên tại vườn Lộc Uyển

Con người đều là những giọt nước trong đại dương của sự sống, tuy là một thành phần nhỏ bé nhưng chúng ta vẫn có thể kinh nghiệm được toàn thể sự sống của đại dương. Chúng ta có thể mang những thể xác khác nhau, trải qua nhiều kiếp sống khác nhau và thâm nhập học hỏi những kinh nghiệm khác nhau nhưng chúng ta đều là thành phần của một sự sống vĩ đại, của một Chân Như Đại Thể.

Khi lòng từ bi phát triển trọn vẹn, con người không còn ao ước sự giải thoát cho chính mình vì họ thấy mình và chúng sinh là một không hề khác nhau và khi chúng sinh còn vướng mắc trong vòng đau khổ thì làm sao mình có thể giải thoát được?

--- o0o ---

Lời Mở Đầu

Đã là con người sống trong thế gian này thì ai ai cũng ước mơ cho mình được giàu sang sung sướng, công danh thành đạt và sức khỏe dồi dào để sống cho đến trăm tuổi bạc đầu. Nhưng đâu phải giấc mơ nào cũng thành sự thật đâu? Nếu chúng ta may mắn được giàu sang phú quý thì lại không thông

minh đỉnh đạt, còn kẻ thông minh trí tuệ thì lại phải sống thanh bần và người sống thọ thì nay đau mai yếu khó được yên vui. Vậy tất cả sự giàu sang, danh vọng và sông trường thọ có thật sự đem đến những hạnh phúc chân thật cho con người không?

Hay là càng giàu thì con người càng có nhiều cơ hội để tạo nghiệp, địa vị càng cao thì dễ dàng gây cảnh đau thương cho người khác và thọ mạng càng lâu thì càng dễ gây khổ cho nhiều người. Nhưng trong thế gian này không phải không có người giàu sang với tâm hồn cao thượng, hay không có kẻ nắm quyền cao thế trọng mà có lương tâm bởi vì họ đã đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có nghĩa là người có tâm hồn trong sáng, cuộc sống của họ không chạy theo bản ngã và nội tâm không bị kích động bởi tham lam, giận hờn và si mê.

Người biết xả kỷ vị tha thì lúc nào cũng an vui tự tại vì đối với họ tiền tài danh vọng cũng chỉ như bóng trăng dưới nước hay hoa đóm trên không mà thôi. Khi mê chúng ta cho cuộc đời là thật, là chắc chắn, là bền vững ngàn năm đến khi mất mới biết đời chỉ là ảo mộng. Thân thì mất, tiền tài danh vọng cũng chẳng còn, chẳng đem theo được vì thế cho dù con người có tiền rừng bạc biển, danh vọng cao sang thì đến lúc chết cũng trở về với cái Không mà thôi. Còn cái Có mà họ chắc chắn sẽ mang theo chỉ là cái nghiệp để thọ lãnh cảnh khổ cho đời sau.

Chỉ có tâm thanh tịnh mới tác tạo một tâm hồn trong sáng để làm việc thiện, tránh xa việc ác và dĩ nhiên không còn tạo nghiệp. Không tạo nghiệp là không còn khổ, không còn luân hồi sanh tử và đây chính là hạnh phúc viên mãn mãi mãi cho ngày sau. Đạo Phật không chủ trương dạy con người làm giàu hay đạt công hầu khanh tướng vì đây chỉ là những hạnh phúc tạm bợ, giả dối để gánh chịu những cái khổ về sau, mà đạo Phật chỉ hướng dẫn con người tránh xa mọi ô nhiễm và biết kiềm chế ái dục để tâm được thanh tịnh. Vì thế người Phật tử luôn lấy câu: "tri túc thiểu dục" làm nền tảng cho cuộc sống của mình. Tâm thanh tịnh tức là chơn tâm, là Phật tánh, là hạnh phúc vĩnh hằng trong mỗi chúng ta.

Hưởng thọ phước báu nhân gian như bắn tên lên trời, khi hết đà sẽ rơi xuống đất, không bền không chắc, nay có mai không. Cái chân thật mà con người nên tựa vào là sống trong nhân thế mà không hề rời tự tánh và đi vào chốn bụi trần mà không hề rời Niết bàn. Bồ tát đến thế gian cứu độ chúng sinh là nhờ vào nguyện lực, còn phàm phu thọ báo trong thế gian là do

nghiệp lực. Bồ Tát tuy sống trong quần chúng, nhưng không bị sinh tử trôi buộc và phiền não thiêu đốt.

Phần thứ hai của sách này, chúng tôi vừa soạn lại tiểu sử mười vị đại đệ tử của Đức Phật. Thiên nghi trong thời mạt pháp này, nếu có thể hình dung lại cuộc sống của những vị Thánh Tăng để chúng ta có cảm tưởng như đang sống trong thời Đức Phật còn tại thế cách nay trên 2500 năm về trước ngõ hầu giúp chúng ta học hỏi, nghiền ngẫm và tư duy về tất cả những phương cách tu tập khác nhau để đạt được tâm thanh tịnh và đoạn trừ phiền não. Họ là những tấm gương sáng chói cho chúng ta noi theo để đạt đến đạo quả Bồ-đề.

Nói về đạo thì không có đạo nào cao siêu bằng đạo Phật, còn nói về lý thì không có lý nào uyên thâm bằng giáo lý Phật. Vì thế cốt tủy của đạo Phật là khuyên bảo con người nên làm lành, hướng thiện, li xa tội lỗi và tu tập để tâm mình được hoàn toàn thanh tịnh. Do đó một người Phật tử chân chính là người chẳng những thấm nhuần giáo lý Đức Phật, mà phải dùng triết lý màu nhiệm này để sống với mọi người với tấm lòng từ bi vô ngã và chắc chắn sẽ mang lại an vui tự tại cho chính mình và cho tất cả mọi người.

Căn nhà giác ngộ có tới tám vạn bốn ngàn cánh cửa để vào. Căn cơ của chúng sinh thì cao thấp khác nhau vì vậy chúng sinh muốn tu theo pháp môn nào cũng đều là chánh đạo cả. Muốn tu theo thiên thì phải đoạn cho được mọi phiền não, sám hối cho hết tất cả nghiệp căn mới mong đốn ngộ. Nhưng chứng ngộ ở đây chỉ là Lý còn Sự thì phải tu mới thành. Nếu không thì khó lòng mà đạt được Minh Tâm Kiến Tánh, tức là cảnh vô sanh vô diệt. Còn pháp môn Tịnh Độ thì chỉ cần niệm Phật A Di Đà, giữ tâm thanh tịnh, đừng tạo nên nghiệp mới thì sẽ được vãng sanh vào cõi Tây Phương Cực Lạc. Nhất tâm là đối với tán tâm mà nói bởi vì nếu miệng niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà trong tâm lại vọng tưởng đủ thứ, đó chính là tán tâm niệm Phật.

Còn nếu niệm Phật đạt đến tâm và miệng tương ưng, không có vọng tưởng tạp loạn, chỉ có danh hiệu Phật không gián đoạn, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì đạt đến trình độ công phu Nhất Tâm Bất Loạn. Lúc chết họ sẽ được Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát hay Chư Thánh đến tiếp dẫn. Thêm nữa, người tu theo Pháp môn Tịnh Độ được mang cả nghiệp cũ vào cõi Thánh nên được gọi là đối nghiệp vãng sanh. Trong thời mạt pháp, Đức Phật dạy rằng niệm Phật là pháp môn thù thắng trong tất cả các pháp môn. Xin nhắc lại, từ vô lượng kiếp về trước, có một kiếp Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Thích Ca đồng tu với nhau. Lúc

ấy vua Vô Trách Nhiệm, tức là tiền thân Phật A Di Đà kết bạn rất thân với vị đại thần tên là Bảo Hải, tức là tiền thân Phật Thích Ca. Khi ấy có Phật Bảo Tạng ra đời để hóa độ chúng sinh thì hai vị cùng đến chỗ Phật Bảo Tạng mà phát Bồ Đề Tâm. Vua Vô Trách Nhiệm phát nguyện rằng:”Tôi

nguyện tu pháp chứng để ứng hóa về cõi Tịnh Độ, chẳng nguyện về cõi Uế Độ. Nếu tôi chứng được bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tôi nguyện độ chúng sinh trong cõi Tịnh Độ không có một điều khổ não, nếu chẳng được như vậy, tôi thề chẳng thành Phật”. Còn đại thần Bảo Hải thì nguyện ứng hóa về cõi Uế Độ, tức là thế giới Ta Bà này để hóa độ chúng sinh.

Sau bao nhiêu kiếp tinh tấn tu hành, cả hai nay đã thành Phật. Ngày nay nhân tròn quả mãn, phần tự giác đã xong, Phật Thích Ca đã dùng Phật nhãn mà xem xét cõi tịnh độ của Phật A Di Đà để độ chúng sinh trong cõi Ta bà đang gánh chịu bao nhiêu điều thống khổ được vãng sanh về cõi Thánh. Đây chính là con đường Liễu Sanh Thoát Tử, chuyển phàm đạ Thánh vậy.

Chúng tôi kính nguyện tất cả chúng sinh Bồ- đề tâm luôn luôn tăng trưởng, chánh tín chánh kiến chưa sinh sẽ sinh và nếu đã sinh thì càng kiên cố bất thoái cho đến ngày viên thành Phật đạo.

Xin hồi hướng và cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho quý vị và gia đình được vô lượng an lạc, vô lượng phước báu trong ánh từ quang của chư Phật.

--- o0o ---

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kinh điển Phật giáo là những bảo vật vô giá và chính là kim chỉ nam cho kẻ tu hành, nhưng muốn giải thoát giác ngộ con người không thể hoàn toàn sống trong dĩ vãng hay thế giới của kinh điển được. Con người cần đọc kinh để tìm hiểu những ý nghĩa huyền diệu nhưng cũng cần phải xét suy những gì hợp với sự thật và gạt bỏ đi những gì rườm rà phiền phức. Nói như thế có nghĩa là chúng ta tôn trọng Chân Lý mà Đức Phật đã chỉ dạy trong tinh thần chứ không phải trong sách vở hay kinh điển. Đọc quá nhiều kinh sách cũng là một chướng ngại cho sự tu hành vì tu là tìm sự giải thoát chứ không phải bị trói buộc trong những dòng chữ trong kinh.

Trước khi Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia tìm đạo, nhân dịp dạo chơi bốn cửa thành thì Ngài thấy những cảnh khổ như sanh, già, bệnh, chết. Từ đó trong tâm của Thái tử nảy sanh ra ba thắc mắc:

1) Con người chúng ta từ đâu đến đây?

2) Sau khi chết thì chúng ta sẽ đi về đâu?

3) Cuộc đời này đầy dẫy khổ đau do đó nếu muốn thoát khổ và ra khỏi vòng sanh tử thì phải làm sao?

Vì những thắc mắc đó mà Ngài không yên tâm sống trong cảnh cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con xinh mà quyết chí xuất gia cầu đạo, xả phú cầu bần để cố tìm cho ra chân lý. Sau gần 11 năm tu hành khổ hạnh đến khi thân thể khô cằn chỉ còn xương bọc lấy da và một ngày nọ vì quá kiệt sức Ngài ngã quỵ bên dòng sông Ni Liên. Lúc ấy có một thôn nữ tên là Sujata đến cúng dường một bát cháo sữa và sức khỏe Thái tử dần dần hồi phục. Thái tử bèn tắm gội ở dòng sông Ni Liên, vượt qua sông lớn đến núi Bát La Cấp Bò-đề tức là núi Tiên Chánh Giác và dạo xem phong cảnh ở đây. Ngài rất hài lòng cảnh trí an tĩnh của núi này và có ý định chọn nơi đây để thành Chánh Giác. Khi Thái tử từ triền núi phía đông bắc lên trên đỉnh núi, mặt đất bỗng chấn động làm núi rừng rung chuyển. Sơn thần lo sợ thưa với Thái tử:

Quả núi này không có phước để Ngài tu thành Chánh giác. Nếu Ngài ở lại đây, nhập Kim Cương định, sẽ sinh ra động đất thì núi này thế nào cũng bị sụp đổ.

Sau đó Thái tử từ phía tây nam đi xuống, dừng lại nơi lưng chừng núi, nhìn xuống vực sâu thấy có một ngôi thạch thất. Ngài bèn vào trong ngôi thạch thất, ngồi Kiết già thì mặt đất lại chuyển động làm quả núi rung chuyển. Khi đó có vị Hộ pháp thiên thần là Tịnh Cư Thiên, một trong Tứ Thiên vương, từ trên không nói vọng xuống:

Chỗ này cũng không phải nơi Như Lai tu thành Chánh giác. Ngài phải đi khoảng mười lăm dặm về hướng tây nam, không xa nơi Ngài tu khổ hạnh khi trước, có một cây Tất Bạt La, bên dưới có một tòa kim cương, chư Phật quá khứ và tương lai đều thành Chánh giác tại đó cả. Như Lai nên đi đến đó.

Thái tử bèn đi đến cây Tất Bạt La, trong lòng thầm nghĩ nên dùng cỏ để trải tòa. Trời Đế Thích thấu biết liền biến thành một người cắt cỏ, gánh một gánh cỏ đến. Thái tử bèn hỏi:

Cỏ ông gánh đầy có cho tôi mượn được không?

Thái tử nhận cỏ và lót ngồi dưới cội cây Tát Bạt La. Ngài ngồi suốt 49 ngày đêm thiền định dưới cội cây Tát Bạt La và trở thành đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đây Thái tử Tất Đạt Đa không còn nữa mà trở thành Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và cây Tát Bạt La được gọi là cây Bồ-đề tức là cây giác ngộ. Khi Phật Đà còn tại thế, cây ấy cao mấy mươi thước, bị chặt phá bao nhiêu lần nên ngày nay cây Bồ-đề là cây cháu, cây chít chớ không còn là cây mà ngày xưa Đức Phật ngồi trên đó. Mỗi năm đến ngày Đức Phật nhập diệt, cây Bồ-đề rụng hết lá, nhưng sau đó lá xanh lại nhanh chóng phục hồi như trước.

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng bốn trăm năm tức là vào năm 264 trước Công nguyên, vua A Dục mới lên ngôi. Vì tin theo tà đạo và muốn phá hoại di tích Phật giáo, đích thân nhà vua thống lãnh quân đội đến chặt phá cây Bồ-đề. Cây bị đào bật gốc, chặt đứt từng đoạn rồi đem đi vát cách xa chỗ ấy mấy mươi bước rồi hạ lệnh cho những người Bà La Môn thờ lửa đốt rụi để tế trời. Khi ngọn lửa còn đang phừng cháy, đột nhiên nảy sinh ra hai gốc cây Bồ-đề trong ngọn lửa, tàng lá sum sê, xanh tốt rất mực nên người sau gọi là cây Bồ-đề tro.

Vua A Dục thấy chuyện kỳ lạ, thành tâm hối hận, dùng sữa thơm rửa sạch các rễ cây còn sót lại và đến sáng hôm sau cây Bồ-đề phục sinh như cũ. Nhà vua thấy linh dị như thế, trong lòng phát sinh tâm kính ngưỡng nên đích thân nhà vua cúng dường trọng lễ. Vương phi xưa nay tín ngưỡng ngoại đạo, lén sai đầy tớ nhân lúc trời tối quá nửa đêm đến chặt cây. Sáng hôm sau, vua A Dục thấy cây bị tàn tạ, đau đớn trong lòng, dùng sữa thơm tưới rửa thì chưa đến một ngày cành lá lại phục hồi như trước. Từ đây vua A Dục lại càng tôn sùng tin tưởng liền cho xây tường bao bằng đá, cao trên mười thước để bảo vệ cho cây mà vẫn còn cho đến ngày nay.

Vào cuối thế kỷ thứ sáu, vua nước Cao Đạt là Sasanka có nghĩa là mặt trăng cũng tín ngưỡng ngoại đạo nên đố kỵ phá hoại Phật pháp. Nhà vua ra lệnh chặt bỏ cây Bồ-đề, đem vát xuống sông và cho đào cả rễ cây mà đốt. Sau đó dùng mật đường mía tưới lên cho tuyệt mầm. Mấy tháng sau vua Mãn Trụ (Parnavarma) là cháu vua A Dục nghe tin ấy thì than thở:

Ngày của Trí tuệ đã ẩn tàng rồi, chỉ còn lại mỗi cây Bồ-đề ấy mà nay cũng bị tàn phá nốt thì chúng sinh còn gì để nương tựa?

Nhà vua nằm lăn ra đất rất đau thương rồi dùng sữa của mấy ngàn con bò mà tưới cho cây. Qua một đêm cây lại nảy mầm lớn lên cao đến hơn mười thước. Nhà vua lại sợ có người lại phá hoại nên cho xây tường bằng vách đá xanh cao để bảo vệ mà hiện nay vẫn còn là một di tích ở Bồ-đề đạo tràng.

Từ lúc khai thiên lập địa, ở trong tam thiên đại thiên thế giới và ở ngay trung tâm của Bồ-đề đạo tràng có một tòa Kim Cương mà bên dưới đựng tới Kim luân và bên trên đựng tới mặt đất do Kim Cương cấu thành với chu vi khoảng một trăm bước. Thời Hiền kiếp thiên Phật tức là một ngàn vị Phật xuất thế độ sanh đều tọa thiền nơi ấy mà nhập được Kim Cương định nên mới gọi là Kim Cương tòa.

Phía bắc cây Bồ-đề, có một khu đất, là nơi Phật Đà tản bộ. Sau khi thành Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật ngồi tĩnh tọa tại tòa Kim Cương nhập định bảy ngày. Lúc đó có Long vương muốn hộ vệ Như Lai nên lấy thân mình quấn quanh Đức Phật bảy vòng, rồi hóa thành nhiều đầu lâu để bảo vệ cho Ngài. Kế đó có ngôi tịnh xá xây dựng trên một tảng đá lớn. Trong tịnh xá có một Phật tượng, mắt nhìn lên trên cao bởi vì ngày xưa sau khi thành Phật, Ngài đứng tại đó trải qua bảy ngày nhìn chăm chăm cây Bồ-đề, dấu một khắc cũng không rời.

Đó là Như Lai báo đáp ơn trọng của cây Bồ-đề và cũng là lúc Ngài suy nghĩ lời của một Đại Phạm Thiên vương khuyên nên chuyên bánh xe Pháp. Sau khi thành đạo thì có hai vị thương gia tên là Đề Vị (Tapussa) và Ba Lợi (Bhallika) lấy thức ăn đi đường của mình gồm cháo mạch và mật ong dâng lên Phật Đà. Thọ dụng bữa ăn xong, Đức Phật đang tính tìm vật chi để đựng thức ăn thì bốn vị Thiên Vương từ bốn phương hiện đến, mỗi người đem theo một bình bát bằng vàng, chuẩn bị hiến cho Thế Tôn. Đức Phật không chịu nhận vì người xuất gia không sử dụng vật dụng ấy. Tứ Thiên vương lại dâng các loại bình bát bằng bạc rồi mã não, lưu ly...đều bị Thế Tôn từ chối. Bốn vị Thiên vương mỗi người trở về tiên cung lấy loại bình bát bằng đá, sắc xanh hồng dâng lên. Thế Tôn nhận cả bốn bát bằng đá, rồi nhập chung lại thành một, nên bình bát của Phật có bốn cái dấu.

Phía đông cây Bồ-đề có ngôi Manh Long thất. Trong nhà có con rồng kiếp trước phạm nhiều tội nên khi ra đời đã bị mù cả hai con mắt gọi là con rồng mù. Khi Thái tử sắp thành Chánh Giác có đi ngang qua Manh Long thất, thốt nhiên mắt rồng trở nên sáng ra liền bạch với Thái tử:

Thầy sắp sửa thành Chánh Giác vì đôi mắt tôi mù đã lâu lắm rồi, khi nào Phật ra đời thì mắt tôi liền sáng. Bữa nay, thầy đi qua, hai con mắt của tôi sáng ra nhìn thấy hết mọi thứ cho nên tôi biết thầy sắp thành Phật.

Trong đêm lịch sử mừng tám tháng chạp cách đây trên 2500 năm thì Ngài đã thành đạo sau khi chứng được tam minh và lục đại thần thông. Tam minh đó là:

1)Túc Mạng Minh: Túc là đời trước, mạng là sinh mạng còn minh là sáng suốt. Do đó túc mạng minh là sáng suốt để thấu hiểu rõ ràng những đời trước của mình. Đây là lời giải đáp câu hỏi thứ nhất là con người chúng ta từ đâu mà đến? Đức Phật đã thấy rõ vô số tiền kiếp của mình như việc mới xảy ra hôm qua. Đời trước Ngài là ai? Tên gì? Và sống ở đâu? Từ đó vô số kiếp hiện ra trước mắt Ngài, một kiếp qua đi thì kiếp khác lại đến. Vì sự trực tiếp nhớ về đời quá khứ của chính mình nên về sau đệ tử của Phật gom góp tất cả các đời quá khứ để làm thành kinh Bốn Sự cho Đức Phật.

2)Thiên Nhãn Minh: là con mắt sáng suốt thấy rõ ràng những gì rất xa một cách tường tận. Ngài đã thấy sự sanh tử của chúng sanh dựa trên cái nghiệp mà chính họ đã tạo ra. Sự thấy biết của Ngài như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua người lại một cách rõ ràng. Đức Phật thấy rằng con người chết rồi không phải là hết mà phải theo nghiệp để thọ sanh trong Lục đạo Luân hồi. Đây là câu trả lời cho nghi vấn thứ hai là sau khi chết chúng ta sẽ đi về đâu.

3)Lậu Tận Minh: Lậu là rơi rớt, tận là chấm dứt, là hết. Do đó lậu tận minh là biết tường tận để không còn rơi rớt vào trong lục đạo luân hồi. Đức Phật đã thấy nguyên nhân nào chúng sanh có sanh tử và phương cách nào chấm dứt sự sanh tử này để không còn rơi rớt, trầm luân trong sáu nẻo luân hồi. Đây chính là chân lý Tứ Diệu Đế. Con người không còn sanh tử tức là vĩnh viễn không còn đau khổ và đây là câu trả lời cho nghi vấn thứ ba.

Ngoài tam minh thì Đức Phật còn chứng cả lục đại thần thông, đó là:

1) Thiên nhãn thông: có nhãn lực nhìn thấy khắp muôn loài cùng sự sanh hóa trong thế gian bao la rộng lớn.

2) Thiên nhĩ thông: có nhĩ lực để nghe khắp mọi nơi bao gồm loài người và loài vật.

3) Tha tâm thông: có tâm lực biết được tâm nguyện sở cầu của kẻ khác.

4) Túc mạng thông: có trí lực hiểu biết các đời trước của mình.

5) Thần túc thông: có thần lực để bay cao hay độn thổ.

6) Lưu tận thông: có trí tuệ thông suốt ba đời để không còn đau khổ, phiền não và sanh tử luân hồi.

Mặc dầu Đức Phật đạt được lục đại thần thông, nhưng trong suốt 49 năm hoằng pháp thì Ngài lúc nào cũng khuyên đệ tử chỉ dùng chánh pháp mà hành đạo chớ không nên lạm dụng thần thông, bởi vì khi thần thông hết thì lòng tin con người cũng tan biến theo, còn chánh pháp là chân lý tối thượng để giúp con người đến chỗ giác ngộ ngỗ hầu giải thoát cho họ ra khỏi mọi phiền não khổ đau. Một ngày nọ Đức Phật muốn vượt qua sông Hằng, lúc đó có một ông ngoại đạo đến khoe rằng:

Tôi có thể đi trên mặt nước để qua sông.

Đức Phật hỏi:

Ông tu luyện bao lâu mới đạt được như vậy?

Ông ngoại đạo đáp:

Phải cần tu luyện đến 50 năm mới thành được.

Phật dạy:

Ông dùng đến 50 năm tu luyện để đi qua sông, còn ta chỉ cần có ba đồng để trả tiền đò thì cũng qua được sông mà thôi.

Vì thế nếu dùng 50 năm của ông ngoại đạo kia để làm việc lợi ích cho chúng sanh và tu tâm thanh tịnh thì tốt biết bao. Thêm nữa, thần thông cũng không thắng nổi nghiệp lực do đó khi nghiệp quả đã đến thì thần thông cũng trở thành vô nghĩa mà thôi.

Ý Nghĩa Của Luân Hồi?

Khi Đức Phật chứng được thiên nhãn minh thì Ngài thấy sự sinh tử của chúng sinh xoay vần trong lục đạo là do chính cái nghiệp của họ dẫn dắt. Chúng ta là phàm phu thì không thấy cái nghiệp của mình được, nhưng đối với mắt Thánh thì họ thấy rất rõ ràng. Trong lục đạo có ba đường lành là cõi người, cõi A tu la và cõi trời còn ba đường dữ là súc sanh, địa ngục và ngạ quỷ. Thân, khẩu, ý của chúng ta đã tạo ra mười cái nghiệp, đó là sát sanh, trộm cướp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, tham, sân, si. Tùy theo khả năng tu hành mà chúng sanh sẽ thọ sanh vào cảnh giới thích hợp với nghiệp căn của họ.

Do đó nếu chúng sinh muốn trở lại làm người thì chỉ cần thọ tam quy và trì ngũ giới là đủ. Còn nếu chúng sinh siêng năng bố thí nhưng chưa diệt nổi lòng sân thì sẽ sanh lên cõi thân, tức là A tu la. Sau cùng nếu chúng sinh tu đủ thập thiện nghiệp thì chắc chắn sẽ sanh lên cõi trời để hưởng phước lạc. Ngược lại nếu chúng sinh phạm mười điều ác thì phải đọa thẳng vào địa ngục, còn nếu ai nặng về tham lam, bòn xén thì sẽ sanh vào loài quỷ đói. Loài ngạ quỷ này sống lang thang trong cõi thế gian với chúng ta, tuy tuổi thọ rất lâu nhưng phải chịu đói khát nên kiếp ngạ quỷ thật là khổ sở. Về phần súc sanh thì nặng về si mê, quên mất nhân tính nên phải chịu làm thân súc vật để trả nợ.

Còn địa ngục ở đâu?

Theo kinh Phật thì địa là chỗ còn ngục là hình phạt đau khổ. Do đó chúng sanh nào khi sanh tiền tạo quá nhiều nghiệp ác thì sau khi chết phải thọ sanh vào chỗ chịu những hình phạt đau khổ thì đó gọi là địa ngục. Không có chuyện quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa tới dẫn thần thức đi mà chính là nghiệp lực sẽ dẫn dắt thần thức vào chỗ dữ. Chẳng hạn ngày xưa lúc chúng ta có quyền thế thường hay đánh đập hành hạ kẻ khác thì khi sắp chết chúng ta nhớ lại những người đó, thấy họ đánh đập mình, rượt đuổi mình nên ta cố chạy và dĩ nhiên là chúng ta chạy vào đường dữ để thọ cảnh khổ. Đó chính là gây nhân nào thì gặt quả nấy mà thôi.

Có người oán trách cha mẹ không có phước nên sanh mình ra cho khổ, hoặc cha mẹ không ra gì để mình bây giờ phải thua sút với bạn bè. Nhưng họ đau khổ là vì chính họ phải thọ nhận quả báo đời trước vì đã tạo ra nghiệp xấu cho nên nghiệp lực mới dẫn họ tái sinh vào gia đình tương ứng như thế mà thôi. Có người lại oán trời trách đất là anh thì làm cái gì cũng

thành còn tôi đụng tới cái gì thì hư cái đó. Thật ra chẳng có gì khó hiểu cả bởi vì trong thế gian này nếu có kẻ giàu sang phú quý hiện tại là vì kiếp trước họ biết tu bố thí nên kiếp này họ tính toán việc gì cũng thành do đó họ phát giàu còn anh không chịu bố thí mà còn tham lam bòn xén thì kiếp này tính đâu trật đó vì vậy anh phải nghèo chớ không phải trời thương hay Phật đọa gì cả. Luật nhân quả công bằng là nếu anh muốn người ta thương mình thì đừng hắt hủi ai cả. Thêm nữa, nếu chúng ta sinh ra trong gia đình giàu sang, quyền thế thì đó là quả báo để hưởng phước, còn khi chúng ta sinh ra mà cha mất, mẹ nghèo thì đây chính là quả báo để trả nợ. Phật dạy tu là chuyển nghiệp vì thế nếu trong cuộc sống này mình được hưởng phước lợi thì phải ráng tu đừng cho tuột xuống, còn nếu cuộc sống này gặp nhiều khó khăn, bất lợi thì phải tu nhiều hơn để chuyển những nghiệp xấu thành thiện nghiệp thì cuộc sống sẽ khá hơn cho kiếp này và kiếp sau. Tại sao? Giáo lý nhà Phật có ba loại nghiệp báo là:

- 1) Hiện báo nghiệp: chúng ta tạo nghiệp tốt hay xấu trong đời này thì phải chịu quả báo lành hay dữ ngay trong đời này. Vì thế cổ nhân có câu: Quả báo nhãn tiền là đây vậy.
- 2) Sanh báo nghiệp: chúng ta tạo nghiệp trong kiếp này thì đến kiếp sau quả báo mới đến. Chẳng hạn như chúng ta rộng tâm bố thí thì kiếp sau sẽ được giàu sang.
- 3) Hậu báo nghiệp: nếu nghiệp chưa được trả xong ở kiếp hiện tại hay kiếp kế tiếp thì sẽ được phát khởi ở bất cứ một kiếp nào về sau khi hội đủ nhân duyên.

Có người thắc mắc là làm sao biết được có luân hồi?

Nên nhớ rằng thuyết luân hồi do Phật tu mà chứng để dạy cho chúng sinh. Không thấy được luân hồi không phải là nó không có mà vì chúng ta chưa đủ trí tuệ như Phật để thông hiểu. Chẳng hạn như ngày xưa, tôn giả Mục Kiền Kiền sau khi chứng quả A La Hán và đang kinh hành bên bờ sông Hằng thì thấy rất nhiều loài ngạ quỷ đầu rất to, bụng lại nhỏ xíu và thân thể ghê gớm lắm. Ngài về thuật lại cho Phật nghe thì Phật nói rằng:” Ta cũng thường thấy chúng, nhưng nói ra mà không ai biết nên ta không nói”. Vì vậy nếu tu chứng như Phật thì chúng ta sẽ thấy như Phật chớ không chỉ riêng có Phật mới thấy được Luân hồi mà thôi.

Trên thế giới trong vòng mấy mươi năm qua, vấn đề trẻ em nhớ lại tiền kiếp của chúng đã được xem như là vấn đề của khoa học cận đại chớ không

còn là chuyện mê tín huyền hoặc hay là chỉ dành riêng cho Phật giáo mà thôi.

Bác sĩ Ian Stevenson thuộc đại học Virginia, Hoa Kỳ là tác giả cuốn “Hai mươi trường hợp về luân hồi” đã bỏ ra một thời gian rất dài để nghiên cứu về các trường hợp thuộc hiện tượng luân hồi tái sinh từ các trẻ em. Bác sĩ Stevenson lưu ý một sự kiện thật quan trọng là những dấu vết bẩm sinh trên cơ thể của các cháu bé đó vì khi nhớ lại tiền kiếp của chúng thì thường thường có sự liên hệ lạ lùng giữa sự kiện xảy ra với dấu bẩm sinh hay dị tật mà chúng đã mang trên cơ thể. Sau nhiều năm nghiên cứu, ông đã tin rằng “Có sự sống sau khi chết “ và chính ông cũng tuyên bố thêm “ Không có lý do để coi thuyết Luân hồi là mê tín, ngược lại nó đáng được nghiên cứu một cách nghiêm túc”.

Một trường hợp điển hình đã xảy ra tại Miến Điện. Một em bé đã kể lại tiền kiếp của mình như sau: Lúc đó em là một quân nhân Nhật bản và đã bị giết chết trong một trận đánh vào thời đệ nhị thế chiến năm 1944. Điều kỳ lạ là em bé này rất thích uống trà đậm và ăn thức ăn có nhiều cá, rau và rong biển. Đây là thức ăn và thức uống thường ngày của người Nhật mặc dầu hiện giờ em là người Miến Điện mà người Miến lại không thích uống trà đậm.

Thông thường, những vị Lạt Ma Tây Tạng khi còn bé thường kể về tiền kiếp của mình. Chẳng hạn như vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 hiện nay có tên là Tenzin Gyatso sinh năm 1935 là tái sinh của vị Lạt Ma thứ 13 có tên là Thubten Gyatso sinh năm 1876 và qua đời năm 1933. Mấy lúc gần đây báo chí thế giới có loan tin về em bé Tenzin Osel Rinpoche sanh năm 1985 trong một gia đình nghèo ở ngoại ô Madrid, nước Tây Ban Nha. Tuy em mới lên 6 tuổi nhưng đã có đạo hạnh và trí tuệ như những vị đại sư Tây Tạng. Lúc lên 5 tuổi, em có thể ngồi thiền suốt hai giờ mà không nhúc nhích. Khi em kể qua về tiền kiếp của mình thì được kiểm chứng và xác nhận đúng với tiểu sử của Lạt Ma Tây Tạng Thubten Yeshe. Lạt Ma Yeshe di cư đến Mỹ từ năm 1959 và chết ở Los Angeles năm 1984 vì chứng suy tim trầm trọng đã đe dọa mạng sống ngài trên mười hai năm trời. Ngài chết ngày 3 tháng 3 năm 1984 và ngày 12 tháng 2 năm 1985 thì một bé trai được sinh ra vào một gia đình người Tây Ban Nha. Lúc sinh tiền thầy Yeshe đã từng nói ngài có nhiều nhân duyên với cặp vợ chồng này vì họ sống và làm việc tại trung tâm nhập thất Osel Ling do chính ngài thành lập ở Tây Ban Nha. Khi được bốn tháng thì em bé đã được thầy Zopa Rinpoche, đệ tử thầy Yeshe, công nhận em chính là tái sinh của thầy mình. Em bé này được một nhà sư Tây Ban Nha bảo trợ nuôi dạy và cho xuất gia. Tuy tuổi rất trẻ, nhưng em thuộc rất

nhiều kinh Phật, có khả năng thuyết pháp lưu loát và cầu nguyện cho những vị cao tăng.

Nhiều người hy vọng em sẽ trở thành một Lạt Ma uyên bác kỳ tuyệt của thế kỷ 21 này. Lạt Ma Yeshe là tác giả cuốn: "Introduction to Tantra"

(Đưa vào Mật Tông) rất nổi tiếng.

Câu chuyện khác xảy ra tại hai ngôi làng ở miền nam Ấn Độ. Gia đình họ vừa mới sinh một đứa bé và họ đặt tên là Sanjay. Đứa bé này mới lọt lòng mẹ mà đã có dị tật đó là các ngón ở bàn tay mặt bị cụt. Theo sự chẩn đoán của các y sĩ tại nhà hộ sinh thì đó là dấu vết bẩm sinh. Nhưng đối với bác sĩ Stevenson thì đây là trường hợp đáng lưu ý vì trong trường hợp của đứa bé này thì các ngón ở bàn tay mặt không phải ngắn mà có hình tướng như bị cắt ngang nên đầu các ngón tay cụt rút lại giống như vết sẹo. Sau đó đứa bé đã nói với người mẹ một câu làm cho mọi người vô cùng ngạc nhiên: "bàn tay mặt của con ngày trước đã bị cái máy quay nghiền nát các ngón tay. Lúc đó con ở tại ngôi làng cách xa làng này khoảng 8 cây số. Cha mẹ và anh con lúc đó hiện nay vẫn còn sống." Thế rồi, đứa bé đòi mẹ dẫn mình tới căn nhà ở ngôi làng đó. Đến nơi họ mới biết ngày xưa nơi gia đình này có một đứa con trai chết vì bị máy cắt đứt các ngón tay. Về sau, Sanjay kể lại như sau:

Lúc tôi đến thì đang có đám cưới trong làng, anh tôi cũng tới dự. Tôi biết ba má và anh tôi, nhưng họ không biết tôi. Khi họ nghe chuyện tôi nói rằng tôi là con và em trong gia đình họ thì nhiều người vừa cười vừa nói như đùa: "Này, cháu bé hãy nói đi, tại sao mấy ngón tay cháu lại bị đứt vậy?". Còn người mẹ tiền kiếp của tôi thì nói: "Nếu là con của mẹ thì hãy chỉ cho mọi người cái máy ở đâu? Cái máy đã cắt mấy ngón tay con đó." Sau đó tôi dẫn mọi người đi chỉ chỗ cái máy và lúc đó trong khi mọi người còn ngạc nhiên thì tôi vẫn quả quyết tôi chính là con của người mẹ kiếp trước của tôi đây. Tôi kể tiếp, người cha tiền kiếp thường uống rượu. Một buổi chiều, ba tôi về nhà và quay máy, lúc ấy tôi đang loay hoay bên cái máy và rồi bàn tay mặt bị cuốn vào bánh xe. Tôi hét lớn và ba tôi cố gắng kéo tay tôi ra. Thế rồi các ngón tay đứt lìa. Nghe tôi hét mọi người chạy lại và họ mang tôi đến bệnh viện. Mẹ tôi vừa khóc vừa bế tôi lên chiếc xe bò...và sau đó tôi thiếp đi...vì đường đến bệnh viện quá xa nên tôi đã chết sau đó.

Cuộc hội ngộ thật là lạ lùng, đứa bé đã thốt lên một câu như người lớn: "Tôi đã chết một lần và tôi lại sinh ra lần nữa và ở đây". Bác sĩ hỏi bà mẹ tiền kiếp: "Nếu quả thật cháu bé này là con của bà, cho dù là kiếp trước

thì bà tính sao?. Người đàn bà trả lời:”Dĩ nhiên là tôi vui vẻ chấp nhận cháu là con tôi. Cháu đã muốn tôi làm mẹ thì tôi quyết định cháu là con tôi”. Riêng đối với người mẹ mới sinh ra cháu bé thì tình cảnh thật vô cùng nan giải. Bà vừa khóc vừa nắm tay đứa bé mà nói:” Con là con của mẹ, Sanjay à”. Thế là sau cùng đứa bé là con chung của hai gia đình. Hiện tại đứa bé đã là một thanh niên mạnh khỏe vui vẻ hòa đồng giữa hai nhà.

Một trường hợp khác là một cô gái Miền Điện (nay đã có gia đình), lúc sinh ra bàn tay mặt có các ngón bị cụt gần sát bàn tay. Đây cũng là một trường hợp có dấu vết bẩm sinh. Cô ta nhớ lại tiền kiếp của mình và đây là một câu chuyện thật lạ lùng. Tiền kiếp của cô là người đàn ông và người đàn ông này đã tạo nhiều đau khổ cho người vợ khiến người vợ phải tự vận. Vì quá sức căm hận, bà mẹ vợ đã thuê một tay giết mướn. Tên này dùng một thanh kiếm để chém người đàn ông này khi ông ta đang đi xe đạp. Lúc đó vì quá sợ, anh vừa đưa tay ra đỡ vừa kêu cứu: “Trời ơi, đừng giết tôi”. Nhưng tên giết mướn đã đưa một đường kiếm cắt đứt các ngón tay người đàn ông và đâm chết ông ta. Bác sĩ Stevenson đã đưa ra bức ảnh trong một buổi thuyết trình tại đại học Virginia, Hoa Kỳ cho thấy rõ bàn tay cô gái với các ngón tay bị cụt. Đó chính là dấu tích còn lại của kiếp trước của cô, lúc ấy cô là người đàn ông.

Trong những trường hợp khác, nếu một người bắt gặp hình ảnh hay lời nói ở một giai đoạn quá khứ mà chúng ta gọi là kiếp trước thì nó có tác dụng mạnh mẽ giúp cho họ đó có khả năng lớn lao mà biết được về tiền kiếp của mình. Một trường hợp có thật khác khi một người kỹ sư Hoa Kỳ tên là Frank M. Balk đã nằm mộng và nghe một câu nói văng vẳng bên tai rằng ông ta có một người cha tiền kiếp hiện đang sống tại Việt Nam, hãy mau đi tìm gặp cha. Cuối cùng, viên kỹ sư này đã đến Việt Nam và đã gặp người cha tiền kiếp của mình tại ngôi chùa Hải Đức ở Nha Trang.

Diễn tiến của câu chuyện có thật này như sau: Nguyên viên kỹ sư Mỹ này nằm mộng 3 đêm liên tiếp thấy một người đàn bà mặc áo trắng đến gần bảo rằng:” Ông có người cha tiền kiếp hiện đang là một nhà sư, trụ trì tại một ngôi chùa ở Việt Nam. Vậy hãy tìm cách để gặp cha”. Hai lần nằm mộng trước, viên kỹ sư Mỹ này không tin vì cứ nghĩ đó chỉ là mộng mị mà thôi. Nhưng lần thứ ba vẫn nằm mơ như thế nên ông ta bắt đầu ngạc nhiên, nghi ngờ và suy nghĩ không hiểu nguyên nhân nào đã tạo nên giấc mộng lạ lùng vậy. Cuối cùng, viên kỹ sư Mỹ quyết định đi Việt Nam để tìm hiểu sự thật về giấc mộng kỳ quái của mình. Lúc bấy giờ là năm 1958, viên kỹ sư có tên là Frank M. Balk từ Mỹ xin tham gia vào đoàn Chí Nguyên của Hoa Kỳ

qua giúp đỡ Việt Nam. Mỗi lần hoàn tất công tác, được nghỉ ngơi là ông ta tìm đến những ngôi chùa ở Việt Nam để tìm hiểu và xem thử có được gặp người cha tiền kiếp của mình đúng như giấc mộng đã báo cho biết không? Một hôm, tình cờ ông đến một ngôi chùa ở Nha Trang có tên là Hải Đức vì ngôi chùa này nằm trên một ngọn đồi lớn, rất dễ thấy. Vào chùa và đến trước điện thờ Phật, ông ta thấy một vị Sư già đang ngồi tụng kinh trước bàn thờ Phật. Điểm đặc biệt là gương mặt của vị sư này lại giống mặt mình như đúc. Bất giác, viên kỹ sư Mỹ nhẹ nhàng bước tới bên cạnh nhà sư và quỳ xuống chờ đợi.

Sau buổi kinh, viên kỹ sư này đã kể lại giấc mộng kỳ lạ và ý định muốn đi tìm sự thật của mình cho vị sư nghe, qua sự thông dịch của nhiều sư trẻ của Phật học viện. Vị sư già, tức sư Phước Huệ, nghe xong rất lấy làm cảm động, vội nắm tay viên kỹ sư Mỹ như đang nắm tay một đứa con lưu lạc từ kiếp trước trở về. Cuộc hội diện ly kỳ này đã xảy ra vào đúng 4 giờ 30 chiều ngày 27 tháng 4 năm 1958. Sau đó, viên kỹ sư này đã nhận cái áo tràng tự tay sư Phước Huệ trao và đứng bên người cha tiền kiếp để chụp một tấm ảnh kỷ niệm. Điều kỳ lạ mà ai cũng thấy là tuy một trẻ một già, nhưng nét mặt hai người lại giống nhau như hai giọt nước. Bức hình này hiện còn được treo thờ tại chùa Bảo Đức, Nha Trang.

Sau cùng, có câu chuyện sau đây chứng minh cho sự kiện đôi khi mỗi người trong chúng ta lại có cảm tình với một nơi mà ta chưa bao giờ tới. Câu chuyện thật do chính Derek Klinger, một giáo viên người Anh dạy học tại trường trung học ở Waterford kể lại. Lúc ông còn bé thì ông đã có cảm tình với nước Đức, nhưng ông cũng không hiểu tại sao. Khi lớn lên thì ý nghĩ ấy càng tăng trong tâm trí của ông. Thế rồi, nhân một lần nghỉ hè, ông quyết định du lịch sang nước Đức, lúc ấy ông vừa 32 tuổi. Tại Đức, ông đã đi nhiều nơi và điều kỳ lạ là có nơi khi ông đến thì ông có cảm tưởng như là đã đến đó từ trước.

Khi nhìn cảnh trí nơi ấy thì đối với ông có vẻ rất quen thuộc. Hôm gần quay về Anh quốc, ông tìm tới một tiệm đồ cổ với hy vọng sẽ tìm được vài món quà làm kỷ niệm. Tiệm đồ cổ này rất nổi tiếng ở Munich vì có đủ thứ. Tại đây ông đã trầm ngâm trước một tấm ảnh chụp rất xưa mà nước thuốc đã ngả sang màu nâu vàng. Tấm ảnh chụp 14 người lính hải quân Đức. Nhưng đôi với ông lại vô cùng kỳ lạ vì làm ông nhớ lại quá khứ xa xôi vào khoảng thời gian mà ông là một trong 14 người lính đó. Dần dần ông nhớ lại tên từng người trong tấm ảnh. Ông đứng ngẩn ngơ nhìn chăm chăm bức hình và ông nhớ lại đó là năm 1942. Ông cùng 13 đồng đội đang ở trong một chiếc

tàu ngầm và lúc bấy giờ có một cuộc hải chiến dữ dội trong vùng. Một chiến hạm Anh đã phóng ngư lôi trúng ngay vào bụng chiếc tàu ngầm làm cho nổ tung khiến ông cùng với 13 đồng đội bị tử thương.

Ông Derek vội vã mua ngay tấm hình và tức tốc hỏi nhân viên cảnh sát Đức địa điểm của văn khố chiến tranh, rồi tìm đến để hỏi về trường hợp chiếc tàu ngầm. Chuyên viên văn khố xác nhận rằng: "Chiếc tàu ngầm này có 14 người. Đó là tàu ngầm chữ U của Đức bị hải quân Anh đánh chìm ở Bắc Hải và trước khi tàu chìm trung tâm hành quân thuộc Bộ Hải Quân có nhận điện kêu cứu". Sau cùng ông nói: "Tôi thấy rõ hình ảnh lúc đó trong hình. Đó là hình ảnh của tôi ở tiền kiếp. Khi đó tôi là quân nhân Đức, giờ đây tôi là một giáo viên người Anh. Có điều dễ hiểu là từ nhỏ tôi đã có cảm tình với nước Đức và trong lần du lịch sang Đức có rất nhiều nơi tự nhiên tôi thấy rất quen thuộc. Khi xưa thì tôi có phần ngạc nhiên, nhưng nay thì tôi đã biết rõ vì sao".

Vậy luân hồi tái sinh chính là một kết quả rõ ràng chứng minh sự hiện hữu vĩnh hằng của Luật Nghiệp Báo trên thế gian này.

Hiện nay vấn đề luân hồi tái sinh không còn giới hạn trong lãnh vực tôn giáo mà đang bành trướng dần vào lãnh vực khoa học. Nhà bác học Albert Einstein khi được hỏi về vấn đề này đã trả lời như sau: "Càng ngày con người càng tin vào luật nhân quả luân hồi và ngay cả khoa học cũng đang tiến dần vào việc xác nhận sự kiện này là có cơ sở. Riêng tôi, tôi tin vào luật luân hồi nhân quả."

Mặc dầu chúng ta thấy khoa học ngày nay tiến rất xa so với quá khứ, nhưng sự thấu hiểu của khoa học về các nguyên lý sinh tồn của vũ trụ vẫn còn quá giới hạn do đó tất cả sự khám phá của khoa học vẫn chưa đủ khả năng để chứng minh về sự hình thành của luật Nghiệp Báo, cái mà đã chi phối tất cả mọi khía cạnh của đời sống con người cũng như vũ trụ. Thật vậy, khoa học ngày nay có thể lần mò quan sát các hiện tượng hình thức hữu hình của Nhân quả trong khi Nhân quả của nghiệp thì vô hình và ảnh hưởng qua nhiều kiếp luân hồi nên không thể quan sát bằng mắt thường được. Nếu mọi người đều tin vào Luật Nhân quả Nghiệp Báo thì thế giới này sẽ biến thành thiên đàng rực rỡ vì con người sẽ biết thương yêu nhau hơn. Cái ác sẽ bị đẩy lui vì con người sẽ không bao giờ đi tìm hạnh phúc cho chính mình một cách ích kỷ, hẹp hòi và độc ác mà họ sẽ đi tìm hạnh phúc bằng cách đem niềm vui và hạnh phúc đến cho người khác trước.

Luật Nghiệp Báo sẽ đem lại sự công bình và tâm bình yên cho tất cả chúng sinh bởi vì trong thâm tâm của mỗi người ai cũng cảm thấy kẻ ác đáng bị trừng phạt còn người thiện sẽ được tưởng thưởng cho dù cuộc đời có bất công và con người luôn thiên vị.

--- o0o ---

02. Hiện tượng khi chết

Khi con người trút hơi thở cuối cùng thì phần nóng, tức là phần tinh tế của thần thức còn lưu lại và tập trung ở một phần cơ thể. Tất cả những nghiệp thức của quá khứ tập trung lại thành một sức mạnh vô hình mẫu nhiệm để dẫn dắt thần thức tái sinh vào hình xác khác mà chịu quả báo. Đó chính là sức mạnh của nghiệp lực. Tùy theo nghiệp lực mà phần nóng tập trung ấy thoát ra từ các vị trí khác nhau trên cơ thể.

Có thể quan sát các cảm giác trên gương mặt và thân xác của người chết để biết nơi thoát ra của thần thức.

1) Nếu người sắp chết mà chết tự nhiên, bình tĩnh, sáng suốt và căn dặn mọi điều với con cháu hay bình thản già từ thân nhân thì thần thức sẽ thoát ra từ ngực.

2) Nếu người sắp chết từ từ nhắm mắt lia đời một cách êm ái nhẹ nhàng như đi vào giấc ngủ bình thường thì thần thức sẽ thoát ra từ trán hay ngực.

3) Nếu trái lại, cơ thể tím ngắt, xạm đen, xanh xám với tiếng rên rỉ, mặt nhăn nhó, quần quai thân mình thì thần thức chắc chắn sẽ rời khỏi thể xác bằng ngả bàn chân.

4) Khi người sắp chết tỏ vẻ nuối tiếc, nét mặt khổ đau, kêu than đau đớn, kêu khát nước, đòi ăn, vật vã thì lúc đó thần thức đang chuyển xuống bụng hay đầu gối để tách rời khỏi thể xác.

Vì thế khi rờ nhẹ trên người của người mới chết thì cũng có thể đoán biết thần thức của người chết sẽ đi về đâu:

1) Nếu người sắp chết mà toàn thân từ từ lạnh ngắt mà đôi mắt vẫn còn nóng thì thần thức sẽ thoát ra nơi đôi mắt và người đó sẽ thọ sanh về cõi Thánh hiền.

2) Nếu người chết mà toàn thân lạnh ngắt chỉ có đỉnh đầu còn nóng thì thần thức sẽ thoát ra ở đỉnh đầu và người này chắc chắn sẽ sanh về một trong những cõi Trời để hưởng phước lạc.

3) Nếu người mới chết mà toàn thân lạnh ngắt nhưng ngực còn nóng thì thần thức sẽ thọ sanh vào làm người trở lại. Nên nhớ khi tái sinh thì nghiệp lực cùng với nhân duyên mới có thể sẽ đưa họ đầu thai vào những giống dân khác với giống dân trước khi họ chết. Thí dụ khi sống thì họ là người Tàu, nhưng lúc tái sinh lại trở thành người Ấn độ.

4) Nếu người chết khắp nơi đều lạnh ngắt mà bụng vẫn còn nóng thì thần thức sẽ sinh vào loài ngựa quý.

5) Nếu người mới chết toàn thân đều lạnh ngắt mà chỉ còn hai đầu gối là nóng thì chắc chắn thần thức sẽ sinh vào loài súc sanh.

6) Nếu người mới chết toàn thân lạnh ngắt mà hai bàn chân còn nóng thì thần thức sẽ bị đọa vào địa ngục.

Theo Phật giáo thì tùy theo hơi ấm tụ ở nơi đâu mà có thể biết thần thức được chuyển vào cõi tốt lành thanh thoát hay cõi địa ngục tối tăm. Hơi ấm càng đưa xuống phần dưới cơ thể thì càng xấu. Nói chung hơi ấm mà tụ ở bàn chân, ở đầu gối, ở bụng là xấu. Ngược lại, hơi ấm tập trung ở trán và đầu của người sắp chết là tốt. Khi gặp trường hợp trán và đầu của người sắp chết lạnh trước tiên thì thân nhân hay người đang có mặt phải dùng hai bàn tay để chuyển động như cố ý dồn đẩy hơi ấm vào đầu và trán người sắp chết cho đến khi đầu và trán có chút hơi ấm thì thôi. Trong cuốn Liễu Sinh Thoát Tử của dịch giả Thích Quang Phú có đoạn như sau:

Khi nghiệp thức rời bỏ thân này thì không phải đồng thời toàn thân đều lạnh. Có khi ở trên thân lạnh trước rồi dần dần lạnh xuống hay ngược lại. Như có bài kệ đã nói: Nghiệp lành, dưới lạnh trước. Còn nghiệp dữ thì trên lạnh trước. Tim còn lưu chút hơi ấm rất lâu, các chỗ khác hơi ấm dần dần hết.

--- o0o ---

03. Con người và nghiệp quả

Nghiệp được phát xuất từ thân khẩu ý, vậy nó ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại và tương lai của chúng ta như thế nào?

Tuy thân khẩu ý phát sinh ra nghiệp, nhưng trên thực tế tất cả các nghiệp mà con người tạo ra đều bắt nguồn từ ý tưởng của họ trước nhất. Do đó, miệng chúng ta có nói tốt nói xấu hay thân có làm lành hay dữ thì cũng từ trong ý thức mà ra. Nói chung, tất cả những phân biệt thương ghét, giận hờn, hơn thua, phải quấy đều cấu tạo từ những ý nghĩ của chính mình. Thật vậy, Thân Nghiệp và Khẩu Nghiệp là nguyên nhân tạo nên Quả Báo khổ vui về sau cho chúng ta mà Ý Nghiệp chính là nguyên nhân của Thân Khẩu Nghiệp. Thân Nghiệp và Khẩu Nghiệp có tác dụng trực tiếp với mọi người vì những việc làm hay lời nói tốt xấu, thiện ác đối với kẻ khác sẽ tạo thành những quả báo khổ vui về sau.

Một người làm nghề cướp bóc giết người, gây tai họa đau thương cho người khác thì chính Thân Khẩu Nghiệp này sẽ quả báo sự nghèo khổ và chết thảm thiết cho hẳn ta về sau và kiếp sau.

Trái lại, một người về Việt Nam làm từ thiện, giúp các em trong viện mồ côi, giúp kẻ tật nguyền nghèo khổ thì sẽ được quả báo giàu sang, phú quý và trường thọ về sau. Nhưng Tâm có nghĩ thì Miệng mới nói và Tay mới làm, vì thế ý nghĩ của đời này tạo thành hành vi và lời nói ở đời sau. Thật vậy, Ý nghiệp là nhân của đời trước và thân khẩu nghiệp là quả cho đời sau. Nếu có người mà thông thái bây giờ là tại vì kiếp trước họ thích đọc sách, suy tư. Hoặc có kẻ nói năng phóng đảng và hành động tà dâm vì tiền kiếp họ luôn suy nghĩ về chuyện tà dâm, dối trá. Nói một cách khác là Ý nghiệp đời trước sẽ chuyển thành nhân cách của họ cho đời nay. Chúng ta thấy có nhiều gia đình rất đạo đức, nhưng con cái của họ thì ngỗ nghịch độc ác, không nghe lời dạy dỗ của cha mẹ. Tại sao vậy? Vì lời nói ngỗ nghịch và hành động độc ác của chúng đời nay chính là quả báo của ý nghiệp hay tư tưởng xấu từ đời trước chuyển đến. Do đó cổ nhân có câu: "sinh tử bất sanh tâm" hay là "Cha mẹ sanh con trời sanh tánh" là vậy. Khi thần thức đi tái sinh vào đời sau thì tất cả những chủng tử của nghiệp thức từ đời trước sẽ chuyển đến cho hải nhi để tiếp nhận những quả báo này và nhân cách là kết quả của ý nghiệp đã tạo nên. Vì vậy có những kẻ rất đạo đức và thiện tâm ngay từ trong bụng mẹ còn có người đã độc ác từ khi chưa chào đời. Hoặc có những người đời này thiện cũng làm mà ác cũng chẳng tha là vì kiếp trước họ thường hay nghĩ tốt xấu. Nói tóm lại tất cả những nhân cách đó đều do tư tưởng, tức là ý nghiệp, từ đời trước tạo thành và chuyển đến.

Trong số bạn bè của chúng ta, tại sao ông kia thích làm việc từ thiện? Hay cô nọ chỉ muốn làm ca sĩ? Bởi vì đời trước ông này ham thích suy nghĩ về việc giúp người còn cô kia thì dụng tâm suy nghĩ rất nhiều về sự đam mê của

âm nhạc. Hoặc tại sao có người muốn đi tu? Vì đời trước họ thích suy tư về Phật pháp và trong tâm ôm ấp tư tưởng cứu độ chúng sanh.

Vậy nếu muốn có một nhân cách phi thường ở đời sau thì ngay bây giờ chúng ta hãy bồi dưỡng những tư tưởng cao thượng và loại trừ những tư tưởng thấp hèn. Hãy phát huy tâm Bồ-đề để mang niềm vui và tình thương cho mọi người. Loại bỏ tham-sân-si để tâm được yên tịnh vì những cảm dỗ, si mê và giận hờn đã làm tâm của chúng ta mê muội để tạo ra Ý nghiệp.

Có người nói rằng nếu ai làm việc thiện, nói lời thiện chỉ vì tâm hồn họ suy nghĩ điều thiện. Nếu điều này là đúng, tức là ba nghiệp của thân khẩu ý đều thiện thì chắc chắn đời sau họ phải được giàu sang phú quý và có nhân cách khả kính. Nhưng sự thật chưa chắc như vậy bởi vì chúng ta thấy hằng ngày có người rất giàu có, quyền uy, nhưng lại rất ích kỷ và độc ác, còn có người tuy nghèo khổ, bần hàn nhưng rất từ bi và khả kính. Kết quả như vậy là vì thân khẩu nghiệp làm một đường mà ý nghiệp nghĩ một nẻo. Nói một cách khác là kẻ giàu mà ích kỷ là kiếp trước họ tu phước mà không tu huệ, còn kẻ nghèo mà tốt là họ tu huệ mà không tu phước. Phật dạy muốn hạnh phúc viên mãn thì phước huệ phải song tu.

Nói như thế thì mặc dầu hiện tại đang sống trong đời này, nhưng chính tay chúng ta đã kiến tạo cho mình dần dần một cuộc sống ở đời sau. Cứ mỗi nghiệp mà chúng ta tạo tác chính là một vết mực để vẽ cho bức tranh của đời sau, vì vậy không phải sau khi chúng ta chết thì thần thức mới đi lang thang trong cõi Thân Trung Âm để tìm kiếm cha mẹ mới của mình mà thật ra tất cả những Nghiệp Quả cộng với nhân duyên đã kiến tạo và hoàn tất cho đời sau của chúng ta trước khi chúng ta mạng chung. Đó là tại sao chúng ta thấy trong câu chuyện Luân Hồi có người chết tại Mỹ mà tái sinh ở Miền Điện, hoặc chết là đàn ông mà tái sinh làm đàn bà.

Vậy tiến trình này xảy ra như thế nào?

Trong kinh điển của Phật giáo, khi một người chết thì thân vật lý không còn tồn tại, nhưng thần thức vẫn tiếp tục tồn tại với một sự sống trong thế giới vô hình. Cái ngã nơi Thân Trung Âm này cũng vẫn là cái Ngã như lúc chúng ta còn sống. Chẳng hạn như trước khi chết chúng ta là ông A thì ở trong Thân Trung Âm chúng ta vẫn thấy mình là ông A. Cho đến khi duyên đã hết, phải thác sinh về một kiếp khác, Thân Trung Âm tan biến và sự sống bắt đầu thành hình ở bào thai mới thì lúc đó cái Ngã cũ thật sự chấm dứt hoàn toàn. Cái thời điểm mà Thân Trung Âm tan biến luôn luôn đồng thời

với cái lúc tinh trùng người cha lọt vào noãn bào của mẹ. Giây phút này cái Ngã cũ đã hết nên ông A không còn biết mình là ông A nữa, vì thế khi mang một hình hài mới thì tất cả những chuyện về đời trước đã quên hết. Hai nhi từ nay sẽ mang một hình hài mới, tên họ mới, dòng họ mới và dĩ nhiên là một số phận mới.

Cuộc sống hằng ngày chúng ta tạo nghiệp thì tất cả những nghiệp quả sẽ sắp xếp rõ ràng cho cuộc đời của kiếp sau. Chúng ta sẽ sinh vào gia đình nào, làm con cái của ai và cuộc sống sẽ như thế nào đã được an bài trước khi chúng ta nhắm mắt.

Dựa theo lý luận của khoa học ngày nay thì khi có sự giao hợp, người nam phát sinh khoảng 500 triệu tinh trùng. Nếu có những tinh trùng mang nhiễm sắc thể X kết hợp với tiểu noãn sẽ tạo thành một bào thai gái và những tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y kết hợp với tiểu noãn sẽ tạo thành bào thai trai. Nhưng do nghiệp của người đó tạo tác khi còn sống sẽ là động lực chính quyết định người đó sẽ mang thân nam hay thân nữ khiến cho tinh trùng loại nào sẽ được lọt vào tiểu noãn. Khi tiểu noãn thụ tinh, các nhiễm sắc thể của tinh trùng và của trứng phối hợp thành 46 cái để bắt đầu tạo thành sự sống.

Trong số 46 cái thì một nửa là nhiễm thể của cha và một nửa còn lại là của mẹ. Đây chính là nguồn gốc có sự khác biệt giữa những cá thể trong nhân loại. Hai nhi, lúc bấy giờ mặc dù chỉ là một tế bào tí hon, nhưng nghiệp quả tạo thành một định mệnh vô hình đã bao trùm lấy nó vì những nhiễm thể của người cha và mẹ đã định đoạt giới tính, màu tóc, màu mắt, hình tướng cũng như nhân cách và tính thông minh hay ngu đần của nó sau này. Khoa học chứng minh cho chúng ta thấy rằng những nhiễm sắc thể này có hình thể giống như vòng xoắn chạy dài và có khả năng chứa hàng ngàn phân tử di truyền, hay gọi là gene, được cấu tạo bởi Acid Desoxyribo Nucleic, gọi tắt là ADN. ADN là một chất hóa học chứa đựng tất cả những dữ kiện về sự sống và sự sinh trưởng của con người. Mỗi phân tử di truyền tự hoạt động riêng rẽ hoặc phối hợp với phân tử di truyền khác để ấn định về màu da, màu sắc của mắt và chiều cao của thân thể... Trong số 23 cái nhiễm thể của cha và 23 cái nhiễm thể của mẹ tạo thành 23 cặp thì luật Nghiệp Quả vô hình sẽ định đoạt cặp nhiễm thể nào ở lại còn cặp nhiễm thể nào sẽ bị loại bỏ.

Do đó người mẹ có thể truyền lại cho con mình màu mắt, làn da và một số tính di truyền đã thụ hưởng từ ông bà để lại. Đây là một công trình rất tinh vi và phức tạp vì những nhiễm thể và tiểu noãn có thể được phân chia theo tám triệu kiểu khác nhau. Thật vậy, chính nghiệp của đứa bé đã sắp xếp cuộc tạo

dựng thật công phu và quan trọng này. Đây là điểm đặc thù của triết lý Phật giáo vì nếu không hiểu rõ chúng ta sẽ vội tin có một Thượng Đế sáng tạo ra con người. Vâng! Chúng ta chính là vị Thượng Đế đó bởi vì nghiệp mà chúng ta đã tạo tác sẽ sắp đặt và kiến tạo cho cuộc đời của chúng ta ở kiếp sau. Tại vì sao? Chính nghiệp của đứa bé đã quy định nó sẽ làm con của gia đình nào để có thể nhận lấy tính di truyền về sức khỏe, trí khôn, hình dáng của dòng họ đó. Rồi cũng chính nghiệp tiếp tục chi phối sự phối hợp cũng như phân chia các phân tử di truyền (gene) để cho nó có những tính chất khác hẳn anh chị em của nó.

Nếu đời trước nó tạo rất nhiều phước đức, thường hay giúp đỡ kẻ khốn cùng, che chở người hoạn nạn thì nghiệp sẽ đưa nó vào sinh trường trong một gia đình giàu có để hưởng phước lạc từ khi còn bé. Hoặc là trong đời trước nó thường chăm sóc sức khỏe cho mọi người, đem niềm vui và hạnh phúc cho kẻ khác thì nghiệp sẽ chọn những phân tử di truyền (gene) để tạo thành sức khỏe tốt và trường thọ cho nó ở đời sau. Khi tiểu noãn và tinh trùng kết hợp thì năng lực tâm linh kết tụ và lúc đó tâm thức mới thật sự thành hình và phát triển dựa theo tiến trình phát triển của các tế bào não bộ. Sau hai tháng thì sự phát triển của não bộ gần như hoàn tất với khoảng 15 tỷ tế bào. Với cái não bộ mà chúng ta thường gọi là trình trắng này, thật ra đã chứa đầy đủ các mầm mống thiện ác phức tạp kết tụ do đời trước để quy định về những cá tính riêng biệt, nhân cách cũng như tính tình cho đời sau.

Luật Nghiệp Quả sắp xếp mọi tiến trình biến đổi một cách mau nhiệm mà không bị ngăn cách bởi không gian. Chẳng hạn như vì có duyên mà anh chị em được kết với nhau nhưng vì mỗi người mang mỗi nghiệp riêng biệt của mình từ vô lượng kiếp trước cho nên mặc dù cùng cha mẹ nhưng anh chị em vẫn có sự khác nhau về tính tình, hình dáng và tài năng... Vì không thông suốt luật Nghiệp Quả này mà nhiều người nói là cha mẹ sanh con trời sanh tánh là như vậy.

Có người lý luận rằng khi người chết thì tâm thức cũ sẽ được chuyển qua bào thai mới, do đó nếu đời trước người đó thông minh thì đời sau chắc chắn sẽ tiếp tục thông minh tài giỏi, còn kẻ ngu dốt thì đời sau sẽ ngu dốt mãi mãi. Thật ra thì không có tâm thức nào rời thân cũ để nhập qua bào thai mới cả mà chỉ có Nghiệp Quả mới quy định mọi tiến trình này mà thôi. Như đã nói tư tưởng tức là Ý Nghiệp từ đời trước sẽ là nhân mà Thân Khẩu Nghiệp nhận lãnh đời này chính là quả báo của nó. Nếu đời này chúng ta có được nhân cách tốt chỉ vì đời trước chúng ta luôn tâm niệm lành. Một bác học đời

trước mà lúc nào cũng có lòng đố kỵ, sợ người khác giỏi hơn mình thì kiếp sau có thể sẽ thành người ngu dốt.

Sự hoạt động của Luật Nghiệp Báo Nhân Quả thì thật quá phức tạp, nó phức tạp hơn hàng vạn triệu lần những máy vi tính mà chúng ta thấy hiện nay. Vâng, chính nghiệp lực là động lực vô hình đã kết hợp tất cả những nghiệp báo với nhân duyên để tạo tác và hình thành cuộc đời của chúng ta ở kiếp sau. Phật dạy hễ tạo nghiệp là phải thọ lãnh quả báo. Vậy nếu muốn đời sau gặt hái nhiều tốt đẹp thì ngay bây giờ hãy cố gắng tạo thật nhiều nhân lành và loại bỏ những tư tưởng xấu xa trong tâm tưởng của chúng ta.

Nhiều người quan niệm rằng nếu ta mắng chửi hay đánh đập kẻ khác thì mới tạo nghiệp còn mình suy nghĩ tốt xấu thì có ai biết gì đâu mà phải sợ. Thông thường con người có tính đố kỵ, hễ ai giỏi ai giàu hơn mình thì ghét, ai thua ai kém hơn mình thì chê bai, khinh bỉ. Tất cả những sự ghen ghét chê bai được phát sinh từ trong tâm tưởng của chúng ta thì chính mình đã tạo ra Ý Nghiệp rồi cho dù chúng ta chưa nói hoặc chưa có hành động gì đối với ai. Có người nói rằng đâu ai biết mình nghĩ gì thì không sợ bị đóng thuế hay bị phạt vạ. Đây là quan niệm sai lầm vì tư tưởng là Ý Nghiệp mà đã là Ý Nghiệp thì phải chịu quả báo đời sau. Vì thế dẫu người không biết mình đã nghĩ gì, nhưng chính mình đã gieo bao nhiêu cái nghiệp để phải chịu luân hồi cho đời sau.

--- o0o ---

04. Nghiệp Sát hại

Trong thế gian này thì quan niệm về thưởng phạt của thiện ác thay đổi tùy theo địa phương, hoàn cảnh xã hội, khoảng cách thời gian và giá trị đạo đức... Vì tất cả đều mang tính cách tương đối bởi vì cùng một hành động mà có người cho là đúng còn kẻ khác nói là sai. Những người lãnh đạo chánh quyền luôn luôn cố gắng tìm sự công bằng cho xã hội, nhưng thật ra từ xưa tới nay cái công bình do con người tạo ra bằng những khuôn mẫu pháp luật chỉ đạt được kết quả giới hạn mà thôi. Chẳng hạn như có một bộ lạc bán khai có tục lệ giết một trinh nữ mỗi năm để làm lễ tế thần. Mặc dù cô gái được chọn cũng cảm thấy vinh dự về sự hy sinh của mình và đối với họ hành động này là thiện trong khi những dân tộc khác thì cho hành động này là man rợ, độc ác. Một ví dụ khác là chúng ta rầy la con cái để chúng siêng năng học tập. Hành động này mới thấy thì có vẻ bất thiện, nhưng về sau nếu con của chúng ta trở thành người tốt thì việc làm của chúng ta ngày nay là việc thiện.

Có một câu chuyện thần thoại nói về sự phân biệt giữa thiện và ác. Lúc đó có hai ông tiên, một già, một trẻ xuống trần thăm dân cho biết sự tình: Địa điểm đầu tiên mà hai vị đi tới là một dinh thự nguy nga lộng lẫy để xin ngủ qua đêm. Nhà thì rộng mà chủ nhà chỉ cho tá túc ở dưới basement lạnh lẽo. Trên đường xuống nơi tạm nghỉ, vị tiên già thấy một lỗ trống trên tường nên dùng phép để lấp lại. Đêm kế tiếp, hai vị ghé căn nhà của một cặp vợ chồng nghèo sanh sống nhờ vào một con bò và khu vườn nhỏ. Cặp vợ chồng này tiếp đãi hai vị tiên nồng hậu. Hai vị tiên được mời ăn uống và họ nhường cái giường của mình cho hai vị tiên ngủ. Sáng hôm sau, khi mọi người thức giấc thì thấy con bò bị chết. Cặp vợ chồng khóc nức nở nhưng chẳng than Trời oán Phật chi cả.

Thế rồi hai vị tiên ghé một sòng bài để giải trí. Trong sòng bạc có một người đang say mê đánh bài. Lúc đó anh ta thắng liên tục với đồng tiền rất to trước mặt. Vị tiên già tới gần và vô tình đụng vào ly rượu trên bàn người đánh bài làm ly rượu rớt xuống đất bể tan. Người đánh bài tức giận mắng chửi vị tiên già rồi ôm đồng tiền bỏ đi và phàn nàn rằng: "Minh đang thắng mà tới phá phách làm cho người ta xui". Khi về đến thiên giới, vị tiên trẻ nói với vị tiên già bằng một giọng bức bối rằng: "Tôi chẳng hiểu đầu óc của anh đạo này làm sao ấy. Tưởng đi với anh để học được chuyện khôn ngoan, đạo đức nào ngờ thấy toàn là những chuyện trái tai gai mắt không à. Tại sao anh lại giúp tên nhà giàu bần tiện đối xử bạc đãi với anh em mình? Hấn cho anh em mình ngủ dưới hầm lạnh lẽo mà anh lại lấp lỗ tường dùm cho hấn? Còn cặp vợ chồng kia thì họ rất tử tế với mình mà anh không dùng quyền phép cứu con bò để họ làm kế sinh nhai? Còn chuyện người đánh bài đang thắng có đụng chạm gì tới anh đâu mà anh lại hắt ly rượu của ông ta xuống đất? Vậy là thế nào?"

Vị tiên già từ tốn và hiền hòa đáp: "Thấy vậy mà không phải vậy đâu chú ạ". Sự thật là như thế này: Thứ nhất, vì ông nhà giàu mà ích kỷ không biết thương người, không muốn tạo thêm phước đức nên mặc dầu có đồng vàng ở trong nhà mà cũng không hưởng được. Bởi vì trong lỗ hồng có giấu vàng mà hấn không tạo phước nên ta lấp lại cho hấn không thấy thì hấn không hưởng được. Như vậy phước đức chính là kho vàng trong nhà của mình đó mà không thấy. Chuyện thứ hai lúc ta đang ngủ trên giường của cặp vợ chồng nghèo khổ kia, ta thấy thần chết tới lấy mạng của người vợ nên ta đã cho thần chết con bò để thế mạng cho người vợ. Còn chuyện người đánh bài, vì cờ bạc mà ông ta vay mượn nhiều người làm cho vợ con đói khổ chẳng có tiền mua thức ăn. Ta thấy anh ta sắp thua trở lại nên làm cho anh ta "xui" để

anh ta đem tiền về đưa cho vợ mua thực phẩm cho gia đình và trang trải nợ nần.

Tuy con người có quan niệm khác nhau về sự thưởng phạt của thiện ác, nhưng Luật Nghiệp Báo thì lúc nào cũng đại diện cho sự công bình tuyệt đối vì đó là sự thưởng phạt công minh và không bị biến thiên theo hoàn cảnh. Thật vậy, những gì một người làm cho kẻ khác dựa theo luật Nghiệp Báo thì nó sẽ đền bù trở lại cho họ một cách công bình, chắc chắn và hợp lý.

Một thí dụ là có một tay buôn bán ma túy số lượng lớn bị bắt và bị kết án chung thân. Nói theo luật pháp thì hắn ta đã nhận lấy hậu quả của tội lỗi mình một cách thích đáng, nhưng còn Luật Nghiệp Báo sẽ đối xử với hắn ta ra sao? Sau khi chết hắn sẽ tái sinh vào một gia đình mà cha mẹ là những kẻ nghiện ngập ma túy nằm trong đường dây buôn lậu của hắn ta từ kiếp trước. Sau đó cha mẹ hắn ta phạm tội rồi bị tổng giam và hắn ta bỗng nhiên trở thành kẻ lêu lổng rồi biến thành người nghiện ma túy. Hắn cần tiền để thỏa mãn tính nghiện ngập nên đi cướp bóc và bị bắn chết. Tuy vậy cái nghiệp ma túy của hắn chưa hoàn toàn chấm dứt, nên nhiều đời sau hắn ta lại tiếp tục tái sinh vào những gia đình có người nghiện ngập. Cái sa đọa đau thương mà hắn đã gieo rắc cho kẻ khác đã trở thành cái màng nhện quấn lấy hắn ta trong nhiều kiếp luân hồi.

Thí dụ trên cho thấy cái bản án của luật pháp dành cho kẻ phạm tội không phản ánh trung thực được cái quả báo của Luật Nghiệp Báo. Rõ ràng Luật Nghiệp Báo chứng tỏ rằng kẻ vào tù chưa phải là đã trả xong nợ cũ bởi vì luật pháp xã hội của con người chỉ là một khía cạnh nhỏ mà Luật Nghiệp Báo mới thật sự biểu hiện một cách khách quan cho ân oán phân minh.

Chính Luật Nghiệp Báo rất phù hợp với lương tâm của con người nên không nhất thiết chúng ta là người Phật tử mới thấy nó hợp lý mà ngay cả những người không có khuynh hướng tín ngưỡng cũng chấp nhận sự thật của chân lý này. Họ tin rằng có một sự công bình mầu nhiệm chi phối đời sống của con người để người tốt sẽ hưởng được nhiều may mắn và kẻ ác tất nhiên phải gánh chịu nhiều tai vạ.

Mặc dầu Phật có dạy đời là biển khổ, nhưng trong nhân gian ai ai cũng cố bám vào sự sống. Có những người nghèo khổ, sông lây lất ở hè phố qua ngày không có mái nhà để che thân, còn kẻ khác thì vương bệnh hiểm nghèo mà họ vẫn xem sự sống là một cái gì thật vô cùng quý giá. Thế nên hành vi

tước đoạt mạng sống của kẻ khác được xem là sa vào một tội ác nghiêm trọng.

Nếu một kẻ giết người thì đối với luật pháp xã hội đôi khi có thể chỉ lãnh khoảng mười năm đến hai, ba mươi năm tù, nhưng Luật Nghiệp Báo sẽ quyết định về tương lai của hắn ta một cách công bình và hợp lý. Nếu trong khi bị giết mà nạn nhân khởi niệm căm thù và muốn trả oán thì những tư tưởng đó sẽ biến thành hành động cho đời sau và do đó chắc chắn người nạn nhân này sẽ trở thành thủ phạm ở đời sau. Một lần nữa Ý Nghiệp đời này sẽ chuyển thành Thân Nghiệp cho đời kế tiếp. Tuy nhiên có những trường hợp mà nạn nhân không có ý niệm trả thù bởi vì lúc đó họ chỉ chú tâm nghĩ đến người thân, tiền tài của cải ... hoặc có thể họ đạt được hạnh nhân nhục cao độ thì đời sau thủ phạm sẽ bị giết bởi một người khác hoặc có thể họ bị một tai nạn như lật xe, rớt máy bay, bị sét đánh...

Nếu có kẻ đã giết người quá nhiều thì quả báo dành cho họ là thường xuyên bị giết hại ở nhiều kiếp về sau. Tệ hại là có thể bị hãm hại khi còn ở trong bụng mẹ nhiều lần. Đây là ứng dụng vào những vụ phá thai. Thêm nữa, khi giết người chồng có nghĩa là người vợ và những đứa con sẽ bơ vơ, cô cút và nghèo khổ do đó cái quả báo dành cho tên sát nhân là đời đời sinh ra bị bỏ rơi, nghèo khổ, lang thang và dốt nát. Đó là chưa kể khi giết một người tức làm đổ vỡ những sự nghiệp của người đó đang cố gắng xây dựng thì quả báo dành cho tên sát nhân là thường xuyên gặp thất bại ở đời sau. Chưa hết, một người bị giết sẽ làm cho nhiều người thân đau khổ thì cái quả báo dành cho tên sát nhân là thường xuyên rơi vào tâm trạng tuyệt vọng đau khổ giống như những kẻ bị bệnh hoang tưởng tâm thần.

Tuy nhiên không phải kẻ giết người là phải hứng chịu lấy quả báo như nhau. Việc thọ nhận quả báo vẫn còn tùy thuộc rất nhiều tùy theo giá trị và hoàn cảnh của người bị giết. Chẳng hạn như người bị giết là một công dân lương thiện làm được rất nhiều lợi ích cho xã hội hay là một vĩ nhân thánh thiện như thánh Gandhi, người đã từng đem lợi ích lớn lao cho nhân loại thì quả báo mà thủ phạm phải trả là cực kỳ đau khổ. Hắn sẽ bị đày đọa hành hạ ở vô số kiếp, có khi làm súc vật bị đánh đập giết hại và có khi làm người bần tiện khốn cùng bị giết chết.

Ngược lại nhân viên cảnh sát trong lúc đang thi hành nhiệm vụ đã bắn chết một tên cướp nhà băng nguy hiểm đang gây án. Tên cướp này đã từng giết người cướp của gây kinh hoàng cho mọi người thì tội giết người trong trường hợp này không đáng kể. Chẳng những thế khi không còn tên cướp thì

xã hội sẽ được bình yên hạnh phúc vì thế anh cảnh sát sẽ hưởng thêm một số phước đức. Đây chính là sự công bình của Luật Nghiệp Quả.

Là người Việt Nam thì không ai quên được cuộc chiến kéo dài bao năm trên đất nước khổ đau này. Nếu người chiến sĩ chiến đấu ở tuyến đầu để bảo vệ sự an bình cho người dân ở hậu phương thì việc bắn giết là điều không thể tránh. Nhưng cái tội đó có thể được bù đắp bởi công lao đã giữ gìn cho sự yên ổn của rất nhiều lương dân ở sau chiến tuyến. Chỉ khi nào người chiến sĩ nằm trong quân đội đi xâm lăng nước khác thì lúc đó tội của anh ta mới lớn.

Sát hại con người thì như thế còn sát hại thú vật thì Luật Nghiệp Quả định đoạt như thế nào?

Khi giết một con vật thì nghiêm nhiên chúng ta đã tước đoạt sự sống của nó, do đó chính mình đã tạo nên nghiệp rồi. Nhưng tùy theo giá trị của con vật mà có sự phân biệt nặng nhẹ giữa tội và phước.

Khi con người nuôi súc vật để lấy thịt như bò, heo, gà, vịt...thì cái phước nhỏ ở đây là cung cấp thực phẩm cho nhân loại, nhưng cái tội lớn là giết hại biết bao mạng sống của con vật. Thêm nữa, con người càng ăn thịt thì họ sẽ sinh ra nhiều bệnh tật như đau tim, ung thư, nhiễm thú tính...vì thế họ đã gây ra một số tội nghiệp nữa rồi. Một cái phước nhỏ mà phải đổi lấy bao cái tội lớn thì Nghiệp Báo của họ sẽ khủng khiếp về sau. Trong xã hội hiện nay, chúng ta đôi khi nghe có người làm nghề giết thịt như mổ bò, heo, gà, vịt...Đến khi gần chết họ bỗng trở bệnh kêu la rên xiết như heo và thấy ảo ảnh có vô số thú vật đến cắn xé, đòi mạng. Ngay cả con cháu đứng kế bên đâu có thấy gì mà họ cứ gào thét. Thật là bi thảm. Khi mạng chung để chuyển qua kiếp sau thì chắc chắn họ phải đọa làm thú để chịu cảnh đau đớn khi bị mổ giết. Dù chỉ hành nghề trong một đời, mà đã giết hại quá nhiều thú vật nên họ phải đọa làm thú liên tiếp nhiều kiếp về sau để trả cho hết oan trái ngày xưa. Thân người mà phải đọa làm thú thì thật là thâm.

Vậy còn có những trường hợp nào khác mà con người sẽ bị đọa làm thú vật ở kiếp sau?

Thông thường những kẻ nào tạo những nghiệp thấp hèn, đê tiện làm mất nhân phẩm và giá trị sẽ bị đọa làm thân thú vật ở đời sau để gánh chịu sự khinh rẻ, coi thường.

Trước hết là phạm vào tà dâm, loạn luân và phá vỡ luân thường đạo lý của xã hội loài người. Nếu con người không thể kìm chế dục vọng của mình, tà dâm không tiết độ thì rõ ràng hạnh nghiệp tương đương với dục vọng của loài thú rồi.

Có người đời trước thọ nhận rất nhiều tài vật của người khác một cách bất chính như trộm cướp, giật nợ hoặc tu sĩ nhận cúng dường nhưng không giới hạnh cộng thêm với tư cách ích kỷ hèn kém thì kiếp sau họ sẽ bị đọa làm các loài lao động như trâu, bò, ngựa... để trả nợ. Còn nếu họ chỉ mắc nợ tài vật mà có tư cách tốt thì đời sau vẫn được làm người nhưng phải lao động quần quật để trả nợ. Do đó chỉ những tài sản được tạo nên từ công lao của mình một cách chân chính, dù ít hay nhiều, thì mới thật là thành quả đền bù của cuộc sống và sẽ không lo sợ trả nợ về sau. Đây mới là sự công bình thật sự trong cuộc đời.

Có người lòng dạ thật ích kỷ đã biến thành hành vi tranh giành cấu xé đồng loại không thương tiếc thì cũng giống như loài thú. Nhiều người vì quá ích kỷ chỉ nghĩ đến mình, không ngại dùng mọi thủ đoạn hiểm độc để bức hại kẻ khác để thủ lợi cho mình thì tư cách này chẳng khác chi loài thú chỉ biết sống theo bản năng ích kỷ, tranh giành. Hành vi giống thú thì quả báo đọa làm thú là điều không tránh khỏi.

Khi nóng giận, có người hay chửi mắng kẻ khác là trâu, bò, chó, heo... Lời nói ác độc này được lập đi lập lại nhiều lần trong suốt cuộc đời sẽ đủ sức kết thành quả báo đọa họ làm thân thú vật ở đời sau. Do đó ngậm máu phun người dơ miệng mình là như vậy.

Chó thì có chó Tây, chó Mỹ và chó Việt. Trong khi phần lớn chó Mỹ được cưng chiều, sung sướng còn chó Ta thì đói khổ mà còn bị con người làm thịt. Tại sao có sự bất bình đẳng này? Quả báo này có hai nguyên nhân, một là khi còn làm người ở đời trước thì nó có nhiều ân nghĩa với người chủ và đã giúp đỡ người chủ đắc lực mặc dầu nó đã gây ra một số nghiệp bỉ ổi, mất nhân phẩm. Do nghiệp kém nhân cách, nó phải đọa làm chó, nhưng do ân nghĩa lớn lao với chủ ngày xưa nên nó được cưng chiều như vậy.

Có người nói rằng cây cỏ, rau quả cũng có sự sống thì người ăn chay có mang tội sát sanh hay không?

Khi cắt một ngọn rau tức là chúng ta đã xâm phạm đến đời sống của sinh vật thì việc tạo nghiệp là hiển nhiên có nhưng rất nhỏ. Khoa học ngày nay chứng minh rằng thực vật cũng có phản ứng tâm linh, nhưng những phản ứng về

khả năng sinh tồn này quá thô thiển và đơn giản cho nên nói chung cây cỏ không có những dấu hiệu đau đớn khi chúng ta cắt cây, tỉa cành hay hái quả. Nếu một người suốt đời ăn chay, tiêu thụ rất nhiều rau quả thì cái cộng nghiệp này cũng không phải nhỏ, nhưng việc tu hành khiến họ làm rất nhiều điều phước thiện, giáo hóa để tăng trưởng đạo đức cho kẻ khác thì những cái phước này sẽ quá dư để bù lại cái tội kia.

Vào năm 1966, ông Backster, nhà bác học đã chế ra bộ máy điện tử để đo lường nói dối, đã làm một cuộc thí nghiệm chứng minh rằng khi sống cạnh nhau, cây cối để ý canh chừng nhau. Khi có một động vật chẳng hạn như con nhện tới gần tạo môi nguy hiểm thì cây cỏ quay sang canh chừng con nhện. Ngoài ra, cây cỏ còn có trí nhớ để nhận biết những chuyện phá hoại chúng và chúng còn biết thương yêu người chăm sóc và biết sung sướng khi người đó trở về.

Cây càng lớn và lâu năm thì năng lực tâm linh càng mạnh. Ở Việt Nam có những cây đại thọ mọc ở sau đình. Khi có người muốn đốn nó thì phản ứng tâm linh của cây đủ sức làm cho người kia mang bệnh mà chết, nhưng người dân không hiểu thì cho rằng động đến thần linh ở trên cây là tuyệt mạng. Như vậy đốn cây là tạo nghiệp còn việc trồng cây, bảo vệ rừng là một phước lớn.

--- o0o ---

05. Nghiệp quả và Tương diện

Trên thế gian này không một ai lại muốn mình xấu xí bao giờ, vì thế nếu có người sinh ra với dáng hình xinh đẹp thì hạnh phúc vui tươi còn kẻ khác có tướng mạo xấu xa thì lo âu buồn rầu. Thêm nữa, người có gương mặt khả ái thì dễ dàng thành công hơn trong vấn đề giao tế xã hội. Cũng vì tầm quan trọng về sắc đẹp nên hàng năm cộng đồng Việt Nam khắp mọi nơi thường tổ chức tuyển chọn hoa khôi để hãnh diện cho cộng đồng. Phái nữ thì thế còn phái nam phái thì cũng không khác biệt bao nhiêu, chúng ta thấy những tài tử nổi tiếng như Tom Cruise, Lý Tiểu Long, Trần Quang... thì người nào cũng thuộc hạng handsome boy cả.

Ngày Đức Phật còn tại thế, hoàng hậu Mallika có hỏi Đức Phật về nguyên nhân nào để được sanh ra đẹp xấu. Đức Phật trả lời rằng:” Người có tâm nhu hòa, nhẫn nhục sẽ được đẹp đẽ và kẻ có tâm sân hận sẽ chịu xấu xí”.

Theo quan niệm của Đức Phật thì nét đẹp được tạo nên từ một tâm lý đạo đức lúc nào cũng có giá trị hơn là chỉ có cái đẹp bên ngoài mà không có một giá trị đạo đức bên trong. Dựa theo Luật Nghiệp Quả thì chúng ta có thể gây ra nhiều nghiệp nhân khác nhau để cuối cùng nhận được một quả báo xinh đẹp. Nhưng sắc đẹp này chưa chắc là một nét đẹp chân thật, hiền hòa. Trong lịch sử nhân loại từ Đông qua Tây chúng ta thấy rất nhiều những người đàn bà tuyệt đẹp với nhiều thủ đoạn độc ác để chiếm đoạt quyền hành và gây sóng gió khắp nơi. Cái phước xinh đẹp được gây từ nhiều nhân tốt mà thiếu mất cái nhân đạo đức chân thật, vì vậy từ nơi cái phước xinh đẹp họ đạt được đỉnh vinh quang mà cũng gieo rắc đau khổ cho nhiều người khác.

Vì sự giả dối, tạm bợ và không bền chắc của sắc đẹp nên Đức Phật luôn luôn khuyên chúng sinh nên vun bồi cái đạo đức bên trong thì nó sẽ là nền móng căn bản cho sắc đẹp bên ngoài và đây mới chính thật là một sắc đẹp nhận hậu và bền vững.

Mỹ nhân trên thế gian này thì có đủ hạng. Có nét đẹp gây nên sự quý mến kính trọng trong sạch và cũng có nét đẹp gây nên sự ham muốn chiếm đoạt thấp hèn. Đôi khi chúng ta thấy có nét đẹp bày tỏ sự cao thượng từ tốn thì ngược lại cũng có nét đẹp lộ ra sự kiêu hãnh tự phụ. Có cô thì đẹp kín đáo và cũng có cô thì đẹp lẳng lơ. Phật dạy sở dĩ có sự khác nhau giữa các nét đẹp như thế bởi vì mỗi người đã gieo cho mình trong tiền kiếp những nghiệp nhân khác nhau. Nếu tự mình khéo gieo nhân, thì người ấy cũng có thể tạo cho mình một quả báo để có diện mạo đẹp đẽ về sau, nhưng nét đẹp đó không liên quan gì tới đạo đức. Do đó họ có thể là tuyệt thế mỹ nhân nhưng họ vẫn có thể là người ác. Gần đây nhiều bác sĩ tâm lý học đã đưa ra nhận xét là một người càng chú trọng tới việc trang điểm cá nhân nhiều chừng nào thì tâm địa càng hẹp hòi chừng ấy. Còn người đứng đắn là người chính tề, vừa phải và không se xua chung diện quá đáng. Sau cùng họ kết luận rằng một người có đôi mắt lẳng lơ cũng là người có tính tình độc ác hung dữ. Vì thế thói lẳng lơ hoa nguyệt với tính hung ác thường đi chung với nhau.

Đối với quan niệm của Đông phương thì chữ đẹp thường đi đôi với chữ duyên lý do là dầu cho người đó có đẹp cách mấy thì sắc đẹp đó chỉ có thể thu hút kẻ khác những lúc ban đầu nhưng không giữ được tình cảm lâu bền vì không có duyên. Chữ duyên nói lên cái gì ẩn dấu kín đáo bên trong mà làm cho người khác phải xiêu lòng vì thế người có duyên mới là người giữ được tình cảm tốt của người khác một cách bền bỉ lâu dài.

Người có duyên hiểu theo tinh thần đạo Phật là người đã từng kiên trì giữ giới hạnh, sắc son chung thủy với bạn đời, tín nghĩa với bạn bè, hiếu đễ với cha mẹ, trung hậu với chủ nhân và luôn cúng dường bố thí... Chính những cái phước duyên này đã kết tập để tạo cho họ một cái duyên ở đời sau làm cho mọi người quý mến họ mãi mãi. Do đó hầu hết các mệnh phụ phu nhân đều thuộc về hạng người có duyên này, còn các kỹ nữ thì phần lớn thuộc về loại đẹp mà vô duyên.

Nếu có những người tính tình hay thay đổi, lòng dạ không thủy chung, hiếu đễ chẳng tròn, chữ tín không giữ ngay cả phát tâm làm phước rồi bỏ cuộc nửa chừng sẽ cảm nhận quả báo vô duyên ở đời sau. Vì vậy dù sắc đẹp lộng lẫy đi chăng nữa, họ cũng chỉ chiếm đoạt được cảm tình của người khác trong thời gian ngắn mà thôi.

Cái duyên nó thường tiềm ẩn bên trong ánh mắt, làn da và phảng phất qua tiếng nói giọng cười vì vậy người vừa đẹp mà có duyên thì dĩ nhiên vừa được cảm tình của người mà còn được người quý mến.

Nói chung con người tạo nghiệp trong quá khứ thì hiện tại những chủng tử của nghiệp báo sẽ tác tạo cái hình dáng của người đó dựa theo những quả báo của họ. Chẳng hạn một người trong quá khứ từng làm nhiều điều phước thiện như bố thí, giúp đỡ người nghèo khổ, ban niềm vui hạnh phúc cho kẻ khác do đó khi qua kiếp này thì người đó sẽ trở thành một kẻ giàu sang sung sướng. Luật Nghiệp Báo không dừng lại ở đây mà còn an bài thêm cho họ một gương mặt vui tươi, bình tĩnh, miệng cười duyên dáng, dáng điệu khoan thai và sắc da tươi mát.

Trong thế gian, các nhà xem tướng số đã căn cứ vào hình tướng và sắc diện để đánh giá cuộc đời của một người. Chẳng hạn như người có tai to thì đại thọ còn kẻ có tai dầy là sung mãn về tài vật. Người có răng trong đẹp là phú quý còn kẻ có lông mày gần mắt là hẹp hòi. Kẻ có trán rộng là vinh hiển sớm còn người có mũi to đầy kín là tạo được sự nghiệp kết xù. Sự hiểu biết và chính xác của các nhà tướng số chẳng qua là khả năng nhìn kỹ vào sắc diện và thần tướng của con người mà thôi. Thí dụ nhà tướng số nói năm nay anh sẽ bị tai nạn, xui xẻo, nhưng nếu cố làm điều thiện có thể tai qua nạn khỏi. Khi trông thấy thân chủ có sắc diện bất thường, con người nóng nảy, mặt mày không nhân hậu thì trước sau cũng xảy ra tai họa mà thôi.

Nhưng sau một năm mà không thấy chuyện gì xảy ra thì nhà tướng số nói nhờ tu phước nên tai họa biến mất. Như thế thì đàng nào nhà tướng số

cũng nói đúng cả. Vì tướng mạo là biểu hiện của nghiệp do đó nếu nghiệp thay đổi thì tướng mạo chắc chắn sẽ đổi theo.

Ngày xưa có vị đại sư khi nhìn thấy những vầng đen trên trán của một đệ tử thì đoán rằng vận mệnh của người học trò này không thọ quá ba tháng nên cho phép người đệ tử được về quê thăm cha mẹ. Trên đường đi người đệ tử thấy một đàn kiến lớn sắp bị chết đuối ở bờ sông. Cậu ta bèn nhảy xuống sông dùng những khúc cây lớn để vớt từng nhóm kiến và sau đó đặt chúng lên bờ cho chạy đi. Sau khi về thăm và ở lại với cha mẹ ba tháng thì người đệ tử trở lại cửa thiền. Khi thấy người đệ tử còn sống trở về làm cho vị đại sư hết sức ngạc nhiên. Ngài quan sát tướng diện của cậu bé thì thấy những vầng đen trên trán đã biến mất không còn nữa và được thay bằng một làn da hồng hào tươi mát. Vị hòa thượng hỏi rõ ngọn ngành thì mới biết nghiệp thiện mà người đệ tử tạo ra đã cải đổi vận mệnh và thân tướng của người đệ tử này.

Một câu chuyện khác là có anh bán than nghèo khổ lang thang được thầy tướng số cho biết là tương lai sẽ chết đói vì có hai đường chỉ chạy xéo từ cằm lên mép miệng. Ngày kia anh bán than gặp một thiếu nữ đang ngồi khóc nức nở bên bờ giếng. Hỏi ra mới biết là cô đem vàng đi chuộc tội oan cho cha, nhưng chẳng may khi múc nước để uống thì cô đã đánh rơi túi vàng xuống giếng. Cô không dám xuống vì dưới giếng người ta nói có con rắn lớn rất hung dữ. Vì quá tuyệt vọng thiếu nữ muốn quyên sinh. Nghe xong anh bán than tự nghĩ trước sau mình cũng chết đói nên liều mạng leo xuống tìm được túi vàng cho cô gái. Nhờ đó gia đình thiếu nữ được phục hồi danh dự và quyền thế.

Khi gặp lại, nhà tướng số rất đỗi kinh ngạc nói với người bán than là tướng chết đói của ông ta đã biến mất mà thay vào đó là tướng công khanh phú quý rực rỡ huy hoàng.

Thật vậy, vì mang ơn cứu gia đình nên thiếu nữ đem anh bán than về dạy dỗ và kết nghĩa vợ chồng. Sau đó vì muốn tiến thân, cha thiếu nữ gởi gắm chàng bán than sang một người bạn khác để nhờ tiến cử. Trên bước đường tiến thân, anh bán than ghé vào thăm nhà tướng số cũ để tạ ơn. Nhưng vừa mới gặp, nhà tướng số lại bảo tướng chết đói lại hiện trở lại làm anh bán than tức giận bỏ đi.

Sau khi được làm quan, anh bán than đã đánh mất nhân cách, chỉ lo cường bức các cô gái đẹp nên bị triều đình hạ lệnh bắt về kinh trị tội. Quá sợ

hải, anh trốn vào rừng rồi chết đói cạnh một tảng đá. Người vợ đau khổ tìm chồng trông thấy xác chết cũng gục chết theo.

Khi liêu mình để cứu người khác là sự bố thí nội tài rộng lớn. Cái phước đức đó quá lớn đến nỗi chuyển hẳn tướng mạo và số mệnh để giúp cho anh bán than được công danh vinh hiển. Nhưng rồi, tư cách tham dục đã phá vỡ phước cũ để cho nghiệp chết đói đủ cơ duyên xuất hiện trở lại.

Như vậy, tướng mạo tùy thuộc vào nghiệp chứ không cứng nhắc cố

định. Nếu nghiệp thay đổi thì tướng mạo cũng đổi thay. Do đó hằng ngày nếu chúng ta luôn thực tập môn bố thí từ nội tài đến ngoại tài để cứu giúp mọi người thì chắc chắn tướng mạo và số kiếp chúng ta sẽ thay đổi một cách tốt đẹp viên mãn.

Nếu nghiệp đã in dấu lên diện mạo của một người thì nghiệp cũng in dấu lên thời điểm ra đời của người đó. Dựa vào ngày giờ năm sinh của một người mà môn tử vi được xuất hiện. Thật vậy vào cuối đời nhà Đường bên Tàu có ông Trần Đoàn đã khám phá ra phương pháp lập một lá số tử vi dựa vào ngày giờ năm sinh của một người. Nhân lúc chạy loạn ông có gặp một người đàn bà đang gánh hai đứa con nhỏ trong cái thúng. Thấy tướng diện khác thường của hai đứa bé, ông bèn hỏi về ngày và năm sinh của chúng để gieo một quẻ thì lá tử vi của chúng rơi vào mạng đế vương. Ông nói với mẹ của chúng là thằng bé sau này sẽ được làm vua và nếu được thế thì ông chỉ xin vùng núi Hoa Sơn này. Bà mẹ bán tín bán nghi nhưng cũng xé miếng vải đưa ông ta để làm tin. Quả thật về sau, hai đứa bé này tức là Triệu Công Dẫn và em là Triệu Công Nghĩa, trở thành vua và khởi nguyên cho nhà Tống.

Y như lời nguyện, nhà vua phong tặng cho Trần Đoàn vùng núi Hoa Sơn và từ đó ông ta nổi tiếng với danh hiệu là Hi Di Lão Tổ. Có hơn 100 ngôi sao sắp xếp quanh 12 cung và sự phối hợp của các ngôi sao nói lên tính chất đặc biệt của mỗi cá nhân. Thí dụ nếu sao Thiên Quý đóng tại cung Sửu, Mùi thì người đó sẽ là anh hùng trong thiên hạ... Nhưng nếu nhìn kỹ lại thì tử vi chỉ chú trọng vào quả báo mà không để ý đến nghiệp nhân, bởi vì một khi quả báo hiện diện tức là nghiệp nhân đã có mặt rồi. Nếu lá số tử vi nói rằng người đó giàu sang thì có nghĩa là người này đã từng bố thí rất nhiều trong quá khứ.

Còn nếu lá tử vi nói rằng anh kia sẽ gặp thất bại thì anh đó có tính xấu, hẹp hòi và ít kiên nhẫn. Thật ra ngày nay khoa tử vi không còn được xem là

khoa học huyền bí nữa vì nó không thể giải thích từng trường hợp của mỗi người một cách suông sẻ và hợp lý. Thí dụ trên thế giới hiện giờ có trên 6 tỷ người, mà nếu dựa vào một ngày giờ năm sanh nhất định thì có được 512,000 lá số tử vi cho tất cả mọi người. Nếu sinh cùng giờ thì, năm thì thì có biết bao người trùng lá tử vi, nhưng có người thì sung sướng sao có kẻ lại khổ đau thì lá tử vi này đâu còn đúng được. Để giải thích sự sai lệch này, các nhà tử vi lý luận rằng ngoài ngày giờ năm sanh, lá tử vi còn tùy thuộc vào phước đức của họ và gia đình của họ. Thế thì nói đi nói lại thì mọi sự tiên đoán của tử vi cũng chỉ dựa vào Luật Nghiệp Quả của nhà Phật mà thôi.

--- oOo ---

06. Nghiệp quả và Sức khỏe

Chúng ta hiện tại đang sống trong thế kỷ 21, nói thế có nghĩa là khoa học kỹ thuật tiến bộ ngày nay có thể giúp cho con người kéo dài thêm tuổi thọ. Theo thống kê mới nhất thì khoảng từ 20 tới 30 năm nữa, số người sống quá 100 tuổi ở Hoa Kỳ sẽ tăng lên vài triệu người. Dựa theo khoa học thì một số người sống lâu mà chúng ta gọi là những người có phước vì họ đã được thừa hưởng các gene, tức là phân tử di truyền, của tổ tiên nên có sức khỏe rất tốt. Vì khả năng đề kháng của cơ thể rất cao cho nên tiến trình lão hóa đến với họ rất chậm. Chưa hết, khả năng kháng tố của họ cũng rất cao do đó vi trùng vừa xâm nhập vào cơ thể của họ liền bị tiêu diệt ngay. Hiện tại con người rất quan tâm đến lượng mỡ trong máu (Cholesterol), nhưng đối với họ đâu có ăn nhiều mỡ vẫn được cơ thể chuyển hóa và đốt đi. Điều đặc biệt là các ADN luôn điều hòa không cho những tế bào phát sinh bừa bãi để tạo thành u bướu, ung thư mà trái lại còn làm cho họ ăn ngon ngủ kỹ.

Nhưng không phải ai cũng may mắn như loại người phước đức trên. Đối với loại người kém may mắn thì các gene gây bệnh tật đã tiềm ẩn từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Khi cơ duyên đến thì chúng sẽ phát ra những bệnh di truyền khó trị gây đau thương khổ sở cho con người.

Nhưng nếu một người thường hay dùng sức lực để giúp đỡ mọi người hoặc thường xuyên chăm sóc sức khỏe cho người khác thì những thiện nghiệp này sẽ được quả báo thành những cái gene di truyền vô cùng đặc biệt để tự bảo vệ mọi sự xâm nhập tai hại từ bên ngoài. Những người này sẽ sống một cuộc đời khỏe mạnh và sẽ chết một cách êm ái không đau đớn.

Nghiệp đời trước sẽ quy định khiến cho con bệnh của mỗi người dễ dàng chữa trị hay dây dưa đau đớn. Vì nghiệp còn nên cho dù họ có đi tìm

thầy từ nơi này sang nơi kia mà bệnh vẫn không lành. Đến lúc nghiệp đã hết khiến họ vô tình ăn phải thức ăn có dược tính và bệnh khỏi một cách bất ngờ. Hoặc đến khi phước đã đủ, họ mới gặp được thầy thuốc giỏi để chữa cho lành bệnh.

Vì thế, nếu nghiệp chưa hết cho dù có tìm thầy thuốc hay, nhưng nghiệp đã khiến cho tâm trí người thầy không trong sáng làm cho ông chẩn bệnh sai và kết quả là bệnh không lành.

Nhắc lại tôn giả Tu Bồ Đề một hôm sắc thân tứ đại bỗng nhiên bất hòa làm cho thân tâm tôn giả cảm thấy mệt mỏi không an. Đã là một vị thánh với sức tu hành thâm hậu mà vẫn còn có bệnh sao? Thật ra Tu Bồ Đề đã chứng thánh quả thì tinh thần của tôn giả đã giải thoát, nhưng sắc thân hữu vi là của pháp thế gian thì tất nhiên tôn giả phải gánh chịu luật sanh, lão, bệnh, tử của thế gian. Khi tôn giả thấy bệnh trong mình trầm trọng thì Ngài dùng thiền định để quán tưởng cái bệnh từ đâu mà ra. Ngài nói:

- Nguyên nhân gây ra bệnh là vì các nghiệp báo quá khứ đến thời kỳ phải trả hay là chướng duyên của đời hiện tại. Nếu như vậy thì thuốc men chẳng thể nào trừ tận gốc được. Chỉ tin sâu vào luật nhân quả là phải sám hối tội nghiệp và tu tập thiền quán thì từ tâm không khổ và sau đó khiến thân hết khổ.

Tu Bồ Đề thiền quán và chánh niệm như thế thì lập tức cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng tự tại và không còn chút bệnh nào cả.

Nghiệp thì biến chuyển đa dạng, có lớn có nhỏ vì thế mỗi nghiệp sẽ tạo ra thành một loại bệnh khác nhau. Nghiệp nhỏ thì bệnh nhẹ còn nghiệp lớn, nghiệp dữ thì phải gánh chịu bệnh nan y...

Nếu có người nghe thấy kẻ gặp hoạn nạn mà làm ngơ thì quả báo trở lại là tai điếc, mất mù.

Với người hay cự nự, cần nhằn, gây rắc rối làm cho người khác lo lắng bất an, quả báo trở lại là thần kinh căng thẳng, khó ngủ và xao xuyên.

Với người sát sinh thú vật làm chúng đổ máu, sau khi trả những nghiệp chính, nghiệp phụ còn lại là dáng người xanh xao, thường hay thiếu máu.

Vì con người bình sinh tạo vô số nghiệp, đến lúc quả báo nhận lãnh vô số bệnh làm cho thân tâm khó bề yên ổn. Bệnh là do nghiệp mà ra nên khi

chúng ta chưa dừng tay tạo nghiệp thì bệnh không bao giờ hết. Dầu khoa học ngày nay có tiến bộ, văn minh đến đâu chẳng nữa, thế gian cũng xuất hiện những căn bệnh nan y mới, chẳng hạn như bệnh AIDS hay dịch cúm gà, để thử thách đỉnh cao trí tuệ và đạo đức của con người.

Trong những năm gần đây thì bệnh dịch cúm gà xảy ra ở Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan... đã làm cho thế giới hết sức quan tâm vì con siêu vi khuẩn cúm gà có tên là H5N1 rất nguy hiểm có thể giết hàng triệu người trong tương lai nếu con người không tìm ra phương cách để chống lại nó. Con siêu vi trùng H5N1 dựa theo 2

loại bạnh đản (proteins) để phát triển. Loại protein thứ nhất là hemagglutinin có nhiệm vụ giúp siêu vi trùng dính vào màng tế bào cơ thể và là cơ nguyên nhiễm siêu vi trùng vào tế bào và loại protein thứ hai là neuraminidase giúp siêu vi trùng mới vừa sinh sản thành lập trong tế bào ra khỏi được tế bào. Lý do các khoa học gia đặt tên siêu vi trùng cúm gà H5N1 là bởi siêu vi trùng này có 5 protein hemagglutinin và 1 protein neuraminidase.

(Trích từ Journal of Virilology, Feb 15, 2006).

Ngoài những bệnh về thể chất, yếu tố tinh thần được xác nhận là một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Với người có nội tâm thanh tịnh thì thân thể sẽ khỏe khoắn hơn và do đó những bệnh thuộc về thân cũng giảm mức độ tác hại hơn. Ngược lại, người có tâm lý bất ổn như nóng nảy, ganh ghét, tham lam, hay buồn bã... thì sẽ làm tăng nhanh một số bệnh của cơ thể. Con người sống trong một xã hội càng văn minh tân tiến thì sự căng thẳng về tinh thần (stress) càng cao và đó chính là nguyên nhân gây ra bệnh tật cho cơ thể.

Thật vậy, khi hệ thần kinh trung ương bị suy yếu bởi stress, nó sẽ không còn làm đúng chức năng điều hòa cơ thể và dĩ nhiên nhiều bệnh sẽ được phát sinh. Tôn chỉ của đạo Phật là làm cho tâm được thanh tịnh, nhưng muốn đạt đến trình độ này, con người phải cố gắng loại bỏ mọi phiền não, chấp trước. Mà cội nguồn của phiền não chính là tham, sân, si. Ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu:” Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài liền ngộ đạo. Ngày nay nếu chúng ta đừng để tâm mình dính mắc ở nơi sắc trần thì tâm sẽ thanh tịnh. Lục căn không chạy theo lục trần thì tâm không còn dính mắc, có nghĩa là sức quyến rũ của lục trần không lay chuyển được thanh tâm của chúng ta.

Nói một cách khác nếu muốn tâm linh không còn căng thẳng thì con người đừng chạy theo dục vọng một cách mù quáng bởi vì càng thọ thì càng khổ. Cấu trúc xã hội ngày xưa là con người hưởng những gì mình có, có ít thì xài ít mà có nhiều tiền thì tha hồ mua sắm, còn bối cảnh xã hội ngày nay là cứ xài trước rồi sẽ trả sau. Mặc dù khả năng tài chánh của mình không cho phép, nhưng vì sự dễ dàng của thẻ tín dụng khiến cho giới tiêu thụ dễ dàng sa vào cạm bẫy. Do đó chính mình tự tạo lấy bao nỗi buồn phiền vì nợ cũ chưa trả xong thì nợ mới đã đến. Một khi tài chính không ổn định thì chuyện gia đạo như vợ chồng, con cái sẽ trở thành bất hòa và rắc rối. Đây chính là căn nguyên của sự căng thẳng về tâm linh.

--- o0o ---

07. Nghiệp quả và Tài năng

Trên thế giới hiện nay có trên 6 tỷ người, nhưng khoa học chứng minh rằng cấu trúc não bộ của mỗi người hoàn toàn khác nhau cho nên trí thông minh cũng không đồng đều. Trong xã hội, có người sáng suốt cũng có kẻ ngu si. Có người thích âm nhạc còn kẻ khác giỏi về kinh doanh. Đôi khi có những thần đồng siêu việt về toán học hoặc có thể nói được nhiều thứ tiếng khi mới lên 3 tuổi.

Năm 1955 hai nhà vật lý học Anh Quốc Louis Essen và Jack Parry đã phát minh ra cái đồng hồ nguyên tử đầu tiên bằng cách đo lường sự rung động của ánh sáng phát sinh từ chất nguyên tử Cesium. Cái đồng hồ này rất chính xác với độ sai biệt là một giây trong 300 năm.

Năm 1894 một thiếu niên rất trẻ người Ý tên là Guglielmo Marconi đã dùng làn sóng của điện từ trường để gởi những tín hiệu qua không gian và đây là sự phát minh cho cái radio đầu tiên.

Nhà Bác học Einstein đã chứng minh thuyết Tương đối vào lúc mới 25 tuổi trong khi rất nhiều khoa học gia ngày nay chưa chắc đã hiểu hết về thuyết này.

Vậy những nhà bác học, học giả... thì chúng ta gọi họ là những người trí thức. Như thế thì trí thức và trí tuệ khác nhau ở chỗ nào?

Theo nghĩa thông thường thì nhà bác học là người nghiên cứu, nghiền ngẫm, phân tích và phát minh thêm những sáng tạo mới cho nhân loại, còn học giả là người lượm lặt những hiểu biết của người khác. Họ thu

góp những cái hay, cái đẹp, cái lạ của người rồi cho đó là kiến thức của mình. Sau cùng trí thức là do ý thức nhanh nhẹn khéo léo, so sánh phân biệt, nhận định tường tận làm cho người nghe dễ nhận dễ hiểu. Như vậy những nhà bác học, học giả hay trí thức đều nhắm vào những điều kiện vật chất để kiến tạo, vun bồi cho đời sống thêm sung túc, tốt đẹp và giàu có hơn. Nhưng tất cả việc làm của họ đều thuộc về pháp sanh diệt của thế gian mà thôi, có nghĩa là được rồi sẽ mất.

Còn chúng ta là người học Phật thì lấy trí tuệ làm gốc. Mà trí tuệ có hai loại là trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu.

1) Trí tuệ hữu lậu chính là Văn, Tư, Tu. Văn là học những lời dạy của Phật để thấy được chân lý về sự liên quan của con người và vũ trụ. Tư là tư duy, suy nghĩ và nghiền ngẫm để thấy rõ những chân lý của Phật một cách chính xác. Còn Tu là ứng dụng, thực hành những chân lý của Phật dạy để tâm không còn ô nhiễm và dính mắc các pháp sinh diệt ở bên ngoài. Tuy nhiên trí tuệ hữu lậu vẫn còn rơi rớt trong vòng sanh tử luân hồi.

2) Trí tuệ vô lậu chính là Giới, Định, Tuệ. Giới là khuôn vàng thước ngọc giúp cho chúng ta đi đúng con đường chánh đạo. Có giới mới sanh định, có nghĩa là những ý thức lăng xăng được lắng xuống và từ định mới sanh trí tuệ. Cái trí tuệ này không phải do học mà có, nhưng nó chính là sự tạo thành bởi sức công phu tu tập bền vững. Trí tuệ này chính là trí tuệ chân thật và cũng chính là tánh giác của chúng ta. Nếu chúng ta biết sống với cái tánh giác chân thật này thì sẽ không còn tạo nghiệp và dĩ nhiên là sanh tử luân hồi cũng vì thế mà dừng.

Tóm lại, người thông minh trí thức ở ngoài đời là do khả năng lược lặt của người làm của mình, nhưng không có gì thật là của mình cả. Còn người tu Phật là phải gạt bỏ tất cả những thứ bên ngoài để cho tâm được trong sáng và khi đó tánh giác sẽ hiện bày. Như vậy, nền giáo dục của thế gian là thu vào, thu vào càng nhiều thì càng thông minh trí thức, còn người tu Phật thì phải bỏ ra, càng bỏ ra thì tâm càng thanh tịnh và tánh giác mới hiện bày. Đây mới chính là trí tuệ chân thật có sẵn trong tất cả mọi người.

Tùy theo nghiệp đời trước, sự cấu trúc não bộ của mỗi người cũng khác nhau. Do đó chính nghiệp đã chi phối sự phối hợp cũng như phân chia các phân tử di truyền (gene) và các tế bào của não bộ đã dựa vào các gene này để phát triển. Trong hệ thống não bộ có hai loại quả báo để tạo thành tài năng của con người:

1) Đây là loại quả báo tạo thành tế bào não bộ để có một khả năng thông minh nhất định, tức là cái vốn có sẵn.

2) Loại quả báo này tạo thành môi trường giáo dục để chuyển hóa tư tưởng của họ trở thành người tốt hay xấu.

Nếu phối hợp hai quả báo này với nhau thì tài năng của một người được hình thành.

Thí dụ như có những người được phước thông minh nhưng không có phước về học vấn nên tài năng bị hạn chế. Ngược lại, có người tuy kém thông minh, nhưng được ở trong môi trường giáo dục tốt, gặp thầy giỏi, cha mẹ và anh chị chăm sóc dạy dỗ tận tâm nên cũng trở thành người giỏi.

Mặc dù não bộ con người đã hình thành xong từ khi còn nằm trong bụng mẹ, có nghĩa là nghiệp quả đã quy định xong mức độ thông minh của từng người, nhưng trên thực tế thì cái thông minh của họ cũng bị thăng trầm tăng giảm tùy theo duyên nghiệp. Vào những giai đoạn phước lành xuất hiện, người đó bỗng nhiên sáng suốt lạ thường do đó trí thông minh được tăng trưởng đến cực độ khiến họ trở thành người tài giỏi. Đến khi phước đã hết thì cũng con người đó mà họ trở thành lú lẫn mờ mịt, không thể nhìn xa thấy rộng và dĩ nhiên dễ đi vào con đường thất bại.

Trường hợp điển hình là khi thời vận tốt, tức là phước đức đang đến, thì doanh gia tiên đoán trước sự thay đổi của thị trường để đầu tư thích hợp và đạt được thành công lớn. Đến khi phước đã hết, họ tiên liệu sai lầm và đầu tư không đúng chỗ thành thử bị phá sản.

Thời Tam quốc bên Trung Hoa khoảng 200 năm sau Tây lịch, Khổng Minh Gia Cát Lượng là một nhân vật siêu phàm, trí tuệ không ai sánh kịp.

Chẳng những là một quân sư đại tài, ông còn là một anh hùng trung liệt cố giúp cho Lưu Bị phục hồi nhà Hán. Ông mưu tính như thần lại có kiệt tài giúp sức thì tại sao sáu lần ra Kỳ Sơn để đánh nhà Ngụy của Tào Tháo và Tư Mã Ý vẫn không thành đạt? Biết mạng mình sắp hết, ông lập đàn cúng sao để cầu được sống thêm 10 năm nhưng không được nên sau cùng thốt ra câu: "Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên!". Tại sao ông trời không chịu lòng Khổng Minh? Nhà Hán làm vua trên 400 năm thì cái phước đức do tiền nhân tạo ra đã hết. Một triều đại kéo dài như vậy thì có rất nhiều vị vua không nhân từ, tạo nhân dữ nhiều hơn nhân lành khiến lòng dân ta oán. Khi phước đức nhà Hán đã cạn thì dầu có mưu Khổng Minh giúp cũng vẫn thất bại như

thường. Vì thế nếu Khổng Minh có tái sinh thì nhà quân sư đại tài này sẽ nói lại rằng:”Lượng sự do tâm, thành sự do nghiệp” là đúng.

Khi duyên đã đến, Luật Nghiệp Quả tức thì chi phối tận trong tâm thức sâu kín của con người khiến họ dự tính hay hành động tương ứng với nghiệp mà họ đã tạo thành. Chẳng hạn khi quả báo lành xuất hiện, nó thúc đẩy tâm con người khởi ra những dự tính khôn ngoan và chính xác do đó họ nỗ lực hành động và dĩ nhiên là sẽ thành công. Ngược lại khi quả báo dữ xuất hiện, nó thúc đẩy tâm con người mưu tính chuyện trật đường rầy để họ rơi vào chỗ thất bại.

Thật vậy chính cái phước trong quá khứ xa xăm đã tạo ra những cái sáng suốt kỳ diệu trong hiện tại khiến họ suy nghĩ đúng và dĩ nhiên họ sẽ hành động đúng. Phước đức càng to thì khả năng thành công càng lớn khiến họ trở thành giàu có.

Như vậy tất cả những phước nghiệp như bố thí, cúng dường, giúp đỡ người nghèo khó, bênh vực kẻ thế cô, săn sóc người bệnh tật... đã góp phần tạo ra trí sáng suốt cho những đời sau. Nhưng nếu phước nghiệp được kết tạo liên tục lâu bền thì họ sẽ nhận được tính thông minh mãi mãi. Còn nếu phước nghiệp được tạo theo kiểu “văn nghệ” có nghĩa là lúc thích thì làm, lúc chán thì thôi, thì đời sau họ có được một trí thông minh cũng “văn nghệ”. Đó là lúc thì khôn ngoan mà cũng có khi thì khờ khạo.

Trong kinh Bốn Sanh có câu chuyện Đức Phật kể về trưởng lão Cella Panthaka. Trong những đời quá khứ, trưởng lão là một người học nhiều hiểu rộng, nhưng vì tự cao về tài trí của mình nên trưởng lão đã cười khinh bỉ một huynh đệ thiếu thông minh khiến vị đó buồn tủi mà không thể tiếp tục học tập kinh điển. Vì gây nghiệp như thế nên khi sanh vào thời Đức Phật, trưởng lão phải chịu quả báo làm người đàn độn một thời gian, cho đến một bài kệ ngắn cũng không thuộc nổi. Đến khi nghiệp hết, Đức Phật dùng phương tiện khai ngộ khiến cho trưởng lão chứng được quả vị A La Hán. Như vậy, khi nghiệp liên đới không còn thì sự thông minh uyên bác phát triển mãnh liệt khiến cho trưởng lão trở thành một người biện tài thuyết pháp vô ngại làm cho đại chúng kinh ngạc thán phục vô cùng.

Chính thái độ khinh thị người dở của trưởng lão Panthaka khiến cho Ngài chuốc lấy quả báo kém tài năng. Nhưng thói đời thì con người lúc nào cũng thế, chúng ta luôn kính phục trước bậc kỳ tài và coi thường kẻ kém cỏi. Sự kính trọng bậc kỳ tài tạo ra quả báo tốt về sau, trong khi khinh thường người

dở cũng tạo quả báo bất lợi cho mình. Như vậy con đường hạnh phúc viên mãn là chẳng những chúng ta luôn kính trọng người có tài mà lúc nào cũng giữ được sự thương mến với kẻ kém cỏi. Có như thế thì chắc chắn sẽ tránh được quả báo xấu về sau.

Một tính chất đặc thù khác của Luật Nghiệp Quả là con người từ những đời trước đã tạo những nghiệp nhân khác nhau cho nên quả báo họ có các năng khiếu sai biệt cho đời nay mà có người gọi là năng khiếu bẩm sinh. Đó là trường hợp có người chỉ thích âm nhạc, còn kẻ khác lại say mê về khoa học, chính trị, lịch sử hay võ thuật... Chẳng hạn như có người hiện tại rất say mê âm nhạc tức là người đó đã tạo cho mình một năng khiếu âm nhạc cho kiếp sau. Nhưng không có nghĩa là người đó có thể mang cái say mê âm nhạc sang đời sống kế tiếp. Cái say mê âm nhạc bây giờ chính là Ý Nghiệp mà họ đã tạo ra và chính cái ý nghiệp này sẽ tạo thành nhân cách của họ cho đời sau mà thôi. Thí dụ một vị bác sĩ hành nghề mà thiếu lòng vị tha, chỉ tìm cách làm giàu, có nghĩa là Ý Nghiệp xấu sẽ bị Quả báo nhân cách xấu, thì quả báo đời sau nghiệp y khoa họ vẫn còn đeo đuổi nhưng không còn là bác sĩ mà trở thành y tá. Ngược lại một y tá bình thường nhưng tâm hồn quảng đại, tận tình chăm sóc cho bệnh nhân thì kiếp sau nghề nghiệp tăng trưởng người ấy sẽ trở thành vị bác sĩ giỏi.

Vậy tài năng của con người là sự kết tập từ vô số nghiệp nhân của tiền kiếp và tất cả chỉ được phát triển nếu họ có tâm hồn vị tha và quảng đại.

--- o0o ---

08. Nghiệp quả và Nhân cách

Trong lịch sử của nhân loại, có những vĩ nhân và các bậc đại thánh mà nhân cách của họ đáng được truyền tụng ngàn đời như Đức Phật, Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Gandhi... Chẳng những thế, trong lịch sử của mỗi quốc gia cũng có những nhân vật xuất chúng với lòng yêu nước nồng nàn và những chiến công hiển hách lẫy lừng để giữ gìn đất nước và xây dựng quê hương. Không ai quên được một anh hùng áo vải Lam Sơn Lê Lợi, ba anh em nhà Tây Sơn Nguyễn Huệ đã phá hàng vạn quân Thanh, Đức Thánh Trần Hưng Đạo trên sông Bạch Đằng... Trong lãnh vực khoa học còn có những nhà bác học đã cống hiến cả cuộc đời cho nền văn minh tiến bộ của nhân loại với lòng kiên trì không mệt mỏi như bà Marie Curie, Pasteur, Einstein...

Mặc dù không cùng chung nòi giống và ngôn ngữ, nhưng tất cả những vĩ nhân trên toàn cầu đều là những người vừa có công lao lớn đối với nhân loại và vừa có nhân cách cao cả khả kính.

Ngoài những nhân cách siêu phàm đó, cũng có những hạng người tầm thường chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, hành vi nham hiểm, ác độc, lừa đảo và tính tình nóng nảy, cố chấp, hẹp hòi...

Thông thường con người vì quyền lợi mà xâu xé, chém giết lẫn nhau. Một khi ác tâm đã bám sâu vào trong tiềm thức thì nó sẽ biến thành hành động xấu xa tội lỗi làm mất hết cả nhân cách. Bởi vì ý là nhân mà hành động là kết quả. Thật vậy, Ý có muốn làm thì thân và khẩu mới có sự thực hiện, do đó Ý Nghiệp đã gây trong tiền kiếp thì quả báo của Thân Khẩu Nghiệp trong đời này. Vậy nhân cách của con người đời này là do Ý Nghiệp của đời trước chuyển đến mà thôi. Nói một cách khác, một nhân cách tốt thì trong tương lai của kiếp này hay kiếp sau chắc chắn sẽ tạo ra những hành động tốt. Những người thường nuôi dưỡng những hoài bão cao thượng, chắc chắn sẽ làm được những hành vi cao cả. Vì sự lợi ích của hành động tốt, hành vi cao cả cho nên trau dồi nhân cách là một việc làm vô cùng quan trọng cho tất cả mọi người. Tự trau dồi nhân cách cho mình cũng chưa đủ mà chúng ta cần phải giúp đỡ mọi người chung quanh xây dựng nhân cách của họ.

Chiêm ngưỡng đôi mắt từ bi của Phật, ngưỡng mộ phong thái trầm mặc của một bậc thánh sẽ gây cho chúng ta một tấm lòng từ bi, một phong thái trầm mặc ở mai sau. Vì thế, nếu chúng ta đọc nhiều về các giai thoại đạo đức của các bậc thánh, của các danh nhân thì trong tâm sẽ khởi lên sự kính ngưỡng và đây chính là nguồn gốc tạo thành nhân cách tốt đẹp cho chúng ta về sau.

Ngược lại, các tội phạm bị giam giữ lâu ngày thì họ chỉ chứng kiến vô số chuyện tội lỗi, lừa đảo và giết hại lẫn nhau. Định luật sinh tồn xác định kẻ có sức mạnh và mưu mô xảo quyệt là kẻ thắng. Hàng ngày những tay anh chị phô trương những thành tích rùng rợn của mình để cho kẻ khác nể phục. Càng thán phục mấy tay anh chị gan lì, ác độc và ích kỷ càng tạo cho họ những nhân cách ghê tởm về sau. Do đó khi hòa mình chung sống trong một môi trường tội lỗi như thế, chẳng có mấy ai sau khi mãn tù về sẽ trở thành một kẻ lương thiện. Vì thế, trại tù sẽ không bao giờ là nơi làm cho con người được thuần lương cải hóa. Chỉ có sự giáo dục chân chính mới có thể thay đổi được nhân cách và giúp cho họ hoàn lương để trở thành một người tốt. Ngày

xưa Quán Trọng từng nói:”Lễ Nghĩa Liêm Sĩ là bốn giềng mối của quốc gia. Nếu bốn giềng mối không giương ra thì quốc gia tất phải diệt vong”. Rất tiếc ngày nay từ trong học đường đến xã hội, con người không còn quan tâm về triết lý chân thật này để có một xã hội công bình, trật tự, an vui và hạnh phúc.

Lúc còn bé, nhà của mẹ thầy Mạnh Tử ở kế một nghĩa trang nên hàng ngày thấy người than khóc, đưa đám ma thì thầy cũng mua sắm đồ vật và làm y như vậy. Khuyên can cách mấy, thầy vẫn không thay đổi, sau cùng bà mẹ quyết định bán nhà để dọn tới gần một trường học. Thấy lũ trẻ chăm chỉ học hành, thầy cũng tận tụy noi theo và về sau trở thành một nhà hiền triết rất nổi tiếng về trọng đạo lý, nhân nghĩa và khinh danh lợi của Trung Hoa. Vì thế cô nhân nói gần mực thì đen gần đèn thì sáng quả không sai.

Nhân cách là do nghiệp tạo thành, nhưng nghiệp thì có thể thay đổi vì thế nhân cách của con người cũng theo đó mà đổi thay tùy theo môi trường sinh sống của họ. Thật ra không dễ gì một người có thể vượt qua những ngã chấp để đạt được một tâm đại bi vô lượng để giúp đỡ và thương yêu khắp mọi người. Nhưng nếu họ cố gắng kiểm soát tâm lý tham lam ích kỷ của mình để có thể nhận xét thật kỹ lưỡng tất cả mọi ý tưởng và hành động của mình có ẩn chứa một mưu tính, một sự trục lợi nào không. Nếu không thì tâm đại bi đó sẽ từ từ phát khởi trong tâm họ và đây chính là phương cách chân thật để hoán chuyển thành một nhân cách tốt đẹp hơn.

Nên nhớ người có nhân cách tốt là những người có tâm hồn cao thượng, có nghĩa là việc họ làm có lợi ích cho chúng sinh chứ không phải cho riêng họ. Bỏ vị kỷ để đổi lấy vị tha là tạo thiện nghiệp và lợi ích cho chúng sinh tức là lợi ích cho chính mình sau này vậy. Phật dạy rằng:”Không có gì hạnh phúc bằng tâm hồn yên tịnh”. Thật vậy, khi tâm hồn không bị tham lam, sân hận, si mê chi phối thì con người sẽ sống vô cùng bình tĩnh và sáng suốt. Đây chính là hạnh phúc cao thượng nhất. Và sau đó khi được hỏi: “Con đường nào dẫn đến Niết Bàn”, Đức Phật trả lời:” Đó là Giới, Định, Tuệ”. Tại sao? Bởi vì Tham thì phá Giới, Sân thì phá Định và Si thì có thể phá Tuệ. Còn nếu giữ được giới thì tâm sẽ an định, mà khi tâm đã được định thì trí tuệ sẽ phát sinh. Vì vậy có trí tuệ tức là thấy được Niết Bàn.

Thời Đức Phật còn tại thế, có nhóm tu khổ hạnh có tên là Jainism và người đạo sĩ thì gọi là Nigantha. Nhóm này chủ trương là con người không thể phát triển đức dục và trí dục nếu chưa trả hết những hậu quả bất thiện của tiền nghiệp. Vì vậy tôn giáo này dạy tín đồ của họ phải thực hành khổ

hạnh để sớm thoát khỏi ảnh hưởng của tội lỗi mà họ đã làm trong những kiếp quá khứ. Trong Trường Bộ Kinh có kể rằng:

Khi vị đạo sĩ Dighà đến chào hỏi Đức Thế Tôn và an tọa thì Đức Phật hỏi đạo sĩ rằng:

- Này đạo sĩ, trong đạo Nigantha thì vị giáo chủ Nàtaputta dạy có bao nhiêu loại nghiệp?

- Bạch Đức Cư Đàm, trong đạo chúng tôi, vị giáo chủ Nàtaputta không hề nói đến cái nghiệp, nhưng chỉ dạy về cái tội mà thôi.

- Vậy có bao nhiêu tội? Đức Phật hỏi:

- Bạch Ngài, tội có 3 loại: tội do thân, do khẩu và do ý.

- Trong ba tội ấy tội nào nặng hơn hết?

- Bạch Ngài, chính tội của thân nặng hơn cả.

Sau khi xác định ba lần như thế, Đạo sĩ Nigha lại hỏi Đức Phật:

- Bạch Ngài, còn theo giáo Pháp của Ngài có mấy thứ tội?

- Này Đạo sĩ, trong giáo Pháp của Như Lai không hề nói đến cái tội, nhưng chỉ dạy về cái nghiệp mà thôi.

- Bạch Ngài, vậy có bao nhiêu thứ nghiệp?

- Nghiệp cũng có 3 loại là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

- Bạch Ngài, trong ba loại nghiệp ấy loại nào quan trọng nhất.

- Này Đạo sĩ, chính Ý nghiệp là quan trọng nhất.

Đức Phật đã khẳng định rằng trong ba nghiệp thì Ý Nghiệp là quan trọng hơn cả bởi vì từ ý nghiệp mới sinh ra thân, khẩu nghiệp mà chính cái ý nghiệp đó đã sanh ra nhân cách của con người trong đời này.

Con người vì do bản năng vị kỷ nên sinh ra tính đố kỵ, chia rẽ, hơn thua và luôn luôn đi tìm sự độc tôn cho mình và đê bẹp kẻ khác. Thật vậy, con người hơn thua nhau từng lời nói, các hội đoàn không tiếc lời chỉ trích nhau và

ngay cả các thế lực chính trị cũng dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt lẫn nhau. Cái bản ngã đã sinh trưởng lớn mạnh trong chúng ta vì thế ai cũng muốn mình hơn hẳn mọi người về tài sản, địa vị và danh tiếng. Do đó cái bản ngã càng lớn thì sự ngăn cách trong xã hội càng to và con người tiếp tục phân hóa, chia rẽ để dẫn đến thù ghét lẫn nhau. Như thế nếu muốn tăng trưởng nhân cách thì con người phải đè bẹp cái bản ngã để có cuộc sống không còn bần xển và tạo cơ hội để phát huy tâm vị tha quảng đại.

Ngoài những người có nhân cách cao cả hay những kẻ có nhân cách hèn hạ thì còn có những người bị rối loạn nhân cách nghiêm trọng mà thường được gọi là điên hay bệnh tâm thần. Khi cơn điên nổi lên thì họ vô cùng hung dữ, sẵn sàng đập phá, giết hại tất cả những gì chung quanh họ. Họ nói lảm nhảm như đang nói chuyện với một kẻ vô hình nào đó và nghĩ mình như đang sống vào một thế giới ảo tưởng chỉ dành riêng cho họ mà thôi. Họ không còn giữ được sự hòa hợp bình thường với xã hội chung quanh bởi vì họ bị giao động mãnh liệt từ trong nội tâm rồi biểu lộ ra ngoài những lời nói và hành vi thiếu nhã nhặn.

Nhiều người vì mê tín quá đáng vào quỷ thần, vào đồng bóng để cầu xin được gia hộ, phát tài... hoặc có những người tham vọng quá lớn đến khi thất vọng thì có thể làm biến dị cơ chế não bộ để xuất hiện trạng thái bệnh tâm thần. Thật ra, đây chỉ là những nguyên nhân gần, còn nguyên nhân sâu xa vẫn chính là nghiệp từ quá khứ. Tại sao? Thử nghĩ khi hai người cùng mê tín mà một điên, một không. Hoặc là hai người cùng có tham vọng quyền lực giống nhau mà một người nổi điên, một người không. Tại sao tính điên chỉ xảy ra cho người này mà lại chừa người khác? Nguyên nhân thật sự vẫn thuộc về nghiệp từ quá khứ xa xăm mà ra.

Như thế nhân cách cần phải được xây dựng để có thể bộc lộ ra ngoài bằng những hành động đạo đức. Đức Phật cũng xác nhận là hành động bắt nguồn từ thái độ tri thức. Vì vậy một tư tưởng chân chính sẽ đưa đến một hành động đạo đức và ngược lại. Do đó Phật lại dạy:

- Sự hiện hữu của chúng ta là kết quả của những gì ta tư tưởng. Nó được xây dựng trên tư tưởng và kết tinh bằng tư tưởng. Nếu một người nói hay hành động với tư tưởng sai lầm thì khổ đau sẽ theo người ấy như bánh xe lăn theo con bò kéo xe. Nhưng nếu nói hay hành động với tư tưởng chân chính thì hạnh phúc sẽ theo người ấy như bóng theo hình.

Tư tưởng sai lầm và tư tưởng chân chính mang lại hai kết quả khác nhau. Với tư tưởng sai lầm hay bất thiện thì lúc nào cũng mang bản chất Tham, Sân, Si và ngược lại tư tưởng chân chính thì lúc nào cũng lấy Từ, Bi, Hỷ, Xả làm phương châm để hành động.

Khi con người lấy tâm vô lượng để làm lợi ích cho người khác thì tự họ đã tạo nên rất nhiều nghiệp thiện và khi nghiệp thiện này vừa tạo xong thì phước báu sẽ xuất hiện trong vô hình để giữ gìn cho quả báo về sau. Thế thì nghiệp nhân vừa tạo xong thì quả báo cũng đã xuất hiện rồi. Do đó người đã từng làm nhiều lợi ích cho mọi người thì nghiêm nhiên chính họ đã tạo cho mình rất nhiều phúc đức.

Vậy Phước là do làm lợi ích cho người mà có, còn Đức là cái tốt của tự tâm.

Chẳng hạn như vụ bão lụt Katrina vừa qua, một số nhà giàu vì muốn cho người khác biết đến tên tuổi của mình nên đã bỏ thí cho các cuộc lạc quyên cứu trợ. Vì thâm ý của họ không tốt, chỉ có mục đích cá nhân nên họ chỉ có phước mà không có đức. Ngược lại một người tu hành chân chính, giữ gìn giới cấm và tự thanh lọc nội tâm trong sáng như pha lê, nhưng quyết định ở ẩn không giao tiếp với ai, thì người đó có đức mà không có phước. Thật ra những người có nội tâm trong sạch và cao thượng thì tư tưởng trong lành của tâm luôn luôn lan tỏa trong không gian và âm thầm lay nhiễm vào tâm hồn của mọi người thì chính họ đã có phước rồi.

Cho nên nếu muốn được phước đức vẹn toàn thì khi làm việc lợi ích cho người đừng mong có sự đền đáp. Vì thế Phật dạy rằng: "Khi thi ân ta không nên cầu phước báo". Thói thường trong thế gian là con người lúc nào cũng muốn thổi phồng cái ngã của mình càng lúc càng to như cái nhà của tôi, cái xe của tôi, cái công ty của tôi, con cái của tôi, cái thân của tôi thế này thế kia... Cái ngã càng lớn thì phiền não càng to vì họ quên rằng không có cái gì trên đời là thật cả bởi vì tất cả vạn hữu đều mang tánh Không hay không có tự tánh, do đó tất cả mọi hiện sinh đều là vô thường ngay cả cái thân mà họ gọi là "cái thân của tôi" cũng phải để lại khi họ ra đi.

Thật vậy, người mê khi nhìn cái nhà thì cho là thật, là bền vững muôn đời, còn người hiểu được lý "Không" thì cái nhà đó chỉ là vô thường, là một cái tên mà thôi bởi vì nếu đem phân tán gạch, ngói, cây, gỗ ra thì cái nhà đâu còn nữa chứ không phải đợi đến 100 năm sau, đến lúc cái nhà hư hại tan biến thì mới biết là cái nhà không thật. Tám thân tứ đại thì cũng thế, nếu đem tách đất, nước, gió, lửa ra từng phần thì thân này sẽ bị hoại bởi vì đất,

nước, gió, lửa chính nó không có tự tánh, tức là vô ngã. Do đó thân của chúng ta là giả tạm không thật. Chúng ta mượn nó để dùng trong đời này rồi trả lại khi ra đi.

Một ví dụ khác là khi nhìn trên bàn chúng ta “thấy có” một bình hoa, nếu đem bình hoa cất đi thì chúng ta “không thấy có” bình hoa nữa. Như vậy thấy bình hoa và không thấy bình hoa là cái có đối với cái không có trong không gian vật chất. Còn lý Không ở đây không có nghĩa là không có, không thấy trên cái bàn. Mặc dù chúng ta vẫn để bình hoa trên cái bàn, nhưng chính bình hoa không có tự tánh, hay không có thực chất nên nó không thực có. Vậy lý “Không” phải hiểu là không có tự tánh, không có thực chất chứ không phải là chúng không có. Mà một khi không có tự tánh thì chúng sẽ tan rã, hủy diệt theo thời gian và đó chính là vô ngã. Tóm lại, khi con người quên mình để lo cho mọi người thì mới giúp cho cái ngã mau tan vỡ. Và lúc đó họ không còn sống cho cái ngã nữa thì người đó sẽ hoàn toàn được vị tha. Đó chính là chân lý siêu việt Vô Ngã của nhà Phật.

Một ví dụ khác về lý Không là ở Hoa Kỳ hiện nay có nhiều ảo thuật gia rất nổi tiếng chẳng hạn như David Copperfield. Một trong những màn ảo thuật xuất sắc của anh ta là làm biến đi tượng nữ thần tự do ở Nữ Uớc, hay làm biến mất một chiếc phản lực cơ trước mắt hàng vạn khán giả. Quý vị có nghĩ rằng tượng nữ thần hay chiếc máy bay có tàng hình được không? Dĩ nhiên là không. Cái mà ông ta thành công là làm cho chúng ta tin tưởng vào thị giác của chúng ta. Khi thấy thì chúng ta cho là có, còn không thấy thì cho là không có. Nhưng tượng nữ thần hay cái máy bay vẫn sờ sờ ở đó mà chúng ta không thấy nên nói là không có.

Thế thì cái thấy hay cái không thấy có thật không? Do đó tính Không cũng thế, khi thị giác của chúng ta thấy một vật gì thì chắc chắn vật đó có thật không? Ngày nay khoa học có thể tìm thấy và đo lường đơn vị nhỏ nhất của vật chất là nguyên tử. Nhưng nếu đem thể tích của các hạch tâm chia cho thể tích của nguyên tử đó thì đáp số gần như số không. Như vậy, mọi vật thể mà chúng ta thấy bằng thị giác thì tự nó đã không có tự tánh, tức là Không. Lý Không của đạo Phật nhằm mục đích khai thị con người hiểu rõ sâu xa về sự hiện hữu của vạn vật trên đời này. Kẻ mê thì nghĩ rằng cái gì cũng thật, cũng chắc chắn, cũng tốt đẹp, cũng hấp dẫn nên lòng tham mới phát khởi để tạo tác, giữ gìn và dĩ nhiên là để tạo nghiệp, còn người thấu suốt lý không thì biết rằng tất cả mọi vật đều vô thường, tan biến, tạm bợ và không chắc thật nên dễ dàng kiềm chế lòng tham của họ. Mà hề bớt dục vọng tức là bớt khổ,

có nghĩa là càng ít tham thì càng nhiều hạnh phúc, an vui và tự tại. Người có nhân cách cao thượng hay thấp hèn cũng bởi từ tánh tham mà ra.

Như thế người đi theo chánh đạo là phải biết chu toàn đầy đủ cả phước lẫn đức. Bởi vì phước và đức luôn hỗ trợ cho nhau. Thật vậy, tâm có tốt thì việc làm thiện mới được chu đáo và lâu bền còn đức có sâu thì phước mới lớn. Vì thế khi làm việc thiện, chúng ta nên củng cố thêm chất tốt của nội tâm mình. Ngược lại, nếu có kẻ làm phước mà không có đức, tức là làm việc thiện vì mục đích vị

kỷ thì chắc chắn sẽ có lúc làm ác vì tư tưởng xấu có ngày sẽ khởi ra hành động bất thiện. Do đó cái phước sẽ không thể phát triển đến vô cùng vô tận.

Vậy phước đức và công đức có khác nhau không?

Phước đức là đem tiền của, tài vật ra bố thí hoặc cúng dường cho kẻ khác, còn công đức là từ trong trí tuệ bát nhã mà có. Tiền tài có thể đem cho người khác được, nhưng trí tuệ thì phải tự tu mới có, tự luyện mới thành. Có ai đem sự thông minh của mình cho người khác được đâu? Do đó, phước đức thuộc về pháp hữu lậu, có nghĩa là còn phải vương trong vòng luân hồi sanh tử, còn công đức thì thuộc về pháp vô lậu nên có thể giúp cho họ đến chỗ vô sanh vô diệt hoặc cõi Tây phương Cực Lạc.

Thêm nữa, trong thực tế của cuộc đời, không một ai hoàn toàn thoát khỏi những lo âu phiền muộn trừ khi chúng ta trở thành bậc toàn thiện hay bậc Thánh. Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu rõ được bản chất của cuộc sống để không còn phàn nàn, không còn bất mãn mà can đảm nhận lãnh những kết quả của thân khẩu nghiệp thì đau khổ không những không còn làm cho chúng ta sa đọa, mà còn giúp chúng ta tiến đến chỗ Chân, Thiện, Mỹ. Có con người là có phiền não khổ đau và chính những cái phiền não khổ đau này là cái giá mà con người phải trả cho sự chiếm hữu cái thân ngũ uẩn này. Chừng nào chúng ta không còn lệ thuộc vào tám thân tứ đại này nữa thì lúc ấy chúng ta mới hoàn toàn thoát ly mọi phiền muộn khổ đau. Do đó khi gặp nguy khó mà chúng ta vẫn giữ được nụ cười trên gương mặt trầm tĩnh và sáng suốt để giải quyết vấn đề mà không tỏ ra một chút bối rối lo âu thì đây chính là sự biểu lộ một nhân cách cao thượng vậy.

09. Nhân cách và Tình cảm

Tình cảm phát xuất từ con tim, mà đã từ con tim thì có lúc chúng ta thương, có khi chúng ta ghét, giận hờn, si mê...bởi vậy có một triết gia Tây phương nói rằng:”Con tim có những lý lẽ mà lý trí không thể nào hiểu nổi”.

Khi một người chạy theo tiếng gọi của con tim, chẳng hạn như một chàng trai nhìn thấy một cô gái trẻ đẹp khiến lòng anh ta phát sinh một tình cảm ưu ái và muốn chiếm đoạt về mình. Thứ tình cảm ưu ái này phát xuất từ tâm lý vị kỷ của con người, đó là muốn thu góp mọi thứ tốt đẹp trên thế gian. Đây chính là hệ quả của tâm lý tham lam mà thôi.

Gần đây báo chí đăng tin có một thiếu phụ rất giàu tìm cách chiếm đoạt tình cảm của một chàng đẹp trai có vợ, nhưng không thành công. Sự thất vọng đã biến bà ta từ tình yêu trở thành thù hận nên tìm cách trả thù cho hả dạ. Vậy thứ tình cảm yêu mến hay hận thù của người đàn bà này cũng phát sinh từ tâm lý tham lam, ích kỷ chứ không phải là thứ tình yêu chân thật.

Nói tóm lại, khi nói về tình cảm thương ghét của con người thì hề cái gì thỏa mãn được lòng tham muốn thì sự ưa thích sẽ phát sinh, còn cái gì ngăn cản lòng tham muốn thì sự thù ghét sẽ xuất hiện. Do đó tình cảm của con người chỉ là một trò lừa dối của chấp ngã mà thôi.

Có một loại tình cảm mãnh liệt hơn các loại tình cảm khác đó là tình yêu nam nữ. Thứ tình cảm này khá phức tạp bởi vì nó bao gồm từ những cuộc tình cao thượng, chân chính đến những trò đùa giỡn ái tình và lợi dụng tình ái. Vậy duyên nghiệp từ quá khứ đã chi phối cho loại tình cảm này thế nào?

Nếu hai người quả thật có duyên nợ từ tiền kiếp thì họ sẽ yêu nhau chân thành và đi đến hôn nhân để trả xong nợ quá khứ và có thể tiếp tục gây thêm nợ cho mai sau.

Nếu không có nợ mà chỉ có duyên thì họ sẽ yêu nhau qua một giai đoạn rồi gặp trắc trở để rồi tình cảm phai nhạt dần theo năm tháng.

Còn trường hợp tình yêu đơn phương thì sao? Đó là người này mơ tưởng đến người kia nhưng không được đáp lại. Đối với họ thì người kia chính là mẫu người lý tưởng mà họ hằng mong ước từ sắc đẹp cho đến nhân cách. Nhưng rất tiếc vì không có duyên từ trong tiền kiếp nên họ chỉ đón nhận bao sự lạnh lùng chua chát mà thôi.

Nếu đời này có một chàng trai đa tình đã đắm lên không biết bao nhiêu cuộc đời của phụ nữ thì dĩ nhiên kiếp sau anh ta sẽ chuyển thân làm người nữ để chịu đựng sự bạc tình của người khác.

Nói thế thì tình yêu bên ngoài có thể che phủ bằng những bông hoa tươi thắm, nhưng thật ra bên trong nó được che lấp bằng những bản chất ích kỷ và hưởng thụ của con người. Thật vậy, chính cái bản năng hưởng thụ đã thúc đẩy trai gái tìm đến với nhau và cũng chính cái bản năng hưởng thụ này đã thúc đẩy họ làm khổ cho nhau. Trong bất cứ xã hội nào cũng có rất nhiều cặp vợ chồng gây gỗ, đánh đập, giết hại lẫn nhau gây đau thương cho mình và cho con cái.

Thêm vào đó, có những vụ ngoại tình đưa đến ly dị chỉ làm khổ mọi người và tạo ra lắm nghiệp nhân không tốt cho họ về sau.

Đối với sự công bằng của luật nghiệp quả thì nếu ta chiếm vợ người thì trước sau cũng bị người đoạt vợ của ta. Còn nếu hành hạ vợ mình thì dĩ nhiên kiếp sau sẽ bị đọa làm người nữ để bị hành hạ trở lại. Kẻ muốn ly dị, bỏ rơi con cái sẽ trở thành mồ côi, hiu quạnh ở đời sau.

Vì có những đau khổ, bất hạnh trong đời sống lứa đôi nên có một triết gia Tây phương đã thốt lên rằng: "Chỉ có những triết gia chân chính mới sống hạnh phúc trong hôn nhân, nhưng tiếc thay, nếu là triết gia chân chính, họ sẽ không bao giờ lập gia đình".

Phật dạy rằng:

- Người đời có nhiều sự ham muốn, nhưng ham muốn nữ sắc là hơn hết. Vì sắc đẹp nên sinh lòng ham mến (yêu) nên cái ham mến là hơn hết. May thay! Chỉ có một sắc đẹp, chứ có hai thì tất cả mọi người trong thiên hạ, không ai tu nổi.

Luật Nghiệp Quả không dừng lại ở đây mà còn ảnh hưởng đến những gia đình mà cha mẹ đánh đập, chửi mắng hay thù ghét con cái của mình. Thật ra đây chỉ là sự bình đẳng mà thôi vì đời trước khi còn làm cha mẹ thì nó đã đối xử tàn tệ với con cái của nó. Đến kiếp này duyên nghiệp đưa đẩy nó rơi vào gia đình có bậc cha mẹ tánh tình hung dữ và miệng lưỡi ác độc để trả lại những nỗi khổ mà nó đã gây ra cho người khác.

Ở Việt Nam có rất nhiều gia đình đông con mà cha mẹ lại không thương con đồng đều. Tại sao gia đình có năm, sáu đứa con mà cha mẹ chỉ thương nhất

có một người? Không có gì khó hiểu cả bởi vì trong những đời trước cha mẹ hiện tại đã mang nặng ân nghĩa với đấng con đó nên bây giờ khiến cha mẹ thương yêu, cung chầu đấng con đó hơn.

Thêm nữa, trong đời quá khứ nếu kết duyên với con cái thì đời này chúng ta gặp lại chúng. Nếu là phước duyên thì chúng đến để báo đền ơn nghĩa ngày xưa. Chúng quan tâm, lo lắng và giúp đỡ mọi chuyện cho cha mẹ. Chúng cố gắng học hành, trở thành người tốt để đem niềm vui cho cha mẹ. Còn nếu là ác duyên có nghĩa là chúng đến để đòi nợ, gây khổ cho cha mẹ. Cha đau mẹ yếu chúng chẳng cần quan tâm. Chúng chỉ thích ăn chơi trác táng, phung phí tiền bạc, tương lai đen tối và gây phiền não cho gia đình. Thay vì cố gắng tạo dựng một tương lai tốt đẹp cho cuộc đời của mình thì trong tâm chúng chỉ để ý đến cái gia sản to lớn của cha mẹ mà thôi.

Tóm lại, một khi tình cảm phát xuất từ con tim thì đau khổ, phiền não còn dính liền với con người bởi vì những tư tưởng đó được cấu tạo bởi lòng tham lam, ích kỷ. Vì thấy sự nguy hại của cảm tình nên Đức Phật đã dạy cảm tình là mê muội, không sáng suốt và chạy theo dục vọng để dẫn con người đến chỗ khổ đau. Muốn có cuộc sống an vui, tự tại thì con người phải quay về sống với trí tuệ chân thật của họ. Vâng, chỉ có trí tuệ sáng suốt mới có đủ công năng đưa con người vượt qua mọi đau khổ để đến được cảnh giới an vui, hạnh phúc. Sống với trí tuệ là sống với lòng vị tha của từ, bi, hỷ, xả.

Do đó nếu con người biết đem tình thương chân chính của sự hy sinh, độ lượng và vị tha vào trong cuộc sống thì tình yêu đó sẽ không còn đậm màu sắc ám đạm của bản năng ích kỷ. Thật vậy, con người bị dục vọng thiêu đốt và màn đen vô minh che lấp. Chỉ có ánh sáng trí tuệ mới có thể dập tắt ngọn lửa ái dục cũng như xé toang màn vô minh ấy để giúp cho con người thoát ly cảnh khổ.

--- o0o ---

10. Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp

Tháng 12 năm 2004, một cơn động đất dữ dội kéo theo những ngọn sóng thần khủng khiếp đã tàn phá không biết bao nhà cửa và giết chết trên trăm ngàn người dọc theo bờ biển các nước Thái Lan, Nam Dương và Tích Lan. Ngoài số người chết nằm la liệt, các bệnh viện không còn một chỗ trống vì số người bị thương mỗi ngày mỗi tăng. Chưa hết, mùa thu năm 2005, cơn bão Katrina đã tàn phá nhiều thành phố dọc theo vịnh Mễ Tây Cơ của Hoa Kỳ và chính cơn bão này cũng giết chết và làm bị thương rất nhiều

người mà cho đến ngày nay chính phủ Hoa Kỳ vẫn chưa thể tái thiết trở lại. Trước những tai họa chung đó, nhà Phật gọi chúng là cộng nghiệp.

Như thường lệ, cứ mỗi sáng ông B đi tản bộ chung quanh khu phố nhà ông. Nhưng sáng nay vì sương mù dày đặc nên một chiếc xe không thấy ông băng qua đường nên đụng làm ông chết tại chỗ. Trường hợp cái chết của ông B là biệt nghiệp. Đối với biệt nghiệp thì vấn đề trở nên đơn giản vì nghiệp ai đã gieo thì chỉ người ấy chịu, nhưng trước một tai họa chung thì sự việc phức tạp hơn nhiều. Thế thì Luật Nghiệp Quả giải thích cách nào? Không lẽ tất cả những người bất hạnh kia trong quá khứ đã xúm nhau làm chung một điều ác?

Thật ra thì không nhất thiết là một nghiệp ác đời này sẽ sinh ra quả báo ở đời sau mà Luật Nghiệp Báo đã sắp xếp quả báo của mọi người một cách rõ ràng từ nhiều trăm năm về trước để khiến họ sống quay quần với nhau dọc theo bờ biển, hoặc có những người ở nước khác thì nhân duyên cũng khiến họ đi du lịch đến những nơi này. Thật vậy, chính nghiệp đã thúc đẩy những người có quả báo giống nhau đã tìm về ở chung một môi trường với nhau. Ví dụ có khoảng vài ngàn người trong quá khứ tạo nghiệp ác ở rải rác khắp nơi trên thế giới mà quả báo của họ khá giống nhau là phải chịu chôn vùi theo dòng nước bùn dưới chân một ngọn núi.

Nhưng nhân duyên để họ quay quần về sống gần nhau dưới chân núi cần phải một thời gian là vài trăm năm sau, do đó khi mới đây chúng ta thấy trận nước bùn chôn người tại một hòn đảo ở Phi Luật Tân là có sự chuẩn bị nhiều trăm năm của Luật Nghiệp Báo mà thôi. Chưa chắc là những nạn nhân này đã từng tạo chung một nghiệp ác trong quá khứ. Có thể mỗi người tạo riêng cho mình mỗi nghiệp ác nặng nhẹ khác nhau, nhưng tất cả đều chiêu thành một quả báo giống nhau nên nghiệp duyên đã thúc đẩy họ cùng định cư chung quanh bờ biển hay ngọn núi. Vì thế người nghiệp nặng thì chết, người nghiệp nhẹ hơn thì bị gãy chân, gãy tay, hay chỉ bị xây xát mà thôi.

Cũng có trường hợp nhiều người cùng chung tạo nghiệp, nhưng vì thiếu nhân duyên để gặp gỡ nên họ chia ra nhận quả báo riêng rẽ mỗi nơi khác nhau mặc dù quả báo khá giống nhau. Ví dụ, hai người bạn cùng phát tâm xây một cây cầu nhỏ cho dân làng đi lại dễ dàng trong mùa mưa. Vì đây là nghiệp thin, nhưng do tư tưởng và một số nghiệp khác không giống nhau nên đời sau một người sinh ra ở Việt Nam còn người kia sinh ra ở Mỹ. Mặc dù sanh ra trong hai hoàn cảnh khác nhau, nhưng hai người đều thích học ngành xây dựng cầu cống và thành công giàu có gần như nhau.

Một hôm, Đức Phật đang ngồi trên núi Linh Thứu thì có nhiều đoàn tỳ kheo đi thiền hành. Đoàn thứ nhất gồm một số tỳ kheo đi theo tôn giả Xá Lợi Phất, đoàn thứ hai đi theo tôn giả Mục Kiền Liên, đoàn thứ ba đi theo tôn giả Đại Ca Diếp, đoàn thứ tư đi theo tôn giả A Na Luật, đoàn thứ năm đi theo tôn giả Ưu Bà Ly và đoàn thứ sáu đi theo sau Đề Bà Đạt Đa. Khi đó Đức Phật mới nói với các tỳ kheo đang ở bên cạnh rằng:

- Những tỳ kheo cùng đi theo Xá Lợi Phất là những tỳ kheo có trí tuệ lớn. Những tỳ kheo cùng đi với Mục Kiền Liên là những tỳ kheo có đại thần thông. Những tỳ kheo đi theo Đại Ca Diếp là những tỳ kheo thích tu khổ hạnh đầu đà... Còn những tỳ kheo mà đi theo Đề Bà Đạt Đa là những tỳ kheo có tâm ác dục.

Và Đức Phật đã kết luận rằng:

- Ai cùng đi theo người nào là đã có cái nghiệp chung với người đó. Những tỳ kheo đi theo tôn giả Xá Lợi Phất có cái nghiệp chung, tức là cộng nghiệp, vì Ngài về trí tuệ. Những tỳ kheo đi theo tôn giả Mục Kiền Liên là có nghiệp chung với Ngài về thần thông... Cho tới các tỳ kheo đi theo Đề Bà Đạt Đa cùng có nghiệp chung về ác dục. Cái nghiệp chung đó có từ quá khứ, hiện tại và vị lai.

Ngày nay, chúng ta thấy cộng nghiệp hiển hiện rất thực tế và cụ thể. Người thích cờ bạc thì chỉ muốn giao du với người chơi cờ bạc, còn kẻ ham rượu chè thì lân cận ăn chơi với người uống rượu. Người thích đi chùa tụng kinh niệm Phật thì kết bạn với người đi chùa tụng kinh niệm Phật. Như vậy, cộng nghiệp đưa đẩy con người thân cận, kết bạn với nhau và biệt nghiệp khiến chúng ta có dáng mạo, tánh tình, năng khiếu và trí tuệ khác nhau.

Trong số những nhà tiên tri lừng danh trên thế giới, chúng ta thấy ở Pháp vào khoảng thế kỷ thứ 16 có Nostradamus (1503-1566), còn ở Việt Nam có trạng trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Những vị tiên tri này có khả năng tiên đoán những sự việc sẽ xảy ra rất lâu chứng tỏ rằng Luật Nghiệp Báo đã sắp xếp quả báo của mọi người khá rõ ràng từ nhiều trăm năm, có khi từ nhiều ngàn năm, về trước. Chính Nostradamus có một sự nhạy cảm tâm linh cao độ khiến ông đã đọc được nhiều tiên đoán cho dù nó chưa có dấu hiệu nào nơi không gian hiện hữu cả.

Đất nước Việt Nam chúng ta là nơi đầy long mạch và tụ khí nên ngày xưa Cao Biền cõi hạc đi đến đâu là ếm long huyết đến đó. Năm 785, Thiền Sư Định Không (730-808) nhân cho đào đất để đắp nền dựng chùa Dịch Bàng,

Thiền Sư tìm thấy 10 chiếc khánh và một chiếc lư hương. Nhưng khi đem xuống sông để rửa thì một chiếc khánh chìm xuống nước. Cảm ứng việc này, Thiền Sư thánh nhập xuất khẩu nói rằng: mười chiếc là thập khẩu, viết chung lại là chữ Cổ, một chiếc rơi xuống chìm đi là thủy khứ viết chung lại là chữ Pháp, cho nên Thiền Sư đặt tên cho mảnh đất thiêng liêng này là Cổ Pháp. Thiền Sư làm một bài thơ tiên tri 200 năm sau, nhà Lý sẽ làm vua, xuất thân từ làng Cổ Pháp:

Đất trình pháp khí

Phẩm chất tinh đồng

Đưa Phật giáo đến chỗ hưng long

Đặt tên là làng Cổ Pháp

Pháp khí xuất hiện

Mười chiếc chuông đồng

Nhà Lý hưng vương

Tám phẩm thành công

Trước khi viên tịch, Thiền Sư Định Không dặn đệ tử là Thiền Sư Thông Biện rằng:” Đất Cổ Pháp này rất quan trọng, sau này có dị nhân đến phá hoại thì bậc vĩ nhân không thể xuất thế để cứu nước và làm cho Phật pháp hưng thịnh”. Thiền Sư Thông Biện ghi lời thầy dạy trong một ngôi tháp được dựng lên để thờ Thiền Sư Định Không ở phía Tây chùa Lục Tổ. Trước khi qua đời, Thiền Sư Thông Biện lại dặn cho đệ tử là Thiền Sư La Quý An (852-936). Quả nhiên năm 865, tức là khoảng 100 năm sau lời tiên tri của Thiền Sư Định Không, Cao Biền qua Giao Châu và sai đắp thành ở sông Tô Lịch mới biết là đất làng Cổ Pháp có khí đế vương nên đã cho đào 19 địa điểm để yểm phá. Thiền Sư La Quý An biết được và y theo lời Tổ dạy đã cho lấp lại 19 cái huyệt mà Cao Biền đã đào để yểm.

Y như lời tiên tri Thiền Sư Định Không trên 200 năm trước, năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi vua dựng lên nhà Lý và truyền được 8 đời (8 phẩm thành công).

Xin nói thêm, vua Lý Thái Tổ tức Lý Công Uẩn, người sáng lập ra triều đại thịnh vượng và huy hoàng nhất trong lịch sử Việt Nam, người làng Cổ Pháp, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh lại là con không có cha. Tục truyền rằng, mẹ là Phạm Thị một hôm đi chơi chùa Tiêu Sơn nằm mộng đi lại với thần nhân rồi về có thai và sinh ra được đứa con trai. Khi đứa bé lên ba tuổi thì đem cho nhà sư ở chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Vân làm con nuôi và đặt tên là Lý Công Uẩn. Nhà sư Lý Khánh Vân sau này là Sư Vạn Hạnh. Công Uẩn lớn lên vào Hoa Lư làm quan nhà tiền Lê đến chức Tả Thân Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Khi Lê Long Đĩnh mất thì Lý Công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Lúc bấy giờ lòng người đã oán hận nhà tiền Lê nên ở trong triều có bọn Đào Cam Mộc cùng với Sư Vạn Hạnh mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp bèn định dời đô về La Thành. Tháng 7 năm 1010 thì khởi sự dời đô,

Nhưng khi ra đến La Thành, Thái Tổ nằm mộng thấy rồng vàng hiện ra bèn đổi tên là thành Thăng Long, tức là Hà Nội ngày nay. Sau đó nhà vua cũng nằm mộng thấy Phật Bà hiện ra nên xuống chỉ làm ra chùa một cột mà vẫn còn là một kỳ quan tại Hà Nội bây giờ. Triều đại nhà Lý kéo dài đến đời thứ bảy là vua Lý Huệ Tông thì ông vua này không có con trai mà thường hay bệnh hoạn và thỉnh thoảng lại nổi cơn điên nên cứ uống rượu say ngủ cả ngày. Nhà vua chỉ có hai công chúa, người chị thì gả cho Trần Liễu còn người em là Chiêu Thánh công chúa tên là Phật Kim thì mới lên 7 tuổi được lập làm Thái tử. Tháng 10 năm 1224, vua Huệ Tông truyền ngôi cho Chiêu Thánh công chúa rồi vào ở chùa Chân Giáo để đi tu. Chiêu Thánh công chúa lên ngôi tức là vua Lý Chiêu Hoàng và là vị vua cuối cùng của triều Lý.

Bấy giờ mọi việc triều chính đều nằm trong tay Trần Thủ Độ mà Thủ Độ lại tư thông với Trần Thái Hậu và cho cháu là Trần Cảnh vào làm chức Chính Thủ. Đến tháng chạp thì Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh và truyền ngôi cho chồng. Nhà Lý đến đây là hết, làm vua được 216 năm và truyền ngôi được 8 đời. Một hôm Huệ Tông đang nhổ cỏ ở sân chùa Chân Giáo, Trần Thủ Độ đi qua trông thấy, mới nói rằng:”Nhổ cỏ thì phải nhổ cả rễ cái nó đi”. Huệ Tông nghe thế, phui tay đứng dậy nói rằng:”nhà ngươi nói ta hiểu rồi”. Được vài ngày, Thủ Độ cho người mời Huệ Tông, Huệ Tông biết, vào nhà sau thất cổ tự vận. Năm Ất Dậu, 1225 Trần Cảnh lên ngôi lúc mới 8 tuổi lấy hiệu là Trần Thái Tông để khai nguyên cho cơ nghiệp của nhà Trần.

Trở lại vấn đề Nghiệp Quả thì hiện nay có một tai họa chung mà toàn thể nhân loại phải gánh chịu đó là ngày tận thế. Vào năm 1988 có một vãn thạch lớn cắt ngang quỹ đạo của địa cầu tại một nơi mà địa cầu vừa mới đi qua,

Các nhà thiên văn còn e ngại một sự gặp gỡ tương tự như thế xảy ra vào lúc khác. Nếu có sự va chạm lớn như vậy, chắc chắn đó là ngày tận thế của nhân loại cũng như trên 65 triệu năm về trước, những vẫn thạch đã tiêu diệt tất cả mọi loài khủng long. Thêm nữa với những kho nguyên tử mà con người tồn trữ ngày nay đủ sức tàn phá và tiêu diệt toàn thể nhân sinh trong trái đất này nếu con người cứ mãi điên cuồng chạy theo để thỏa mãn lòng tham vô đáy của họ. Thật ra tận thế là một quả báo chung của toàn thể nhân loại vì sự sống của mình mà con người thường xuyên tạo các nghiệp phá hoại sự sống lẫn nhau.

Những con vật lớn ăn thịt các loài vật nhỏ bé hơn, con cọp mạnh đi bắt con dê yếu đuối. Cá lớn nuốt cá con và con người thì mưu toan giết hại lẫn nhau, kẻ mạnh hiếp kẻ yếu...Quốc gia lớn đè ép quốc gia nhỏ, ngay cả tôn giáo này cũng muốn thanh toán tôn giáo kia. Nếu nhân loại cứ bạo tàn hủy diệt sự sống lẫn nhau thì ngày tận thế sẽ đến gần hơn. Còn như nhân loại biết bồi đắp giữ gìn sự sống cho nhau thì chính họ tự tay đẩy ngày tận thế xa ra mãi mãi. Nhưng đối với dòng luân hồi sinh tử, tử sinh vô tận tiếp nối mãi mãi thì cái chết lúc tận thế có gì quan trọng để chúng ta sợ hãi đâu? Nếu chúng ta cố gắng tu tâm dưỡng tánh để tích lũy phước đức và công đức cho được viên mãn thì tận thế hay không đối với người tu Phật chẳng qua chỉ là một sự chuyển tiếp từ cuộc sống ở một thế giới này sang một thế giới khác mà thôi. Chẳng hạn như cõi Tây phương Cực Lạc để có cuộc sống an vui tự tại hơn. Sắc thân của con người ví như một quán trọ và tâm thức ví như người khách trọ. Nếu quán trọ này không ở được thì người khách trọ vào quán trọ khác. Không có gì là quan trọng cả.

--- o0o ---

11. Chuyển Nghiệp

Con người từ trong quá khứ đã tạo biết bao Nghiệp Báo, mà cứ mỗi nghiệp chính là một nét vẽ, một vết mực điểm tô dần dần để hoàn thành bức tranh cho cuộc đời của họ ở đời sau. Một lời nói thiện vừa thốt ra thì lập tức một niềm vui đã hình thành và ngược lại, một hành vi ác vừa thực hiện xong thì Luật Nghiệp Quả vô hình cũng lập tức kiến tạo một nỗi khổ để sắp đặt cho họ phải thọ lãnh ở đời sau. Do đó bao nhiêu hạnh phúc, khổ đau, cay đắng hay vinh quang đều đã được hình thành xong từ kiếp trước.

Như vậy khi con người vừa mới kết tinh vào noãn bào của người mẹ thì hài nhi đã cru mang một định mệnh do chính nó tạo ra từ kiếp trước. Vâng, cái

định mệnh vô hình này sẽ quyết định mọi thưởng phạt cho cuộc đời của nó khi nó lớn lên. Nhưng đây là một định mệnh không do thần linh áp đặt mà do chính nó tự tạo lấy cho mình. Vậy con người có thể thay đổi được cái định mệnh này không? Hay là với những nghiệp đã hình thành, con người bị sức mạnh của nghiệp cuốn trôi khó mà chống lại?

Để trả lời nghi vấn này, trong kinh A Hàm, Phật có dạy:

- Người gây nhân bất thiện, dù đời trước hay sau, nếu họ biết tu tâm, tu thân và tu giới thì quả sẽ đổi thay. Còn nếu người gây nhân bất thiện mà không biết tu tâm, tu thân và tu giới thì gây nhân nào sẽ thọ quả nấy. Đó là nhân nào quả nấy và nếu gây nhân mà biết chuyển nghiệp thì quả cũng đổi thay.

Chính Đức Phật đã cho chúng ta một nhận định rõ ràng về cuộc sống để chúng ta không còn bận tâm về sự may rủi thành bại trong đời. Nhưng làm thế nào để chuyển nghiệp?

Tâm hồn của chúng ta đã tích lũy biết bao khuynh hướng vị kỷ, tham lam, thù hận, đố kỵ, hơn thua...từ bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp. Vì chúng nó là Ý nghiệp của đời quá khứ nên đời hiện tại tất cả những khuynh hướng bất thiện này thúc đẩy chúng ta tiếp tục tạo tác những hành vi bất thiện để đưa chúng ta mãi mãi vào con đường tối tăm tội lỗi. Vậy muốn chuyển nghiệp chúng ta phải cố gắng chuyển hóa nội tâm của mình trước đã, rồi hành động và hoàn cảnh sẽ dần dần thay đổi theo sau.

Trong xã hội có nhiều người nhận thấy cuộc đời của họ không được may mắn, khổ nhiều hơn vui và thường gặp cảnh trái ý nghịch lòng. Vì tin sâu vào luật Nghiệp Quả nên họ công nhận rằng trong đời quá khứ họ ít làm việc phước mà tạo quá nhiều nghiệp bất thiện. Vì khao khát muốn chuyển nghiệp, họ đi chùa cầu nguyện sự gia bị của thần thánh. Họ cúng dường một mà muốn hưởng phước đức tới mười. Họ cũng chịu khó làm những việc thiện khác, nhưng nội tâm tham lam, ích kỷ vẫn còn nguyên vẹn. Đối với họ thì làm việc thiện vì muốn quả báo tốt cho chính họ chứ không phải tình thương chân thật đối với con người. Chính họ đã xây lâu đài phước thiện trên bãi cát vì nó không xuất phát từ nội tâm thuần thiện nào cả. Theo luật Nghiệp Quả thì đời sau họ sẽ gặp nhiều may mắn, nhưng trong họ bản chất tham lam, ích kỷ vẫn còn và chính bản chất tham lam ích kỷ này sẽ thúc đẩy họ làm các việc bất thiện khác.

Vật tu tâm hay chuyển hóa nội tâm là cố gắng loại bỏ cho được lòng tham lam, tính sân hận và tật si mê... Tham thì có nội tham như tham ăn, tham uống, tham mặc, tham sống lâu... và ngoại tham như tham tiền, tham sắc, tham danh, tham lợi... Ăn thì lúc nào cũng muốn ăn ngon, ăn no đủ, còn ngủ thì phải ngủ cho đủ giấc, hay nệm ấm giường êm... Ai đung đến chút tự ái là nổi điên và hễ thấy vật đẹp, cao quý thì muốn chiếm lấy. Đây là tâm trạng chung của con người vì tham, sân, si đã ăn sâu vào trong tiềm thức của chúng ta từ bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp. Do đó chuyển hóa nội tâm là phải can đảm từ bỏ cho được tham, sân, si để tâm được sáng suốt. Một khi tâm được sáng suốt thì thân khẩu ý trở thành thanh tịnh và dĩ nhiên con người sẽ không còn tạo nghiệp nữa.

Phật dạy tu thân là thân này không làm điều ác dù lớn hay nhỏ đều phải tránh xa. Còn điều thiện thì phải cố gắng hoàn thành. Còn tu giới là người Phật tử phải giữ tròn ngũ giới, đó là không được sát sanh, không được trộm cướp, không được vọng ngữ, không được uống rượu và không được tà dâm. Tuy nói tu tâm, tu thân và tu giới nhưng chủ yếu vẫn là tu tâm. Nếu chúng sinh tu tâm được viên mãn thì mọi nghiệp chướng không còn do đó nghiệp khổ sẽ chấm dứt và cuộc đời sẽ được an vui tự tại.

Đức Phật dạy nguyên nhân của mọi đau khổ là vô minh và ái dục, hay nói một cách khác chính lòng tham lam, sân hận, si mê là nguồn gốc của mọi tranh chấp, oan trái để rồi đem đến những sự lo âu sầu muộn và bất mãn. Con đường chuyển hóa nội tâm thiết thực là chúng ta phải biết giữ mình theo Giới, Định, Huệ để có thể diệt trừ tham, sân, si thì đời sống sẽ được tự tại bởi vì tham thì có thể phá giới, sân thì có thể phá định, còn si thì có thể phá tuệ.

Một số người nói rằng điều kiện của một đời sống hạnh phúc là có sức khỏe, có tiền tài và có địa vị trong xã hội, nhưng một đời sống hạnh phúc chân thật chưa chắc đã hoàn toàn dựa vào những điều kiện vật chất như thế. Chẳng hạn như một người mạnh khỏe lại dùng sức mạnh của mình làm những điều tội lỗi thì chẳng được ích lợi gì. Còn người giàu sang mà sống bòn xén, ích kỷ, tham lam vô độ thì chính họ chẳng tìm được hạnh phúc cho chính mình mà còn làm hại đến kẻ khác. Người có địa vị lại lạm dụng quyền hành thì chỉ rước thêm oan trái oán thù mà thôi. Như thế thì tiền tài danh vọng chưa phải là yếu tố chính cho một đời sống hạnh phúc mà điều kiện tiên quyết để đem lại an vui là phải có tinh thần sáng suốt và lành mạnh. Được tinh thần sáng suốt lành mạnh này thì sẽ không còn bị dục lạc, oán thù hay mê loạn chi phối. Vì thế Phật lại dạy rằng:

- Người tùy theo thể tình thức là chạy theo tham cầu danh vọng. Khi được công danh hiển đạt, thì thân thể đã già yếu. Kẻ tham danh lợi ở đời mà không lo học đạo thì chỉ uổng công nhọc xác mà thôi. Ví như cây hương đốt, khi được người ta ngửi thấy mùi thơm thì thân hương đã hóa thành tro bụi, vì lửa nung đốt cháy liền thân hương vậy.

Mặc dù tôn chỉ của đạo Phật là giúp chúng sinh chúng ngộ Niết Bàn, nhưng phát huy lòng từ bi, có nghĩa là đem vui cứu khổ, vẫn là cứu cánh để chúng sanh đạt được tâm thanh tịnh. Bởi vì nếu trong hiện tại tâm chúng ta được thanh tịnh, không còn phiền não khổ đau thì đây chính là Niết Bàn trong cuộc sống này vậy.

Thật vậy, mục đích của đạo Phật là không dùng những triết lý hay phương pháp tạm bợ để giúp con người khai trừ những khổ đau hệ lụy trong nhất thời mà mục đích của đạo Phật là giúp con người giải thoát hoàn toàn ra khỏi mọi nô lệ của phiền não và khổ đau.

Muốn chuyển hóa nội tâm được chu toàn thì trước hết chúng ta phải phá tan cái bản ngã của mình. Trong kinh A Hàm, Phật dạy rằng một khi chúng ta chứng được “ngã không” nên khi làm việc lợi ích cho người thì làm với một tâm niệm vô tư, không dính mắc. Có nghĩa là khi làm việc thiện thì đừng nghĩ đến lợi lạc cho mình mà hướng tâm về sự lợi lạc cho chúng sanh do đó việc thiện đó sẽ mang nhiều thiện quả về sau. Ví dụ như khi chúng ta đi chùa lạy Phật thì thường hay cúng dường chút ít tiền hay hoa quả, nhưng khi bái Phật thì chúng ta thường cầu nguyện cho con trai có vợ đẹp, con gái có chồng giàu sang, làm ăn mua may bán đắt, bà con thân quyến được bình an mạnh giỏi... Như vậy chúng ta đi chùa với tinh thần bản ngã là cầu lợi cho mình nên không đúng với lời Phật dạy. Mục đích tới chùa lạy Phật là để bớt tham mà chúng ta đi chùa lạy Phật mà lại càng tham hơn thì một ngày nào đó cái bản ngã mê lầm của chúng ta sẽ biến đạo Phật thành ra mê tín dị đoan. Vì thế chúng ta nên làm việc phước đức với lòng vô ngã, tức là làm việc thiện mà không cần quả báo cho mình hay hướng lòng từ bi về người khác, thì Luật Nhân Quả chẳng những sẽ đền bù cho ta nhiều phước đức ở đời sau mà còn tạo cho ta một nhân cách cao thượng và một tâm hồn trong sáng để tiếp tục hưởng phước thiện và làm việc thiện.

Chúng ta quỳ dưới chân Đức Phật, đầu ta cúi sát đất để biểu lộ rằng chúng ta vô cùng nhỏ bé kém cỏi, còn Đức Thế Tôn thì vòi vọi như núi cao biển rộng. Trong giây phút thiêng liêng đó, cái ngã mạn tự cao âm thầm bên trong bị lay động dữ dội bởi vì chúng ta ý thức được sự thấp kém của mình bởi trước

mắt chúng ta là đáng cao cả sáng chói như ánh mặt trời rực rỡ. Thông thường, do lòng đố kỵ và ích kỷ, chúng ta ít chịu chấp nhận cái hay của người khác vì người khác nổi bật sẽ làm chúng ta bị lu mờ. Chúng ta thờ ơ trước những ưu điểm của kẻ khác và vui mừng khi tìm thấy khuyết điểm của người vì người lu mờ thì ta sẽ nổi bật. Do tâm vị kỷ chúng ta dễ dàng rơi vào cạm bẫy “tán kỹ, hủy tha”, tức là chê người, khen mình. Đây là cội nguồn phát sinh ra phiền não và tạo nghiệp cũng tại vì cái ngã mạn mà thôi. Phải đổi tính vị kỷ này bằng tinh thần vị tha thì cuộc sống sẽ an vui tự tại. Thấy họ giỏi thì khen, thấy họ giàu thì mừng, thấy họ khổ thì giúp đỡ thì tâm không còn phiền não và lòng từ bi xuất hiện để giúp chúng ta tạo thêm thiện nghiệp.

Giáo lý đạo Phật là giúp con người tẩy trừ phiền não để tâm được thanh tịnh. Tâm có thanh tịnh thì trí tuệ mới phát sinh để giúp chúng sinh đi thông dong trong con đường chánh đạo. Mà gốc của phiền não chính là tham, sân, si. Ví dụ có người khoe rằng vì nhờ tu thiền hay niệm Phật nên có thể xuất hồn đi ngao du khắp thế giới hay gặp được Phật và Bồ Tát...Ngày xưa trong số đại đệ tử của Phật không ai giỏi thần thông bằng tôn giả Mục Kiền Liên, nhưng thần thông đâu có thắng nghiệp lực cho nên chính tôn giả cũng phải bị bọn ngoại đạo lăn đá đến chết. Do đó chúng ta không quan tâm đến chuyện xuất hồn đi ngao du sơn thủy bởi vì nếu phiền não chưa dứt thì dù có ngao du ở đâu rồi cũng phải trở về trần gian để thọ lãnh quả báo đau khổ như thường.

Do đó người tu Phật không cần phép màu cao siêu huyền bí, mà điều căn bản là phải tự xét mình để thấy rằng thân làm, khẩu nói và ý tưởng suy nghĩ của mình có hợp với Phật pháp hay không? Nói một cách khác khi đối diện với ngoại cảnh thì chúng ta luôn luôn tự hỏi nếu việc đó Phật và Bồ Tát có làm thì chúng ta làm, còn nếu họ không làm thì chúng ta đừng nghĩ tới. Không làm điều ác tức là không gây nghiệp, mà không tạo nghiệp thì khỏi lo đau khổ và chặt đứt dây luân hồi.

Chuyên nghiệp có nghĩa là chuyên làm việc thiện và tránh xa điều ác. Nhưng muốn thực hiện hiệu quả điều này thì tâm của chúng ta phải bền vững kiên trì để không chạy theo ngoại cảnh ngay cả tám thứ gió phong trần cũng không lung lay thay đổi được. Tám gió đó là:

- 1) Khi có nhiều tiền của, hoặc do mình làm ra, hoặc được biếu tặng, tâm có vui mừng chăng?

- 2) Đang có tiền của mà làm ăn lỗ lã, hay bị trộm cướp, hoặc oan gia phá tan, tâm có buồn chăng?
- 3) Người vô cớ làm nhục, tâm có buồn tức chăng?
- 4) Được danh tiếng tốt đồn khắp xa gần có thấy hài lòng không?
- 5) Được khen tâm có thấy vui chăng?
- 6) Bị chê trước mặt hay sau lưng, lòng có buồn chăng?
- 7) Gặp cảnh khôn khổ, thiếu ăn thiếu mặc, nhà cửa hư hại, có thấy nao lòng chăng?
- 8) Gặp cảnh thật vui, thật sung sướng, lòng có tham đắm chăng?

Nếu tám thứ gió này thổi đến mà tâm chúng ta như như bất động, đó là đắc đạo, là thành chánh quả. Nhưng chúng ta là phàm phu chớ không phải thánh nhân do đó nếu muốn tâm mình được như như bất động thì nên cố gắng theo thời gian đánh tan từng ngọn gió một thì chắc chắn một ngày nào đó tâm của chúng ta sẽ được thanh tịnh, có nghĩa là đạt được cảm ứng ngoại bất chấp tướng nội bất động tâm. Ví dụ như hiện tại chúng ta đang bị giặc bên trong nổi loạn và giặc bên ngoài bao vây. Trước hết phải chặn giặc bên ngoài, tức là đừng cho lục trần quyến rũ mê hoặc chúng ta, rồi sau đó vận dụng trí tuệ để dẹp giặc bên trong, tức là đừng để lục căn bị sức lôi cuốn của dục vọng từ bên ngoài. Chúng ta đóng sập cửa thành bên trong lại, tức là kiểm chế kiểm soát lục căn của mình đừng để cho nó chạy theo ngũ dục lục tình, thì giặc bên ngoài không có nội ứng mà tiến vào bên trong được. Khi giặc trong ngoài biến mất thì chúng ta mặc tình ung dung tự tại để tìm lại cuộc sống an vui và hạnh phúc. Vì mỗi người chúng ta đều có thể tánh bất sanh bất diệt gọi là chơn như hay Phật tánh. Lý do mà chúng ta không sáng suốt là vì cái Phật tánh này bị các chủng tử nhiễm tịnh che lấp làm cho vọng tưởng khởi dậy liên miên. Càng bớt nhiều vọng tưởng thì càng dễ dàng khôi phục cái Phật tánh này để tâm trở thành thanh tịnh.

Thời nay người tu không quan tâm đến việc chứng ngộ bản tâm thanh tịnh của mình để loại trừ phiền não. Thậm chí có người lấy thời khóa tụng kinh làm sự nghiệp tu hành. Khi Phật còn tại thế, chính Đức Phật và các vị đại đệ tử A La Hán chỉ tọa thiền chứ không có tụng kinh. Sau khi Đức Phật nhập diệt, chư Tổ dạy ra sự tụng kinh là muốn mượn phương tiện cho Phật tử kiểm chế vọng tưởng của họ. Trong khi tụng kinh, tay gõ mõ, tay đánh

chuông, ý duyên vào lời kinh thì thân khẩu ý được thanh tịnh. Nếu tụng kinh được nửa giờ thì được thanh tịnh nửa giờ... Nhưng người tu không tụng kinh với chủ ý ấy mà lấy sự tụng niệm làm sự nghiệp. Cả đời tu thì sáng một thời công phu, chiều một thời tịnh độ, còn bày ra cầu an cầu siêu, loanh quanh lẫn lộn. Tâm mình thì chất đầy phiền não, vọng tưởng mà lại đi cầu an cho người. Chính mình không siêu nổi cho mình thì làm sao mà siêu cho kẻ khác được. Muốn siêu thì tâm phải thanh tịnh, tinh khiết có nghĩa là không còn tham, sân, si, ái dục, do đó tự mình đã không mang lợi ích gì cho mình mà còn hướng dẫn người đi sai lầm nữa. Thật là đáng thương xót. Tụng kinh là việc tốt, là việc thiện, chỉ có việc không tốt là không hiểu được ý kinh để áp dụng tu hành. Nếu biết nương theo kinh để thấy được tánh giác của mình là chánh tín và nếu biết nương theo kinh để cho thân khẩu ý được thanh tịnh là chánh đạo.

Kinh Phật có câu: "Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả" cho nên một khi chúng ta gây ra một nghiệp căn nào thì nó sẽ tồn tại mãi mãi cho đến khi hội đủ nhân duyên thì nó sẽ thành cái quả và đó là kết quả của mọi sự khổ vui của chúng ta trong đời này. Nhưng nếu chúng ta muốn chuyển nghiệp thì phải cố gắng làm việc tốt, việc thiện thì nhân duyên xấu không có cơ hội kết cấu với nghiệp bất thiện để biến thành quả xấu mà tạo cảnh khổ cho chúng ta. Vì thế muốn chuyển nghiệp viên mãn là phải tùy duyên để tiêu nghiệp cũ bằng cách không được gây thêm nghiệp mới. Bởi vậy cổ nhân mới có câu:

Tùy duyên tiêu cựu nghiệp

Thiết mật tạo tân ương.

Phật lại dạy rằng:

- Quan sát tứ đại trong thân này, mỗi cái đều có tên riêng như đất, nước, gió, lửa, thì không có cái nào có tên là cái ta cả. Cái ta cũng không có thì thân này cũng giả dối, không thật.

Thêm nữa, trong kinh Tăng Nhất A Hàm, Đức Phật cũng phân tích rõ ràng là trong thân người ta có ba trăm sáu mươi lóng xương, năm trăm mạch máu, năm trăm sợi gân, chín mươi ngàn lỗ chân lông và tám mươi ngàn hộ trùng.

Nếu quan sát kỹ, chúng ta thấy rõ ràng không có gì là ta và của ta cả. Chẳng hạn như khi nhìn một ngón tay thì chúng ta thấy nó dài thon và đẹp, nhưng khi nhìn xuyên qua lớp da bọc ngoài thì thấy các lóng xương được cột lại bởi các sợi dây gân, chung quanh bọc một mớ thịt bầy nhầy và bên ngoài

được phủ lên bởi một lớp da. Khi nhìn thì chúng ta chỉ nhìn giả tướng bề ngoài chứ không chịu nhìn cái thật thể của nó. Đáng lẽ bác sĩ phải là những kẻ giác ngộ hơn ai hết vì hàng ngày họ được nhìn rất tường tận biết bao nhiêu thân thể của bệnh nhân. Nhưng họ đâu có thấy thân thể là bất tịnh, là giả tạo nên họ cũng như bao nhiêu người khác vẫn còn đắm say sắc dục và dĩ nhiên phải chịu khổ đau như mọi người.

Vì chúng sinh không chịu quán chiếu để thấu rõ sự giả dối của vật thể mà mù quáng chạy theo ái dục để tạo nghiệp nên khi nói về Lý Không của sự thọ dụng, Đức Phật có dạy rằng:

- Tất cả sự thọ dụng tức là Không. Như thọ dụng bao nhiêu món ăn ngon, lúc bụng đã no rồi tức là Không, khi đi ra ngoài nhiều người theo hầu, đến lúc tới nơi không còn ai hầu nữa tức là Không. Cả ngày ham đi chơi bởi phóng túng, nhưng lúc về nhà rồi tức là Không.

Thật vậy, nếu chúng ta làm việc lành đã xong thì sự mệt nhọc kia chấm dứt, tức là Không, nhưng nghiệp lành vẫn còn đó. Làm việc ác thì cũng thế, lúc ai làm ta tức giận, chúng ta chửi mắng họ cho thỏa lòng. Khi mắng xong tức là Không, nhưng nghiệp ác khẩu vẫn còn. Do đó, khi đối diện với việc ác thì đừng tưởng làm rồi là Không, mà nghiệp ác đeo đuổi đời đời kiếp kiếp là Có.

Vậy chuyển nghiệp là cố gắng giải thoát cái bản ngã vị kỷ thấp hèn để có một đời sống đạo đức xả kỷ, quên mình để sống trọn vẹn vì mọi người chung quanh.

Đời sống xả kỷ vị tha được coi là một đức hạnh cao đẹp nhất của con người. Cho dù chúng ta chưa chứng được trạng thái vô ngã thực sự, nhưng từng giây từng phút, từng tâm niệm, chúng ta biết từ bỏ những lợi ích của mình để lo cho lợi ích của mọi người thì cái tự ngã đang từ từ bị tiêu diệt.

Thật vậy, đạo Phật có mặt để đem lợi ích cho cuộc đời, chứ không phải để cuộc đời đem lợi ích lại cho đạo Phật.

Do đó một Phật tử chân chính là người thấm nhuần giáo lý Đức Phật, rồi sau đó quay lại sống với mọi người bằng lòng từ bi vô ngã. Phật pháp là con đường để sống, là ánh sáng trí tuệ hướng dẫn mọi người sống đúng với chân lý và chắc chắn sẽ mang lại an vui tự tại cho mình và cho tất cả mọi người.

Ở Trung Hoa đời nhà Đường có nhà thơ rất nổi tiếng là Lý Bạch. Vì nghe danh Thiền Sư Ô Sào là một cao tăng đặc đạo nên tìm tới tham vấn. Ô Sào có nghĩa là con quạ đen vì thiền sư thích ngồi trên cháng ba của một cây cổ thụ trên một nắm cỏ giống như một ổ quạ nên từ đó người đời gọi Ngài là Thiền Sư Ô Sào.

Nhà thơ Lý Bạch đứng dưới đất nhìn lên hỏi:

- Bạch Hòa thượng, xin Hòa Thượng dạy cho tôi một phương pháp tu ngắn và gọn để tôi có thể tu được.

Thiền Sư Ô Sào ở trên nói xuống:

Chư ác mạc tác

Chứng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo

Có nghĩa là:

Tất cả các nghiệp ác chớ có làm

Nên làm tất cả các việc lành

Cố gắng làm cho tâm ý được thanh tịnh

Đó là lời dạy của chư Phật.

Lý Bạch nghe qua, cười và nói:

Hòa Thượng nói bài kệ đó con nít tám tuổi cũng thuộc lòng, vậy Hòa Thượng đem dạy tôi để làm gì?

Thiền Sư Ô Sào nói:

Ông nói đúng, con nít tám tuổi cũng thuộc nhưng ông già tám mươi tuổi làm cũng chưa xong.

Tuy đạo Phật là đạo ban vui cứu khổ, nhưng con người phải sáng suốt để chọn con đường sống cho mình. Con đường thiện mang đến sự an lạc, hạnh phúc và ngược lại con đường ác dẫn đến sự phiền não, khổ đau. Cốt tủy của đạo Phật vẫn là tâm thanh tịnh để gạt lọc tham, sân, si, phiền não cho mình trước, rồi mới trải lòng thương giúp đỡ cho người, làm cho mọi người được an vui hạnh phúc. Khi xưa chúng ta làm việc thiện với hy vọng quả báo tốt ngày sau cho mình thì dĩ nhiên kiếp sau chúng ta sẽ được hưởng phước báu nhưng tâm vẫn còn nặng tính tham lam, ích kỷ để dẫn dắt chúng trở lại làm việc ác. Ngày nay chúng ta cũng làm nhiều việc thiện nhưng với tâm hồn trong sáng, vị tha. Chúng ta thi ân mà không cần quả báo, làm việc thiện chỉ cầu lợi ích cho chúng sanh chứ không cầu phước riêng cho mình thì tinh thần vô ngã, vị tha của nhà Phật đã nảy nở rộng lớn để che lấp chỗ tham lam, ích kỷ trong tâm chúng ta.

Sự hạnh phúc và khổ đau của chúng ta trong đời này chẳng qua chỉ là Nghiệp Quả mà chúng ta đã tạo ra trong đời quá khứ mà thôi. Cái định mệnh vô hình này không phải là do thần linh sắp đặt, hay là ông trời áp xuống mà chính là do tự tay chúng ta tạo ra. Mỗi nghiệp chúng ta đã tạo ra từ đời trước chính là cái vui hay cái khổ mà chúng ta nhận lãnh ở đời này. Thế thì nếu mình tạo nghiệp được thì chính mình có thể sửa nghiệp được, nhưng muốn chuyển nghiệp thì trước hết phải chuyển tâm. Tâm có trong sáng thì hành động mới thanh cao, ngược lại tâm ngã mạn thì hành động đen tối.

Sau cùng, người tu Phật là người sáng suốt để lìa xa mọi hành vi bất thiện và không làm việc ác bởi vì sống trong thế gian nếu gặp cảnh thuận thì con người sẽ nổi tánh tham còn gặp cảnh nghịch thì lòng sân nổi dậy. Do đó cho dù chúng ta có gặp cảnh thuận hay cảnh nghịch thì tâm vẫn khởi động niệm như thường. Vì thế khi gặp bất cứ hoàn cảnh tốt hay xấu thì đó cũng chỉ là cách tăng thượng duyên cho chúng ta mà thôi. Nếu gặp cảnh khó khăn thì cứ nghĩ đây là sự thử thách của Phật hay Bồ Tát thì tâm của chúng ta sẽ thanh tịnh.

Thêm nữa, có buông xả thì tâm mới được thanh tịnh. Nếu chúng ta cứ ôm giữ khư khư vào lòng bao nhiêu phiền não, tức là không bớt được tham-sân-si, thì khó lòng mà đạt được tâm thanh tịnh. Phật pháp là đoạn phiền não, nếu như học Phật mà vẫn còn phiền não tức là đi ngược lại hướng đi của Phật pháp. Do đó chúng ta luôn luôn làm việc lành, việc tốt, tránh xa việc ác, việc xấu và cố giữ tâm của mình cho được thanh tịnh là chúng ta đã tự giải thoát ra khỏi mọi hệ lụy đau khổ của thế gian để tìm về cảnh giới an vui, tự tại và hạnh phúc viên mãn.

12. Tôn giả Xá Lợi Phát

(Đệ nhất trí huệ)

Tại miền Nam nước Ấn Độ, có một vương quốc tên là Ma Kiệt Đà và cách kinh thành Vương Xá khoảng 3,4 cây số có một thôn trang tên là Ca Tỳ Nỏa Ca. Nơi đây thì rừng đẹp trúc cao, núi xanh sông biếc và quang cảnh thì thanh tịnh u nhàn và đây cũng chính là quê hương của Ngài Xá Lợi Phát.

Thân phụ của Ngài là Đề Xá và là một luận sư nổi tiếng trong giáo đoàn Bà La Môn. Ngay cả thân mẫu của Ngài cũng là người có trí tuệ vượt xa hơn những phụ nữ bình thường lúc bấy giờ.

Khi Xá Lợi Phát vừa lên 8 tuổi thì trí thông minh của Ngài đã phát triển một cách nhanh chóng. Một hôm, trong nước Ma Kiệt Đà, có hai anh em ông trưởng giả là Cát Lợi và A Già La, mở tiệc đãi đấng vua quan, các nhà quyền quý và các vị luận sư để thưởng thức ca vũ nhạc kịch và cùng nhau bàn luận về chuyện cổ kim. Theo quy định của đại hội thì mọi người được ngồi theo chỗ đã định sẵn chỉ riêng có cậu bé Xá Lợi Phát thì nhảy phốc lên ngồi ở ghế chủ tọa. Ban đầu thì mọi người không chú ý mấy đến cậu bé ngộ nghịch này, nhưng về sau khi nghe Xá Lợi Phát với lời lẽ hùng hồn, nghĩa lý tinh thông, chẳng những làm kinh ngạc những vị luận sư Bà La Môn đương thời mà còn làm cho quốc vương Ma Kiệt Đà sửng sốt. Để tỏ lòng quý mến, quốc vương Ma Kiệt Đà đã đem một thôn trang phong tặng cho cậu bé Xá Lợi Phát.

Khi lớn lên thì Ngài có dáng người cao lớn, dung mạo thanh tú, mắt sáng như sao và tay dài quá gối. Vì được thừa hưởng truyền thống học giả của cha mẹ và với phong độ trí thức sẵn có nên tên tuổi của Ngài vang dội nhanh chóng cả xứ Ma Kiệt Đà này.

Lúc vừa 20 tuổi, Ngài từ giã quê hương và gia đình để lên đường tìm sư học đạo. Ban đầu, Ngài tìm đến bái kiến vị Bà La Môn nổi danh đương thời là San Xà Dạ làm thầy. Nơi đây Ngài kết bạn với người đồng học tên là Mục Kiên Liên. Xá Lợi Phát và Mục Kiên Liên tuổi tác thì ngang nhau và trí thức cũng như tư tưởng thì rất tương đồng. Thêm vào đó cả hai đều cùng chí nguyện tâm sư học đạo để tìm chân lý tối thượng của cuộc sống nên tình cảm rất hòa hợp. Khi Xá Lợi Phát tâm sự cho Mục Kiên Liên về kiến thức giới hạn của thầy mình thì cả hai quyết định ly khai San Xà Dạ. Họ nghĩ

rằng trên đời này không có người trí thức nào sánh kịp với họ và cũng chẳng có ai đủ tư cách làm thầy của họ cả. Họ thành lập một học đoàn riêng biệt và bắt đầu thu nhận đệ tử. Tôn chỉ của họ là tự tu và truyền dạy những điều họ khám phá được cho hơn 200 đệ tử của họ. Dưới ánh mắt của họ thì những học giả trên toàn nước Ấn Độ lúc bấy giờ quá tầm thường, không có gì đáng kính nể.

Một ngày nọ, trên đường đi vào kinh đô Vương Xá, Ngài Xá Lợi Phất gặp một nhóm đệ tử của Phật. Họ là năm vị đệ tử đầu tiên mà Đức Phật đã quy y tại vườn Lộc Uyển. Đó là các ông Kiều Trần Như, Ác Bê, Thập Lục, Ma Ha Nam và Bạc Đề và đây là những người tu khổ hạnh với Đức Phật khi xưa trên núi Tuyết sơn.

Xá Lợi Phất hỏi với khẩu khí của một trưởng giả:

- Thầy của Ngài là ai? Và bình thường dạy Ngài đạo lý gì?

Vị Tỳ kheo chậm rãi trả lời:

Thầy tôi là bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, xuất thân từ dòng họ Thích Ca. Ngài dạy về chân lý của vũ trụ nhơn sanh. Kẻ ít học như tôi không thể lãnh hội trọn vẹn, nhưng tôi còn nhớ đạo lý Ngài thường giảng là:

Các pháp do nhân duyên sanh

Các pháp do nhân duyên diệt.

Đức Phật cũng dạy rằng: “ Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi tịch diệt là vui”. Đối với lời dạy của bậc đạo sư, thật khó diễn tả được hết cảm kích của chúng tôi.

Sau khi nghe danh hiệu Phật Đà và những giáo pháp của Đức Phật thì Xá Lợi Phất như người vừa thức mộng. Trước mắt Ngài là ánh sáng mặt trời vừa xóa đi những đám mây đen bao trùm trong tâm khảm bấy lâu nay. Tất cả những mối nghi ngờ về vũ trụ nhân sinh đều biến mất. Ngài đứng bên đường đàm đạo với các vị Tỳ kheo như là bạn tri kỷ trăm năm và sau đó ước hẹn về yết kiến Đức Phật.

Xá Lợi Phất về đến nơi, Mục Kiền Liên thấy dáng vui tươi của bạn, liền hỏi thăm:

- Hôm nay có việc gì mà trông bạn hân hoan đến thế?

Xá Lợi Phát trả lời:

- Mục Kiên Liên, đây là dịp cao hứng đệ nhất trong đời tôi. Thật hoan hỷ, tôi báo cho bạn biết, tôi đã gặp vị lão sư của chúng ta.

Mục Kiên Liên hỏi lại:

- Bạn nói gì thế, ai là người có thể làm thầy chúng ta?

Xá Lợi Phát trả lời:

- Phật Đà! Đó chính là Đức Phật Đà.

Sau đó, Xá Lợi Phát liền đem những lời giáo pháp của vị Tỳ kheo kể lại cho Mục Kiên Liên nghe. Kể nghe, người kể đều không ngăn được xúc động và cả hai đều rơi lệ.

Đối với pháp nhân duyên thì người bình thường sau khi nghe chưa chắc đã lãnh hội được. Nhưng cả hai càng nghe thì càng thích thú bởi vì nếu không thể thấu hiểu được pháp nhân duyên thì khó lòng mà nhận thức được Phật pháp.

Ngày hôm sau, Xá Lợi Phát và Mục Kiên Liên đem toàn bộ đệ tử đến Tịnh xá Trúc Lâm xin quy y theo Phật. Đức Phật thân nhập hai ông vào Tăng đoàn với câu nói đơn giản:” Hãy đến đây! Các Tỳ Kheo”.

Từ khi thành đạo đến nay, Đức Phật đã thu nhập rất nhiều đệ tử. Nhưng đến khi hai Ngài Xá Lợi Phát và Mục Kiên Liên gia nhập tăng đoàn thì Đức Phật mới tin rằng chân lý mình chứng ngộ đã gặp đúng người có thể tiếp thọ. Chính Xá Lợi Phát và Mục Kiên Liên cũng cảm thấy mình đã gặp đúng bậc minh sư.

--- o0o ---

Thiết Lập Tu Viện Kỳ Viên

Sau khi Xá Lợi Phát quy y theo Phật thì lực lượng tăng đoàn bắt đầu tăng thêm. Lúc ban đầu Đức Phật hoàng dương đạo pháp phần lớn các nơi ở miền Nam xứ Ấn Độ đặc biệt là tại nước Ma Kiệt Đà. Ngài lưu lại tịnh xá

Trúc lâm trong 6 mùa an cư kiết hạ. Nhưng hai năm đầu, ở phương Bắc chưa có một tu viện căn bản nào để dùng cho việc thuyết pháp. Do nhân duyên kỳ ngộ, một ngày nọ có ông trưởng giả Cấp Cô Độc là vị đại thần của vua Ba-Tur-Nặc mà kinh đô là thành Vương Xá của nước Kiều Tát La, nhân đến phương Nam thăm người quen và được dịp gặp gỡ Đức Phật. Sau khi nghe Phật thuyết giảng về đạo lý cứu khổ, ông phát tâm quy y và nguyện xây một tịnh xá nơi quê hương của ông để cung thỉnh Đức Phật cùng chư tăng đến để truyền pháp ngõ hầu dứt trừ chúng sinh ra khỏi đường mê lối vọng. Đức Phật bèn sai Ngài Xá Lợi Phất là người đệ tử đầu tiên nhận lãnh sứ mạng của Đức Thế Tôn lên phương Bắc để lo hoằng pháp và trông coi việc xây cất tu viện Kỳ Viên. Công việc xây cất tịnh xá thì không phải là dễ, nhưng đối diện với ngoại đạo thì vạn phần khó hơn và ngoài Xá Lợi Phất ra không ai có thể gánh vác nổi trách nhiệm nặng nề này. Sau khi tìm được mảnh đất của Thái tử Kỳ Đà thì ông Tu Đạt Đa dùng vàng ròng trải khắp mặt đất để mua vườn hoa làm nơi kiến tạo tịnh xá.

Quả như lời tiên đoán của Đức Phật, Tịnh xá vừa khởi công không bao lâu thì ma nạn khởi lên. Nhiều nhóm ngoại đạo ganh ghét sự phát triển của Phật giáo, đến yêu cầu ông Tu Đạt Đa từ bỏ ý định xây cất tịnh xá và chúng khuyên ông đừng nên tin theo tín ngưỡng của Phật Đà.

Cho dù bọn ngoại đạo dùng áp lực nhưng ông Tu Đạt Đa đã thọ lãnh pháp ân của Phật thì ông khi nào lại nghe lời của chúng nên họ bèn xoay qua Ngài Xá Lợi Phất. Nếu họ biện luận đánh đố được thuyết Phật giáo thì ông Tu Đạt Đa sẽ tỉnh ngộ. Khi nghe được tin này thì ông Tu Đạt Đa hết sức kinh sợ vì ông nghĩ rằng chỉ một mình Ngài Xá Lợi Phất thì làm sao có thể tranh biện nổi với bọn ngoại đạo?

Ngày giờ ước định đã đến, bên phía Phật thì chỉ có một mình Ngài Xá Lợi Phất còn phía ngoại đạo thì có hơn mười vị luận sư danh tiếng. So sánh về lực lượng thì một phải chọi tới mười, nhưng Ngài Xá Lợi Phất rất hoan hỷ bởi vì đây là cơ hội tốt để Ngài phát huy triết lý cao siêu của Đức Phật. Ngài không sợ hãi bởi vì Ngài xuất thân trong một gia đình từ ông nội, đến phụ thân đều là học giả hạng nhất của toàn nước Ấn Độ. Họ cũng như Ngài đều là những luận sư danh tiếng của Bà La Môn do đó Ngài rất tinh thông tất cả kinh điển của ngoại đạo và thêm nữa hiện tại Ngài là người vừa chứng được Thánh quả của Phật giáo. Với giáo pháp cao siêu thông suốt như Ngài, sau cuộc tranh luận, bọn ngoại đạo đều giơ tay đầu hàng và một số lớn xin Ngài giới thiệu với Phật để quy y theo Phật giáo. Đức Phật tuy ngồi ở phương Nam mà ánh sáng oai đức đã chiếu trùm đến phương Bắc. Sau đó

Ngài Xá Lợi Phát hướng dẫn trên mấy vạn người đến yết kiến và quy y theo Phật. Trưởng giả Tu Đạt Đa lúc này càng khâm phục Ngài Xá Lợi Phát, nhưng ông ta lại càng cảm kích oai đức của Đức Thế Tôn.

Việc xây cất tu viện Kỳ Viên tiến hành rất nhanh chóng và đúng như thiết kế của Ngài Xá Lợi Phát. Tu viện có tất cả 16 giảng đường dành cho đại hội giảng kinh. Ngoài ra tu viện cũng còn có 16 tiểu đường để làm phòng ngủ, nhà khám bệnh....

Lúc Tịnh xá sắp hoàn thành, Xá Lợi Phát nói với Tu Đạt Đa:

- Trưởng giả! Ông nhìn xem, trên trời xuất hiện những gì kìa?

Tu Đạt Đa thất vọng trả lời:

- Thưa Tôn giả! Con chẳng thấy có gì cả.

Xá Lợi Phát nói tiếp:

- Chẳng có gì lạ, tại vì mắt thường không thể thấy được những biến hiện. Bây giờ ông hãy nương theo sức thiên nhãn của tôi và nhìn lại một lần nữa.

Bây giờ Tu Đạt Đa vui mừng kêu lên:

- Thưa tôn giả! Con thấy có nhiều cung điện trang nghiêm rực rỡ.

Xá Lợi Phát tiếp:

- Đó là cung điện của sáu cõi trời dục. Vì ông cúng dường tịnh xá cho Phật thuyết pháp, tịnh xá chưa hoàn thành, nhưng cung điện của ông trên sáu cõi trời đã sớm dành sẵn cho ông.

Tu Đạt Đa hỏi:

- Trong sáu cõi trời ấy, cung điện thì nhiều đến thế thì con phải ở cõi trời nào mới tốt?

Xá Lợi Phát trả lời:

- Cõi trời Đạo Lợi thọ mạng rất lâu. Nếu biết tu hành, siêng năng trong Phật đạo thì khó mà đọa lạc.

Tu Đạt Đa hoan hỷ:

- Vậy sau này con nhất định nguyện sanh về cõi trời Đạo Lợi.

Khi Tu Đạt Đa vừa nói xong, những cung điện kia dần dần tan biến mất, chỉ còn lại cung điện của cõi trời Đạo Lợi sáng rực đẹp đẽ hiện ra ở không trung. Ta Đạt Đa thấy rồi rất mừng rỡ vì bình sanh ông ta chưa từng thấy cung điện nào đẹp như thế.

Không lay chuyển tâm Bồ tát

Nhân chuyện trưởng giả Tu Đạt Đa cúng dường tịnh xá cho Phật và nhờ thần lực thiên nhân của Ngài Xá Lợi Phất đã giúp cho ông Tu Đạt Đa thấy được cung điện cõi trời. Nhưng cơ duyên gì giúp Ngài Xá Lợi Phất có được thiên nhân thông như vậy?

Trở về khoảng sáu mươi tiểu kiếp trước, lúc đó Xá Lợi Phất chỉ là một nhà tu khổ hạnh. Vì muốn làm tròn Bồ tát hạnh, Ngài không những nguyện đem nhà cửa, ruộng vườn, tài sản và tất cả những vật sở hữu nơi thân vui lòng bố thí, mà Ngài còn nguyện đem cả thân thể, mạng sống của mình để bố thí cho người.

Vì tâm nguyện chơn thiết như vậy đã làm kinh động trời đất cho nên có một thiên nhơn muốn thử đạo tâm của Ngài.

Thiên nhơn liền biến thành một thanh niên khoảng 20 tuổi ngồi chờ trên đường Xá Lợi Phất thường đi qua. Thanh niên vừa thấy Ngài đến, bèn lớn tiếng khóc rờn. Xá Lợi Phất thấy vậy động lòng từ bi nên đến trước mặt thanh niên an ủi hỏi han:

- Này cậu kia! Vì sao ngồi đây khóc lóc thương tâm như vậy?

Cậu thanh niên đáp lại:

- Ông đừng hỏi lời thôi, cho dù có nói cho ông nghe thì ông cũng chẳng giúp gì được.

Xá Lợi Phất hỏi thêm:

- Tôi là sa môn học đạo, phát nguyện cứu giúp khổ nạn cho chúng sanh. Anh có cần gì nếu tôi có sẵn, tôi sẽ giúp anh mãn nguyện.

Chàng thanh niên kể rằng:

Ông chẳng thể giúp tôi được đâu, tôi khóc đây chẳng phải vì thiếu tài vật thế gian, mà vì mẹ tôi mang bệnh không thể trị được. Thầy thuốc nói cần phải có con mắt của người tu để hòa thuốc thì bệnh mẹ tôi mới lành. Con mắt của người đời đã khó kiếm thì con mắt của người tu làm sao chịu cho tôi? Nghĩ đến mẹ già rên rỉ trên giường bệnh chờ thuốc nên tôi bất chợt đau đớn mà phát khóc.

Nghe xong Xá Lợi Phát trả lời:

- Chuyện đó đâu khó gì, tôi vừa nói với anh tôi là sa môn kia mà. Tôi sẽ bố thí cho anh một con mắt để cứu bệnh nan y cho mẹ anh.

Thanh niên vui mừng nhảy lên:

- Có thật Ngài bố thí cho tôi một con mắt?

Xá Lợi Phát nói thêm:

Tất cả tài sản của tôi đều bố thí hết. Chính lúc muốn tiến một bước trên Bồ tát đạo, tôi nguyện đem thân ra bố thí. Tôi còn đang khổ sở vì chẳng gặp ai nhận, nay gặp lúc anh đang cần thì tôi mãn nguyện tâm đạo của tôi rồi. Tôi rất vui mừng cảm ơn anh. Anh nên tìm cách lấy con mắt của tôi đi

Người thanh niên khó chịu đáp:

- Thật không được, làm sao tôi dám cưỡng đoạt con mắt của ông? Như lời ông phát nguyện thì ông tự móc mắt ra mà cho tôi.

Xá Lợi Phát nghe nói có lý liền quyết tâm dũng cảm chịu đau, đưa tay móc ngay con mắt bên trái ra, đưa tận tay thanh niên và nói:

- Đa tạ anh đã giúp tôi thành tựu tâm nguyện, mắt đây anh hãy cầm lấy.

Thanh niên đưa tay cầm con mắt trái bèn la lớn rằng:

- Hồng bát! Ai biểu ông móc con mắt trái ra vậy? Bệnh mẹ tôi thì thầy thuốc nói phải dùng con mắt mặt mới tốt.

Xá Lợi Phát nghe nói liền tự trách sao mình không hỏi kỹ rồi hãy móc mắt. Lỡ rồi bây giờ phải làm sao? Ngài tự nghĩ khi cho con mắt trái thì vẫn

còn con mắt mặt để xài. Nếu bây giờ cho luôn con mắt mặt thì mình thành ra đui. Thật đáng kính phục Xá Lợi Phát, không bao giờ trách người. Ngài nghĩ tiếp rằng nếu mình đã phát tâm cứu người thì phải làm cho tới nơi tới chốn. Rất khó gặp người nhận bố thí để thành tựu đạo hạnh của mình, cho nên quyết định cho luôn con mắt mặt. Xá Lợi Phát nghĩ như vậy nên đến an ủi chàng thanh niên:

Anh đừng nóng ruột, vừa rồi tại tôi hấp tấp, không kịp hỏi nên móc lộn con mắt. Bây giờ tôi biết rằng thân thể này là hư huyễn là vô thường nên tôi còn con mắt bên phải tôi xin móc luôn cho anh làm thuốc chữa bệnh cho mẹ.

Xá Lợi Phát nói xong, lại quyết tâm một phen nữa, mạnh dạn chịu đau móc luôn con mắt bên mặt cho thanh niên nọ.

Thanh niên cầm con mắt, không thềm nói một lời cảm ơn, đưa con mắt lên ngửi một cái rồi quăng luôn xuống đất và mắng:

Ông là thầy tu cái gì? Con mắt hôi hám khó ngửi, làm sao nấu thuốc cho mẹ tôi dùng? Thanh niên mắng xong, còn lấy chân chà lên con mắt Xá Lợi Phát.

Mặc dù không còn thấy được nữa, nhưng lỗ tai vẫn còn thính nên sau khi nghe lời mắng cũng như tiếng chân chà đạp con mắt của mình, Ngài chỉ còn biết thở dài và thầm nghĩ:” Chúng sanh khó độ, tâm Bồ tát khó phát, ta chẳng dám nghĩ tới Bồ tát giới. Ta nên quay lại chú trọng việc tu hành để tự độ mà thôi”.

Trong tâm Ngài vừa khởi ý niệm ấy thì trên không trung xuất hiện rất nhiều thiên nhơn và nói với Ngài rằng:

Thưa tôn giả! Xin Ngài đừng chán nản vì người thanh niên lúc nãy là do thiên nhơn chúng tôi sai đến thử thách Bồ tát đạo tâm của Ngài. Ngài phải tinh tấn dũng mãnh lên theo như tâm nguyện của mình để mà tu đạo.

Xá Lợi Phát nghe nói lấy làm xấu hổ nhưng tâm Bồ tát lợi tha bắt đầu mở rộng trong Ngài.

Từ 60 tiểu kiếp đến nay, Ngài Xá Lợi Phát không ngừng tu Bồ tát đạo từ đời này đến kiếp khác cho đến khi gặp Phật Thích Ca Mâu Ni thì chứng được thánh quả và đạt được Thiên nhãn thông.

--- o0o ---

Giáo Hóa Kẻ Phản Đồ

Trong hàng đệ tử của Phật có một Tỳ kheo tên là Đề Bà Đạt Đa. Ông là bậc vương tôn và đã quy y theo Phật cùng lúc với những chàng thanh niên dòng họ Thích khi Đức Phật về thăm gia đình. Ông là anh của tôn giả A Nan. Mặc dù xuất gia trên 10 năm nhưng ông ta không chứng được quả vị gì. Vì ham mộ thân thông nên ông bị ma quỷ làm mờ tâm trí. Ông mưu đồ phản lại Đức Phật và tách rời khỏi tăng đoàn. Một hôm sau khi Đức Phật đi khát thực về và cùng với các đệ tử nghỉ ngơi tại giảng đường thì Đề Bà Đạt Đa ngang nhiên dẫn đầu nhóm bè đảng đến yêu cầu Phật nhường quyền lãnh đạo tăng đoàn cho ông. Phật từ chối vì biết ông là người không đủ tư cách. Càng giận ông càng la lớn tiếng và kêu gọi các tỳ kheo đi theo ông. A Nan lúc ấy mới nói:

Xin anh đừng hồ đồ. Anh là huynh trưởng của tôi. Tôi nghĩ đến anh tạo tội nặng như thế, tương lai sẽ bị đọa mà cảm thấy ghê sợ. Đức Phật là bậc đại từ bi. Con người như anh không thể sánh với Ngài. Nếu hôm nay có mặt Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên ở đây, chắc chắn họ không để cho anh tung hoành như vậy.

Sau đó Đề Bà Đạt Đa dùng mọi thủ đoạn từ uy hiếp đến lợi lộc để dụ dỗ một số đệ tử của Phật theo mình. Có một số tỳ kheo lòng tin không vững cùng với sự tham mê sự cúng dường nồng hậu của vua A Xà Thế đã đổi lòng mà đi theo ông.

Đức Phật sai hai Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến Gayasima để thuyết pháp đem họ về với chánh đạo. Một ngày nọ, đang khi các phản đồ cùng với số đệ tử của Đề Bà Đạt Đa nhóm họp thì Xá Lợi Phất uy nghiêm đi đến và hỏi:

Này quý vị, tôi hỏi quý vị một câu. Vậy chớ quý vị xuất gia tu đạo là vì thọ cúng dường? Hay vì tu đạo?

Đại chúng đồng đáp:

- Vì mục đích tu đạo và muốn thoát sanh tử!

Xá Lợi Phất nói tiếp:

Nếu như vậy, các ông không tu theo chánh đạo của Đức Phật, lại để cho lòng tin thuần khiết tôn quý của mình bị lay động vì chút vật chất cỏn con. Các ông phải mau mau phân tỉnh giác ngộ mới được.

Khi Xá Lợi Phất nói lời ấy tức thì từ trong mình phóng ra muôn đạo kim quang trong đó hiển hiện từ dung của Phật. Các tỳ kheo bội phản và môn đồ của Đề Bà Đạt Đa kinh sợ và đều quỳ xuống sám hối. Sau đó Xá Lợi Phất lại dẫn họ trở về với tăng đoàn.

Đức Phật từ đó càng tin cậy Xá Lợi Phất vì Ngài có công lớn trong sự hòa hợp tăng đoàn. Riêng Đề Bà Đạt Đa không sợ Phật nhưng rất kính nể Xá Lợi Phất.

--- o0o ---

Cõi Tây Phương Cực Lạc

Đức Phật vì lòng từ bi mà xuất gia tìm đạo để cứu chúng sanh ra khỏi bể trầm luân. Khi Ngài còn ở tịnh xá Kỳ viên thì thường thuyết giảng cho chúng sanh hiểu rõ về biển khổ của sanh tử luân hồi. Chúng sanh vì mê lầm mà mãi trầm luân trong sáu nẻo. Ngài muốn nói lên pháp môn Tịnh độ nhưng lại sợ hạng căn cơ thấp kém không thể tin tưởng và thọ trì nên Ngài quyết định dùng trí huệ của Xá Lợi Phất để truyền dạy về cảnh Tây phương Cực lạc thanh tịnh trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà. Phật dạy:

Này Xá Lợi Phất! Ở phương Tây cách thế giới của ta rất xa xôi, có một thế giới tên là thế giới Cực lạc. Ở đó vị giáo chủ là Đức Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Thế giới ấy tại sao gọi là thế giới Cực lạc?

Phật dạy rằng:

Vì thế giới ấy không giống thế giới Ta bà này có nhiều xấu xa, nhỏ hẹp và đau khổ. Chúng sanh ở quốc độ đó chỉ có đầy đủ, không hề thiếu thốn, chỉ có an vui không hề đau khổ, cho nên gọi là thế giới Cực lạc. Cõi ấy cảnh vật tốt đẹp trang nghiêm, bằng phẳng, sạch sẽ và giàu có. Người trong nước về phần ăn mặc, đi đứng, thuốc men... đều tùy theo nhu cầu mà đầy đủ tiện

nghi. Những người ấy đều là các bậc thượng thiện ở chung một cõi. Phong cảnh như một rừng hoa tuyết mỹ. Kiến trúc như một đô thị nguy nga.

Phật lại dạy tiếp:

Xá lợi Phật! Chỉ cần nhất tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, gieo trồng nhân duyên phước đức, tu học 37 phẩm trợ đạo, tương lai sẽ được Phật A Di Đà tiếp dẫn và được vãng sanh về nước của Ngài. Nay Xá Lợi Phật! Chúng sanh ở thế giới Ta bà nếu muốn thoát khỏi khổ não trong sáu nẻo luân hồi, chỉ nên phát nguyện cầu được sanh về cõi ấy. Ta từng bảo A Nan lễ bái Phật A Di Đà và chính A Nan cũng từng được thấy Phật A Di Đà phóng hào quang sáng chói. Các ông nên tin vào pháp môn mà ta vừa nói. Đó chính thật là con đường cứu khổ.

Đức Phật nói xong, đại trí Xá Lợi Phật không hề có một niệm hoài nghi. Tôn giả và đại chúng đều tin sâu vào pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà.

--- o0o ---

Sự Sanh Tử Của Kẻ Tu Hành

Một ngày kia, tôn giả Xá Lợi Phật đang ngồi thiền trong một khu rừng gần thành Vương Xá, trong lúc chuẩn bị để nhập chánh định thì bỗng nhiên Ngài nghe tiếng Tỳ kheo ni Ưu Ba Tiên Na gọi Ngài trong lúc bà ta đang ngồi thiền từ trong hang động đối diện. Mặc dù Ngài là bậc trưởng lão đã chứng thánh quả, Ngài cũng tôn trọng những ni cô tu hành đắc đạo. Khi Ngài vừa bước đến thì Ưu Ba Tiên Na nói:

- Thưa tôn giả! Khi tôi đang tọa thiền, trên thân mình bỗng chạm nhằm vật gì. Ban đầu tôi không lưu ý, nhưng sau mới biết là đụng phải loài rắn độc. Tôi đã bị nó cắn, thế nào cũng chết. Bây giờ thừa lúc nọc độc chưa hoành hành, xin Ngài từ bi vì tôi tìm cách mời đại chúng đến cho tôi được cáo biệt.

Khi nói câu nói ấy, Ưu Ba Tiên Na không tỏ một chút gì kinh sợ và tư chất của bà rất tự nhiên như chẳng có việc gì xảy ra.

Xá Lợi Phật hỏi:

- Ở đây vừa xảy ra việc đó sao? Ta xem sắc mặt cô không có gì biến đổi. Nếu như bị rắn cắn thì nhất định cô sẽ biến sắc.

Mới nhìn Xá Lợi Phát cho là không có việc gì nên mới nói như thế, nhưng Ưu Ba Tiên Na trầm tĩnh đáp:

- Bạch tôn giả! Thân người là do tứ đại, ngũ uẩn hư vọng mà thành, không có chủ thể, vốn là vô thường, vốn là “không”. Tôi đã chứng ngộ được đạo lý ấy thành ra độc xà làm sao cắn được cái không?

Xá Lợi Phát khen:

- Cô nói rất đúng. Cô đã đến trình độ thoát mọi đau đớn của thân thể. Cô dùng huệ mạng của mình mà giữ gìn sắc mặt không biến đổi.

Xá Lợi Phát khen ngợi Ưu Bà Tiên Na và thông tri cho tất cả các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni tu tập gần đó. Họ đem Ưu Ba Tiên Na ra khỏi động thì lúc ấy nọc độc mới dần dần xâm nhập khắp người. Một lát sau Ưu Ba Tiên Na bình thân mà nhập diệt. Tất cả đại chúng thấy một bậc thánh được giải thoát như vậy thì ai ai cũng tán thán. Xá Lợi Phát nói thêm:

- Người tu hành điều tâm, chủ động mà nhập diệt, đối với cái chết của thân mình coi như bỏ cái bát độc, như bệnh nặng được lành. Có cầu ắt có báo đáp, có chí nguyện thì nhất định sẽ thành. Đối với họ sắp chết mà không đổi sắc, đó là dùng mắt trí huệ mà xem tướng thế gian cũng như ra khỏi nhà lửa tam giới. Thật là đẹp đẽ vô cùng.

Lời Ngài Xá Lợi Phát khen Ưu Ba Tiên Na chính là phương pháp quan sát của người Phật tử đối với chuyện tử sanh. Đối với kẻ tu hành thì chuyện tử sanh cũng như là một đám mưa đi qua mà thôi. Bởi vì đối với họ thân này là giả, mọi vật chung quanh họ cũng là giả luôn nên họ không còn luyến ái, tham lam để gìn giữ cái giả tạo đó. Ra khỏi tam giới tức là tự mình đã thoát ra khỏi lò lửa của phiền não, của đau thương để đến cảnh an vui tự tại muôn đời bất sanh bất diệt.

--- o0o ---

Lòng Khoan Dung Độ Lượng

Thời gian thấm thoát trôi qua, mới đây mà giờ đây Ngài đã là bậc cao tăng trên 80 tuổi. Mặc dù tuổi đã già nhưng Ngài không bao giờ quên lãng chuyện hoằng pháp độ sanh. Năm đó sau mùa an cư kiết hạ tại tịnh xá Kỳ viên, Ngài thỉnh cầu Đức Phật cho phép được đi du phương hóa đạo. Phật

nhận lời và khen ngợi tinh thần vị tha, vị pháp của Ngài. Tôn giả rời tịnh xá không bao lâu thì có một tỳ kheo đến bạch với Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xá Lợi Phất đi vân du hôm nay không phải vì tuyên dương Phật pháp, mà ông ấy đã làm nhục con. Khi gặp mặt con ông thấy hổ thẹn muốn tránh nên mới kiếm chuyện đi phương khác.

Đức Phật không vui kẻ phỉ báng người vắng mặt, nghe xong lập tức cho người mời Xá Lợi Phất trở lại và ở trước đại chúng Phật nghiêm nghị hỏi Xá Lợi Phất:

- Xá Lợi Phất! Sau khi ông đi không lâu, có một tỳ kheo đến mách với ta rằng ông đã khi dễ , nhục mạ ông ấy, có thật hay không?

Xá Lợi Phất ôn hòa, cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi con theo Ngài đến nay gần 80 tuổi, con nhớ chưa từng sát hại sinh mạng, chưa hề nói lời hư vọng. Chỉ trừ khi vì muốn tuyên dương chân lý, cũng chưa từng nói chuyện riêng tư, lợi hại được mất của người hay là cùng người bàn tán tốt xấu. Trong ba tháng an cư, con mỗi ngày đều sám hối, không mất chánh niệm, tâm con thanh tịnh, không có một vẻ bất bình thì làm sao con khinh thị người khác cho được?

- Bạch Thế Tôn! Đất bùn hay nhẫn nhục, bất cứ vật gì như uế đồ lên, đất không cự tuyệt. Phân tiểu, máu mủ, đờm dãi đất đều cam thọ cũng như kẹo ngon. Tâm con hôm nay bộc bạch trước Đức Thế Tôn, nguyện như sức nhẫn nhục của đại địa, nguyện không trái nghịch ý người.

- Dòng nước thanh tịnh không kể vật sạch dơ hay cũ nát đều dùng nước để rửa sạch. Tâm con không yêu ghét, cũng như dòng nước kia. Bạch Thế Tôn! Cây chổi dùng để quét bụi, khi quét dọn không chọn lựa tốt xấu. Tâm con hôm nay thật không hề khởi phân biệt tốt xấu. Con ở trong chánh niệm, quyết không hề khinh tiện vị tỳ kheo kia. Con đối với Phật mà nói lời này. Con biết việc làm của con còn vị tỳ kheo kia cũng biết việc làm của vị ấy. Như nếu con có lỗi con xin hướng về vị tỳ kheo ấy sám hối để tâm con khỏi cắn rứt.

Khi Xá Lợi Phất bạch Phật xong thì trong đại chúng ai ai cũng cảm động. Phật bảo ông tỳ kheo vu cáo kia:

- Ông có lỗi hủy báng trưởng lão, bây giờ không thể không sám hối. Ông đã có ý khiến tăng đoàn phân vân, ông muốn cho tăng đoàn bất hòa. Nếu như ông chí thành sửa đổi sẽ khỏi bị quả báo về sau.

Tỳ kheo kia vội vàng quỳ trước Phật, chân thành sám hối:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá Lợi Phất là người không có lỗi chi. Con đối với bậc trí huệ năng lực như thế mà không biết nhún mình học tập, lại sanh tật đổ. Xin Phật từ bi thương xót, cho con cơ hội đầu tiên sám hối.

Đức Phật trang nghiêm từ hòa bảo:

- Ông hãy đến sám hối với Xá Lợi Phất vậy.

Vị Tỳ kheo ấy phủ phục cúi đầu quỳ trước Xá Lợi Phất, Tôn giả bèn đặt tay lên đầu ông và từ tốn nói:

- Tỳ kheo! Trong giáo pháp của Phật, sám hối có sức mạnh vô cùng. Làm người ai không khỏi làm lỗi. Nhưng biết lỗi liền sửa đó là việc lành rất lớn. Tôi nhận sự sám hối của ông, từ đây về sau đừng tái phạm.

Trước thái độ và lời nói của Xá Lợi Phất ai nghe cũng cảm động. Ngài đã cho chúng ta thấy lòng quảng đại và tâm bình đẳng thật vô lượng đối với kẻ oán người thù.

--- oOo ---

Chánh Đạo Thắng Ác Quỷ

Khi Đức Thế Tôn đang giảng pháp tại vườn trúc Ca Lan Đà thì tôn giả Xá Lợi Phất nhập Kim Cang tam muội ở núi Kỳ Xà Quật. Cùng ở trong núi này có hai con quỷ: con thiện là Ưu Bà Ca La và con ác là Già La. Từ xa chúng nhìn thấy Xá Lợi Phất đang ngồi kiết già tĩnh tọa. Ác quỷ Già La bèn nói với thiện quỷ Ưu Bà Ca La rằng:

- Này Ưu Bà Ca La! Ta sẽ đánh bể cái đầu của lão sa môn kia.

Thiện quỷ Ưu Bà Ca La cản ngăn:

- Anh chớ nên nói như thế. Vị sa môn ấy là đệ tử của Phật. Ông ta thông minh trí tuệ số một và có thần lực. Nếu như anh khởi ác tâm làm hại vị ấy thì anh sẽ trầm luân vĩnh cửu chịu khổ vô cùng.

Ác quỷ Già La cương quyết:

- Anh sợ lão sa môn ấy sao? Sa môn là người rất dễ bắt nạt. Anh chú ý xem một chương của tôi sẽ làm cái đầu của gã sa môn ấy lập tức nát như cám.

Thiện quỷ Ưu Bà Ca La can gián:

- Anh nói như vậy chớ tôi thật kiêng nể sa môn. Tuy họ rất nhẫn nhục và dễ bị lấn áp nhưng các vị ấy oai đức rất lớn. Anh mà đánh vị sa môn này, ông ta tuy bị khổ nhất thời nhưng chúng ta sẽ vĩnh viễn bất an.

Thiện quỷ cố can ngăn nhưng ác quỷ vẫn không nghe liền tung chưởng đánh ngay vào đầu Xá Lợi Phất. Thiện quỷ không nỡ nhìn cảnh ấy bèn tàng hình biên đi. Ác quỷ đánh tới mà Xá Lợi Phất chỉ có cảm giác như một chiếc lá rơi trên đỉnh đầu. Ngài mở mắt ra chỉ kịp thấy một con quỷ thất khiếu chảy máu và rớt xuống địa ngục.

Sau đó, Xá Lợi Phất từ trong Kim Cang tam muội đứng dậy, chỉnh lại y phục, đến vườn trúc gặp Phật. Thấy ông Phật hỏi:

- Xá Lợi Phất! Hôm nay thân ông có việc gì không?

Xá Lợi Phất trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con không có bệnh nặng, nhưng hiện tại trên đầu có đau chút đỉnh.

Phật dạy:

- Xá Lợi Phất! Hôm nay ông nhập Kim Cang định rất tốt, quỷ Già La đánh lên đầu ông mà chẳng gây thương tích cho ông. Phải biết quỷ Già La mà đấm vào núi Tu Di cũng phải bể hai, sức định Kim Cang lớn mạnh như thế các tỳ kheo khác cần phải noi theo mà tu trì.

Đôi với Xá Lợi Phất thì Ngài thường đi trong Không Tam Muội và Kim Cang Tam Muội do đó tai nạn bên ngoài không thể làm hại Ngài được.

--- o0o ---

Xin Nhập Diệt Trước Đức Phật

Lúc bấy giờ Đức Phật đang ở trong rừng của làng Trúc Phương gần thành Tỳ Xá Ly. Sau khi thuyết pháp xong Ngài bèn báo cho đại chúng một tin kinh hãi là ba tháng nữa Ngài sẽ nhập diệt. Tin buồn này lan ra rất nhanh làm mọi người trong tăng đoàn buồn thảm. Riêng Xá Lợi Phất cũng không thể nào thấy Phật nhập diệt được, nên khi ở trong định Ngài nghĩ thầm:

- Những đệ tử thượng thủ của chư Phật trong quá khứ đều nhập diệt trước Phật. Nay ta là đệ tử thượng thủ của Thế Tôn nên ta phải nhập diệt trước Ngài.

Sau khi nghĩ như vậy, Xá Lợi Phất liền xả thiền đến trước Phật, quỳ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con nay muốn nhập diệt xin Đức Thế Tôn chuẩn y.

Phật chú ý nhìn Xá Lợi Phất rất lâu mới hỏi:

- Vì sao ông muốn nhập diệt mau vậy?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài nói Ngài sẽ nhập diệt rất gần đây.

Thế Tôn đã ban cho con pháp tính và ân huệ rộng lớn, làm sao con có thể thấy Thế Tôn nhập diệt được. Vả lại, Thế Tôn từng nói, các đệ tử thượng thủ của chư Phật trong quá khứ đều nhập diệt trước các Ngài. Con thiết tưởng nay là đúng lúc con nhập diệt, xin Thế Tôn từ bi chấp thuận.

Xá Lợi Phất nói có vẻ thương cảm nhưng vẫn không để mất cái phong độ an tịnh.

Phật lại hỏi:

- Ông định nhập diệt ở nơi nào?

Xá Lợi Phất thưa:

- Con định về cố hương tại làng Na La Tỳ Nỏa Ca, có mẹ già trăm tuổi của con vẫn còn khỏe mạnh. Con muốn về thăm mẹ già lần cuối và sẽ nhập diệt trong căn phòng nơi con lớn lên.

Phật đáp:

- Ta không cản ngăn ông, ông có thể làm theo ý mình, nhưng ông là đệ tử thượng thủ trong hàng đệ tử ta, vậy ông nên đợi ta tập họp tăng đoàn để ông có vài lời giáo huấn cho họ.

Phật sai A Nan tập họp chúng tỳ kheo. Mọi người nghe tin Xá Lợi Phất cáo từ về quê để nhập diệt thì không khỏi ngậm ngùi.

Trước tiên Xá Lợi Phất cáo biệt Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con từ quá khứ vô lượng kiếp luôn luôn hy vọng được sanh nhằm thời Phật ra đời và rốt cuộc đã được mãn nguyện. Nổi vui mừng khi gặp Phật chẳng có gì so sánh được. Trong 40 năm, lãnh thọ lời dạy từ bi của Thế Tôn, khiến kẻ ngu si như con được mở mắt trí tuệ, giác ngộ chân lý và chứng được thánh quả. Ngôn từ và hình dung trong thiên hạ không thể diễn tả được sự cảm kích và vui mừng của con. Hôm nay thời hạn lìa cõi tục của con gần kề. Con sắp xả bỏ mọi ràng buộc thế gian, sắp sửa đi vào cảnh giới tự do tự tại. Như người gánh nặng đi xa sắp được buông xuống, con rất vui mừng vì con được thừa thọ pháp thủy cam lồ của Thế Tôn. Chính nó đã giúp con cởi mở mọi sự trói buộc của ngũ uẩn và không còn thọ những khổ não của các cõi nữa. Đây là lời từ giã cuối cùng đối với Thế Tôn, xin Ngài cho con đánh lễ.

Xá Lợi Phất nói xong liền gieo năm vóc sát đất. Lúc đó bầu không khí thật trầm lắng và mọi người chăm chú lắng nghe từng lời nói chân thành của tôn giả.

Phật gật đầu nói với Xá Lợi Phất:

- Xá Lợi Phất! Những lời giảng dạy của ta ông đã lãnh hội, nay ta thọ ký cho ông tương lai sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai và sẽ trở lại nhân gian giáo hóa chúng sanh để thành tựu quả Phật tối cao.

Đức Phật nói xong liền bảo đại chúng tiễn đưa Xá Lợi Phất một đoạn đường. Tôn giả đứng dậy từ giả đi lui ra cho đến lúc không còn nhìn thấy

Thế Tôn mới xoay mình trở lại. Các tỳ kheo đều mang hương hoa đưa tiễn tôn giả và ai ai cũng đều rướm lệ.

Các tỳ kheo đi theo tôn giả Xá Lợi Phất một đoạn đường thì tôn giả dừng lại nói với mọi người:

- Quý vị hãy dừng lại đây, không cần đưa tiễn thêm. Chỉ cần Quân Đầu theo tôi mà thôi. Xin quý vị hãy trở về, tự mình gấp rút tu hành, mong rằng quý vị nỗ lực tinh tấn thoát ly nơi ưu bi khổ não và mau vào cảnh giới giải thoát tự do.

Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian như hoa Vô Ưu vì hoa này chỉ nở trong mấy ngàn vạn năm mà thôi. Thêm nữa, thân người khó được mà đời nay chúng ta được xuất gia và lại được nghe Phật thuyết pháp. Thật là việc hy hữu trong trăm ngàn vạn ức đời. Hy vọng đại chúng tinh tấn thêm lên để chiến thắng cái khổ vô thường và đạt đến cảnh giới của Niết Bàn. Đó mới là nơi trở về vĩnh viễn chơn thật của chúng ta và đó mới chính là thế giới an bình tĩnh mịch.

Tôn giả nói lời ấy xong, đại chúng nghĩ đây là lời tặng cuối cùng trong dịp tử biệt sinh ly. Mọi người đều không nén được nỗi bi ai và họ vừa khóc vừa thưa với tôn giả:

- Tôn giả! Ngài là đệ tử thượng thủ của Đức Thế Tôn, là bậc trưởng lão trong hàng tỳ kheo của chúng con. Về sau chúng con rất cần Ngài lãnh đạo trong việc hoằng dương đạo pháp, vì sao Ngài lại phải nhập diệt sớm thế?

Xá Lợi Phất thấu hiểu tâm trạng của đại chúng nhưng rất an tĩnh mà đáp lại rằng:

- Xin các vị đừng thương cảm như thế. Thế gian này là vô thường Phật Đà chẳng thường nói với chúng ta như vậy sao? Núi Tu Di còn có lúc tan vỡ, biển lớn còn có ngày khô cạn thì cái chết của sắc thân Xá lợi Phất tôi như hạt cải nhỏ xíu. Đó là chuyện đương nhiên và đó cũng là thật tướng của thế giới, của vũ trụ. Lời sau cùng tôi muốn dặn dò quý vị là cần phải nhất tâm tu đạo để được thoát ly cảnh khổ để về với thế giới Cực Lạc thanh lương. Đức Phật ngày xưa đã từng nói với tôi quốc độ của Phật A Di Đà ở phương Tây là nơi giải thoát an lạc. Các vị nên niệm Phật thì nguyện vọng của quý vị sẽ được như ý. Tôi lại mong quý vị luôn luôn tuyên dương giáo pháp của Phật Đà, không nên do sự toan tính về danh lợi của riêng mình. Nếu không làm gì phước lợi cho chúng sanh thì đừng xuất gia. Cho đến thời mạt pháp, đời đời

kiếp kiếp lúc nào cũng độ cho chúng sanh lìa khổ được vui để họ có thể nối tiếp huệ mạng của Phật Đà.

Xá Lợi Phất nói xong làm mọi người vô cùng cảm động. Mỗi người đều biết đây là lần chia tay sau cùng với tôn giả và sẽ không còn có dịp để tương phùng. Tuy tôn giả bảo đại chúng trở lui, mà ai nấy đều bước theo Ngài. Ngài không vui khi thấy thái độ lưu luyến như thế nên Ngài một lần nữa cự tuyệt sự tiễn đưa của họ. Cuối cùng mọi người phải dừng lại. Mặc dù tôn giả đã đi xa và mất hút tận chân trời nhưng bóng hình của vị trí huệ đệ nhất vẫn hiện lên sáng ngời trong tâm của tất cả mọi người.

--- o0o ---

Hồi Gia Và Nhập Diệt

Từ giả Đức Phật và tăng đoàn, Ngài Xá Lợi Phất cùng đệ tử Quân Đầu lần bước về quê hương của Ngài. Cảnh cũ người xưa sau bao năm xa cách khiến cho lòng tôn giả khởi lên những đợt sóng triền miên. Mặc dù như thế, chẳng những trong tâm Ngài không loạn động mà nó còn phẳng lặng và sáng suốt như núi Tuyết Sơn. Tất cả những nhận định về nhân sinh quan và vũ trụ quan đều hiện rõ trong tâm Ngài.

Khi Ngài về đến cố hương thì mặt trời đã ngã về Tây và hoàng hôn nhuộm một màu hồng nhạt cho làng Ca La Tỳ Nỏa Ca. Tôn giả ngồi nghỉ bên đường thì đứa cháu gái là Ưu Bà Ly Bà Đa đến bên lễ bái. Tôn giả bèn hỏi:

- Bà nội có ở nhà không?

Bé gái đáp:

- Bà nội vẫn ở nhà.

Tôn giả bảo bé gái:

- Cháu về thưa với bà có ta trở về và thưa với bà cho người quét dọn căn phòng của ta sạch sẽ để ta nghỉ ở đó một đêm.

Mẫu thân của Ngài vui mừng khôn xiết khi gặp lại con mình sau bao năm xa cách. Tuy Ngài đã 80 tuổi, nhưng đối với người mẹ già ngoài 100 tuổi thì lúc nào bà cũng xem Ngài như là đứa con nhỏ mà thôi. Ngài thăm

hỏi từng người trong gia đình và sau đó Ngài an nhiên nhìn mẹ, mỉm cười và đem ý định về quê để nhập diệt báo cho mẹ cùng thân bằng quyến thuộc biết. Mọi người nghe xong đều lộ vẻ kinh hãi, nhưng Xá Lợi Phất nói tiếp:

- Xin mọi người đừng bận tâm và xin mẹ đừng coi cái chết của con giống như mọi người. Thông thường lúc chết thì ai cũng khóc lóc nhưng việc con nhập diệt là việc rất vui mừng. Lúc này thân tâm con rất vui, rất an ổn. Một đời con gặp được bậc thầy cứu thế Phật Đà, nghe được giáo pháp và thực hành theo đó. Con đã được cứu vớt ra khỏi biển sanh tử và đã được giải thoát từ trong phiền não. Do đó không còn việc gì phải sợ hãi. Sở dĩ hôm nay con về cố hương là để nhập diệt. Vì con là đệ tử thượng thủ của Phật nên con phải nhập diệt trước Ngài. Xin cả nhà yên lòng bởi vì đời người có ai khỏi chết đâu? Như tôi không chút mê mờ mà nhập diệt thì đó là một hạnh phúc lớn lao.

Mẹ già trăm tuổi của tôn giả sau khi nghe xong thì đổi buồn thành vui vì bà nghĩ rằng con mình đã xả bỏ thế gian một cách tốt đẹp, tự do giải thoát. Bà hy vọng cái chết của mình trong tương lai cũng được như con mình nên bà đem hết tâm tình hoan hỷ mà đón nhận. Xá Lợi Phất lại đem lời của Phật nói lại cho mẹ nghe. Càng nghe bà càng hoan hỷ vì con bà một khi sáng suốt, không mê muội mà nhập diệt thì sẽ không còn vương bận sanh tử luân hồi và về với cảnh giới an vui tự tại. Bà nói:

- Thôi con hãy nghỉ ngơi một chút đi.

Tuy bà nói vậy, nhưng cũng rơi nước mắt mà lui về phòng.

Khi mọi người đã đi ngủ, tôn giả mới nói với Quân Đầu:

- Con hãy qua phòng bên kia, để một mình ta trong phòng này.

Tin Xá Lợi Phất về quê nhập diệt lan truyền khắp mọi nơi. Trong số những người đến thăm còn có vua A Xà Thế của xứ Ma Kiệt Đà. Ông đem theo rất nhiều đại thần để đến tiễn biệt tôn giả lần cuối. Lúc này nơi tịnh xá của tôn giả thật vắng lặng và chỉ có một ngọn đèn sáng. Khi hừng đông vừa ló dạng, tôn giả hỏi Quân Đầu:

- Có người nào đến, phải không?

Quân Đầu thưa:

- Dạ phải, nhiều người nghe tin đồn tôn giả nhập diệt nên đến xin gặp mặt, có cả vua A Xà Thế cũng đến.

Tôn giả bảo:

- Con mời họ vào đây.

Quân Đầu ra chào khách và ai nấy đều rón rén bước vào phòng của tôn giả. Sau một lúc, tôn giả mới nói với mọi người:

- Các vị đến đây rất đúng lúc. Tôi cũng muốn gặp quý vị một lần này. Bốn mươi năm qua, tôi vâng lãnh lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn, đi các nơi giáo hóa hoặc là tu học bên đấng đạo sư.

Tôi đối với ân sư chưa hề có một niệm không vui, hoặc một chút bất mãn. Tôi càng lúc càng cảm kích ân lớn của Ngài. Trên đời này, đối với giáo thị rộng lớn sâu xa như biển lớn của Thế Tôn, cũng còn có chỗ sâu xa tôi chưa hiểu hết, hôm nay nghĩ đến điều ấy thật là thiếu sót vô cùng. Tôi được mọi người tôn xưng là trí huệ đệ nhất, chẳng qua là nhờ đức từ bi của Phật, vâng theo lời dạy để hành trì và nỗ lực tinh tấn mà chứng thánh quả.

Tôi nói như vậy là muốn nhắc các vị biết rằng được gặp Phật ở đời là ngàn năm khó thấy, vạn năm không dễ hội ngộ. Các vị phải mau mau theo lời Phật dạy mà tu hành. Bảo bối trong biển pháp rất nhiều do đó các vị không tham cầu thì không được.

Tôi không còn chút gì chấp ngã, hôm nay cáo biệt các vị, tôi sẽ vào cảnh giới an vui tịch tịch, tôi nguyện theo sau Phật đến nơi bất sanh bất tử vĩnh viễn trường tồn.

Thấy dáng mạo an tịnh của tôn giả thì trong tất cả mọi người hiện diện lúc bấy giờ, không một ai có thể tin rằng đây là người sắp rời bỏ cõi đời cả. Vua A Xà Thế và tất cả đại chúng đều cung kính khâm phục và thương cảm. Sau khi nói xong tôn giả nằm nghiêng bên mặt, an trụ trong định và cuối cùng thì nhập diệt.

Ngài Xá Lợi Phất nhập diệt được bảy ngày thì đệ tử Quân Đầu đem hài cốt trà tỳ trở về chỗ Phật và kể hết sự tình cho Đức Phật và A Nan nghe. Phật thấy A Nan rất đỗi bi thương và nước mắt đầm đìa mới hỏi:

- A Nan! Ông buồn thảm lo lắng việc gì? Xá Lợi Phát nhập diệt điều ấy không quý báu ư? Ông ấy lãnh thọ pháp giáo của ta, rồi khi viên tịch thì đem hết chân lý đi mà không để lại chút gì sao?

A Nan cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không phải vậy. Con chẳng phải buồn rầu lo lắng điều ấy. Tôn giả Xá Lợi Phát phụng trì giới luật, trí huệ cao siêu, thuyết pháp khéo léo, mạnh mẽ truyền giáo. Nghĩ đến hôm nay tôn giả không còn nữa, vì sự lưu truyền chánh pháp và vị sự tồn tại của giáo đoàn ngàn vạn năm sau, chẳng phải riêng con lo lắng mà cả đại chúng cũng đều buồn rầu lo lắng.

Phật an ủi A Nan:

- Ông chẳng nên lo nghĩ. Xá Lợi Phát tuy không còn nhưng chánh pháp chưa từng mất. Vô thường xưa nay là thật tướng của thế gian, sanh diệt là lý đương nhiên. Đại thọ khi ngã, trước tiên gây những cảnh lớn, núi báu trước khi hoại thì tảng đá to hoại trước. Xá Lợi Phát là người nhập diệt đầu tiên trong chúng tỳ kheo cũng là thuận theo pháp tự nhiên. Ta không bao lâu nữa cũng nhập diệt cho nên các ông đừng thất vọng bởi vì giáo pháp của ta chưa từng theo ta mà mất đi. Ta sống mãi ngàn vạn năm trong lòng người tin tưởng và ta luôn chiếu cố đến họ. Các ông cần phải nương nơi pháp, nương nơi chân lý ta đã nói, không nên nương tựa vào ai khác. Cố gắng tu hành để đến thế giới Cực Lạc là công phu cần thiết đệ nhất.

Phật nói xong rồi nhận linh cốt Xá Lợi Phát từ tay Quân Đầu và nói thêm với đại chúng:

- Các tỳ kheo! Linh cốt này, trước đây vài ngày còn vì chúng sanh thuyết pháp độ sanh, còn là đại trí Xá Lợi Phát, trí huệ ông ấy rộng lớn vô biên, trừ Thế tôn ra không ai sánh kịp. Ông ấy chứng ngộ pháp tánh, dũng mãnh tinh tấn, thường tu thiền định, vì giáo vì người, hàng phục ngoại đạo, tuyên dương chánh pháp, ông đã chứng quả giải thoát và không còn khổ não.

- Các tỳ kheo hãy xem đây! Đây là di thể do Thế Tôn đích thân cầm lấy.

Khi Đức Phật nói lời ấy, bất giác đại chúng đều đánh lễ linh cốt tôn giả và cung kính gieo năm vóc sát đất. Tôn giả tuy ra đi, nhưng trí huệ và gương sáng về đạo pháp của Ngài còn mãi mãi trong lòng của tất cả mọi người.

13. Tôn giả Mục Kiền Liên

(Đệ nhất thần thông)

Trong một kiếp quá khứ, Ngài Mục Kiền Liên sinh sống bằng nghề đánh cá và thường ở bờ biển để đánh tôm chài cá mà sinh sống qua ngày. Một ngày kia khi đang đánh cá thì thiện tâm chợt phát hiện trong tâm nên Ngài thức tỉnh mà thấy rằng nghề nghiệp của mình đã gây ra rất nhiều tội nghiệp lớn. Từ đó những ý niệm hướng thiện đã giúp Ngài nhận thấy là tuy sống trong đời này mà cần phải tạo công đức cho đời sau cho nên chàng ngư phủ quyết định đổi nghề. Chẳng bao lâu sau Ngài thấy trong thành xuất hiện một vị Bích Chi Phật, mỗi ngày qua đường với dáng điệu oai nghi, đi đứng trầm tĩnh và phong độ thật trang nghiêm đáng kính bèn thỉnh về nhà để cúng dường.

Nhưng vị Bích Chi Phật ấy tuy bên ngoài hiện thần thông mà không giỏi thuyết pháp. Vị này chỉ dùng thần thông hóa độ, ngoài ra không còn pháp môn nào khác. Thường thường sau khi thọ thực xong, vị này bay bổng lên hư không, đi tới đi lui và lên xuống rất nhẹ nhàng. Ngư phủ trong vùng hết sức cảm phục và ai ai cũng nguyện sau này sẽ có được thần thông như vậy. Nhờ sức tinh tấn tu tập và do nhân duyên đó mà đời nay tôn giả Mục Kiền Liên quy y theo Phật được danh xưng là đệ nhất thần thông.

Trong hàng đệ tử của Phật, có nhiều vị đạt được thần thông phi thường, nhưng Ngài Mục Kiền Liên được Phật tặng cho danh hiệu đệ nhất thần thông là vì trong lúc đi hóa độ Ngài thường hiện thần thông để hoằng dương đạo pháp và chống đối với ngoại đạo. Mặc dù Đức Phật tuy không cho phép các đệ tử của mình làm phép lạ để mê hoặc người, bởi vì Ngài dạy rằng với giáo lý mâu nhiệm của Ngài thì đủ sức để chuyển mê khai ngộ và cứu chúng sanh ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Nhưng riêng đối với Ngài Mục Kiền Liên thì Ngài chẳng những cho phép mà còn khen ngợi.

Mục Kiền Liên dáng người cao lớn, mặt vuông tai dài biểu lộ tính cứng rắn. Tôn giả rất lạc quan, dũng cảm và thường vì chính nghĩa đã phá việc bất bình. Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên xuất gia theo Phật cùng thời gian nhưng Ngài Mục Kiền Liên chỉ cần có bảy ngày là tiêu diệt hết các lậu phiền não và hiện sức thần thông mà chứng quả A La Hán. Từ đó Ngài Xá Lợi Phất luôn luôn hầu bên mặt còn Ngài Mục Kiền Liên thì ở bên trái của Đức Thế

Tôn.

--- o0o ---

Làm Cầu Báu Đón Phật Đà

Khi nói về thần thông của Mục Kiền Liên thì Ngài đã chứng cả hai Thiên Nhĩ và Thiên Nhãn Thông có nghĩa là tai Ngài có thể nghe thấu mọi âm thanh xa gần, còn mắt thì thấy hết sự vật mà không bị trở ngại và không kể đường dài hay ngắn.

Một hôm dân chúng trong thành Xá Vệ tổ chức buổi yến tiệc để cúng dường chín mươi sáu giáo phái xuất gia. Trong số thượng khách ngoài Đức Phật họ còn mời vua Ba Tư Nặc, thái tử và quần thần cùng đến dự. Họ thiết đặt bàn tiệc tại công viên đối diện với bờ sông A Kỳ. Mục Kiền Liên là vị khách đến đầu tiên và giây lát sau đó thì khách ngoại đạo cũng tập nập đến. Ai cũng muốn đến trước để chiếm một chỗ ngồi tốt nhất. Lúc đó, Mục Kiền Liên nhìn xa xa thấy Đức Phật thống lãnh đại chúng oai nghi đi đến, nhưng hôm đó nước sông A Kỳ bỗng dâng cao, không thể qua được. Ngài lập tức hóa một chiếc cầu trân bảo bắc ngang sông. Chiếc cầu thì kết bằng hoa tươi hương thơm tuyệt diệu cộng thêm với thất bảo để đón Phật.

Khi thấy chiếc cầu vừa thành hình, bọn ngoại đạo reo hò inh ỏi và tranh nhau lên cầu. Trong lúc chúng đang ở giữa cầu, bỗng nghe một tiếng nổ lớn làm cho chiếc cầu gãy ngang và mọi người rơi xuống nước lủm ngủm với tiếng kêu cứu chấn động cả một phương trời.

Khi Đức Phật đến thì cầu trở lại như cũ. Phật và các tỳ kheo đi qua, thấy các ngoại đạo đang vùng vẫy loay ngoay dưới nước. Ngài động long từ bi vận dụng thần lực cứu hết mọi người đem lên. Họ biết số phận mình nên đành đi theo sau Đức Phật. Trong khi Đức Phật và các đệ tử thọ thực, chúng ngoại đạo vì y phục ướt mem nên phải ngồi phơi nắng ngoài xa. Cũng vì thế mà sau đại hội họ đều biết sức yếu hèn của mình không thể nào so sánh với quang minh rạng rỡ của Đức Phật và chư đệ tử.

--- o0o ---

Ứng Biến Thần Thông

Một ngày nọ, Đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ Hoàn của nước Xá Vệ sai hai vị Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến vườn Trúc Ca Lan Đà ở thành Vương Xá để lãnh đạo tăng đoàn mà đi giáo hóa trong dân gian.

Đến nơi hai vị ngụ tại một thiền phòng. Màn đêm yên tĩnh, bốn bề không tiếng động, chỉ có ánh đèn trong phòng hòa cùng ánh trăng mà thôi. Gần sáng, Xá Lợi Phất phá tan bầu không khí trầm mặc mà hỏi Mục Kiền Liên:

- Này tôn giả! Xin phép cho tôi hỏi đường đột thế này, vậy chớ đêm qua Ngài có trụ tại chánh định tịch diệt hay không?

Mục Kiền Liên hỏi lại:

- Vì sao Ngài hỏi tôi như thế?

Xá Lợi Phất đáp:

- Vì lâu thật lâu, tôi không nghe hơi thở hô hấp của Ngài, cũng không thấy Ngài cử động, dường như không có mặt tôn giả trong phòng này?

Mục Kiền Liên đáp:

- Thưa tôn giả! Đêm qua tôi vừa khởi lên một vấn đề cần thiết, tinh tấn trên sự tu hành, nên tôi đến thỉnh ý Phật. Vừa rồi Ngài không nghe tiếng tâm tôi là vì tôi vừa ở bên Phật hỏi chuyện.

Xá Lợi Phất phân vân:

- Ngài nói sao khó hiểu quá. Hiện giờ Phật đang ở vườn trúc phương Nam, hai nơi cách nhau rất xa làm sao tôn giả nói chuyện với Phật? Hay là Đức Thế Tôn dùng thần túc đến đây?

Mục Kiền Liên điền đạm trả lời:

- Không, chẳng phải vậy đâu. Tôi không dùng thần túc đến nơi tòa Phật mà Phật cũng chẳng dùng thần túc đến chỗ chúng ta.

Xá Lợi Phất ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Như vậy rốt cuộc làm sao tôn giả nói chuyện với Đức Phật?

Mục Kiên Liên bây giờ mới cặn kẽ nói cho Xá Lợi Phất:

- Thưa tôn giả! chẳng có gì lạ lùng hết. Đức Phật có thiên nhãn và thiên nhĩ thông. Tôi và tôn giả cũng có thần thông ấy. Chỉ cần để tâm vận dụng thì chúng ta đều có thể nói chuyện với Đức Thế Tôn bất cứ lúc nào và ở đâu.

Xá Lợi Phất cũng biết như vậy, nhưng Ngài luôn luôn có thái độ khiêm tốn đối với bạn đồng môn. Vì vậy sau khi nghe xong, Ngài rất hoan hỷ và khen rằng:

- Tôn giả Mục Kiên Liên! Ngài thật có đại thần lực, đại công đức. Tôi được làm bạn với Ngài thật vô cùng vạn hạnh. Tôn giả như đỉnh núi nguy nga, tôi như hòn đá nhỏ đứng bên núi, được ngồi đồng một tòa với tôn giả thật là nhân duyên hiếm có. Người nào được giao du với tôn giả, cung kính cúng dường nhất định sẽ được lợi ích tốt lành.

Xá Lợi Phất và Mục Kiên Liên đều là bạn cũ cho nên hai vị cùng tôn kính nhau, khen ngợi nhau từ đầu tới cuối đạo tình thâm trọng.

Một hôm nhằm ngày rằm, lúc đó Phật đang thuyết pháp cho chư vị Tỳ kheo bên bờ ao A Nậu thì Phật không thấy tôn giả Xá Lợi Phất. Đức Phật bèn bảo Mục Kiên Liên:

- Mục Kiên Liên! Ông đến thành Xá Vệ mời Xá Lợi Phất về đây, hãy nói đây là ý của ta.

Mục Kiên Liên vâng dạ ra đi và đem những lời của Đức Thế Tôn nói lại cho Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất rất hoan hỷ mà nói:

- Đa tạ huynh đã truyền thánh ý cho tôi, vậy chúng ta đi ngay thôi, nhưng tôi với tôn giả làm một cuộc mạo hiểm nhé.

Mục Kiên Liên ngạc nhiên hỏi: Mạo hiểm kiểu nào?

Xá Lợi Phất đáp:

- Tôn giả là bậc trưởng lão đại thần thông, đây là một sợi dây cột áo, tôn giả thử đem nó kết thành một cây cổ thụ.

Xá Lợi Phát vừa nói xong liền ném sợi dây ra. Mục Kiên Liên đưa tay bắt lấy, nhưng sợi dây không nhúc nhích. Tôn giả lại tận dụng hết sức thần thông kéo sợi dây đến nỗi chân động đại địa. Thấy thế Xá Lợi Phát mau mau đem sợi dây quấn quanh núi Tu Di, không chịu thua Mục Kiên Liên liền nhắc núi Tu Di lên. Xá Lợi Phát nhanh như chớp bèn đem dây cột vào tòa sư tử của Đức Phật. Mục Kiên Liên một lần nữa dùng hết thần lực cũng không lay động được tòa sư tử. Thấy thế Xá Lợi Phát cười nói với Mục Kiên Liên:

- Tôn giả! Chỗ học và chỗ chúng của chúng ta sánh với vạn đức vạn năng của Phật đã cách xa trời vực. Thần lực của chúng ta có thể dời núi Tu Di, rung chuyển thiên địa, nhưng pháp tòa của Phật không bị lay động mảy may. Lúc này tôi còn nghi ngờ thần lực của mình nên mới mời Ngài thí nghiệm, thôi bây giờ chúng ta hãy mau đến bái kiến Đức Thế Tôn. Ngài đi trước, tôi theo sau.

Mục Kiên Liên rất khâm phục lời nói của người đạo hữu thâm giao, gật đầu và dùng thần túc bay về ao A Nậu. Đến nơi đã thấy Xá Lợi Phát kiết già, ngồi bên cạnh Đức Thế Tôn. Mục Kiên Liên đánh lễ Phật xong, bèn hỏi Phật với vẻ nghi ngờ:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ con mất hết thần túc thông rồi sao? Con từ tịnh xá Kỳ Viên về đây trước Xá Lợi Phát, tại sao tôn giả lại đến nơi trước con? Phật vẫn thường nói con là đệ nhất thần thông, danh xưng đó con thiết tưởng nên tặng cho tôn giả Xá Lợi Phát mới đúng.

Đức Phật từ bi an ủi:

- Mục Kiên Liên! Ông có đại thần lực, trừ ta ra không kém thua ai. Ông cũng chẳng hề mất hết thần thông, nhưng ông cần phải biết Xá Lợi Phát là trí huệ đệ nhất đây.

Sau khi Phật thuyết giảng ở ao A Nậu xong thì dẫn các đệ tử trở về thành Xá Vệ. Tín chúng trong thành biết chuyện vừa rồi nên ai nấy đều xô nhau bàn tán và nói rằng thần thông của Xá Lợi Phát hơn Mục Kiên Liên. Mục Kiên Liên nghe tiếng khen chê ấy không hề cảm thấy bực bội. Tâm của Ngài rộng rãi và rất khiêm tốn, cho rằng Xá Lợi Phát xứng đáng hơn mình. Vì thế mọi người khen Xá Lợi Phát là điều vinh hạnh như khen ngợi chính tôn giả.

Mục Kiên Liên thì nghĩ như thế, còn Xá Lợi Phát lại thấy trong lòng không yên. Ngài cho rằng việc vừa rồi có gì bí ẩn chẳng nên tôn giả bèn đến bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Mục Kiên Liên là đại thần thông, đại công đức. Hôm nọ con đến ao A Nậu trước là vì con gấp rút muốn nghe Thế Tôn thuyết pháp. Mặc dù tôn giả Mục Kiên Liên vận dụng thần lực nhưng không nghĩ đến việc tranh thủ thời gian. Hôm nay mọi người nhôn nhao bàn tán, nói con thần thông hơn Mục Kiên Liên, thật con không dám nhận, xin Đức Thế Tôn dùng phương tiện giải trừ lời phê bình bất công ấy.

Đức Phật nghe xong, vui vẻ gật đầu bởi vì Ngài biết rõ hai vị này rất khiêm nhường đối với nhau.

Ngày kia, tại giảng đường sau khi thuyết pháp, Phật gọi Mục Kiên Liên:

- Mục Kiên Liên! Ông là đệ tử đệ nhất thần thông của ta, vậy hôm nay ông có thể ở trong đại chúng hiện thần lực để khai phát tín tâm cho hàng sơ học.

Mục Kiên Liên vâng lời Phật liền từ tòa đứng dậy. Một chân đạp trên quả địa cầu còn chân kia đạp cõi trời Phạm Thiên khiến đại địa chấn động sáu cách và ở trong không trung dùng phạm âm mà thuyết pháp. Sáu mươi tỷ kheo được khai thông trí tuệ. Từ đó đại chúng đều đồng thanh công nhận Mục Kiên Liên là đệ nhất thần thông.

--- oOo ---

Dùng Thần Thông Độ Ngoại Đạo

Mặc dù triết lý đạo Phật thì nhiệm mầu, nhưng vào thời đó ở Ấn Độ phần lớn ngoại đạo ở vùng biên giới lại không chịu học hỏi để thấu rõ chân lý của Đức Thế Tôn. Vì thế cho nên rất ít người trong bọn họ có thể am hiểu và tu hành để đạt những đức hạnh của từ bi trí tuệ ngõ hầu giúp cho họ thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Đối với nhóm ngoại đạo này thì họ chỉ tán phục thần thông mà thôi, mà trong hàng đệ tử Phật thì Ngài Mục Kiên Liên là thượng thủ.

Một hôm, Phật bảo tôn giả Mục Kiên Liên:

- Mục Kiên Liên! Tại biên giới Ấn Độ, có một nước lớn, vua và thần dân đều không biết Phật pháp. Họ thờ phụng phạm chí ngoại đạo, có nhiều phạm chí đắc thần thông. Họ dời núi lấp sông và phân thân biến hóa dễ dàng. Ông hãy đến đó tùy phương tiện mà vận dụng oai thần khiến họ tin tưởng Phật pháp để bỏ tà quy chánh, sửa đổi mê lầm.

Tôn giả vâng lời liền bay lên không trung mà đến nước đó. Từ trên cao tôn giả nhìn xuống thấy một ngọn núi lớn có rất nhiều ngoại đạo bao quanh, tôn giả nghĩ rằng hình như bọn họ dùng đạo lực để di động trái núi kia.

Mục Kiền Liên liền đáp xuống đỉnh núi và đứng trụ bộ trên ấy. Với thân hình cao thâu hư không làm ngọn núi kia chẳng lay động mảy may. Tự nhiên thấy ngọn núi không còn di động, bọn chúng đang ngẩn ngơ không biết tại sao thì thấy dáng Ngài Mục Kiền Liên to lớn đứng trên đỉnh núi. Họ bèn thét lên:

- Tên kia! Mi là ai? Dám đến đây lộng hành? Ngọn núi này làm trở ngại giao thông nên nhà vua ra lệnh cho chúng ta dẹp nó đi. Chúng ta vì dân trừ hoạn nạn, tại sao mi lại để nó đứng yên, không cho di chuyển?

Mục Kiền Liên cười và nói:

- Rõ ràng là tôi đứng giữa hư không, ai đè trái núi của các ông làm chi?

Ngoại đạo lại huy động hết đạo lực và bao lần muốn dời núi mà hòn núi to lớn vẫn đứng yên như cũ. Đang lúc ngoại đạo cảm thấy vô phương cứu chữa làm chúng đâm ra hoang mang kinh sợ thì Mục Kiền Liên lớn tiếng kêu:

- Các Phạm Chí! Hãy nhìn cho kỹ ta sẽ làm núi kia biến mất.

Mục Kiền Liên vừa nói xong thì hòn núi hùng vĩ kia tức khắc biến thành bình địa. Ngoại đạo Phạm Chí cúi đầu thán phục và nói:

- Đại đức từ đâu đến? Nếu chẳng phải là bậc trí tuệ sáng suốt, đạo đức sâu dày thì không thể được như vậy. Xin Ngài thu nhận chúng tôi làm đệ tử và chỉ dạy bờ mê cho chúng tôi.

Mục Kiền Liên từ trên không hạ xuống, nói:

- Các ông có tâm chí thành hồi cải, tôi biết đó không phải là lời dối gạt. Nếu các ông muốn bỏ tối cầu sáng, bỏ ác làm lành, tôi còn có bậc Tôn sư là Đức Phật Đà vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đức Phật là bậc trời trong tất cả loại trời, bậc thánh trong các thánh, đầy đủ nhất thiết trí, vạn đức vạn năng, các ông hãy theo tôi đến chỗ Phật mà quy y. Đức Phật nhất định vì lòng từ bi mà tiếp thọ.

Các Phạm Chí vui mừng nhảy nhót, hỏi thăm:

- Giáo pháp của Phật chẳng lẽ hơn Lão sư sao?

Mục Kiền Liên trang nghiêm nói:

- Đức Phật như núi Tu Di còn tôi chỉ như hạt cải. Phật Đà như biển lớn còn tôi chỉ như dòng nước nhỏ. Phật ra đời khó gặp nên các ông quy y Phật mới có thể cứu thoát đời mình.

Các Phạm Chí nghe xong vui vẻ và cùng nhau theo Mục Kiền Liên đến chỗ Phật quy y thọ giáo.

Vì là đệ tử đệ nhất thần thông, tôn giả Mục Kiền Liên thường dùng thần thông để chế phục ngoại đạo khiến họ khởi tâm quay về với Phật pháp và dù trong hoàn cảnh nào Ngài vẫn có phương pháp để đưa họ về với chánh đạo.

Lại một hôm Mục Kiền Liên vâng lời Phật đơn thân đến nước Bạt Già để giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy có một ác quỷ thấy tôn giả đang đi bộ trên đường thì hấn dùng thần thông chui vào bụng tôn giả. Tôn giả cảm thấy đau nhói nơi bụng, dường như có vật gì như cái chén bơi qua bơi lại trong đó mà lại kêu rầm rầm như sấm. Tôn giả liền dừng bước, trở về thất tịnh tọa tư duy thì biết đây là ác quỷ muốn khiêu khích mình, bèn nói:

- Ác ma, mau mau đi ra, không được xâm phạm đệ tử Phật. Các ngươi chẳng thể làm tổn hại Đức Phật và đệ tử Ngài, trừ những đệ tử nghiệp lực đến lúc phải trả, chứ bọn ngươi vĩnh viễn chẳng làm gì được.

Ác ma nghĩ thầm:

- Lạ thật! Hình dạng ta ra sao, ngay cả Phật còn không biết, Mục Kiền Liên tuy có thần thông nhưng làm sao biết được?

Tôn giả lại nói:

- Ác ma! Ngươi đừng lấy làm lạ, ta biết trong bụng ngươi đang nghĩ rằng Phật Đà chẳng biết hình thù của ngươi ra sao, còn Mục Kiền Liên tuy có thần thông làm sao lại biết.

Ác quỷ nghe rồi kinh hãi liền biến thành nước miếng vọt ra. Từ đó chúng chẳng còn dám trêu chọc đến tôn giả nữa.

Thần Thông Thắng Sức Quyến Rũ Của Giai Nhân

Ngày kia khi tôn giả khát thực trở về thì Ngài đi ngang qua một khu vườn mà trong đó có một người đàn bà tuổi trung niên đang chờ Ngài. Bà ta tuy không quá ba mươi tuổi nhưng với đôi mắt kiêu mị và dáng hình yếu điệu đã làm biết bao chàng trai khổ lụy vì bà.

Khi thấy tôn giả sắp đến gần thì bà ta đứng dậy cúi chào:

- Tôn giả, Ngài có bận đi đâu không? Ngài có thể dừng chân nói chuyện với em không ạ?

Mục Kiền Liên dừng bước, chú ý nhìn và không những Ngài thấy dung mạo thanh lịch của cô ta mà còn biết rõ bên trong tâm cô ta đang có ý đồ gì.

Tôn giả chẳng những không động lòng trước sức quyến rũ của sắc đẹp mà Ngài còn oai nghiêm quở trách bà ta:

- Thật đáng thương cho cô! Cô phải chịu những điều ô nhục. tuy được chút đỉnh tiền bạc mà lương tâm mờ ám, nghe lời xúi dục của ngoại đạo mà tưởng rằng có thể dụ dỗ ta vào con đường bất chánh. Thật là một âm mưu đen tối và phi pháp.

Bà ta nghe nói xong rất đỗi kinh hoàng nhưng làm bộ điệu giọng thưa:

- Tôn giả! ...ông...ông...tại sao ông nói như vậy?

Mục Kiền Liên oai nghiêm như một ngọn núi trả lời:

- Cô không thể che dấu tội lỗi của mình, cô đến đây với ý định gì thì tôi vừa nhìn qua là biết liền. Cô mê muội theo sắc đẹp hư vọng, Sắc đẹp giúp cô tăng trưởng tội ác, giống như voi già sa lầy vậy, voi càng cựa quậy thì càng lún sâu.

Bà hổ thẹn đáp:

- Tôn giả! Ngài đã biết rõ tâm tôi. Tôi cũng biết không thể qua mặt Ngài. Tôi sớm nghe danh Ngài là đệ tử đệ nhất thần thông của Phật mà tôi không tin rằng thần thông có thể vượt qua sắc đẹp. Tôi biết tôi là một kẻ tội lỗi và tôi cũng nghĩ đến việc hướng thiện nhưng không còn hy vọng. Tôi nghĩ tôi

là một kẻ không thể cứu vớt, một người có cái quá khứ ghê rợn thì tương lai chắc phải chịu quả báo đáng sợ.

Mục Kiền Liên an ủi:

- Cô không nên tự làm khổ cho mình và cũng đừng thất vọng. Tội nghiệp dù nặng đến đâu chỉ cần thành tâm sám hối thì đều có thể dùng nước tẩy trừ. Tâm không thanh tịnh có thể dùng Phật pháp rửa sạch. Trăm dòng sông nhớp nhúa một phen chảy vào biển cả thì nước biển lớn sẽ làm sạch nước bẩn của trăm sông. Lời dạy của Thế Tôn ta đủ sức khiến thanh tịnh lòng người ô uế để có thể sám hối những tội nghiệp quá khứ.

Nghe tôn giả nói xong, bà ta rất vui mừng mà thưa:

- Tôn giả! quả thật giáo thị của Đức Phật từ bi vĩ đại đến thế sao? Quá khứ của tôi rất là tội lỗi, tôi chỉ gặp toàn những điều bất hạnh. Tôi mà nói ra đây chắc tôn giả sẽ bịt tai ngoảnh mặt.

Mục Kiền Liên hỏi:

- Chẳng có gì quan hệ, cô cứ nói đi. Cô tên gì?

Người đàn bà đáp lại:

- Thưa tôn giả! Tôi tên Liên Hoa Sắc, là con gái của một nhà trưởng giả thành Đức Xoa Thi La. Khi tôi được mười sáu tuổi, cha mẹ lo lập gia đình cho tôi. Nhưng chẳng bao lâu, cha tôi qua đời thì bà mẹ góa bụa của tôi bèn tự thông với chồng tôi. Biết được việc này khiến tôi rất đau lòng. Lúc đó tôi đã có một đứa con gái nhưng tôi quyết bỏ nó ra đi. Sau đó tôi tái giá với người khác. Có một lần, người chồng sau này đi xa buôn bán. Khi ông từ Đức Xoa Thi La trở về thì lén tôi lấy một ngàn lượng vàng để mua một tiểu thiếp. Ban đầu thì ông ta giấu nhem không cho tôi hay. Ông đưa bà tiểu thiếp đến gởi nhà một người bạn, sau tôi biết được việc này thì rất căm hận muốn coi mặt con đó là đứa nào mà dám đoạt chồng tôi. Thật là đau đớn, thưa tôn giả, không thấy thì thôi mà thấy rồi tôi té xỉu tại chỗ. Đức con gái đó không ai xa lạ mà chính là con gái của tôi với đời chồng trước.

Liên Hoa Sắc nói đến đây thì quá thương tâm, khóc không ra tiếng. Mục Kiền Liên bèn an ủi:

- Liên Hoa Sắc! Cô không nên thương tâm quá đỗi. Người biết rõ quá khứ vị lai thì xem đó chỉ là một sự luân hồi nhân quả. Nói thật mà nghe, đời người là một biển tội lỗi. Rồi sau thế nào?

Liên Hoa Sắc Kể tiếp:

- Làm sao tôi có thể nhẫn nhục được nỗi khổ đau đó. Nghĩ đến ban đầu thì mẹ đoạt chồng mình, bây giờ con mình cũng cướp chồng của mình luôn. Tôi còn mặt mũi nào ở đời? Buồn quá tôi bỏ nhà ra đi, tôi chán ghét thế gian, chán ghét mọi người và cuối cùng tôi làm kẻ mua vui cho thiên hạ. Tôi muốn đùa giỡn với thế nhân và tôi phát triển mọi sinh hoạt tội lỗi của mình. Việc gì tôi cũng làm được miễn có tiền. Tôn giả có biết tại sao tôi đến đây khiêu khích Ngài, may mà tôn giả có đại thần lực, nếu không thì bây giờ chẳng biết tôi phải sám hối như thế nào?

Mục Kiền Liên nghe Liên Hoa Sắc kể hết sự tình, không hề khởi tâm khinh khi, trái lại tôn giả biết trong tâm Liên Hoa Sắc rất chân thành, rất lương thiện. Ngài dùng lời từ bi an ủi:

- Liên Hoa Sắc! Thân thể của cô thật đáng thương, cô nên theo lời dạy của Đức Phật mà sửa đổi. Thời điểm nhân duyên đã đến cô hãy theo tôi đến ra mắt Thế Tôn.

Liên Hoa Sắc rất mừng rỡ, sờ dĩ cô được cứu độ, chuyển họa thành phúc đều nhờ sức thần thông và phương tiện thiện xảo của Mục Kiền Liên.

--- o0o ---

Chiều Dài Pháp Âm Của Phật

Trong tăng đoàn của đức Phật duy chỉ có Ngài Mục Kiền Liên là người rất sống động. Cái gì mà người khác không làm được thì Ngài làm xong và chỗ nào người khác không đến được thì Ngài muốn đến.

Một hôm Phật thuyết pháp tại giảng đường của tịnh xá Trúc Lâm. Mục Kiền Liên lúc ấy đang ngồi thiền trong tịnh thất không đi nghe giảng, nhưng tiếng thuyết pháp của Phật như sấm rền bên tai. Ngài lấy làm lạ vì Ngài ở một nơi cách xa Phật như thế mà vẫn nghe tiếng, bèn nảy ra ý định dọ thử xem pháp âm của Phật còn xa đến đâu. Ngài vận dụng thần túc bay qua mười ức cõi Phật, đến một quốc độ mà nơi đây Đức Phật Thế Tụ Tại Vương là giáo chủ và đang thuyết pháp. Lúc đến nơi, tôn giả rất hoan hỷ và nhanh tay nhẹ chân

tìm chỗ ngồi trong pháp hội. Thật là một hiện tượng lạ thường: Mục Kiền Liên chẳng những nghe tiếng Phật ở quốc độ này mà Ngài còn nghe cả tiếng của Đức Phật Thích Ca.

Đức Thế Tụ Tại Vương thuyết pháp xong thì có một vị Bồ tát hướng về Phật đánh lễ và chỉ Mục Kiền Liên nói:

- Như Lai! Trong khi thuyết pháp, chẳng biết từ đâu bò đến một con sâu lớn, trông thật quái dị, chúng con muốn đuổi nó đi!

Đức Phật vội ngăn:

- Đừng nói thế. Đó là Mục Kiền Liên, đệ tử đệ nhất thần thông của Đức Phật Thích Ca ở cõi Ta Bà!

Sao họ nhỏ bé như vậy? Vị Bồ tát hỏi.

Đức Thế Tụ Tại Vương giải thích:

- Các ông đừng khinh thị tôn giả này. Ông ấy có đại thần lực, đại oai đức. Ông ấy có đủ thần thông để dạo chơi các quốc độ. Chẳng qua thân thể thấp bé là vì chúng sanh mỗi quốc độ nghiệp lực chẳng đồng.

Đức Phật nói xong, từ hòa nhìn Mục Kiền Liên:

- Tôn giả! Ông từ phương khác đến, có thể đối với chúng Bồ tát đệ tử ta mà hiện các thần thông để họ hết còn nghi ngờ.

Mục Kiền Liên bèn thừa oai thần Phật hóa hiện các thứ thần kỳ, chúng Bồ tát thấy rồi đều sanh lòng cung kính. Mục Kiền Liên hiện phép lạ xong trở về chỗ ngồi thì Đức Phật hỏi:

- Tôn giả! Ông đến quốc độ ta là muốn thử nghe tiếng thuyết pháp của Phật Thích Ca xa bao nhiêu phải không?

Mục Kiền Liên đánh lễ đáp:

- Thừa phải quả thật đệ tử có dụng tâm đó.

Đức Phật dạy tiếp:

- Tôn giả! Ông không nên nghĩ như vậy. Oai lực của chư Phật hạng phàm phu và nhị thừa không thể biết hết. Thanh âm thuyết pháp của chư Phật biến khắp tất cả hư không. Cảnh giới của căn phàm duyên của chúng sanh thì có xa, gần, mà dung tâm phân biệt không thể thử biết được âm thanh Phật.

Lời khai thị của Đức Thế TỰ Tại Vương Như Lai làm Mục Kiền Liên nghe xong thì rất hổ thẹn. Từ đó về sau, tôn giả vẫn giữ vẻ linh hoạt nhưng không dám thử thăm dò Phật đức và Phật âm nữa.

--- o0o ---

Ngạ Quỷ Và Nhân Duyên Nghiệp Báo

Thần thông của Mục Kiền Liên chẳng những đưa Ngài du hành các cõi Phật mà thần lực còn giúp Ngài xuống địa ngục quan sát cảnh chúng sinh thọ chịu quả báo.

Một ngày kia, tôn giả hành cước bên bờ sông Hằng thấy màu hoàng hôn hoang vắng và ánh nắng thì dịu dần không còn gay gắt chói chan. Thấy màn đêm sắp xuống tôn giả dùng chân và ngồi tĩnh tọa bên bờ sông.

Gió thổi hiu hiu, không trung lác đác vài vì sao. Bọn ngạ quỷ tụ tập rải rác bên bờ sông Hằng và muốn tìm nước uống bởi vì chúng đang đói khát. Nhưng chúng gặp phải một con quỷ hung ác làm thần giữ mé sông. Con quỷ này tay cầm gậy sắt xua đuổi làm những con quỷ khác không dám đến gần bờ nước. Vừa lúc đó Ngài Mục Kiền Liên đang ngồi ngay thẳng chánh niệm thấy các loài quỷ thọ tội không đồng, bèn gọi chúng lại và nhân cơ hội này chúng hỏi Ngài về nhân duyên tội nghiệp về tiền kiếp của chúng.

Quỷ thứ nhất hỏi:

- Tôn giả! Đồi trước chúng tôi là người nay đọa làm thân quỷ đói, thường bị khổ đói khát. Chúng tôi nghe nước sông Hằng trong mát, mà khi lấy nước uống thì nước liền nóng sôi. Chỉ có hớp một miếng mà lực phủ ngũ tạng liền cháy tiêu, đã vậy còn bị con quỷ giữ nước sông cầm gậy đánh đuổi. Xin hỏi tôn giả chúng tôi do nghiệp gì mà thọ khổ báo này?

Mục Kiền Liên dùng sức định thần thông quan sát nhân quả ba đời rồi nói với nó:

- Đòi trước người làm thầy tướng số, khi nói tướng kiết hung cho người, người nói dối nhiều hơn nói thật, tùy ý khen chê và tự xưng mình thông suốt thiên văn địa lý mà dối gạt người để mưu cầu lợi dưỡng cho mình mà không thương người mê muội nên mới thọ nghiệp báo này.

Bây giờ đến quý thứ hai hỏi:

- Tôn giả! Tôi thường bị một con chó lớn hung dữ nhai nuốt thân thể, ăn hết thịt xong thì một cơn gió thổi qua làm bộ xương sống trở lại. Chẳng biết nhân duyên gì khiến tôi chịu khổ báo này?

Mục Kiền Liên định thân xong thì nói:

- Đòi trước người giết heo dê gà vịt để cúng tế trời thần nên chịu quả báo này.

Quý thứ ba nghe xong bèn hỏi:

- Tôn giả! Tôi thì bụng to như cái lu, tay chân cổ họng nhỏ như cây kim, thấy thức ăn ngon mà chẳng thể nuốt được.

Vậy chẳng biết nhân duyên gì vậy?

Tôn giả trả lời:

- Người đòi trước làm quan ý mình giàu có, hành động tung hoành theo ý thích, khinh khi người. Tài sản của người do mồ hôi nước mắt tạo ra thì người ý mạnh mà chiếm đoạt nên nay phải chịu khổ báo.

Con quý thứ tư nghe xong lắc đầu nhưng cũng ráng hỏi:

- Tôn giả! Lưỡi tôi le dài khắp thân mà máu huyết cứ vọt ngược từ dưới lên trên khiến cho cái đầu to bằng cái đầu lớn. Còn khi huyết quản sắp đứt mạng như chỉ mảnh, chẳng biết nhân duyên gì thọ khổ báo này?

Mục Kiền Liên quan sát rồi nói:

- Người đòi trước ưa nói chuyện thị phi, tốt xấu của người. Mỗi lời nói ra không lợi ích gì cho chúng sanh mà còn làm tăng nổi khổ não cho người nên nay mới chịu khổ như thế.

Mỗi ngạ quỷ lần lượt thưa hỏi về tội nghiệp đã tạo ra từ đời trước và nhân duyên quả báo cho đời nay, tôn giả dùng thần thông trí tuệ mà trả lời. Thần thông của tôn giả quả thật là lên trời xuống đất tự tại vậy.

--- oOo ---

Thần Thông Không Thắng Nghiệp Lực

Trong hàng đệ tử Phật thì thần thông của Mục Kiền Liên không ai sánh bằng, vì vậy bất cứ việc gì Ngài vận dụng thần thông đều được thành tựu. Trong quá khứ Ngài đã dùng thần thông để tiếp dẫn chúng sinh vào con đường Phật pháp, nhưng cho dù Ngài có tài thiên biến vạn hóa đi chăng nữa thì thần thông của Ngài cũng không thể nào thắng nổi luân hồi nhân quả và nghiệp lực để giải thoát cho chúng sinh ra khỏi sanh tử phiền não.

Thật vậy, một ngày nọ kinh thành Ca Tỳ La Vệ của dòng họ Thích Ca bị vua Lưu Ly của nước Kiều Tát La (Kosala) xâm lược. Khi thấy cảnh đất nước bị xâm lăng, Đức Phật cũng động lòng ái quốc mà tìm cách giải cứu. Đức Phật ba lần ngồi chặn đường để ngăn cản đại quân của vua Lưu Ly. Tuy vua Lưu Ly mỗi lần gặp Phật là mỗi lần lui binh, nhưng lòng thù hận muôn báo thù và xâm lược không dứt được. Đức Phật biết sự báo ứng của nhân quả và muốn cho nó tự kết thúc nên sau đó để cho vua Lưu Ly tự do đi.

Thật ra thần thông của Mục Kiền Liên không thể nào giải hết sạch nghiệp báo của chúng sinh. Khi tôn giả biết đại quân của vua Lưu Ly bao vây thành Ca Tỳ La Vệ, Ngài rất kích động đến bạch với Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Thành Ca Tỳ La Vệ bị vua Lưu Ly xâm lược, chúng con cần phải tận lực để cứu nhân dân trong thành.

Đức Phật nhìn tôn giả giây lâu, rồi từ hòa nói:

- Mục Kiền Liên! Dòng họ Thích Ca chịu quả báo của tội nghiệp nhiều kiếp đã qua, đó là cộng nghiệp chiêu cảm. Ông không thể chịu thay cho họ. Họ chẳng chịu sám hối, tham lam kiêu mạn, không sửa đổi, cũng giống như nhà cửa mục nát thì đến ngày sụp đổ thôi.

Mục Kiền Liên nghe Phật nói, tuy biết đó là sự thật, nhưng nghĩ đến thần thông quảng đại của mình nên muốn dùng nó để cứu nạn dân chúng trong thành.

Vua Lưu Ly dùng trăm vạn đại quân vây khốn thành Ca Tỳ La Vệ cho đến một giọt nước cũng không lọt thì con người làm sao trốn ra được. Chỉ có Mục Kiền Liên vận thần thông nương hư không bay vào thành. Khi vào thành rồi, tôn giả chọn năm trăm người ưu tú trong dòng Thích Ca, rồi hóa phép để họ trong bình bát và bay ra. Đến một nơi an ổn, Ngài mở nắp bình để thả năm trăm người ấy ra. Chẳng dè bình bát thì mở mà không thấy gì cả làm Ngài một phen thất kinh hồn vía vì năm trăm người trong bình bát đều hóa thành máu cả.

Đến lúc này tôn giả mới biết lời Phật nói không sai. Phép tắc nhân duyên không thể làm ngược lại ngay cả đến đệ nhất thần thông cũng không qua nghiệp lực.

--- o0o ---

Vu Lan Cứu Mẹ

Tôn giả Mục Kiền Liên dùng thiên nhãn thông mà biết nhân quả báo ứng của loài quỷ làm Ngài thương tâm mà nhớ đến mẫu thân quá cố. Ngài bèn vận dụng thần lực mà quan sát thì thấy thân mẫu đang đọa trong loài ngựa quỷ chịu nhiều đau đớn. Cái cuống họng của bà thì nhỏ như cây kim và chỉ còn da bọc xương. Mục Kiền Liên thấy tình trạng ấy, động lòng hiếu thảo, liền dùng bình bát đựng đầy cơm, mượn sức thần đến trước lão mẫu. Nhưng mẹ Ngài vừa ôm bát cơm chưa kịp đưa vào miệng thì cơm trong tay đã hóa thành lửa đỏ không cách nào nuốt được. Mục Kiền Liên thấy vậy buồn bã rơi lệ nghĩ mình bất lực. Ngài biết được nghiệp quả của chúng ngựa quỷ nhưng không thể biết mẫu thân do nhân duyên nghiệp báo gì mà chịu khổ sở như vậy. Ngài thương cảm quá và mau mau đến trước Phật mà thưa rằng:

- Đức Thế Tôn! Hôm nay đệ tử dùng thần thông thấy mẫu thân đang bị đọa vào ngựa quỷ, chịu nhiều khổ não, thức ăn biến thành lửa đỏ, chẳng biết do nhân duyên gì? Thần thông của đệ tử có thể quan sát thấu đáo nhân duyên tội báo của chúng quỷ, vì sao với vong mẫu lại chẳng biết được? Cúi xin Phật từ bi chỉ dạy.

Đức Thế Tôn từ hòa đáp:

- Mục Kiền Liên! Mẹ ông lúc sanh tiền bán Phật mắng tăng, không tin nhân quả, tham sân tà ác, dối gạt mọi người. Do đó mới thọ khổ báo này. Ông vì mẫu tử tình thâm nên thần thông bị thân tịch che lấp nên không biết được.

Mục Kiên Liên hướng về Đức Phật ai cầu:

- Ngài có diệu pháp gì để cứu mẫu thân của đệ tử thoát khỏi nạn quỷ chẳng?

Phật dạy:

- Mục Kiên Liên! Tội báo của mẹ ông cấu kết sâu dày không thể dùng lực lượng một cá nhân mà cứu được. Hiếu đạo của ông tuy cảm động đất trời, nhưng thiên địa thần kỳ đối với người đọa lạc và phi báng tam bảo không thể làm gì được. Hiện tại, ông chỉ nương sức oai thần của thập phương tăng chúng mới giúp mẹ ông thoát khỏi nạn quỷ. Mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy là ngày giải hạ tự tứ của chúng tăng, ngày đó những người làm con nên vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tại đang ở trong chốn nguy nan, sửa soạn trăm thức ăn ngon, quả vật tươi tốt bậc nhất thế gian, đặt trong mâm đầy để cúng dường chư đại đức tăng mười phương. Nhân vì ngày ấy là ngày tự tứ của chư tăng, tất cả thánh chúng, hoặc tọa thiền ở rừng núi, bên giòng nước hoặc đắc tứ quả A La Hán, hoặc kinh hành dưới cội cây hoặc là bậc được lực thông giáo hóa. Cho đến có những Bồ Tát trong mười phương hiện làm tỷ kheo đều đồng nhất tâm thọ thực. Do vì chư thánh chúng đều đầy đủ giới hạnh thanh tịnh, đức độ rộng sâu như biển, bất khả tư nghị. Nếu ai hay cúng dường các vị tăng ngày tự tứ thì cha mẹ hiện đời và lục thân quyến thuộc nhất định ra khỏi ba đường khổ, liền được giải thoát, y thực tự nhiên. Nếu cha mẹ còn sống thì phước lạc trăm năm, mọi việc đều an lành thuận thảo. Đó thật là diệu pháp để cầu siêu cứu bạt.

Mục Kiên Liên nghe Phật nói thì hoan hỷ vâng lời. Ngày tăng tự tứ làm lễ cúng dường đại chúng thánh tăng và cũng ngày đó mẹ Ngài thoát khỏi nạn quỷ. Mục Kiên Liên rất cảm kích ân Đức Phật, bèn tán thán công đức tam bảo và khuyến khích thế gian làm theo pháp Vu Lan Bồn. Tôn giả không những là đệ nhất thần thông mà cũng còn nổi danh là bậc đại từ đại hiếu.

Một hôm, chúng đệ tử đến yêu cầu Phật nói về nhân duyên bồn sanh của dòng họ Thích, Đức Phật nghe xong thì Ngài gọi Mục Kiên Liên thay Ngài mà thuyết giảng bởi vì nếu Ngài nói tốt về bồn tộc thì làm sao tránh khỏi người đời dị nghị.

Mục Kiên Liên vận dụng túc mạng thông quan sát sự tích của nhiều kiếp đã qua và Ngài thuật lại tỉ mỉ lịch sử dòng Thích Ca. Mọi người nghe xong đều cảm đến việc Đức Phật giáng sinh trong dòng Thích Ca và thành Chánh giác, không phải không có nhân duyên.

Lại một hôm, chúng tỳ kheo nhóm họp lại cùng đàm đạo và mỗi người đều trình bày chỗ tâm đắc trong việc tu đạo. Tôn giả Mục Kiền Liên nhân đó nói bài kệ của bảy Đức Phật:

Chư ác mạc ác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo

Dịch là:

Chớ làm các việc ác

Nên làm các việc lành

Tự tịnh ý của mình

Đó là lời dạy của chư Phật

Từ bài kệ đơn giản của Mục Kiền Liên đã làm cho mọi người biết rõ mục đích lời dạy của Đức Phật. Dầu trải qua mấy ngàn năm, Phật tử khắp mười phương đã đem bài kệ và tôn giả mà lưu giữ trong tâm của họ.

--- oOo ---

Người Đệ Tử Đầu Tiên Hy Sinh Vì Đạo

Mục Kiền Liên nhờ thần thông mà lên trời xuống đất để hộ trợ cho việc tuyên dương Phật pháp. Công ấy thật là to lớn, nhưng Phật vẫn thường dạy thần thông không phải là pháp môn cứu cánh.

Lúc đó có vị đại thần của vua Ưu Điền tên là Tân Đầu Lô Phả La Đọa theo Phật xuất gia và chứng được thần thông. Nhưng ông ta thích biến hiện kỳ diệu trước hàng cư sĩ cho nên Đức Phật thường quở trách nên ông rời khỏi tăng đoàn một mình qua Châu Tây Cù Da Ni mà giáo hóa chúng sinh. Còn thần thông của Mục Kiền Liên chẳng những Đức Phật không quở trách mà lại thường khen ngợi. Không phải Đức Phật không có tâm bình đẳng, nhưng chính vì Mục Kiền Liên chỉ dùng thần thông để hộ trợ cho việc hoằng pháp mà thôi. Nhưng kết cuộc thần thông cũng không qua nghiệp báo. Thật vậy,

ngiệp lực của mỗi người đã tạo tác thì dù cho thần thông biến hóa xuất quỷ nhập thần cũng không tránh được cái chết. Chính Đức Phật đã nhiều lần răn dạy đệ tử của Ngài về sự thật này.

Mặc dù tôn giả Mục Kiền Liên tuổi gần về già nhưng hoạt động hoằng pháp vẫn như nước chảy mây bay, càng lúc càng tinh tấn. Tôn giả vì lòng từ bi mà hóa độ chúng sinh nhưng chính Ngài không ngờ rằng càng nhiệt tâm tuyên dương giáo pháp thì càng làm cho ngoại đạo ghen ghét. Đối với Đức Phật thì bọn chúng khó lòng làm gì được nên bọn họ chỉ chờ có cơ hội là ám sát Mục Kiền Liên.

Mục Kiền Liên luôn luôn gánh vác trách nhiệm hoằng pháp lợi sanh nên bất cứ nơi nào Ngài cũng đến được. Một ngày nọ tôn giả trên đường tuyên dương đạo pháp thì Ngài đi ngang qua núi Y Tu Xa Lê. Khi thấy Ngài đi qua thì bọn ngoại đạo từ trên núi xô đá xuống để sát hại Ngài. Đá rơi loạn xạ như mưa khiến nhục thân vô thường của tôn giả nát như như tương. Mặc dầu Ngài đã chết, nhưng bọn ngoại đạo vì sợ thần thông của Ngài nên mãi đến hai ba ngày sau còn chưa dám đến gần nơi tôn giả tử nạn.

Tin tôn giả bị ám hại truyền đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua nổi cơn phẫn nộ, hạ lệnh bắt hết các hung thủ và mấy ngàn ngoại đạo ném hết vào hầm lửa.

Sự ra đi của tôn giả làm cho các tỳ kheo không khỏi đau lòng vì không một ai có thể tin rằng với sức thần thông biến hóa như Ngài mà không tránh được sự phục kích của ngoại đạo.

Các tỳ kheo bèn thỉnh Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đều là đệ tử thượng thủ của Phật. Mục Kiền Liên là một người hoàn toàn. Khi Thế Tôn lên thiên cung thuyết pháp cho mẫu hậu thì tôn giả nhận lời yêu cầu của chúng con lên cung trời bái vọng Thế Tôn. Mẫu thân ông vì phỉ báng tam bảo mà bị đọa địa ngục thì ông cũng xuống địa ngục cứu mẹ. Tôn giả có thần thông oanh liệt như thế tại sao không dùng sức thần thông để đối kháng với ngoại đạo?

Đức Phật là bậc đại tri giác, đã chứng chân lý vũ trụ nên Ngài đã biết trước sự việc nên không kích động như các tỳ kheo. Ngài an nhiên bảo đại chúng:

- Mục Kiền Liên không phải không chống nổi với ngoại đạo, nhưng ở lần trước khi vua Lưu Ly xâm lược thành Ca Tỳ La Vệ thì ông đã dùng thần

thông mà cứu không được nhân dân trong thành. Nên biết rằng thần thông không thắng nghiệp lực. Nhục thể là vô thường, nghiệp báo cần phải trả. Trong đời quá khứ ông ấy làm nghề chài lưới sát hại oan uổng không biết bao nhiêu sinh linh. Các ông đừng lấy làm khó chịu. Tuy Mục Kiền Liên chết, nhưng chân lý không hề mất.

Thấy tỳ kheo càng phân vân, Phật dạy tiếp:

- Các tỳ kheo! Các ông không nên nghĩ như vậy. Vấn đề sanh tử đối với người giác ngộ không quan trọng. Có sanh ắt có tử. Chuyện tử không nhất thiết là chuyện kinh sợ hoang mang, đừng quá cố chấp. Mục Kiền Liên khi vong thân chẳng mê muội thì chắc chắn đã nhập diệt, đó là điều đáng quý. Mục Kiền Liên hy sinh vì sự nghiệp tuyên dương giáo pháp, đó mới là cái đẹp vô hạn.

Tuy Phật đã giải thích như thế mà có vài tỳ kheo vẫn còn thắc mắc. Họ than thở, lắc đầu, thương cảm mà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con vẫn biết cần phải có tinh thần hy sinh vì đạo, nhưng tôn giả hy sinh như vậy quả thật oan uổng và còn biết bao sự nghiệp hoằng hóa lợi sinh mà chúng con cần sự lãnh đạo của tôn giả. Thế Tôn! Sao Ngài không bảo trước với tôn giả để ông ấy đề phòng?

Qua những lời trên, chúng ta đều thấy các vị tỳ kheo rất xúc động trước sự tuân giáo của tôn giả. Một lần nữa Đức Phật lại dùng lời an ủi khích lệ đại chúng:

- Các tỳ kheo! Khi Mục Kiền Liên lâm nạn, chẳng phải ông ấy không biết đề phòng. Ông ấy có thể bảo vệ cho mình khỏi chết, nhưng đó không là biện pháp cứu cánh. Người tu hành không thể làm sai pháp tắc nhân quả, ông ấy gieo nhân chài cá, nghiệp sát sanh phải kết thúc bằng quả bị hại. Và lại, Mục Kiền Liên đã phát nguyện đem mạng sống hy sinh cho chân lý. Đó là mãn nguyện của ông, ông ấy rất hoan hỷ nhập diệt. Nếu đệ tử của ta đều có tinh thần của Mục Kiền Liên thì Phật pháp lại phát huy rộng lớn. Các ông nên bắt chước theo Mục Kiền Liên.

Mặc dù sắc thân Mục Kiền Liên đã chết, nhưng với đệ nhất thần thông và gương đại từ đại hiếu của Ngài vẫn sống mãi trong tâm của những người con Phật như chúng ta.

Mục Kiên Liên vốn lấy tên theo cha là Câu Lợi Ca, còn gọi là Câu Lợi Đa. Câu Lợi Ca tiếng Phạn là Kolika cũng chính là tên quê hương của tôn giả. Sau khi lễ trà tỳ xong toàn thân Xá lợi được đưa về quê hương Câu Lợi Ca để lưu giữ trong một Phật tháp cách chùa Na Lạn Đà khoảng tám chín dặm về hướng Tây Nam.

Na Lạn Đà là ngôi chùa Phật nổi tiếng nhất thời bấy giờ ở Ấn Độ. Rất nhiều đại sư phái Đại thừa tu tập và nghiên cứu Phật giáo ở đây. Lịch sử của chùa rất xưa, quy mô vĩ đại, kinh sách vô cùng phong phú và là một trong các trung tâm văn hóa chủ yếu của Ấn Độ thời cổ đại. Trong thời gian Tây Du, Ngài Trần Huyền Trang lưu học tại chùa Na Lạn Đà lâu hơn cả, hơn năm năm, được đích thân đại sư Giới Hiền truyền thụ ba thiên “Đu Già Dư Địa Luận” và được nghiên cứu kinh điển của đại sư cũng như học tiếng Phạn. Có thể nói đây là thời kỳ đạt nhiều thành quả nhất của Tam Tạng Pháp Sư trong giai đoạn ở Ấn Độ.

Trong chùa Na Lạn Đa có đến mấy ngàn tăng nhân, đều là những người tài năng xuất chúng, kiến thức uyên bác. Những người được kính trọng về mặt đạo đức, có uy tín trong và ngoài nước có đến hàng trăm. Họ tuân thủ giới quy, có phẩm hạnh thanh bạch, am hiểu giới luật, tín ngưỡng kiên định được người trong toàn nước Ấn Độ ngưỡng mộ sùng bái. Họ cùng nhau tranh luận, học hỏi lẫn nhau về Phật pháp huyền diệu. Ngày này qua ngày khác, họ học hỏi không ngừng, bất kể ngày đêm, họ đốc thúc nhau, khuyến khích nhau, già cũng như trẻ hỗ trợ nhau hoàn thành học nghiệp. Do đó nếu ai không có khả năng bàn đến nghĩa lý Phật học sâu xa thì cô độc không có bạn bè. Cho nên, giới học giả ngoại quốc thường đến đây học tập thì mới có tiếng tăm.

Những người muốn đến đây học tập trước hết phải qua một kỳ trắc nghiệm, phần đông không đạt, phải chịu ra về, chỉ những người có kiến thức sâu rộng mới có thể được nhận vào tu học. Những học giả nước ngoài, thường mười người có đến bảy tám người, sau khi đàm luận học nghiệp, chịu thất bại ra về. Vài người học rộng còn lại, cùng đàm luận với tăng nhân trong chùa, cũng không tránh khỏi bị bắt bẻ, làm cho danh tiếng bị lu mờ. Chùa Na Lạn Đà gồm những bậc cao tăng đức trọng, tài cao học rộng, giỏi nhiều lãnh vực, vì xả bỏ việc đời mà quay về nơi cảnh Phật. Có những vị như Hộ Nguyệt mà tiếng tăm lưu truyền trong học giới Phật giáo. Đức Tuệ, Kiên Tuệ mà đạo đức vang danh trong đời. Quang Hữu nghị luận cực kỳ thanh nhã. Thắng Hữu thì lời lẽ rất cao minh. Trí Nguyệt có phong độ tác tuyệt, kiến thức và sự thông tuệ tuyệt vời. Sau cùng ngài Giới Hiền đức hạnh cao thượng, kiến

thức thâm sâu. Họ là những tăng nhân kiệt xuất, tài đức vượt hẳn những người đi trước. Họ biên soạn, chú thích nhiều tác phẩm và mỗi người có trên mười tác phẩm được lưu truyền rộng rãi cho đến ngày nay.

--- o0o ---

14. Tôn giả Đại Ca Diếp

(Đệ nhất tu khổ hạnh)

Khi Đức Phật giáng sinh tại vườn Lâm Tỳ Ni gần kinh thành Ca Tỳ La Vệ thì tại làng Ma Ha Sa La Đà cách thủ đô Vương Xá của nước Ma Kiệt Đà không xa có một nhà hào phú trưởng giả dòng Bà La Môn tên Ni Câu Lu Đà Kiệt Ba. Gia đình này rất giàu đến nỗi tài sản của họ có thể tương đương với vua Tân Bà Sa La lúc bấy giờ và tôn giả Đại Ca Diếp đã sinh ra trong gia đình phú hộ này. Lúc đản sanh tôn giả thì có những điềm lành cũng giống như điềm lành lúc đản sanh Phật Đà vậy. Lúc mẫu thân tôn giả đang dạo chơi trong vườn hoa sau nhà, thì bà cảm thấy trong người mệt mỏi nên đến ngồi dưới bóng cây đại thọ Tát Bạt La (sau này gọi là cây Bồ Đề, có nghĩa là cây giác ngộ). Và sau đó tôn giả cất tiếng chào đời. Vì sanh dưới gốc cây nên cha mẹ đặt tên cho Ngài là Tát Bạt La Đà Na. Đại Ca Diếp tướng mạo xuất phàm không thua kém 32 tướng tốt của Đức Phật. Gia đình đại phú hào mà chỉ có một quý tử nên sự nuôi dưỡng thương yêu của cha mẹ đối với Ngài còn hơn cả những vương tôn công tử thời bấy giờ.

Khi Đại Ca Diếp lên 8 tuổi thì đã lầu thông các giới điều của Bà La Môn. Sau đó Ngài lại học đến pháp tế lễ, thi họa, toán thuật, văn học, thông suốt bốn kinh Vệ đà. Cho đến xem thiên văn, đoán âm dương vận số và âm nhạc ca vũ...Do sức thông minh, không có môn nào Ngài không thấu triệt. Nhưng có một điều lạ là ngay từ lúc nhỏ Ngài đã không giống như những trẻ em khác. Đối với dục lạc thế gian thì Ngài không ưa không thích và đặc biệt là chuyện yêu thương trai gái thì Ngài chẳng màng đến, tránh thật xa. Vì thế Ngài thường tìm những nơi thanh vắng, xa lánh đám đông ồn ào náo nhiệt, để ở. Ngay cả cha mẹ khi xa cách Ngài cũng không nhớ đến. Đây quả thật là con người phi thường hiếm có trong cuộc đời bởi vì sống trong giàu sang phú quý, kẻ hầu người hạ mà cũng không màng đến. Đây chính là điểm tương đồng giữa Ngài và Đức Phật.

--- o0o ---

Người Vợ Không Chung Chăn Gối

Ngày tháng thoi đưa, chẳng mấy lúc mà giờ đây Đại Ca Diếp đã trở thành một thanh niên anh tuấn, phong lưu. Thấy tướng diện khôi ngô của con mình, cha mẹ Ngài định sẽ tìm một tiểu thư xinh đẹp để cưới cho Ngài. Khi nghe ý định đó thì Ngài vội vã từ chối:

- Đó là điều không nên vì con chỉ mong muốn duy nhất là tu đạo. Có vợ con thì sẽ trở ngại cho việc tu hành.

Từ trong gia đình phú hộ mà lại là con một thì không khi nào cha mẹ Ngài chấp thuận lời nguyện đi tu của Ngài được. Biết là không còn cách nào để chối từ, Ngài bồng nghĩ ra một biện pháp. Số là Ngài mời được một nhà điêu khắc đến và lấy vàng để đúc thành một pho tượng mỹ nữ, tuyệt đẹp và rực rỡ. Khi hoàn tất thì Ngài đem trình pho tượng cho cha mẹ mà nói:

- Cha mẹ nhất định bảo con cưới vợ thì xin chọn cô ấy phải giống y như tượng vàng này bằng không con sẽ suốt đời không cưới vợ.

Thấy điều kiện con mình thật khó khăn, cha mẹ Ngài bèn theo lời của các thầy Bà La Môn thiết lập một nhà dù thật lớn và để pho tượng vàng trong đó, thờ cúng như là một nữ thần. Sau đó cho người đi rao giảng khắp thiên hạ rằng:

- Các thiếu nữ có cầu mong ước nguyện gì hãy đến cúng dường nữ thần! Các cô sẽ được toại nguyện như ý.

Cứ như thế các thầy Bà La Môn đi từ thành Vương Xá , qua sông Hằng, lần lần đến Tỳ Xá Ly. Cách thành này không xa có một làng nhỏ tên là Ca La Tỳ Ca. Trong làng này có một gia đình cũng nổi danh đại phú. Họ có một cô con gái tên Diệu Hiền, thiên tư quốc sắc, nổi tiếng mỹ nhân, nhưng thường khuê môn bất xuất. Hôm ấy nhằm hội hoa đăng, nam thanh nữ tú vui chơi dập dìu. Diệu Hiền được bạn bè rủ đến chiêm bái pho tượng vàng thần nữ. Diệu Hiền có nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn nên khi đến lễ nữ thần khiến lu mờ cả tượng vàng. Các thầy Bà La Môn thấy vẻ đẹp kiều diễm của nàng thì rất đỗi mừng nên hỏi thăm về gia đình nàng và sau đó đến nhà song thân Diệu Hiền để trình bày ý muốn kết thân. Bên song thân của Diệu Hiền vì từng nghe danh tiếng giàu có của nhà Ca Diếp nên rất hoan hỷ hứa gả con gái.

Thủ tục đính hôn hoàn thành và chỉ còn chọn ngày lành tháng tốt để rước dâu. Ngày hôn lễ, Diệu Hiền mặc áo gấm, đeo chuỗi ngọc trông đẹp như một nàng tiên. Nhưng có điều rất lạ là tân nương tuy có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước mà gương mặt rất buồn như nặng mang một tâm sự u buồn.

Lễ bái trời đất xong và tiệc vừa tàn thì Ca Diếp và Diệu Hiền được đưa vào động phòng. Tuy là đôi vợ chồng mới cưới, nhưng cả hai không có một nụ cười và chẳng ai ngó tới ai. Họ chỉ ngồi nhắm mắt làm thinh, mỗi người một tâm sự triền miên. Canh một rồi đến canh hai, canh ba, canh tư, canh năm đã qua và trời gần sáng mà cả hai không nói một lời nào. Lúc ánh nắng bình minh xuyên vào phòng thì Ca Diếp mới mở lời:

- Ta xin hỏi nàng có tâm sự gì chẳng?

Diệu Hiền cau mày, ngồi làm thinh.

Ca Diếp than thở:

- Có điều gì xin nàng cứ nói, chúng ta cùng thương lượng.

Diệu Hiền lại ứa nước mắt mà chẳng trả lời. Đại Ca Diếp hỏi với vẻ giận:

- Thế này là thế nào? Tại sao nàng khóc?

Ca Diếp hỏi hai ba phen, Diệu Hiền mới thở dài đáp nhỏ:

- Chàng phá hoại chí nguyện của tôi. Tôi xưa nay rất ghét ngũ dục nên muốn tu phạm hạnh thanh tịnh. Chính cha mẹ tôi bị mê hoặc bởi sự giàu sang của chàng khiến nguyện vọng của tôi bị lỡ dở.

Ca Diếp nghe nói rất mừng liền cho Diệu Hiền biết chính mình cũng rất ghét ái nhiễm và chỉ muốn tu hạnh thanh tịnh. Đây thật là nhân duyên tốt để chúng ta có thể làm theo chí nguyện của mình. Khi đã hiểu nhau rồi thì hai người cùng ước định thi hành nguyện vọng này. Họ kê trong phòng hai cái giường, mặc dù trên danh nghĩa là phu thê nhưng đây là cặp vợ chồng không chung chăn gối.

Câu chuyện ngủ riêng giường lọt đến tai cha mẹ Ca Diếp. Hai ông bà bèn vào phòng xem xét thì thấy hai cái giường kê hai nơi. Ông bà không hài lòng nên la rầy:

- Hai con là vợ chồng mới cưới mà trong phòng kê riêng hai cái giường thật không tốt. Ta sẽ gọi người đến dẹp bớt một cái.

Ca Diếp chẳng dám cãi lời, nhưng càng giữ vững lời hứa thì càng kiên quyết lập chí nên Ca Diếp mới nói với Diệu Hiền:

- Không lo chuyện ấy, còn một cái giường thì chúng ta thay phiên nhau ngủ. Đầu hôm đến nửa đêm thì nàng ngủ còn ta thì đi kinh hành tu niệm trong phòng. Đến gần sáng thì nàng thức, tôi ngủ, còn nàng thì đi kinh hành hoặc ngồi thiền.

Diệu Hiền rất bằng lòng với đề nghị đó, nàng nói thêm:

- Chúng ta cần phải mau mau rời khỏi căn nhà nguy hiểm này, chớ còn trong vòng ngũ dục thì nơi nào cũng có nguy cơ ẩn nấp, mê hoặc người trong chốn đọa lạc.

Ca Diếp an ủi:

- Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng cha mẹ vẫn còn và tôi lại là con một nên không thể bỏ đi. Nàng hãy kiên nhẫn. Tôi tin rằng lý tưởng và chí nguyện của chúng ta sẽ có ngày thực hiện được.

Hai người tuy sống trong chốn bụi trần mà tâm vui trong đạo nghiệp thanh tịnh. Họ không hề xúc phạm nhau và sống an ổn cho qua ngày tháng. Có một đêm, Diệu Hiền ngủ trên giường, Ca Diếp đang đi kinh hành trong thất thì bỗng có một con rắn độc màu đen bò ngang giường Diệu Hiền. Ca Diếp chú ý nhìn thấy cánh tay Diệu Hiền buông thõng xuống giường cách chỗ rắn độc không xa. Ca Diếp lo lắng rủi như nàng bị rắn cắn thì làm sao? Trong lúc mườI phần cấp bách, Ca Diếp liền dùng chéo áo quấn quanh cánh tay mình rồi mới nhẹ nhàng đỡ cánh tay Diệu Hiền lên trên giường. Đang ngủ ngon bỗng bị động, Diệu Hiền giật mình choàng tỉnh. Nàng kinh sợ lật đật ngồi dậy vừa giận vừa bực mà hỏi Ca Diếp:

- Việc gì xảy ra thế? Có chuyện gì như thế này?

Sau khi nghe Ca Diếp giải thích, nàng mới yên lòng và rất cảm phục chàng. Hai người giữ mức sống thanh tịnh như vậy trong suốt 12 năm.

Đời Là Khổ Nào

Có hợp ắt có phân ly và có sanh ắt có tử. Thật vậy luật vô thường của thế gian không bỏ sót một ai cả và cha mẹ của Đại Ca Diếp thì cũng không thoát ra khỏi định luật này. Hai ông bà thân sinh của Ca Diếp lần lượt qua đời.

Một hôm, Đại Ca Diếp đi thăm ruộng, Ngài thấy đôi bò kéo nặng nhọc và người nông phu làm việc quá vất vả. Nhưng khi Ngài nhìn kỹ thì thấy trong ruộng có những loài côn trùng bị đường cày chặt đứt, lớp chết, lớp bị thương quần quai thật thảm thương. Càng nhìn cảnh tượng ấy thì Ngài càng chán ngán cho sự sống trên thế gian. Ngài thâm nghĩ: chỉ vì sự ăn mặc của ta mà bao nhiêu người và bao nhiêu thú vật phải chịu trăm điều khổ sở như thế sao? Không kể là người nào, không kể ăn thức ăn gì, cũng chỉ vài chén cơm. Không kể ngủ cách nào, cũng chỉ cần cái giường 6 tấc. Còn những thứ cần dùng khác chẳng qua là một sự lãng phí. Chỉ vì những thứ lãng phí xa xỉ vô dụng đó mà làm tổn hại bao nhiêu người và vật cũng như giết hại bao nhiêu sinh linh như thế. Thật là một điều quá ư bất công và không hợp lý chút nào.

Còn ở nhà thì Diệu Hiền sai gia nhân ép dầu mè nhưng trong dầu mè có nhiều con bọ nhỏ xíu đang cựa quậy lúc nhúc làm cho gia nhân bàn tán với nhau:

- Ép chết bao nhiêu con vật nhỏ bé thế này không biết sau này chịu quả báo đáng sợ thế nào?

Diệu Hiền nghe xong lập tức bảo họ ngưng ép dầu, một mình lui vào phòng, đóng cửa lại để tĩnh tọa tư duy.

Khi Đại Ca Diếp trở về nhà thấy Diệu Hiền với những sự tình ưu não như vậy thì chẳng vui chút nào. Hai người ngỏ bày tâm sự và cả hai đều thấy nỗi khổ của thế gian cũng như nỗi buồn thảm của kiếp người.

Đại Ca Diếp bèn nói với Diệu Hiền:

- Nói gì thì nói, tôi sẽ bỏ ngôi nhà này để đi xa tìm thầy học đạo. Ở nhà thật chẳng khác nào ở chốn lao ngục bởi bao nhiêu thứ ràng buộc làm khổ não đủ điều. Ở trong gia đình tạo nghiệp không có hồi kết thúc, tôi sẽ ra đi để tìm cho ra chơn lý của kiếp người. Tu hành trong chốn rừng núi như là lui tới trong chốn hư không, không có chút trở ngại. Tạm thời tôi đi trước tìm thầy học đạo, nài ở nhà đợi khi nào tôi gặp bậc thầy hiền minh, tôi sẽ trở về dẫn

nàng cùng xuất gia. Chúng ta sẽ đem hết tài sản cứu tế cho các người nghèo cùng cơ khổ và phần còn lại thì chia cho các gia nhân. Nàng hãy đợi, nhất định tôi sẽ mang lại tin tốt đẹp lúc trở về.

Diệu Hiền nghe xong rất kính phục chí nguyện của trưởng phu cùng cảm kích mối quan tâm của Ngài. Chuyện xuất gia tu đạo này vốn là nguyện ước từ lâu của hai vợ chồng nhưng vì còn cha mẹ mà họ phải cố gắng chờ đợi qua hơn mười năm. Cung thự nguy nga, tiền bạc đầy kho đầy tráp, ruộng vườn cò bay thẳng cánh mà Ca Diếp và Diệu Hiền đều xem đó là ràng buộc, là cảnh khổ đã cột chặt con người vào biển trầm luân. Ngài đã buông xả hết bằng cách bố thí toàn bộ tài sản của mình cho kẻ khác. Hôm nay, Đại Ca Diếp có cơ hội đi xuất gia tu hành thì tâm tư rất hoan hỷ mà không thốt nên lời.

--- o0o ---

Xuất Gia Theo Phật

Lúc bấy giờ Đại Ca Diếp đã ba mươi tuổi và theo truyền thuyết thì ngày Ngài rời xa gia đình đi tìm đạo cũng chính là ngày Đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề trên tòa Kim Cương vào lúc sao mai mọc để thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đại Ca Diếp đi tìm sư học đạo khắp nơi, nhưng không vị thầy nào đáp ứng nguyện vọng của Ngài được. Mãi hai năm sau, trong lúc đang tìm đạo tại nước Uyên Già thì có người cho Ngài biết là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc Đại Giác của thời nay và hiện tại Đức Phật đang thống lãnh những đạo sĩ nổi danh như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, ba anh em ông Ma Ha Ca Diếp và cả ngàn đồ đệ tại tịnh xá Trúc Lâm của nước Ma Kiệt Đà. Đại Ca Diếp nghe tin ấy lòng rất vui mừng nên tìm đường đến Trúc Lâm yết kiến Phật.

Khi đến Trúc Lâm tịnh xá, Ngài quyết định không trực tiếp thưa hỏi Đức Phật mà chỉ mỗi ngày theo tín chúng trong thành đến nghe pháp. Ngài thầm nghĩ nếu không phải là Phật thì không tôn bái làm thầy bởi vì nếu không gặp Phật hoặc không có tôn sư thì chính Ngài cũng có thể tu chứng được quả vị Độc Giác.

Những lời thuyết pháp vàng ngọc của Phật cộng thêm đức huệ của Đức Thế Tôn đã mở rộng tâm can của Ngài. Một hôm, sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, Ngài trở về thành Vương Xá. Gần cổng thành là tháp Đa

Từ và cạnh đó có một cây đại thọ cành lá sum xuê, thì Ngài bâng hoàng sững sốt khi thấy Đức Phật ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây. Thế này là thế nào? Ngài tự hỏi. Vì mới lúc nãy thì còn thấy Đức Phật ngồi trên bảo tòa pháp vương ở trong tịnh xá, sao bây giờ lại gặp Ngài ở đây? Càng nhìn càng thấy Đức Phật tướng mạo oai nghiêm thần tịnh, như một tòa kim sơn. Ngài quá xúc động bèn đến đánh lễ dưới chân Phật và thành khẩn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc đại sư của con, xin tiếp độ cho con. Đại Ca Diếp thọ quy y và từ nay Ngài là đệ tử của Phật. Đức Phật biết lòng tin của Ca Diếp đã chắc chắn liền bảo:

- Nay Đại Ca Diếp! Ông chính thật là đệ tử của ta. Trên thế gian này như người nào chưa chứng quả vị chánh giác thì không dám nhận ông làm đệ tử. Ông hãy theo ta.

Đức Phật từ từ đứng dậy đi về tịnh xá Trúc Lâm và Đại Ca Diếp thì theo chân Ngài vừa cung kính vừa cảm động và vừa mừng đến rơi lệ.

Đức Phật ngoái đầu lại nhìn Đại Ca Diếp và nói:

- Ta nghe nói về ông đã lâu, ta biết thế nào rồi ông cũng đến cầu đạo với ta. Hôm nay là ngày ông được tiếp độ. Phật pháp lưu truyền về sau cần ông rất nhiều, vì chúng sanh và vì chính mình ông nên trân trọng.

Về đến tịnh xá Trúc Lâm, Đức Phật làm lễ thế độ cho Đại Ca Diếp và nói pháp Tứ Diệu Đế, thuyết mười hai nhân duyên. Với oai đức của Thế Tôn và với từ âm thân thiết của Ngài, có thể nói rằng bầy không khí chứng ngộ đã bao trùm Đại Ca Diếp. Những lời dạy quý báu của Phật chẳng khác nào như những đám mưa lớn rơi trên thửa ruộng khô khan cần cỗi. Chỉ tám ngày sau thì Đại Ca Diếp khai ngộ trở thành A La Hán.

--- o0o ---

Cứu Độ Cho Vợ Hiền

Đại Ca Diếp xuất gia theo Phật mới đây mà đã được một năm và cũng là năm thứ ba kể từ ngày Phật thành đạo. Sau chín lần thỉnh cầu của vua Tịnh Phạn, Đức Phật nhận lời cùng các tỳ kheo từ nước Ma Kiệt Đà ở

phương Nam về thăm cố hương. Cùng với các tỳ kheo trở về kinh thành Ca Tỳ La Vệ còn có Đại Ca Diếp. Sau đó Đức Phật đi lên hướng Bắc để đến tịnh xá Kỳ Viên (thiết lập bởi trưởng giả Cấp Cô độc Tu Đà La) của nước Xá Vệ. Cũng chính lần về thăm nhà này rất nhiều vương tôn công tử xuất gia theo Phật. Nhờ nhân duyên này sau đó bà kế mẫu Ma-Ha-Ba-Xa-Ba của Phật kết hợp với công chúa Da Du Đà La và rất nhiều mệnh phụ phu nhân khác để được xuất gia theo Phật. Từ đó giáo đoàn tỳ kheo ni được Đức Phật cho phép thành lập.

Khi đó Đại Ca Diếp nhớ đến lời hứa với Diệu Hiền vì trước đây người nữ không được xuất gia nên tôn giả không dám xin với Đức Phật. Bây giờ đã có giáo đoàn tỳ kheo ni và chính là lúc thực hiện lời giao kết với Diệu Hiền. Thời gian thấm thoát qua nhanh, mới đây mà Đại Ca Diếp rời nhà đi tìm đạo đã được ba bốn năm. Trong ba bốn năm ấy chẳng biết tình hình của Diệu Hiền như thế nào? Tôn giả bèn an tĩnh nhập định quan sát mới biết Diệu Hiền đang theo làm đệ tử một phái ngoại đạo bên bờ sông Hằng.

Số là từ khi tôn giả đi tìm đạo, Diệu Hiền cũng ở nhà đợi tin tức, nhưng năm tháng trôi qua vùn vụt, một năm rồi hai năm mà chẳng thấy tin tức của Đại Ca Diếp ở đâu nên nàng mới quyết định tự xuất gia chớ không đợi nữa. Chị đã định xong, nàng cho gọi người quản gia đến, bảo đem hết trang sức và y phục của mình đem phân chia cho bà con, làng xóm và gia nhân. Sau đó nàng đi đến bờ sông Hằng làm lễ bái nhóm ngoại đạo đang tụ tập tại đây làm thầy.

Làm đệ tử nhóm ngoại đạo này, nàng phải chịu nhiều sự lăng nhục vì dung nhan mỹ lệ của mình. Đại Ca Diếp biết nàng đang cần sự tiếp độ của mình để truyền lại chân lý nhiệm mầu của Đức Thế Tôn hầu giúp cho nàng mau giác ngộ. Tôn giả bèn nói chuyện ấy cho một vị tỳ kheo và yêu cầu đi đón Diệu Hiền thay Ngài. Vị tỳ kheo ấy bằng lòng và chẳng bao lâu đã đưa Diệu Hiền về đến.

Diệu Hiền gia nhập ni viện không lâu thì thiên hạ bàn tán xa gần cũng chỉ vì sắc đẹp của nàng. Nàng cảm thấy rất tủi hổ, buồn bực cho số phận hồng nhan bạc mệnh. Từ đó, nàng không đi ra ngoài khát thực, cố tâm xa lìa đại chúng để tránh tiếng thị phi bất chánh.

Đại Ca Diếp biết chuyện nên Ngài xin phép Phật mỗi ngày chia bớt nửa phần thức ăn cho Diệu Hiền. Chuyện ấy lọt vào mắt cô tỳ kheo ni Thâu

Lan Na Đà. Mặc dù là kẻ tu hành, nhưng cô nổi tiếng là hay thị phi bàn tán chuyện thế gian. Cô nói như phỉ báng:

- Hai người này nghe nói 12 năm ở nhà không ngủ chung giường mà bây giờ mỗi ngày thấy họ thân mật chia sẻ thức ăn, tôi đoán thế nào cũng có tình ý chi đây.

Tôn giả Đại Ca Diếp nghe nói vậy nên từ đó muốn khích lệ cho Diệu Hiền mà không giúp cơm cho nàng nữa mặc dù trong tâm của vị thánh rồng rang không có gì vướng mắc. Thật vậy, thế gian đầy thị phi ác độc, một vị thánh thanh tịnh như Đại Ca Diếp mà còn người khiêu khích đồn đãi thật ai nghe qua cũng bất bình.

Qua sự khích lệ ấy, Diệu Hiền nhận thấy mình phải tu hành nghiêm túc. Bà suốt đêm không ngủ, thành tâm sám hối và sau cùng được khai ngộ. Sau khi chứng được quả A La hán, bà nói:

- Đoạn trừ mọi ràng buộc, hoàn thành tịnh hạnh, việc đáng làm ta đã làm xong.

Về sau Phật khen ngợi bà:

- Trong chúng tỳ kheo ni, không ai có thể sánh với tỳ kheo ni Diệu Hiền về mặt túc mạng thông.

Tôn giả Đại Ca Diếp rất hoan hỷ. Đối với ân tình của thế gian, Ngài xem nó như một áng mây bay hay một cơn gió thoảng mà thôi.

--- o0o ---

Xá Lợi Phất Bị Tham Vấn

Từ đó Đại Ca Diếp được người tôn xưng là thánh giả và thân danh nổi tiếng trong tăng đoàn.

Một hôm nọ, lúc tôn giả và Xá Lợi Phất đồng tu tại núi Kỳ Xà Quật, thoát nhiên có nhiều chúng ngoại đạo đến phỏng vấn tôn giả Xá Lợi Phất. Họ đưa ra nhiều câu hỏi như: Như Lai sau khi nhập diệt có còn sanh tử hay không? Hoặc là sau đó không có sanh tử? Hoặc là chẳng phải sanh tử cũng chẳng phải không sanh tử?

Ngoại đạo dùng lối tứ cú để hỏi vấn đề sanh tử của Đức Phật, mà tôn giả Xá Lợi Phất đã trả lời cho họ, nhưng chỉ còn vấn đề này là không thể nói là Như Lai ở trong tứ cú này. Chúng ngoại đạo không vừa lòng về lời giải đáp của tôn giả nên họ mĩa mai:

- Ông không trả lời được vấn đề này sao dám tự xưng là bậc thượng thủ của Phật? Nói là trí tuệ số một mà lý luận giống như trẻ con.

Ngoại đạo đàm tiếu rồi bỏ đi. Xá Lợi Phất rời chỗ tu tập của mình, băng qua đám lá rậm của rừng cây và đến thạch động tham vấn tôn giả Đại Ca Diếp.

Xá Lợi Phất đem câu hỏi của ngoại đạo thuật lại cho Đại Ca Diếp nghe và hỏi:

- Tôn giả! tại sao Đức Phật chưa từng giải đáp vấn đề ấy, đối với câu hỏi của ngoại đạo thì phải nói như thế nào?

Đại Ca Diếp liền trả lời:

- Đức Như Lai đã hết sạch ái chấp, tâm không còn phiền não, vĩnh viễn giải thoát, sự chứng ngộ của Ngài rộng lớn sâu xa, không thể dùng tứ cú của mê tình mà hỏi, cũng không dùng ngôn ngữ để đáp. Chỉ vì vấn đề ấy không nên hỏi nên Ngài không giải đáp.

Xá Lợi Phất nghe câu trả lời, thật là thích thú, cáo từ và trở về động mình để tu tập.

Đối với việc tu hành của những vị đại đệ tử của Phật, các vị thường hay chỉ dạy nhắc nhở nhau, chia sẻ cùng nhau những kiến thức mới lạ và vấn qua đáp lại để trao dồi thêm trí tuệ. Vì thế việc hai vị tôn giả trao đổi tư tưởng với nhau chẳng có gì là lạ, nhưng đối với vấn đề khúc mắc như Xá Lợi Phất nêu ra mà có thể tự mình giải đáp thì chứng tỏ sức tu đạo của Đại Ca Diếp cao xa đến mức độ nào.

--- o0o ---

Bà Lão Nghèo Sanh Về Cõi Trời

Một hôm Đức Phật và các đệ tử đang thuyết pháp ở nước Xá Vệ trong khi Đại Ca Diếp thì giáo hóa tại thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà. Tôn giả thường ra vào thành để bố thí phước điền. Một đặc thù của tôn giả khi đi

khát thực là thường tránh đến nhà giàu mà chỉ muốn đến nhà bần cùng nghèo khổ mà thôi. Ngài nghĩ rằng tất cả chúng sinh đều đáng thương, nhưng những người nghèo khổ thì họ phải lo miếng cơm manh áo hằng ngày nên không có khả năng bố thí để làm phước điền cho ngày sau thâu nhận những cái quả báo phước đức do sự bố thí của họ. Thật vậy, nước từ bi do Ngài tưới xuống đã rưới khắp những hạng người nghèo cùng đáng thương trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ.

Trong thành Vương Xá, có một bà lão rất nghèo khổ. Bà chẳng những không có bà con thân thích mà đến nhà cửa cũng không. Sáng sớm, bà đi lang thang từ ngõ đông sang ngõ tây đến khi chiều tối thì ngủ vất vưởng ở bất cứ xó hẻm nào. Trên mình bà đeo những mảnh lá khô chằm vá nhau tạm che thân. Một hôm bà đang bệnh trầm trọng và nằm quy trên gò đất chờ chết thì lúc ấy có một gia nhân của một nhà giàu nọ đem nước cơm đi đổ. Bà lão bị đói khát hoành hành vội vơ lấy mảnh ngói bể mà hứng lớp nước bầy nhầy để uống cho đỡ đói.

Đại Ca Diếp biết bà lão kia bị bệnh nghèo đeo đẳng. Ngài đặc biệt đến thăm bà. Từ trước đến giờ chưa có ai hỏi han hoặc thăm viếng bà cả nên khi thấy tôn giả đứng trước mặt thì bà gương nhóm dậy nhìn kỹ mà nghĩ: té ra là một vị tỳ kheo trang nghiêm đang đi khát thực nhưng không lẽ thầy tỳ kheo này lại nghèo cùng hơn ta? Bà hỏi tôn giả:

- Thân tôi nghèo khổ đói khát, không nhà, không cửa, lấy cát đất, gò mã, bụi bờ làm nhà. Ngài xem tôi áo mặc không kín thân. Trong đất nước này không ai nghèo khổ hơn tôi. Trời ơi! Chẳng lẽ trên thế gian này không có người hơn từ cúng dường cho sa môn hay sao?

Ngừng giây lát, bà nói tiếp:

- Vì sao Ngài đến hỏi tôi? Xin Ngài chỉ dạy phương pháp cứu tôi khỏi cảnh nghèo đói.

Đại Ca Diếp đáp:

- Trên thế gian này người tôn quý nhất, nhân từ nhất không ai bằng Đức Phật, hoặc là những ai được tắm mình trong giáo lý Phật Đà. Hôm nay tôi muốn cứu độ cho bà thoát khỏi sự bần cùng, nên mới đặc biệt đến đây khát thực. Tôi cũng nghĩ đem tài vật đến giúp bà, nhưng điều đó chỉ giúp bà khỏi khổ nhất thời, mà sau lại tăng thêm bần cùng nữa. Chi bằng bà hãy tùy ý đem bất cứ thứ gì bên người mà bố thí cho tôi, bà sẽ nhờ công đức đó, đời

sau sẽ được sang trọng giàu có, hoặc được sanh lên trời để hưởng thọ sung sướng lâu dài.

Bà lão nghe tôn giả từ bi thuyết pháp như vậy rất cảm động nhưng tìm hoài không có chút gì để bố thí. Bà rất đỗi bi thương, buồn khóc thưa rằng:

- Thưa thầy sa môn vĩ đại! Lời chỉ dạy quý báu của Ngài con ghi khắc sâu xa trong tâm, nhưng con cũng biết, con là kẻ bần cùng hạ tiện, con chẳng có một chút vật thực nào để cúng dường Ngài, cũng chẳng có y phục nào để bố thí nữa.

Đại Ca Diếp đáp lời:

- Này bà lão! Đã khởi tâm bố thí thì không phải người nghèo. Người biết hổ thẹn cũng biết mặc pháp y. Bà đã có hai món bảo bối hiếm có ấy nên chắc chắn không còn nghèo. Hãy xem những người giàu có đầy tiền của châu báu trên thế gian này mà không biết bố thí, không biết hổ thẹn. Đó mới thật là người ngu, là người bần cùng vậy.

Bà lão nghe lời chỉ dạy, vui mừng phấn khởi, tâm đầy hỷ lạc, đầy hy vọng về tương lai. Bà quên thân mình ô uế bưng chút nước cơm đựng trong mẻ sành đem cúng dường tôn giả. Tôn giả Đại Ca Diếp cũng cung kính tiếp nhận và để cho bà lão khởi nghi ngờ, tôn giả đã uống cạn miếng nước cơm. Bà lão thấy thế vui mừng vô hạn. Chẳng bao lâu, bà rời bỏ cõi đời và được sanh lên cõi trời Đạo Lợi và vì do công đức cúng dường nước cơm mà bà trở thành một thiên nữ xinh đẹp. Một hôm, thiên nữ quan sát phước thiện nghiệp đời trước, nhớ đến ơn sâu của Đại Ca Diếp nên liền bay xuống cõi trần dùng thiên hoa rải cúng dường tôn giả.

--- o0o ---

Quan Sát Hoạt Động Của

Tăng đoàn

Một ngày nọ, Đức Phật bảo Đại Ca Diếp đến thành Khoáng Dã để quan sát tình hình giáo đoàn. Sáng sớm Ngài đắp y và mang bình bát vào thành oai nghiêm đi khát thực.

Đi qua một vài con đường, tôn giả phát hiện một chuyện lạ. Mỗi khi thấy tôn giả đi ngang qua nhà, dân chúng lập tức đóng cửa lại. Thấy lạ, tôn giả ra

khỏi thành mà vào trong thôn làng mà khát thực thì cũng gặp cách đối xử như vậy. Ngài bắt đầu có khởi niệm nghi ngờ vì từ xưa Phật pháp ở đây rất hưng thịnh thì tại sao dân chúng lại đối với các tỳ kheo không một chút tôn kính như vậy?

Ngài bèn đến một nhà một cư sĩ hiểu biết trong thành để hỏi thăm:

- Đức Phật rời khỏi đây không bao lâu, cũng còn các tỳ kheo ở lại giáo hóa vì sao mọi người quên hẳn sự tôn kính tam bảo? Tại sao các tỳ kheo đi khát thực chẳng ai cúng dường vậy?

Cư sĩ nọ đáp:

- Tôn giả! Từ khi Đức Thế Tôn đi rồi, mấy năm trở lại đây, các tỳ kheo trong thành này bày ra nhiều chuyện xây cất. Mỗi người đều tự cất phòng ốc riêng cho mình mà họ nói là Đức Phật đã cho phép. Xưa nay nếu là kiến tạo giảng đường hay tịnh xá công cộng để dùng trong việc hoằng pháp, hoặc tu tập, thì ai cũng ủng hộ vì đó là việc công. Nhưng mà bây giờ các tỳ kheo đều cất nhà để an nhàn cho thân mình. Các thầy cất cốc, cất am lu bù, đến từng nhà thí chủ để kêu gọi cúng dường cửa lớn, cửa nhỏ, cột kèo, gạch ngói và mọi thứ khác...Lâu ngày tín chúng đều cảm thấy việc cúng ứng này không có ngày chấm dứt, do đó nhân dân trong thành và ngoài thôn xóm hễ thấy các tỳ kheo đến liền lật đặt đóng cửa. Ôi! Nói đến việc này, chúng con thật là hổ thẹn với Đức Phật.

Đại Ca Diếp nghe xong, trong tâm rất khó chịu. Tôn giả lập tức quay trở về thành Vương Xá và đem câu chuyện trên bạch với Đức Phật. Đức Thế Tôn bèn xuống thành Khoáng Dã và triệu tập hết các tỳ kheo lại. Đức Phật dạy:

- Các tỳ kheo! Chánh pháp của ta lưu truyền lâu dài đều nhờ sức thanh tịnh và cao thượng của tăng đoàn. Người đến mức vô cầu mới thanh cao. Các ông không được yêu sách chúng sanh quá nhiều, trái lại các ông phải là người cống hiến cho chúng sanh. Các ông đừng để tín chúng chê bai, xa lánh. Nhiệm vụ quan trọng của các ông là hoằng pháp độ sanh, chớ không phải là chuyện lo lắng về chỗ ăn, chỗ ở. Nếu các ông xây cất giảng đường cho tín chúng, hoặc thiết lập tịnh xá để tu chung với nhau chớ không phải xây cất cho riêng mình, thì ta mới cho phép. Còn làm nhiều tịnh thất, chùa, am lẻ tẻ, thì chỉ có một thiểu số người hưởng thọ cúng dường, đó là phân tán lực lượng tăng đoàn. Am này tranh với thất kia, ai cũng cho mình là ngon lành thì sẽ sanh tâm riêng tư, đố kỵ. Nay các tỳ kheo! Chúng ta xuất gia là phải giải thoát mọi sự ràng buộc của thế gian để cho mình khỏi khổ và

đạt được tâm thanh tịnh. Nếu chính mình không lìa khỏi phiền não, có nghĩa là tham sân si mạn còn dính chặt với chính mình thì làm sao mà độ cho người được. Tăng đoàn là tấm gương sáng cho đại chúng noi theo vì thế nếu chúng ta không trong sạch thì việc tự độ và độ sanh khó mà thành tựu. Phải tinh tấn lìa xa dục vọng nhỏ nhen của mình.

Tu hành là phải buông xả tất cả bởi vì mọi thứ trên đời này đều là tạm bợ, giả trá mà thôi. Đừng vì lòng đố kỵ mà quên đi ý nghĩa của chữ tu hành.

Đức Phật dạy các tỳ kheo xong, trở về thành Vương Xá chỉ có tôn giả Đại Ca Diếp ở lại gầy dựng tín tâm cho dân chúng. Tôn giả không tính toán cho đời sống của riêng mình, cho nơi cư trú của mình mà chỉ lo mang niềm vui Phật pháp cho mọi người. Đợi cho tất cả đều tin tưởng và hiểu biết chơn lý của Đức Phật xong thì tôn giả mới rời thành Khoáng dã để đi nơi khác.

Lấy cái họa của giáo đoàn làm cái họa cho mình, hoàn thành việc đáng làm rồi lui gót, không mong cầu cho mình mà chỉ làm việc vì Phật pháp. Chính cái tư cách và chí nguyện cao cả của bậc thánh thật đáng cho mọi người khâm phục.

--- oOo ---

A Nan Tặng Bình Bát

Vì lòng chân thành cho đạo pháp, nên Đại Ca Diếp rất được Đức Phật yêu mến. Nhưng trong giáo đoàn, có nhóm Lục Quân tỳ kheo cố tình tích chứa bình bát đủ loại. Bình bát thời bấy giờ có hai loại là bằng sắt thép hoặc bằng sành. Tùy địa phương sản xuất cho nên chất liệu và hình dáng mỗi thứ không giống nhau. Đại để thì có: bát thiết, bát nước Tô Ma, bát của nước Ô Già, bát màu đen, bát nước Ưu Già, bát màu đỏ đủ loại... Nhóm Lục Quân tỳ kheo thường sưu tầm các thứ bình bát tốt, đem về tàng trữ trong phòng như là một cửa tiệm đồ gốm.

Mấy ông tỳ kheo này từ sáng đến chiều chẳng lo tu hành gì cả mà chỉ để hết tinh thần vào việc chứa bát, ngắm bát. Vì theo giáo luật của tăng đoàn là tuyệt đối cấm tích trữ vàng bạc, y phục, gạo thóc và tài sản riêng tư cho nên mấy thầy dòn hết hứng thú trong việc khâu chứa đồ cỏ. Người tu hành chân chính chỉ có tam y, nhất bát mà thôi. Do đó, Đức Phật lại cấm chỉ việc chứa bát dư. Theo chế luật, nếu ai chứa bát dư thì phạm ni tát kỳ ba dật đề.

Trong lúc Phật sắp ban hành điều luật này, đại đức A Nan được cúng một cái bát nước Tô Ma rất quý. A Nan định đem nó tặng cho Đại Ca Diếp, nhưng tôn giả còn bận du hóa nước ngoài không có mặt trong thành Xá Vệ. Nếu y theo giới luật không được chứa bát dư thì A Nan không thể để lại mà tặng cho Đại Ca Diếp. Cuối cùng A Nan chỉ còn cách đem ý ấy mà bạch với Phật.

Phật hỏi:

- Còn mấy ngày nữa Ca Diếp mới về lại Xá Vệ?

A Nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Khoảng mười ngày trở lại tôn giả mới về đến.

Đức Phật triệu tập đại chúng, giảng dạy pháp đầu đà (là tu khổ hạnh) chơn chánh và khen ngợi Đại Ca Diếp vâng giữ hạnh đầu đà mà không sai phạm mảy may. Ngài dạy Lục Quân tỳ kheo nên noi theo hạnh của tôn giả mà tu tập. Và sau cùng, vì sự tình A Nan trình bày, Đức Thế Tôn cho phép được chứa bát dư trong mười ngày.

Nhìn vào sự kiện này thì địa vị của tôn giả Đại Ca Diếp đối với tâm tưởng của Đức Thế Tôn và trong giáo đoàn rất cao vậy.

--- o0o ---

Thích Tu Khổ Hạnh

Đại Ca Diếp là đệ tử duy nhất của Phật thích tu theo lối khổ hạnh đầu đà. Cho dù nhiều người ân cần khuyên Ngài nên chuyển lối tu để thân được thanh thản đôi chút, nhưng Ngài cảm thấy rất thoải mái mà tu hành theo lối này từ khi còn nhỏ cho đến lúc già nua.

Đối với người tu khổ hạnh đầu đà thì phải giữ đủ mười hạnh:

- 1) Cần chọn nơi vắng vẻ.
- 2) Chỉ sống bằng cách khát thực.
- 3) Thường ở một chỗ.
- 4) Ngày ăn một bữa.

5)Khất thực không chọn lựa.

6)Chỉ có ba y, bình bát và tọa cụ.

7)Thường ngồi tu duy.

8)Thường tịnh tọa chỗ trống.

9)Mặc y phẩn tảo.

10) Thường ở nơi gò mả.

Đối với một nhân vật như Đại Ca Diếp, không muốn đi hóa độ chúng sanh, mà chỉ thích ở riêng một mình và cuộc sống thì quá khắc khổ. Tâm từ bi của tôn giả thật đáng kính phục, nhưng việc hoằng pháp thì chưa đủ.

Trừ Đức Thế Tôn, việc biện luận với ngoại đạo và giáo hóa các tỳ kheo là việc của nhị vị tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, còn Đại Ca Diếp chỉ chuyên tâm tu đạo. Trong khoảng thời gian đức Thế Tôn còn tại thế, Đại Ca Diếp chỉ thỉnh thoảng thuyết pháp cho hàng cư sĩ tại gia mà thôi. Nhưng sau khi Phật nhập diệt, tôn giả bắt đầu thay thế Phật thống lãnh đại chúng. Sau bao năm tu dưỡng trước đây với cuộc sống lặng thinh trầm mặc để giờ này phát tiếng ngân lớn vang dội cả không gian.

Lúc đầu, hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thường khuyên Đại Ca Diếp nên quên mình để phát tâm Bồ Đề mà ra làm việc hoằng pháp lợi sanh, tuyên dương chân lý. Đại Ca Diếp nhất quyết trả lời:

- Đối với việc hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh, tôi không thể làm được bởi vì tôi không quên tự ngã nên đó không phải là chuyện dễ. Dạy dỗ những bọn người không tín tâm, ác độc như thế thì tôi thật chẳng có dũng khí và sức lực. Tôi biết chỉ có thể lo tự tu cho mình, cố gắng bền bỉ trong lối tu khổ hạnh để mang lại ảnh hưởng tốt cho lớp hậu sanh mà muốn thực hành pháp môn này. Còn nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh lớn lao kia thì phải hoàn toàn trông cậy vào hai vị.

Hai vị tôn giả nghe Đại Ca Diếp nói thế, không hề thất vọng, trái lại còn tán thán:

- Tôn giả đủ khả năng thành lập pháp tràng, về phương diện ấy thật cũng rất khó khăn. Phật pháp có nhiều mặt và mỗi người có thể làm theo lý tưởng và chí nguyện của mình.

Đại Ca Diếp không thích sinh hoạt trong đoàn thể ở tịnh xá Trúc Lâm hay tịnh xá Kỳ Viên. Thậm chí tôn giả không thích hòa vui trong cảnh ấy mà tôn giả chỉ thích tịnh tọa nơi đồng trống hay nơi gò mả và vá y ở dưới gốc cây. Đối với tôn giả thì đồng xương trắng hoặc mùi hôi của người chết rất hợp cho việc tu quán vô thường, thông suốt mọi nỗi khổ, thâm hiểu ý nghĩa chữ “không” và đốn ngộ về thuyết vô ngã.

Đại Ca Diếp không sợ mưa to gió lớn, không kể ngày nắng đêm sương, cho nên mặc dù tuổi đã già mà Ngài luôn luôn ở dưới gốc cây trong rừng, hoặc nơi phần mộ xương trắng ở đồng hoang. Đối với Ngài thì tu khổ hạnh đầu đà là sự yên vui, là niềm hỷ lạc và là pháp môn duy nhất để giúp Ngài đạt đến chỗ giác ngộ.

--- o0o ---

Đức Phật Chia Nửa Tò

Niên kỷ của tôn giả càng ngày càng cao mà đối với việc tu khổ hạnh đầu đà thì càng lúc càng tinh tấn.

Một hôm, Đức Phật không nỡ nhìn thấy tôn giả tuổi tác quá cao mà cứ sống dãi nắng dầm mưa, ngày đêm phong sương như vậy nên muốn khuyên tôn giả bớt khổ hạnh.

Khi ấy bánh xe pháp dừng lại tại giảng đường Lộc Mẫu thì Đức Thế Tôn cho gọi Đại Ca Diếp. Tôn giả mặc y rách rưới, râu tóc ra dài, chậm chậm đi đến. Các tỳ kheo trẻ chưa biết tôn giả nên khi thấy hình dáng lôi thôi của Ngài đều tỏ ý khinh rẻ, thậm chí có người còn định bước tới ngăn cản không cho đến gần Thế Tôn.

Phật biết ý đại chúng, liền từ xa gọi tôn giả:

- Đại Ca Diếp! Ông đến đó ư! Ta còn chưa phân nửa tò. Ở đây, ông hãy mau mau đến ngồi.

Các tỳ kheo trẻ tuổi nghe Phật nói, thất kinh. Họ không ngờ ông tỳ kheo già đó là tôn giả Đại Ca Diếp danh chấn tông môn. Tôn giả đánh lễ Phật xong, lui lại vài bước và bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con là đệ tử của Ngài, con thật chẳng dám ngồi tòa dành riêng cho Thế Tôn.

Lúc bấy giờ Đức Phật nói cho đại chúng rõ oai lực vô biên của Đại Ca Diếp cũng như công phu tu tập của tôn giả tương đồng với Thế Tôn. Nếu đời nay, tôn giả không gặp Phật thì Ngài cũng có thể tự giác ngộ và chứng quả vị La Hán Độc Giác.

Qua sự việc trên cho thấy Đức Phật rất quý trọng tôn giả đến thế nào, thậm chí đối đãi Ngài như vị thượng khách cũng như biểu lộ địa vị trọng yếu của tôn giả trong giáo đoàn.

Đức Phật khuyên tôn giả không nên tiếp tục tu khổ hạnh, hãy bỏ bớt “y” thô nặng mà nên mặc ” y “ nhẹ của thí chủ cúng dường để tịnh dưỡng tuổi già. Cho dù Đức Phật ủy lạo đến đâu, tôn giả cũng chẳng thay đổi cách tu. Tôn giả thưa với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hạnh đầu đà đối với con chẳng phải là khổ nhọc mà trái lại rất an lạc. Con không bị lo lắng ưu phiền về thức ăn, y phục và không màng sự đắc thất trên thế gian. Con chỉ cảm thấy một sự tự do thanh tịnh mà thôi. Đương nhiên số người phê bình lối sống của con nặng về tự độ mà không độ tha, còn như các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, Ca Chiên Diên thì thay Phật làm nhiệm vụ tuyên dương chân lý, không sợ khó khăn, chẳng tiếc tánh mạng, cố động bánh xe pháp và ủng hộ chúng sanh thâm nhuần pháp vị để cùng được pháp lạc. Về phần con, tuy không đủ nhiệt tình vì người vì pháp, nhưng con không hề quên ơn Phật và cũng vì muốn báo ơn Phật, con mới tu học khổ hạnh đầu đà.

Vì chúng sinh cần cứu độ, hoàn toàn nương vào sự hoằng pháp của tăng đoàn. Các tỳ kheo có khả năng tuyên dương Phật pháp là những bậc pháp sư của tín đồ cũng cần phải kiện toàn tự thân cho chính mình thì mới có thể đảm đương công tác cao quý này. Còn bốn phận của tăng đoàn có được kiện toàn hay không? Dĩ nhiên là họ phải tuân theo sinh hoạt nghiêm túc của tăng đoàn để bồi dưỡng đức hạnh cho chính mình. Môn khổ hạnh đầu đà trong Phật pháp cũng là một phương pháp sinh hoạt nghiêm túc. Một khi đã quen được lối sống ấy thì mới có thể kiềm chế nổi khắc khổ, tăng thêm tính nhẫn nại và chịu sống đạm bạc để nhất tâm nhất đức vì pháp và vì chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Con vì muốn trực tiếp củng cố tăng đoàn và gián tiếp làm lợi ích cho chúng sinh nên luôn luôn nguyện không xả bỏ khô hạnh, xin Thế Tôn lượng thứ cho tính cách chấp trước của đệ tử.

Phật nghe xong, rất hoan hỷ. Ngài nhìn Đại Ca Diếp rồi lại nhìn các đệ tử rồi nói:

- Rất tốt! Tỳ kheo các ông có nghe lời trưởng lão Đại Ca Diếp vừa nói không? Tương lai chánh pháp của ta bị hủy diệt, không phải do thiên ma ngoại đạo phá hoại, mà vì sự hủy hoại tan nát của tăng đoàn. Đại Ca Diếp nói rất đúng, muốn hoàng dương Phật pháp để ánh sáng chân lý mãi mãi chiếu sáng trên thế gian, điều trước tiên là phải củng cố tăng đoàn. Mà muốn củng cố tăng đoàn thì tất cả tăng chúng phải sinh hoạt nghiêm túc. Chỉ có người như Đại Ca Diếp mới có thể phụ trách chủ trì chánh pháp của ta.

Phật lại tiếp:

- Nay Đại Ca Diếp! Ông cứ tiến tu đạo nghiệp, ta không ép ông. Ông cứ tu theo ý nguyện của mình. Khi nào muốn gặp ta thì cứ tùy thời mà đến.

Đức Phật và Đại Ca Diếp tuy hai mà tâm là một, vì vậy thầy trò rất thông cảm nhau. Đức Phật tiếp đãi Đại Ca Diếp như thượng khách và như bằng hữu. Nhưng tôn giả không hề quên lễ nghĩa mà dùng tư cách thầy trò để đáp lại khiến cho mối tương giao sư đệ càng thêm thâm sâu và nồng hậu.

Mỗi khi nghe đến Đức Phật, Bồ Tát hay các vị A La Hán thì chúng ta đều tưởng tượng rằng các vị ấy lạnh lùng nghiêm nghị như cây khô, đá lạnh và đối với thế gian chẳng chút tình cảm nào. Nhưng thật ra các vị ấy đã biến đổi nhân tình tạp nhiễm thành một thứ tình cảm tự nhiên cao thượng mà chúng ta gọi là từ bi. Hạt giống từ bi nảy mầm từ cây trí tuệ có sức hút mãnh liệt khiến chúng sanh có cơ hội gần gũi tiếp nhận được nhân cách cao thượng ầm áp ấy để sửa đổi tập khí của mình.

Nơi chốn rừng sâu xanh thẳm của Ấn Độ có cây Sa La trở hoa bát ngát vào những ngày nóng bức của mùa hạ và với những đêm trăng sáng trải vàng trên vòm lá xanh, Đại Ca Diếp đã tu tập năm nầy qua tháng nọ ở nơi thanh tịnh vắng vẻ mà cái phong tư cao cả của bậc thánh vẫn còn phảng phất đâu đây.

Nhận “Y” “Bát” Của Phật

Thời gian thối thoát qua nhanh và sắc thân tứ đại của Đức Phật cũng theo luật vô thường mà biến đổi. Vào năm 80 tuổi và sau 49 năm truyền đạo Ngài báo tin sẽ nhập diệt trong vòng ba tháng.

Cùng năm đó, trước tiên là Mục Kiền Liên tuẫn nạn, sau đến là Xá Lợi Phất về quê mà nhập diệt do đó khắp mọi nơi trong tăng đoàn phảng phất về đau thương sâu thẳm. Hiện tại trong tăng đoàn mà những người có thể thừa kế Đức Thế Tôn thì không còn là bao nhiêu. Đại Ca Diếp thì già nua còn lớp trẻ thì không ai sánh kịp với A Nan mặc dù ông chưa chứng được thánh quả. Vì sự lưu truyền chánh pháp và lãnh đạo tăng đoàn, Đức Thế Tôn đã sớm chú ý chọn người tiếp nối. Riêng tôn giả Đại Ca Diếp, khi ở trên hội Linh Sơn đã được Đức Thế Tôn ngầm trao chánh pháp nhân tạng:” Niêm hoa vi tiếu” là điềm tích tối sơ của Thiền Tông. Số là ở trong hội Linh Sơn, Phật cầm cành hoa sen đưa lên mà tất cả đại chúng đều ngơ ngác không biết ý nghĩa là gì, duy chỉ có Ngài Đại Ca Diếp thì đắc ý chúm chím cười. Vì thế mới có câu:”Niêm hoa vi tiếu”.

Phật sau đó nhìn Đại Ca Diếp dạy rằng:

- Ta có chánh Pháp nhân tạng, Niết Bàn diệu tâm, pháp môn màu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoại giáo lý truyền riêng. Nay ta giao phó cho ông. Ông khéo giữ gìn chánh Pháp này để truyền lại mãi mãi cho những đời sau.

Đây chính là di huấn của Đức Thế Tôn cho vị tổ thiền tông đầu tiên của Phật giáo và sau đó tôn giả A Nan là vị Tổ thiền tông thứ hai. Còn Tổ Bồ Đề Đạt Ma, người mà đã đem thiền tông đến Trung quốc vào khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch là Tổ thứ 28.

Khi Đức Phật nhập diệt ở thành Câu Thi Na, tôn giả Đại Ca Diếp còn đang hướng dẫn 500 tỳ kheo du hóa ở nước Đạc Xoa Na Xòà ở phương Bắc. Sau khi nghe tin, tôn giả rất cảm thương và dắt toàn bộ tỳ kheo đi suốt ngày đêm về lại thành Câu Thi Na.

Trên đường đi, có người nước mắt đầm đìa, có người nằm lăn ra đất khóc than thảm thiết. Nhưng trong chúng tỳ kheo có ông Bạt Nan Đà thuộc nhóm Lục Quân tỳ kheo thì rất vui vẻ nói rằng:

- Máy thầy cần gì phải thương cảm như vậy? Phật có nhập diệt thì chúng ta mới được tự do. Lão nhân ấy khi còn sống đã trói buộc chúng ta, quản lý

chúng ta. Ông thường phàn nàn chúng ta điều này không tốt, điều kia không được. Ông lái nhải đến bực mình. Bây giờ ông nhập diệt rồi, chúng ta càng nhẹ nhõm và thông thả chứ sao?

Không đợi Đại Ca Diếp quở trách, một tỳ kheo bước đến định đánh Bạt Nan Đà, Đại Ca Diếp vội ngăn lại và dạy rằng:

- Đức Thế Tôn vừa nhập diệt, mọi người mắt nơi nương tựa nên đều buồn thương. Tại sao ông ngu si cho điều đó là việc mừng? Kỳ thật, tôn giả phải đập cho y một trận mới được.

Tuy là bậc đại thánh, nhưng giây phút bấy giờ tôn giả cũng một phen vọng tưởng cũng chỉ vì quá kính nhớ đến Đức từ phụ mà thôi. Càng kính nhớ đức Phật thì tôn giả càng đem tấm lòng sắc son của một trưởng lão mà lo lắng cho tiền đồ Phật pháp.

Lúc bấy giờ kim quan của Đức Thế Tôn an trí tại chùa Thiện Quang. Bao nhiêu đệ tử vây quanh buồn bã khóc than và chuẩn bị tưới dầu thơm và sắp củi lửa để làm lễ trà tỳ, nhưng đốt hoài mà không cháy. Mãi đến bảy ngày sau Đại Ca Diếp mới về đến thì từ trong kim quan Đức Phật lộ hai chân ra. Tôn giả Đại Ca Diếp trông thấy không cầm được nước mắt, liền chấp tay đánh lễ và thưa rằng:

- Đức Thế Tôn từ bi! Bậc cứu khổ vĩ đại. Xin Ngài an tâm chúng con xin đi theo bước chân của Ngài.

Đại Ca Diếp nói xong, Đức Phật thâu hai chân vào và lúc ấy giữa những tiếng khóc than kinh động của chúng đệ tử, Đức Phật dùng “ tam muội chân hỏa” tự trà tỳ kim thân.

Từ đây trách nhiệm lưu truyền đại pháp sẽ do tôn giả Đại Ca Diếp đảm đương.

--- o0o ---

Tam Tạng Kinh

Bốn tháng sau khi Đức Phật nhập diệt, Đại Ca Diếp, thay Phật, thống xuất tăng chúng mở hội nghị để kết tập kinh điển. Ban đầu, Đại Ca Diếp rất băn khoăn khi phải chọn nơi tốt để kết hợp đại hội. Nếu tổ chức tại tịnh xá Trúc Lâm thì không được bởi vì tịnh xá này thì quá lớn nên sau cùng Ngài

chọn một thạch động trong rừng nơi phía Đông Nam thành Vương Xá tên gọi là động Tát Ba La Diên.

Trong rừng núi tịch mịch và hang động rộng rãi chính là một cảnh thoát trần rất xứng đáng để quy tụ đại hội. Tất cả 500 vị A La Hán đều suy tôn các vị Đại Ca Diếp, A Nan, A Na Luật, Ưu Bà Ly và Phú Lô Na làm bậc thượng thủ và dĩ nhiên tôn giả Đại Ca Diếp được tôn lên làm chủ tọa. Với tư cách chủ tọa, Ngài đã luận tội A Nan trước đại chúng. Oai nghiêm như Đức Phật, Ngài quả trách A Nan không chịu tu hành nên chưa chứng thánh quả. Cho dù A Nan kiêu khí ngất trời, nhưng trước mặt tôn giả cũng không dám phản kháng mà chỉ một bề nhận lỗi.

Khi Phật còn tại thế thì Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đã hoạt động trong và ngoài giáo đoàn và hai Ngài là hàng đệ tử thân tín của Đức Phật trong khi Đại Ca Diếp thì trầm mặc tu đạo và những hoạt động của tôn giả đều có giới hạn. Nhưng đến khi Đức Phật và hai vị đại đệ tử nhập diệt rồi thì Ngài mới đứng ra đảm nhiệm việc lãnh đạo giáo đoàn. Điều này đủ chứng tỏ công đức tu dưỡng cao sâu và lòng độ lượng rộng lớn của Ngài.

Tôn giả Đại Ca Diếp không có thần thông quảng đại, nhưng với lòng kiên nhẫn tốt bụng thì không có vấn đề khó khăn nào mà Ngài chẳng giải quyết một cách hài hòa. Ngài đã noi theo gương Đức Phật mà đem ánh sáng của chân lý chiếu khắp mọi nơi cũng như dùng đèn trí tuệ để quét sạch mọi u minh, phiền não và đưa chúng sinh cùng đến chỗ giác ngộ như Ngài.

Sang ngày kết tập thứ nhì, A Nan là vị đệ tử có thể nhớ đến 84,000 bài kinh nên được đề cử đọc Kinh tạng và Ưu Bà Ly là vị đệ tử thông suốt và nghiêm trì giới luật nên được đọc Luật tạng. Còn Ngài Phú Lô Na là vị đệ tử giỏi về thuyết pháp nên được đề cử đọc Luận tạng. Ba vị thì đọc còn tất cả các vị A La Hán thì nghe và nếu câu nào không đúng với lời Đức Thế Tôn dạy thì phải sửa lại cho đúng. Đại hội kết hợp lần thứ nhất này cũng được xem như là đại hội kết tập pháp thân Xá Lợi của Phật.

Ngày nay chúng ta được thừa hưởng cam lộ pháp thủy của Đức Phật và chúng ta có cả một kho tàng kinh điển rộng lớn mênh mông là do lòng từ bi vô lượng và trí tuệ vô song của tôn giả Đại Ca Diếp mà ra.

Long Hoa Tam Hội

Mới ngày nào mà Đức Phật nhập diệt đã trên hai mươi năm. Càng nghĩ, Đại Ca Diếp càng nhớ lại ân sâu như trời biển của Đức Thế Tôn đã vì đời sau mà lưu truyền đại pháp. Lúc bấy giờ Đại Ca Diếp đã ngoài trăm tuổi, tuy trí tuệ sáng suốt nhưng sắc thân tứ đại thì mỗi mòn theo năm tháng. Ngài biết không còn bao lâu nữa thì sẽ nhập diệt nên cố gắng củng cố tăng đoàn và phú chúc cho người thừa kế để khỏi phụ lòng của Đức Phật.

Ngài liền đến nơi A Nan đang hoằng pháp, phó chúc pháp tạng và yêu cầu A Nan tiếp nối sứ mạng lãnh đạo tăng đoàn. Đây là một trách nhiệm rất quan trọng cho sự hưng thịnh của Phật giáo ngày sau nên ngoài A Nan ra không ai có thể đảm đương nổi. Sau đó Ngài bay lên hư không đến tám nơi có tháp thờ xá lợi của Phật để cúng dường lễ bái.

Tôn giả trở về thành Vương Xá, định đến cáo từ vua A Xà Thế, nhưng quân hầu bảo nhà vua còn ngủ nên Ngài bèn rời thành đến núi Kê Túc (Kukkut Apada) phía Tây Nam cách thành Vương Xá độ 8 dặm. Ngọn núi này có ba đỉnh cao chót vót có hình dáng như chân con gà. Phần nửa của ngọn núi trở lên là rừng cây rậm rạp, còn phần nửa của núi trở xuống có thảm cỏ trải dài. Tôn giả đến núi Kê Túc lên trên triền phía Bắc, theo lối mòn khúc khuỷu quanh co, rồi đi dần về sườn núi Tây Nam. Ở đây cảnh núi hiểm trở, có một tảng đá to chón ngay nơi lối mòn. Tôn giả bèn gõ một tích trượng, tự nhiên tảng đá mở ra như bị chém bằng đao. Lối đi được khai thông, Đại Ca Diếp tiếp tục đi tới, lại lối mòn khúc khuỷu quanh co dẫn tới đỉnh núi, day mặt về phía Đông Bắc mà đi vào chỗ ba ngọn núi. Khi đó ba đỉnh núi từ từ tách ra, mở rộng bên trong thành một nơi tọa thiền rất đẹp.

Tôn giả liền đưa áo cà sa của Phật Đà cất vô đó, lấy cỏ trải tòa mà ngồi và tự nói: “Hôm nay ta sẽ dùng sức thần để giữ gìn nhục thân này, dùng y phấn tảo che phủ lên mình, để đến 67 ức năm sau khi Đức Di Lặc ra đời sẽ bái kiến Ngài và trao lại “y” “bát” của Đức Phật Thích Ca và giúp Ngài giáo hóa chúng sanh.” Nói xong, ba ngọn núi từ từ khép lại như cũ để giữ gìn và giấu kín tung tích của vị đại thánh cho đến ngàn đời. Về sau khi Đức Di Lặc xuất thế, sau tam hội Long Hoa thuyết pháp sẽ tìm đến núi Kê Túc và Ngài lấy ngón tay búng vào núi, tự nhiên ngọn núi tách ra. Bấy giờ Đại Ca Diếp lấy áo trao cho Di Lặc và Phật Di Lặc cung kính xin nhận. Xong việc, thân thể Đại Ca Diếp bay lên không trung, hiển thị các loại phép lạ thần biến, rồi hóa thành ngọn lửa thiêu thân, tiến nhập Niết Bàn. Ngày nay trên đỉnh núi có

một Phật tháp, chờ đến đêm tối yên tĩnh thì từ xa nhìn thấy ánh lửa bốc cao, nhưng lên tới nơi lại chẳng có gì.

Vua A Xà Thế nghe tin tôn giả nhập diệt, rất đỗi bi thương liền lập tức đến gặp tôn giả A Nan để yêu cầu cùng đi với vua đến núi Kê Túc. Khi hai người vừa đến nơi, ba ngọn núi lại tách ra và cả hai cùng thấy tôn giả Đại Ca Diếp đang tọa nhập định trong núi mà trên thân phủ đầy hoa Mạn Đà La. Nhà vua cùng A Nan cúng dường lễ bái rồi lui ra. Ba ngọn núi tự nhiên khép lại.

Hai người ngoảnh nhìn lại ngọn núi Kê Túc xanh tươi tịch tịnh mà 67 ức năm sau, tôn giả Đại Ca Diếp đã trường kỳ giữ gìn Y, Bát của Phật Thích Ca cho đến lúc Di Lặc tôn Phật đến thăm để trao lại y bát đó cho Ngài.

Chính vì hiện tượng này mà cổ nhân có câu: “Tinh thần của các bậc vĩ nhân đã hòa cùng tạo hóa và thâm nhập vào chỗ chí ảo của trời đất mà sinh mạng vẫn trường tồn với thời gian vô tận. Từ đó, chúng ta có thể thấy sinh mạng của tôn giả đã vô cùng vô tận và như thế, giáo pháp của Đức Thế Tôn nói ra cũng sẽ được lưu truyền vô cùng vô tận vậy”.

Một đời của tôn giả xuất thân là con nhà giàu có mà kham nhẫn tu khổ hạnh đầu đà, được niêm hoa vi tiếu trên hội Linh Sơn để nối tiếp chánh pháp và nhiếp giữ đại pháp của Phật đến hơn trăm tuổi. Đây chính thật là một vĩ nhân và rất xứng đáng cho chúng ta noi theo mà tu tập.

--- o0o ---

15. Tôn giả Ca Chiên Diên

(Đệ nhất luận nghị)

Ca Chiên Diên là con của một vị quốc sư của nước A Bàn Đề (Avanti) thuộc miền Nam nước Ấn Độ. Tên của Ngài là Na La Đà còn Ca Chiên Diên là họ của Ngài. Ngài là con thứ hai của vị quốc sư và về sau vì quá nổi tiếng nên mọi người dùng họ để gọi tên Ngài. Vì cha là quốc sư, nên gia đình rất giàu có, kẻ ăn người ở cả trăm và ruộng vườn thì cò bay thẳng cánh. Nhưng cha mẹ Ngài lại là những người nhân đức, thương kẻ khốn cùng.

Trong gia đình Ca Chiên Diên có người anh trai rất anh tuấn và hào hoa. Vì là anh lớn, được cha mẹ cho đi du học khắp nơi, thọ giáo với rất nhiều minh sư Bà La Môn nên rất thông đạt nhiều thứ học thuật. Sau thời gian du học, thì người anh trở về cố hương, tuyên bố diễn thuyết những điều

nhận thức của mình về triết lý Vệ Đà tối cao. Trong khi ấy, Ca Chiên Diên chưa hề bước ra khỏi cửa, nhưng biết anh mình lập diễn đàn để thuyết pháp thì cũng lập một diễn đàn đối diện với người anh. Mặc dù không đi học, nhưng Ngài diễn thuyết rất hay, thuyết minh rõ ràng những chỗ quan trọng trong kinh Vệ Đà làm thu hút tất cả thính chúng của ông anh mình. Ông anh vốn háo thắng nên sanh lòng tật đố. Từ đó anh em bất hòa, gây gổ ồn ào trước mặt phụ thân. Người anh cần nhằn với cha rằng:

- Thưa cha! Xin cha trừng trị em con, Nó vô phép vô tắc làm mất mặt con. Con đã du học nhiều năm, vậy mà khi con đang diễn thuyết thì nó cũng đăng đàn đối diện và đoạt hết thính giả của con. Tức thật, con mà lại thua nó hay sao?

Thiếu niên Ca Chiên Diên điềm nhiên chậm rãi giải thích:

- Xin cha lượng xét. Học vấn là chuyện công khai, ai cũng có quyền nghiên cứu và diễn giảng. Tuy anh con đi du học nước ngoài, còn con ở nhà nghiên cứu, nên con muôn biết khả năng nghiên cứu của mình tới đâu chứ không có ý hơn thua với anh con đâu. Xin cha đừng bận tâm.

Phụ thân tuy là quốc sư nhưng khi nghe hai quý tử bàn cãi cũng không biết phân xử ra sao. Rốt cuộc, ông bàn với phu nhân và họ quyết định đem gởi Ca Chiên Diên đi học đạo với tiên A Tư Đà ở núi Tân Đà, gần thành Ưu Thiên Na Di thuộc về phương Nam.

Tiên A Tư Đà chính là cậu ruột của Ca Chiên Diên và là anh của mẫu thân Ngài. Ông là vị tiên nhân thần thông bác học của Ấn độ lúc bấy giờ. Nhắc lại, khi Đức Thế Tôn đản sanh làm Thái Tử tại kinh thành Ca Tỳ La Vệ thì tiên A Tư Đà được chư thiên mách bảo, liền xuống núi đến kinh thành mà xem tướng cho Thái Tử. Thấy Thái Tử có 32 tướng tốt, Ngài nói vua Tịnh Phạn rằng:

Tâu Đại Vương! Thái Tử có 32 tướng tốt nên sau này sẽ trở thành một vị Thánh. Thật đáng tiếc cho tôi đã già quá rồi, không thể lãnh hội được từ vị Thánh này. Tuy tôi không thể lãnh thọ giáo lý của Ngài, nhưng tôi sẽ dạy đệ tử tôi theo Ngài học đạo.

Nói xong, ông rơi nước mắt và lui ra.

Từ khi Ca Chiên Diên bị cha mẹ gởi đến đây thì rất được tiên A Tư Đà yêu mến. Ông đem hết sở học của mình truyền dạy lại cho đứa cháu

thông minh. Vì tính thông minh sẵn có cộng thêm sự chuyên cần học đạo, Ca Chiên Diên chẳng bao lâu đạt được cả tứ thiên và năm món thần thông.

Từ đó, Ca Chiên Diên không còn nghĩ nhớ đến gia đình nữa. Lý do là Ngài không muốn bám vào ảnh hưởng của thân phụ và càng không muốn tranh giành với ông anh háo thắng. Ngài quyết định sống riêng thế giới của mình nên từ chối lời cha mẹ muốn đón Ngài trở lại cố hương.

Một hôm, tiên A Tư Đà biết Ca Chiên Diên không bị tình thương gia đình ràng buộc nên rất vui mà bảo Ca Chiên Diên:

- Ca Chiên Diên! Như chí nguyện của con bây giờ thì mai sau con sẽ trở thành một nhân vật vĩ đại, nhưng con phải gặp minh sư mới được. Kiến thức của ta, hiện tại không đủ cho con cầu học. Đức đại thánh Phật Đà đã xuất thế, con hãy đợi sau khi Ngài thành đạo thì mau mau theo học với Ngài.

Ca Chiên Diên nghe lời thầy dạy, bán tín bán nghi. Nhưng tin chắc một điều là sau này sẽ trở thành một vĩ nhân.

Ngày nọ, tiên A Tư Đà dắt Ca Chiên Diên xuống núi đến vườn Lộc Uyển thuộc nước Ba La Nại. Tại đây ông cho xây cất một ngôi tịnh thất và an trụ luôn ở đó. Tịnh thất hoàn thành, tiên A Tư Đà bảo Ca Chiên Diên mỗi ngày cầu ba lần cho đức đại giác Phật Đà mau đến ngày chứng quả. Tiên A Tư Đà lại bảo cháu:

- Ca Chiên Diên! Theo sự dự đoán khi ta gieo quẻ thì Đức Phật chẳng bao lâu nữa sẽ thành đạo. Sau đó nhất định sẽ đến vườn Lộc Uyển mà quay bánh xe pháp đầu tiên. Ta chỉ biết được như thế còn Đức Phật giác ngộ chân lý gì thì ta không có phước để biết điều ấy. Con nên nhớ kỹ điều này, khi Đức Phật thành đạo rồi con phải mau mau đi tìm Ngài để cầu đạo và tu học.

Ít lâu sau, tiên A Tư Đà chấm dứt thọ mạng từ giã cõi đời. Ca Chiên Diên không còn thầy, kể từ đó Ngài tự phát huy học vấn và tài năng. Vì thấy quần chúng trọng vọng nên Ngài thay tâm đổi tính, thay vì nghe lời di ngôn của cậu mình là đi tìm Phật để học đạo, thì Ngài bị danh văn lợi dưỡng làm mờ đi lý trí.

Ca Chiên Diên tự cho mình đã đắc đạo, rất xứng đáng cho người đời tôn kính, nên không cần mong đợi Đức Phật xuất thế làm gì. Thật đáng buồn, vì thầy vừa qua đời không lâu mà ông chẳng còn mỗi ngày cầu ba lần để sớm gặp được Phật.

Một thời gian sau, gần thành Ba La Nại, có người đào bới được nhiều di tích của một cổ thành mấy ngàn năm trước. Đặc biệt trong ấy có một tấm bia đá trên mặt khắc một lối chữ mà chẳng ai biết là thứ chữ gì. Có người thì đoán là một bài kệ, nhưng không ai có thể đọc được. Thiên hạ lại đồn rằng, ai mà đọc được tấm bia đá đó thì chắc chắn vị đó là một bậc đại giác vậy.

Một hôm, quốc vương Ba La Nại bảo các đại thần:

- Nước chúng ta được một số bảo vật lưu truyền từ cổ đại, trong đó có tấm bia đá ghi kệ văn. Vậy các người phải mau mau tìm hiểu cho ta, nếu không các nước lân cận sẽ cười nước chúng ta không có người trí. Nội trong bảy ngày, nếu như không ai hiểu được bài kệ ấy ta sẽ cách chức các khanh.

Mệnh lệnh của nhà vua tuy thật nghiêm khắc, nhưng các đại thần từ xưa đến giờ chưa từng thấy thứ chữ này. Người này nhìn người kia lắc đầu. Sau cùng họ dâng kiến nghị lên nhà vua, xin treo bảng thông báo cho toàn quốc, nếu ai đọc được bài kệ trên tấm bia sẽ được trọng thưởng mỹ nữ và tài vật châu báu.

Yết thị nhà vua nêu ra thì tin tức đã bay đến Ca Chiên Diên. Ngày xưa tiên A Tư Đà đã từng dạy cho Ngài nhiều thứ chữ trên mọi quốc gia cùng với những thứ chữ của chư Thiên cho nên Ngài rất tự tin có thể đọc được.

Quả thật Ca Chiên Diên đọc được toàn bộ bài kệ. Đây chính là thứ văn tự của Phạm Thiên và người không có thần thông thì không cách nào thấu rõ được. Ý bài kệ như thế này:

Ai là vua trong các vị vua?

Ai là thánh trong các bậc thánh?

Thế nào là người ngu?

Thế nào là bậc trí?

Làm sao để lìa phiền não?

Làm sao để đạt được Niết Bàn?

Ai là kẻ chìm trong biển sanh tử?

Ai là người tiêu diêu noi cõi nước giải thoát?

Lâu nay không một ai đọc được bài kệ thần bí này, nay Ca Chiên Diên đã vén tấm màn bí mật lên và tin này lan ra khắp nơi. Có một điều tấn thối lưỡng nan là mặc dầu Ca Chiên Diên có thể đọc được bài kệ, nhưng chính Ngài cũng không giải đáp được ý nghĩa của nó được. Nhà vua tuy công nhận sức bác học của Ca Chiên Diên, nhưng không hiểu ý nghĩa của bài kệ thì chẳng ích lợi gì. Do đó, nhà vua lại treo giải thưởng để yêu cầu các học giả trong thiên hạ đến khai thông vấn đề.

Ca Chiên Diên không chịu thua, Ngài hứa với nhà vua nội trong bảy ngày sẽ trở lại giải đáp ý nghĩa bài kệ này.

--- o0o ---

Phải Cầu Đức Phật

Từ khi hứa chắc với nhà vua, Ca Chiên Diên trở về nhà sưu tầm, khảo cứu và dùng tất cả thần thông thiên biến vạn hóa mà cũng chẳng hiểu được. Đến lúc không còn biện pháp gì nữa thì Ngài phải đi cầu cứu người khác. Ban đầu, Ngài tìm đến chỗ của Phú Lô Na và Đại Ca Diếp để thỉnh giáo, nhưng ý kiến của họ chỉ rất thô thiển, không thỏa mãn được sở nguyện của Ngài. Ngài thất chí bèn tìm đến nhóm lục sư ngoại đạo để học hỏi thì họ cũng chẳng hơn gì.

Cùng đường hết lối, Ca Chiên Diên bắt buộc phải nghĩ đến Phật Đà. Nhưng càng nghĩ đến Phật thì Ngài lại càng không muốn đi thỉnh giáo. Ngài thầm nghĩ bài kệ với lời văn từ cõi trời mà các đại lão Bà La Môn trưởng thượng, uy quyền một cõi mà còn không biết, huống chi Đức Phật tuổi còn trẻ thì làm sao mà biết được. Lời nhắn nhủ của tiên A Tù Đà căn dặn trước khi ông chết là phải tìm đến Đức Phật để thọ giáo thì ngày sau Ngài mới thành một vĩ nhân đã làm cho Ngài tỉnh ngộ mà nhận định rằng ngộ đạo không thể căn cứ trên tuổi tác lớn nhỏ mà quyết định. Nghĩ như thế nên Ngài nhắm hướng vườn Lộc Uyển mà đi tới.

Lần đầu tiên bái kiến Đức Phật, Ca Chiên Diên mới biết lời nói của cậu mình quả không sai. Mặc dầu chưa biết được trí tuệ bao la vô cùng vô tận của Phật như thế nào, nhưng chỉ mới thấy tướng tốt trang nghiêm của Thế Tôn cũng đã khởi lòng cung kính vô biên.

Ca Chiên Diên chấp tay, tụng qua bài kệ một lần và cầu mong Đức Phật giải đáp cho.

Đức Phật chẳng cần suy nghĩ mà dùng kệ đáp lại rằng:

Vua trong các vua là vua cõi trời thứ sáu.

Thánh trong các thánh là Đức Phật đại giác.

Bị vô minh ô nhiễm gọi là kẻ ngu.

Hay diệt hết phiền não là bậc trí.

Tu đạo, trừ tham, sân, si tức là lìa tội lỗi.

Hoàn thành giới, định, tuệ là chứng Niết Bàn.

Người chấp trước nơi ngã pháp chìm trong biển sanh tử.

Ca Chiên Diên rất thông minh nên vừa nghe Phật đáp xong thì mỗi câu mỗi lời đều thâm nhập vào trong tâm và mỗi nghi ngờ ám ảnh bao lâu nay tự tan biến như những làn khói lam chiều để nhường lại cho ánh sáng của trí tuệ. Ngài rất vui mừng và lặng đi mà không nói được nên lời. Mỗi cảm kích của Ngài đối với Đức Phật chẳng có gì là lạ, vì trên đời này ngoài Đức Phật ra thì không còn ai được xem như là Chánh Đẳng Chánh Giác nữa. Ngài chậm rãi tụng lại bài kệ của Phật và hướng về phía Thế Tôn đánh lễ để tỏ lòng tôn kính của mình.

Ca Chiên Diên cáo từ Đức Phật trở về thuật lại cho nhà vua nghe và sau đó tuyên bố với các tín đồ của mình là từ đây Ngài sẽ quy y theo Phật để làm đệ tử của vị đại thánh này.

--- o0o ---

Xưng Niệm Tam Bảo

Với tư chất thông minh sẵn có, lại được dịp nghe lời vàng ngọc của Đức Thế tôn, nên chẳng bao lâu Ngài được khai ngộ và chứng quả trong tăng đoàn. Ca Chiên Diên rất vui mừng, chẳng những tự mình từ đây được cứu độ mà còn làm cho cậu mình là tiên A Tư Đà được ngậm cười nơi chín suối.

Ca Chiên Diên vốn là một nhân vật phi phàm, hướng chi hiện nay đã theo Phật xuất gia và chứng quả A La Hán.

Tôn giả Ca Chiên Diên thông đạt rất nhiều kinh luận ngoại đạo và có rất nhiều bằng hữu ngoại đạo. Vì thế sau khi ngộ đạo thì Ngài phát nguyện sẽ cảm hóa những người bạn tu còn đang lạc hướng trên đường mê nẻo vọng và mỗi mỗi đưa họ về quy y theo Phật để lãnh thọ giáo lý của Thế Tôn. Do đó, tôn giả ở trong tăng đoàn không những nhiệt tâm phục vụ và tu hành, mà đối với bên ngoài lại cũng nhiệt tâm hoằng sanh lợi pháp. Lời Đức Phật nhắn nhủ với chúng tăng là người hay hoằng đạo chẳng phải đạo hoằng người, luôn luôn là sức phát động để giúp tôn giả đi sâu vào lòng người mà hoàn thành Phật sự.

Chân lý cứu đời của Đức Phật thì trường tồn bất biến dù trải qua ngàn năm vạn kiếp. Do đó, Ca Chiên Diên càng tuyên dương Phật pháp thì đạo tâm càng sung mãn. Đối với Ngài, làm sứ giả của Đức Phật là một vinh hạnh lớn vì thế lòng tin và sự nhiệt thành của tôn giả đã biến đại danh Ca Chiên Diên bay xa như hương hoa thơm ngát làm cho ai ai cũng quý mến và kính phục.

Một hôm, Đức Phật trở về kinh thành Ca Tỳ La Vệ để giáo hóa chúng sinh thì tôn giả cũng theo Phật. Tôn giả ngụ tại tịnh xá trong làng Ha Lợi và tất cả dân làng trong làng này đều kính nhớ công đức giáo hóa của Ngài. Ngày nọ, có trưởng giả Bát Thành bị bệnh. Tôn giả nghe tin đến thăm và đặc biệt thuyết pháp cho ông nghe để giải trừ bệnh khổ.

Ca Chiên Diên bước vào nhà trưởng giả, thấy ông còn nằm trên giường bệnh, bèn đến bên thăm hỏi:

- Nay trưởng giả! Nghe tin ông có chút bệnh, tôi vâng lời Đức Phật đến đây an ủi ông. Ông có chạy chữa thầy thuốc gì không?

Trưởng giả rất cảm thương mà nói:

- Kính tạ ân Đức Phật và tôn giả. Bệnh của con không còn hy vọng vì bao nhiêu thầy đều nói con mang bệnh bất trị.

Tôn giả an ủi:

- Ông hãy xưng niệm Tam Bảo để nương nhờ oai đức Tam Bảo khiến tâm ông được thanh tịnh và bệnh tình cũng thuyên giảm đi.

Vị trưởng lão hỏi lại:

- Bạch tôn giả! Chúng con quy y Tam Bảo là mong ủng hộ Tam Bảo để tịnh hóa nhân gian. Chúng con đã hiến dâng tất cả tài vật của chính mình thì không nên trở lại cầu mong nơi Tam Bảo.

Ca Chiên Diên khuyên:

- Thật ra là như vậy, thế gian vô thường không thể cầu xin Tam Bảo cho được bình an và thân thể bệnh hoạn không thể cầu xin Tam Bảo cho được lành mạnh. Tín ngưỡng là hy sinh cá nhân nhỏ hẹp để thành tựu đại ngã. Chúng sinh có chút ít bệnh khổ thì chúng tôi có thể đến thuyết pháp không cần phiền đến Phật, Pháp, Tăng. Nhưng nếu sức người không có cách gì giải cứu, thì thành tâm cầu nguyện Tam Bảo để được từ quang phó chiếu là việc làm tốt chẳng có lỗi chi.

Trưởng giả Bát Thành nghe nói như thế thì mỗi ngày đều một lòng nhất tâm xưng niệm Tam Bảo và căn bệnh bất trị của ông dần dần thuyên giảm. Tuy Phật pháp rộng lớn vô biên, nhưng tôn giả đã vì chúng sinh mà dùng nước cam lồ từ bi của Phật pháp để trị liệu cho những nỗi khổ của chúng sanh.

Tinh Thần Bình Đẳng

Cũng giống như tất cả những đại đệ tử của Phật, Ca Chiên Diên có khi thì tu học bên Đức Phật và có khi thì đi vân du giáo hóa khắp mọi nơi. Nhưng phương pháp giáo hóa của Ca Chiên Diên thì có chỗ khác biệt với tôn giả Phú Lô Na. Phú Lô Na thì thuyết pháp thường là tập hợp ngàn vạn thánh chúng đến nghe, còn tôn giả Ca Chiên Diên thì thích thuyết pháp từng người.

Từng người, từng người một đối diện mà giảng dạy là lối thuyết pháp thân thiết nhất làm cho chân lý dễ dàng thâm nhập trong tâm người nghe. Quả thật như vậy, bất cứ là ai mà chỉ cần nghe tôn giả nói vài câu liền có ấn tượng tốt và niềm tin nơi lời nói của tôn giả.

Một hôm, Phật đang thuyết pháp tại tịnh xá Kỳ Viên, Ca Chiên Diên với ba y một bát, một mình băng qua rừng núi và xuyên qua những cánh đồng mênh mông đến nước Ma Thâu La (Mathura) ở phía Tây để giáo hóa. Khi mới đến, trước tiên tôn giả xem xét dân tình, phong tục địa phương và lễ lối sinh hoạt tập quán của nước này trước khi vào bệ kiến quốc vương.

Vua nước Ma Thâu La khi thấy tôn giả bèn hỏi:

- Tôn giả! Tôi nghe nói Ngài vốn dòng dõi Bà La Môn, đó là một chủng tộc cao quý nhất. Còn Phật Đà thuộc dòng Sát Đế Lợi, mà nay Ngài trở lại quy y, làm đệ tử ông ta. Thật chẳng tai hại lắm sao?

Ca Chiên Diên thông dung đáp lại rằng: Đại vương! Chuyện đó chẳng những không tai hại gì hết, mà trái lại tôi cảm thấy rất hân hạnh được làm đệ tử bậc đại thánh Phật Đà.

Nhà vua thắc mắc thêm:

- Lạ thật! Từ bỏ dòng dõi thanh tịnh để làm đệ tử một người dòng Sát Đế Lợi. Thật là không thể nào hiểu nổi.

Tôn giả chẳng hề giận, ôn hòa giải thích cho nhà vua nghe:

- Nay Đại vương! Ngày xưa tôi là Bà La Môn, tôi cũng nghĩ như Đại vương. Nhưng sau khi nghe Phật Đà giáo thị, tôi mới biết đó là nhận thức sai lầm. Trong xã hội chia ra giai cấp Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Phệ Xá và Thủ Đà La. Ngoài ra còn có sự khác biệt giữa tôn giáo, chánh trị, thương nghiệp, nông công và mọi tầng lớp khác trong lối sinh hoạt của xã hội. Nhưng Đại vương thử nghĩ lại thì bất cứ người trong dòng dõi nào cũng có kẻ thiện người ác. Hiện tại trong chủng tộc Bà La Môn, rất nhiều người làm nhiều điều ác như sát sinh, tà dâm, tà kiến mà cho rằng họ là những người tôn quý hay sao? Người tôn quý hay hạ tiện không phải do dòng họ mà phải là người có tu đạo làm lành để giác ngộ và chứng thánh quả. Chính họ mới là những bậc tôn quý và đáng kính trọng.

Nghe xong, nhà vua chợt giác ngộ và tự nói:

- À! Thì ra đó là lỗi của ta. Trong đất nước này, nhà tù chỉ nhốt toàn chủng tộc Thủ Đà La, còn giới Bà La Môn phạm pháp thì không sao cả. Hèn gì xã hội hỗn loạn, nhân tình ta thán bất bình.

Tôn giả biết nhà vua thấy được chỗ sai lầm và thật tâm hối lỗi bèn nói tiếp:

- Đại vương! Đại vương cần tin nơi chánh pháp. Đức Phật là bậc đại giác ngộ và là bậc tối tôn quý trong loài người. Ngài nên quy y để làm đệ tử Phật mà tìm sự giải thoát tự do cho sinh mệnh của mình. Đó mới chính thật là hạnh phúc và vinh dự tối cao trong đời này.

Nhà vua được tiếp thọ Phật pháp bình đẳng, bèn yêu cầu tôn giả giới thiệu để quy y Phật. Sau đó, nhà vua ra lệnh đại xá, thả hết tù nhân dòng Thủ Đà La, chính đôn lại chính trị, không còn nê mạnh ép yếu, bỏ luôn luật pháp bất công, không phân biệt giai cấp giữa người và người và ai ai cũng chịu một quốc pháp như nhau. Từ đây khắp nơi vui mừng, nhân dân sống trong an cư lạc nghiệp và mọi người đều cảm kích sự giáo hóa của tôn giả Ca Chiên Diên cùng cảm kích Phật pháp từ bi, bình đẳng.

--- o0o ---

Luận Về Đạo Đức Và Tuổi Tác

Tôn giả Ca Chiên Diên từ khi theo Đức Phật thì lúc nào cũng chủ trương “bình đẳng” giữa bốn chủng tộc để cùng nhau sống trong hòa bình và an lạc. Nhưng đây là điều đố kỵ đối với bọn Bà La Môn ngoại đạo. Họ tìm mọi cách để diệt trừ Ca Chiên Diên vì nếu không thì các Bà La Môn từ nay không cất đầu lên nổi. Tuy nhiên tôn giả Ca Chiên Diên rất nổi tiếng về tài biện luận cho dù kẻ đó là Bà La Môn quyền uy đến đâu mà mỗi khi gặp tôn giả thì Ngài chỉ dùng vài lời ngắn gọn đủ làm cho họ vui lòng khâm phục.

Một hôm, tôn giả đang cùng với các tỳ kheo thọ thực trong trai đường ở một tịnh xá nằm ở bên ao Ô Nê thuộc nước Ba La Nại. Lúc đó, có một người Bà La Môn, niên kỷ thuộc hàng trưởng thượng, biết tôn giả đang ở đây liền đến khiêu chiến. Lão Bà La Môn chống gậy, làm thỉnh đứng bên cạnh Ca Chiên Diên mà nghĩ rằng Ca Chiên Diên thấy mình già cả đến thì chắc chắn sẽ đứng dậy nhường chỗ ngồi. Nhưng Ca Chiên Diên chẳng thèm nhìn đến ông làm ông ta nổi giận và lớn tiếng trách:

- Các người là giống người gì? Đối với người già cả như ta tại sao không đứng dậy nhường ghế ngồi hả?

Các tỳ kheo một phen thất kinh, có vài vị đứng lên định nhường chỗ cho Bà La Môn ngồi. Chỉ có Ca Chiên Diên chẳng nao núng chút nào mà nói với ông lão nọ:

- Ông là người nào mà đến đây lớn tiếng ầm ỹ? Chúng ta có phép cung kính của chúng ta, nhưng mà ở đây không có ai là trưởng thượng hay tiền bối cả.

Lão đạo sĩ Bà La Môn nổi giận, quơ gậy chỉ vào cái đầu bạc của mình với nộ khí xung thiên mà la lên:

- Già như lão đây không phải là trưởng thượng hả? Ta đây không đáng cho mấy người cung kính hả?

Ca Chiên Diên nói một cách khi dễ:

- Ông à! Ông không đáng gọi là lão già cũng không đáng thọ sự cung kính của chúng ta.

Lão già ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao ngươi khinh người quá vậy?

Lão Bà La Môn nổi trận lôi đình lấy cây gậy chỉ trỏ Ca Chiên Diên. Còn Ca Chiên Diên thì ngược lại, Ngài rất bình tĩnh và từ tốn nói:

- Tôi thấy cử chỉ và lời nói của ông không đáng gọi là người lớn, không đáng cho người ta kính trọng. Đừng kể là Bà La Môn, cho dù là tám, chín chục tuổi, tóc bạc răng rụng mà không chân chính tu đạo, đắm chìm trong trần sắc, không bỏ được phiền não và tham, sân, si, tật đố thì người đó chỉ đáng gọi là thiếu niên. Ông hãy nhìn, như những người tuổi trẻ hai mươi quanh đây, da dẻ còn tươi nhuận, đầu tóc đen nhánh, nhưng họ đã thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục. Không còn tham cầu nơi thế gian, không có chút xíu ý niệm bất bình sân hận, Nếu được như vậy thì mới xứng đáng cho chúng ta gọi là bậc trưởng thượng, là bậc lão túc và đáng được tất cả chúng ta cung kính.

Lão Bà La Môn nghe nói xong, chẳng biết trả lời lại thế nào đành làm thỉnh đi ra.

Thuyết phục một Bà La Môn râu bạc thì tiếng tăm của tôn giả càng lớn, nhưng tôn giáo Bà la Môn càng không thể tha thứ về việc xúc phạm này của tôn giả.

Một ngày nọ, có một vị Bà La Môn khác, rất giỏi biện luận. Vì bất bình về việc tôn giả Ca Chiên Diên đối xử với lão Bà La Môn ngày nọ nên từ xứ Câu Thi Ni La ở phía Bắc xa xôi mà hỏi thăm tìm đến chỗ của Ca Chiên Diên tại thành Ba La Nại. Vừa chạm mặt, ông đã kêu đích danh tôn giả mà hỏi:

- Ca chiên Diên! Tôi nghe người ta nói Ca Chiên Diên là gốc Bà La Môn mà nay cải giáo làm sa môn, có phải vậy không?

Tôn giả đáp:

- Đúng vậy, ông xem tôi đang đáp y cà sa đây.

Ông Bà La Môn hỏi:

- Người phản bội tín ngưỡng của mình thì lỗi ít hay nhiều?

Ca Chiên Diên trả lời đanh thép:

- Từ cái tín ngưỡng tà chấp kia mà đi theo đạo lý quang minh chánh tín này thì không có lỗi gì cả.

Ông Bà La Môn tức giận nói thêm:

- Ông chẳng phải là người vô danh tiểu tốt. Ông đã từng nghiên cứu tinh thâm pháp điển Mã Nỗ của Bà La Môn chúng ta. Việc ông cải giáo theo Phật thì chưa thể bỏ qua mà còn nghe đồn ông hay giảng thuyết Phật pháp cho các Bà La Môn để rử rê họ theo mình. Hành động ấy thật là vô lễ.

Ca Chiên Diên từ tốn đáp lại:

- Người đã đi qua thì nên chỉ lại cho bạn đồng hành ngày xưa những chỗ lầm lạc. Đó là lời dạy từ bi của Đức Phật.

Ông Bà La Môn yếu thế, nhưng chưa chịu thua bèn hỏi lại:

- Ca Chiên Diên! Tôi lại hỏi ông điều này. Nghe nói Ca Chiên Diên làm sa môn tỳ kheo đã không cung kính trưởng lão Bà La Môn, chẳng những đã không đứng dậy đón tiếp mà cũng chẳng mời ngồi, thử hỏi đã là tỳ kheo sao lại vô lễ như thế?

Ca Chiên Diên thẳng thắn và chậm rãi đáp:

- Ông hỏi rất đúng. Ca Chiên Diên tôi từ khi quy y với bậc Chánh Đẳng Chánh Giác Phật Đà, quả thật không cung kính phụng sự trưởng lão Bà La Môn. Điều đó cũng hợp lý thôi. Bởi vì tôi nay đã chứng được thánh quả thì ông đừng đem tuổi tác già trẻ mà đến đây chất vấn. Lễ và pháp không thể lộn xộn được.

Người Bà La Môn nghe lời biện luận khéo léo của Ca Chiên Diên thì thấy hổ thẹn không nói thêm lời nào. Tôn giả cũng đem chân lý của Thế Tôn ra

giáo hóa ông ta và kết quả là ông Bà La Môn quyết định từ bỏ tà chấp và yêu cầu tôn giả giới thiệu đề làm đệ tử Phật.

Tôn giả thật đáng kính trọng vậy!

--- o0o ---

Tại Sao Con Người Tranh Chấp?

Một hôm, Ca Chiên Diên đang ôm bình bát khát thực trên đường thì gặp một đạo sĩ Bà La Môn đi ngược chiều. Ông ta mời tôn giả đứng lại và hỏi:

- Tôn giả! Hôm nay gặp Ngài ở đây thật là may mắn. Tôi có một vấn đề muốn thỉnh giáo, mong Ngài lấy tư cách khách quan để giải nghĩa dùm tôi.

Ca Chiên Diên từ tôn đáp lại:

- Chẳng có chi. Ông nghi hoặc điều gì?

Đạo sĩ thắc mắc:

- Tôn giả! Tôi thấy trên thế gian, dòng Sát Đế Lợi thì tranh đấu với Sát Đế Lợi, còn Bà La Môn thì tranh đấu với Bà La môn. Vì lý do gì mà họ cứ tranh đấu mãi như vậy?

Ca Chiên Diên đáp:

- Vì tham dục mê hoặc.

Đạo sĩ lại hỏi:

- Thưa tôn giả! vậy chớ tỳ kheo các Ngài tranh cãi nhau là do lý do gì?

- Là do ngã kiến và pháp chấp, tôn giả trả lời.

Vị đạo sĩ Bà La Môn nhắm mắt lại, đưa tay vò đầu, dường như cố sức suy nghĩ về lời giải đáp của Ca Chiên Diên. Thái độ kỳ quái của ông làm cho dân chúng hai bên đường chú ý. Xưa nay, thấy tỳ kheo nói chuyện với đạo sĩ Bà La Môn đã là chuyện lạ, huống gì vị Bà La Môn này lại hành động lạ lùng như thế.

Dân chúng hai bên đường có cơ hội thưởng lãm cảnh một tỳ kheo đắp y vàng trang nghiêm tề chỉnh đàm đạo với một đạo sĩ Bà La Môn khổ hạnh râu tóc phủ khắp mình. Họ không biết hai vị này trao đổi câu gì, nhưng chỉ thấy vị Bà La Môn đứng nhắm mắt vò đầu lia lia trông rất khô hài.

Đạo sĩ Bà La Môn suy nghĩ một lát thì mở mắt ra và hỏi:

- Tôn giả! Lời Ngài nói rất công bình hợp lý, song tôi nghĩ rằng trên thế gian này không biết có nhân vật nào ly khai được tham dục, ngã kiến và pháp chấp không?

Ca chiên Diên chẳng chút do dự đáp ngay:

- Có lão sư của tôi là Đức Phật, hiện đang thuyết pháp tại thành Xá Vệ. Ngài là bậc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài không còn phiền não, tham dục, ngã kiến và pháp chấp. Ngài là bậc đạo sư của ba cõi và là vị thầy của tất cả nhơn thiên.

Đạo sĩ Bà La Môn rất cảm kích đối với lời thuyết pháp của Ca Chiên Diên nên ông ta liền yêu cầu tôn giả giới thiệu cho ông ta được quy y theo Phật để làm một đệ tử cư sĩ.

Dân chúng hai bên đường được một phen mục kích cảnh tôn giả thuyết phục vị đạo sĩ Bà La Môn. Họ rất hoan nghinh và rất nhiều người quỳ tại chỗ đánh lễ tôn giả như là chúc mừng một thắng lợi lớn vậy. Tuy vậy, tôn giả chẳng lộ vẻ tự đắc mà Ngài khiêm tốn đáp lễ lại mọi người và thản nhiên tiếp tục con đường khát thực của mình.

--- o0o ---

Răn Dạy Bọn Thiếu Niên Vô Lễ

Ca Chiên Diên xuất thân từ gia đình danh gia vọng tộc Bà La Môn và qua lại biện luận với Bà La Môn cũng rất nhiều. Ngày xưa, tôn giả là một nhân vật cao cấp, danh vọng và địa vị trong phái Bà La Môn vì vậy khi Ngài quy y theo Phật đã làm chấn động cả một nền tín ngưỡng oai quyền nhất lúc bấy giờ.

Các giáo sĩ Bà La Môn công kích đã phá Ca Chiên Diên rất nhiều mà một số Bà La Môn khác vẫn duy trì tình bằng hữu thân thiết với Ngài cũng không ít.

Một ngày nọ, Tôn giả có dịp trở về cố hương để hoằng dương đạo pháp tại làng Di Hâu thuộc nước A Bàn Đề (Avanti). Trong làng Di Hâu có một Bà La Môn tên là Lỗ Ê Già đối với tôn giả rất cung kính tôn trọng.

Nhưng một hôm, có đám thiếu niên là con em của Lỗ Ê Già, lên núi chặt củi. Chúng đi ngang qua một hang đá thì thấy Ca Chiên Diên đang tịnh tọa bên trong liền kêu réo ồn ào rồi đem tôn giả ra làm trò đùa với nhau:

- Hãy lại đây xem chúng bay, có ông sa môn đầu trọc ở đây nè!

Một đứa nói thêm:

- Nhìn làm quái gì. Lão đầu trọc ấy chẳng có thú vị gì cả!

Đám đệ tử của Lỗ Ê Già nhao nhao mỗi người một câu la hét ngoài cửa động. Lúc ấy trong đám đó có một tên can gián rằng:

- Úy! Các bạn đừng chế nhạo người ấy, ông là người mà thầy mình tôn kính lắm đó.

Tuy vậy bọn thiếu niên bướng bỉnh vẫn cười đùa chế nhạo ầm ĩ, thậm chí chúng còn lấy đá chọi vào hang.

Ca Chiên Diên đang tịnh tọa phải đứng dậy bước ra ngoài răn dạy bọn chúng một phen:

- Nay các chú! Lúc trước các Bà La Môn tu hành đàng hoàng, cấm tuyệt ngũ dục, bây giờ thì Bà La môn cưới vợ đẻ con giống như người thế tục. Xem hành vi của các chú chẳng khác bọn trẻ nít hoang đàng vô lễ, bộ thầy các chú dạy như vậy đó hả?

Lời nói của Ca Chiên Diên oai nghiêm như sư tử làm bọn thiếu niên nép một bên, miệng chẳng dám hó hé mà lòng thì rất căm hận. Lúc về nhà, chúng bèn mách lại với Lỗ Ê Già và thêu dệt là tôn giả đã mắng chửi Bà La Môn thế này, thế nọ.

Lỗ Ê Già nghe xong, đùng đùng nổi giận nói rằng:

- Ta đối với Ca Chiên Diên rất tôn kính, mà ông ta trở lại mắng nhiếc chúng ta. Ta phải tìm gặp ông ta để hỏi cho ra lẽ.

Lỗ Ê Già sát khí đằng đằng tức tốc chạy đến thạch động của tôn giả để làm lớn chuyện, nhưng khi gặp Ca Chiên Diên nghiêm trang, ôn hòa thuật lại những lời của bọn trẻ và lời nói của mình cho ông nghe. Lỗ Ê Già cảm thấy xấu hổ mà cúi đầu chẳng nói nên lời.

Ca Chiên Diên nhân tiện nói tiếp:

- Nay bạn Lỗ Ê Già! Ông nghe tôi nói đây, tín ngưỡng và tu tập của chúng ta là cốt để giải thoát luân hồi sanh tử và sống an vui tự tại của Niết bàn. Chúng tôi tu hành là để đoạn diệt tất cả mọi phiền não, chặt đứt mọi sợi dây vô hình của tham sân si để cho mình được tự do tự tại. Trăm ngàn lần không thể đem tín ngưỡng và việc tu hành biến thành một thứ nghề làm ăn. Hiện nay trong số các đạo sĩ Bà La Môn làm lễ cúng tế cho người đời, dường như là có ý kinh doanh. Họ lia gia đình làm Bà La Môn để tu đạo thử hỏi có được mấy người chân chánh? Phần lớn toàn là vì danh văn lợi dưỡng, họ tự mình làm ra vẻ chí thành mà bên trong thật là giả dối.

Đã không cứu độ được ai mà mang chiêu bài tôn giáo để thỏa mãn dục vọng riêng của mình thì thật là chuyện đáng buồn. Các Bà La Môn thời nay đều là ngoài tâm cầu pháp, nếu không cầu phước báo hơn thiên thì cũng đem hiện tượng vũ trụ ra mà giải thích tới lui mà không giải thích được gì cho cuộc sống của chúng ta cả. Thử hỏi có mấy người nhận thức chân thật được cho chính mình? Thầy của tôi là đức Phật là vị đại từ, đại bi và là vị cứu tinh cho các nhà tu đạo đang lặn quẩn trên đường tôn giáo. Ông là bằng hữu của tôi nên tôi mong rằng ông sẽ bỏ mọi điều tà chấp và đừng nên ham làm thầy thiên hạ mà chuyên tâm tu học để tự giải thoát cho chính mình.

Lỗ Ê Già nghe xong, lộ vẻ e thẹn mà nói:

- Tôn giả! Ngài nói rất đúng, giờ đây tôi sẽ nhất tâm y theo lời chỉ giáo của Ngài.

Quả thật không hổ danh đệ nhất luận nghị, tôn giả Ca Chiên Diên đã dùng lời lẽ sắc bén để bẻ gãy tất cả những tư tưởng lạc hậu của Bà La Môn và làm cho Lỗ Ê Già chỉ còn buông hết các mê vọng tà chấp mà đầu hàng để quy y theo chánh pháp của Đức Phật.

Luận Về Thuyết Vô Thường!

Ca Chiên Diên biện tài vô ngại, nghị luận già giặn không ai sánh kịp từ trong tầng đoàn cũng như ngoài xã hội. Danh cao vòi vọi của Ngài không ai lại không biết. Đức Phật rất thích các đệ tử lỗi lạc của mình, nên mỗi khi nghe nói đến tên của tôn giả thì Ngài rất hài lòng khen ngợi.

Một hôm Đức Phật đến giáo hóa nước A Bàn Đề, cũng chính là quê hương của tôn giả, bèn bảo Ca Chiên Diên thay Ngài mà thuyết giảng đạo lý vô thường cho tứ chúng.

Ca Chiên Diên đánh lễ trước Đức Phật, rồi sau mới nói:

- Các vị đại thiện tri thức! Tất cả mọi sự tụ hội đều có lúc ly tán, có sanh ắt có tử, có thành thì có hoại. Các pháp hữu vi trên thế gian, dù to lớn như sơn hà đại địa cũng không thoát khỏi pháp tắc vô thường. Các vị hãy nhìn xem, mùa xuân trăm hoa đua nở, chỉ một trận gió thu thổi tới liền biến thành lá vàng rơi rơi tả. Còn chúng ta, khi trẻ thì mặt đẹp sắc hồng, đến lúc già nua thì da nhăn, tóc bạc, lưng còm, gối mỏi. Cũng như giọt sương trên cành sẽ tan biến theo bóng đen khi ánh mặt trời vươn lên chiếu ra muôn ngàn tia sáng. Thân bằng quyến thuộc dầu có thương yêu đến đâu đến lúc già chết cũng không ai thay thế được. Khi người nhắm mắt xuôi tay, dầu có khóc than cách mấy cũng không níu được sự vô thường, cũng không làm cho người chết sống lại.

Thật vậy, kim ngân tài bảo thì cũng chẳng tồn tại muôn đời, nay có mai không. Ngay cả đến quyền uy danh vọng thì cũng như bọt biển mà thôi bởi vì trên thế gian này đâu có vương hầu nào mà không từng bị lật đổ. Triều đại này tan thì triều đại mới thay thế. Hiểu rõ lý vô thường thì không bị màu sắc rối ren của thế gian lừa dối. Đây là thiên nhiên, núi xanh sông biếc. Đó là loài người, mạnh khỏe khôn ngoan. Đây là xã hội với giàu sang sung sướng. Tất cả chỉ là chạm bể để hại người vì tự nó đã chứa sẵn tính vô thường giả dối. Vì thế, thưa các vị đại thiện tri thức, chỉ có chân lý nhân quả và nghiệp lực mà mỗi người tạo tác là không hư dối, chân thật. Nhân quả theo nghiệp lực như bóng với hình cho dù con người còn sống hay chết. Chúng ta cần phải nỗ lực khẩn thiết tu tập để phá tan thế giới vô thường và chúng được thánh quả để thoát ra khỏi vòng sanh tử triền miên.

Lời chỉ dạy của tôn giả, nghĩa lý phân minh làm cảm động tất cả tứ chúng trong hội. Khi thay Phật thuyết pháp thì chỉ có Ca Chiên Diên với

biện tài nghị luận đã làm nổi bật chân lý của Đức Thế Tôn và làm cho đạo Phật được ngời sáng muôn đời.

--- o0o ---

Thuyết Đạo Lý Phát Tài Cho Kẻ Nghèo

Sau chuyến hoằng pháp tại nước A Bàn Đề, tôn giả trở về nước Xá Vệ để nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp. Trên đường đi, tôn giả gặp một phụ nữ trong tay cầm một bình nước và đang ngồi khóc thảm thiết bên mé sông. Thấy hành động muốn nhảy xuống sông để tự vận, tôn giả động lòng từ bi đến trước cô ta và hỏi:

- Này cô! Chuyện gì khiến cô buồn thảm mà ngồi đây khóc lóc vậy?

Cô gái khóc lớn mà nói:

- Chẳng việc gì đến ông, nói với ông làm quái gì?

Tôn giả từ tôn hỏi lại:

- Này cô! Cứ nói cho tôi nghe, tôi là đệ tử Phật thì tôi có thể giúp cô giải quyết vấn đề được chứ.

Cô gái bực tức mà nói rằng:

- Ông mà làm được cái gì. Ông coi trên đời này thật không công bằng gì cả. Sự giàu nghèo khác nhau như trời với vực. Như tôi là một kẻ nghèo đói suốt đời khổ sở và cái khổ bần cùng đó đeo đuổi làm cho tôi không còn ham sống nữa.

Cô gái nói xong, thì lăm le muốn nhảy xuống nước. Ca Chiên Diên vội kéo cô ta lại và từ bi giảng giải:

- Này cô! Đừng buồn thảm như vậy vì trên đời này có biết bao nhiêu người nghèo chớ đâu phải chỉ mình cô. Và lại, nghèo cũng không hẳn là bất hạnh, là khổ sở. Còn kẻ giàu chưa chắc là hạnh phúc. Cô coi mấy người phú hộ lắm của nhiều tiền kia, hằng ngày cứ bị tham dục, sân hận và si mê quấy rối khổ sở. Càng giàu thì họ càng muốn giàu thêm, có cái này thì họ khao khát được thêm cái khác. Mà hễ giàu sang thì có nhiều cơ hội để làm nhiều điều bất thiện, đó là chưa kể hại người để lợi cho mình, giết hại cầm thú để nhậu

nhặt ăn chơi và đối xử tàn nhẫn đối với người nghèo khổ. Tất cả những điều bất thiện này sẽ đọa họ vào ba đường khổ kiếp sau. Đó là ngã quỷ, súc sanh và địa ngục thì cái khổ của họ kiếp sau so với cái khổ của cô ngày nay có sá gì mà cô khóc than.

Nghe xong thì cô gái vẫn vùng vằng la lối:

- Ông là sa môn, ông không cần đến tình đời, còn tôi đâu có được. Ông phải biết tôi là đầy tớ cho một nhà phú hộ. Suốt đời làm kẻ tôi đòi, cơm áo không đủ, chẳng có tự do mà gặp chủ nhân hắc ám, tham lam hung dữ, chẳng có chút xíu từ tâm. Chúng tôi làm công chuyện nhà hễ sai một chút là lãnh đòn, nghe chửi. Muốn sống không yên mà muốn chết cũng chẳng được. Nghĩ đến nỗi cùng cực đó đều do kiếp nghèo mà ra, biểu sao tôi không buồn không khổ.

Tôn giả an ủi:

- Cô à! Tuy như vậy, cô cũng đừng bi quan. Tôi sẽ chỉ cho cô một cách phát tài và thoát khỏi nghèo khổ.

Cô ta quệt nước mắt, tia mắt lóe niềm hy vọng mà hỏi:

- Cách gì vậy ông?

Tôn giả giải thích:

- Ô! cách này rất đơn giản, cô đã bị bần cùng làm khổ thì cô cứ đem cái bần cùng đó bán quách cho người khác đi.

Cô gái nheo mắt rất đỗi ngạc nhiên la lên:

- Bần cùng mà bán cho ai? Ông đừng nói giỡn, bần cùng mà đem bán được thì trên cõi đời này không còn người nghèo. Có ai mà chịu mua cái nghèo bao giờ?

Ca Chiên Diên trả lời:

- Bán cho tôi, tôi chịu mua.

Cô gái thắc mắc hỏi thêm:

- Bần cùng có thể bán được mà cũng là ông mua, nhưng ở đời này biết cách bán nó ra sao?

Tôn giả khi thị tiếp:

- Hãy bỏ thí. Cô nên biết sự giàu nghèo ở đời đều có nhân duyên. Người nghèo sở dĩ nghèo hoài là vì đời trước không chịu bỏ thí và tu phước. Người giàu sở dĩ giàu sang sung sướng là vì đời trước họ đã bỏ thí và tu phước. Vì vậy bỏ thí, tu phước là cách bán nghèo mua giàu tốt nhất đó.

Người tỳ nữ nghe xong thì trí tuệ được khai thông vì mãi đến hôm nay cô mới biết cách làm giàu. Nhưng cô lại đau khổ mà nói rằng:

- Thưa tôn giả! Ngài dạy rất đúng, con đã biết cách để được phát tài. Nhưng con nghèo quá mức không có chút gì cả, ngay cả cái bình nước trong tay con cũng là của chủ nhà. Họ giữ của còn hơn con giữ mạng sống thì Ngài bảo con bỏ thí cái gì bây giờ?

Ca Chiên Diên đưa bình bát ra và nói cho cô gái:

- Bỏ thí không cần phải là tiền bạc. Thấy người khác bỏ thí mà mình phát tâm vui vẻ là được. Cô hãy múc nước đổ đầy bát cho tôi, đó là cô đã bỏ thí rồi!

Người tỳ nữ liền hiểu rõ ý nghĩa của sự bỏ thí, liền làm theo lời dạy. Về sau nhờ công đức cúng nước cho tôn giả, cô được sanh lên cõi trời Đạo Lợi.

Một lần nữa, tôn giả đã đem chánh pháp ra soi sáng cho chúng sinh không kể là người quyền quý hay kẻ bần cùng. Vì vậy gọi Ngài là đệ nhất luận nghị quả thật là danh bất hư truyền.

--- o0o ---

Chuyện Ái Tình Thành Giác Ngộ

Đối với việc hoằng dương đạo pháp thì tôn giả lúc nào cũng tích cực mà không quản nhọc nhằn. Một hôm, Ngài đi giáo hóa tại một nước rất xa xôi có tên là Ba La Lê Viên và được cư trú trong rừng trúc của một vị trưởng giả.

Trong khi đó thì quốc vương của nước này là Văn Đồ Vương đang gặp một biến cố đau đớn. Số là vị đệ nhất vương phi mà nhà vua rất thương yêu chẳng may bạc mệnh. Nhà vua buồn khổ muôn phần, bỏ ăn bỏ uống, không còn tha thiết đến việc triều nghi và ngày nào cũng khóc lóc kêu thương thảm thiết. Người đã chết, dù là bậc quyền thế tôn quý như vua, cũng không thể cải tử hoàn sinh được. Vua Văn Đồ vì quá luyến ái tình cũ, ra lệnh các quan đại thần ướp xác vương phi và quàn trong cung để mỗi ngày nhà vua được đối diện với tử thi mà than thở:

- Ôi! Cái miệng xinh kia sao không nói chuyện với trẫm? Đôi tay kia sao không ôm trẫm? Vương phi yêu dấu ơi! Sao không chịu mở mắt nhìn trẫm?

Nỗi bi ai của nhà vua cứ triền miên bất tận như thế, còn các quan đại thần chẳng có cách gì làm cho nhà vua vui sầu quên thảm được. Nhà vua chỉ hết buồn khi nào vương phi được sống lại mà thôi, nhưng người nào có quyền phép mà làm được chuyện này?

Đang lúc tấn thối lưỡng nan thì các vị đại thần chợt nghĩ đến tôn giả Ca Chiên Diên hiện đang giáo hóa tại đây. Họ hy vọng với oai đức và sức thần thông thì Ngài có thể giúp nhà vua dứt bỏ mối bi ai mà lo chính đốn triều ca.

Các quan dâng kiến nghị lên vua:

- Muôn tâu đại vương! Trong nước ta hiện nay có một vị đại đệ tử của Đức Phật đang du hóa. Đó là tôn giả Ca Chiên Diên, một bậc đại thần thông, đại oai đức, trí huệ uyên bác không vấn đề gì không hiểu, ngay cả văn tự Phạm Thiên trên tấm bia cổ mà Ngài cũng biết được. Tôn giả biện tài vô ngại, mỗi khi nói chuyện gương mặt thường nở nụ cười. Xin thỉnh đại vương hãy đến gặp Ngài, chắc chắn sẽ có nhiều lợi ích.

Nhà vua nghe xong, vội hỏi:

- Thần thông của người ấy có thể gọi vương phi ta sống dậy không?

Các đại thần lúng túng, không dám nói sao. May thay trong số ấy có một vị đã từng nghe tôn giả thuyết pháp nên cung kính nói:

- Muôn tâu đại vương! Làm cho vương phi sống lại được hay không thì chúng thần không dám trả lời chắc. Chuyện ấy chỉ có đến thỉnh giáo tôn giả Ca Chiên Diên mới biết được thôi.

Vua Văn Đồ chuẩn y lời tấu của các quan liền lập tức ban lệnh đi ngay. Nhà vua ngự xe loan, mang theo nhiều lễ vật đến rừng trúc. Vừa gặp mặt tôn giả, nhà vua liền yêu cầu cứu mạng cho vương phi hồi sinh.

Ca Chiên Diên bẻ một nhánh cây gần đấy và nói với nhà vua:

- Nay đại vương! Ngài hãy đem nhánh cây này về cung mà giữ cho nó xanh tươi hoài chớ đừng khô héo có được không?

Nhà vua đáp:

- Điều đó không thể được. Cây đã lìa cội rễ thì làm sao mà sống, mà xanh tươi.

Bây giờ tôn giả mới thuyết tiếp:

- Vậy thì phu nhân đã hết nghiệp, thọ mạng đã chấm dứt mà bảo sống trở lại thì chuyện ấy làm sao được?

Vua Văn Đồ ngay lúc đó liền giác ngộ lý vô thường sinh ly tử biệt của tạo hóa. Tôn giả biết nhà vua đã thâm đạt Phật pháp, bèn thuyết pháp tiếp theo:

- Nay đại vương! Ngài là vua một nước, là người cai trị toàn dân. Toàn thể dân chúng là người của nhà vua chớ chẳng riêng một mình vương phi là của vua đâu. Đại vương nên đem tấm lòng thương một mình vương phi mở rộng ra thương khắp hết mọi người trong thiên hạ. Dùng lòng từ bi thay thế tình yêu riêng tư thì quốc gia mới hưng thịnh và dân chúng sẽ ủng hộ nhà vua mãi mãi.

Vua Văn Đồ nghe xong thì bừng tỉnh cơn mê và dứt hết mọi buồn thương. Nhà vua đánh lễ cáo biệt tôn giả, trở về cung an táng cho vương phi, chỉnh đốn lại triều chánh và thương dân như con của chính mình. Từ đó cả nước mừng vui và ai nấy đều cảm kích tài khéo thuyết pháp của tôn giả Ca Chiên Diên.

Ngày nay khói lửa tràn lan khắp thế giới, chúng ta mong mỗi tinh thần đệ nhất nghị luận của tôn giả Ca Chiên Diên sống lại để thuyết phục các nhà lãnh tụ hiếu chiến để họ hồi tâm nhìn lại cho người dân trên thế giới có cơ hội sống trong thanh bình thịnh vượng.

16. Tôn giả Phú Lô Na

(Đệ nhất thuyết pháp)

Phú Lô Na sanh ra trong một gia đình thuộc hạng giàu có danh tiếng ở Ấn Độ và rất được cha mẹ thương yêu. Khi đến lúc trưởng thành, tôn giả nhận biết rằng ái ân, tài bảo của thế gian cũng phải đến lúc biệt ly tan rã. Mà điều quan trọng nhất của cuộc đời là cầu cho mình được một chân lý tối thượng của cuộc sống.

Danh hiệu của Ngài là Phú Lô Na Ni Đa La Ni Tử, do đó Phú Lô Na chỉ là tiếng gọi tắt mà thôi. Danh hiệu Ngài dài như thế chính là biểu hiệu cho tôn giả khi thuyết pháp cũng trường mãn vô cùng. Tiếng Trung Hoa dịch chữ Phú Lô Na là Mãn Tử Tử có nghĩa là hoài bão và lòng từ bi của Ngài như núi cao sông rộng.

Phú Lô Na xuất gia quy y theo Phật không bao lâu thì chứng quả A La Hán. Từ đây Ngài không còn phiền não, dứt hết sanh tử và vận dụng thần thông tự tại đi khắp mọi nơi mà hoằng dương đạo pháp cứu giúp chúng sinh. Việc tuyên nói giáo lý của Đức Phật là một trọng trách lớn lao bởi vì nói pháp cốt yếu không phải là nói cho mình nghe mà nói cho đại chúng hiểu, do đó trong số hàng ngàn vạn đệ tử của Đức Thế Tôn thì Phú Lô Na là đệ nhất thuyết pháp quả thật chí lý.

--- o0o ---

Khuyên Chúng Tỳ Kheo

Phú Lô Na đối với việc hoằng pháp lợi sanh thì rất nhiệt tình và không bao giờ tham cầu danh tư lợi dưỡng. Đối với Ngài thì thế gian này cũng như là hoa đóm trong không, bóng trăng dưới đáy nước, chỉ việc hoằng pháp độ sanh mới là quan trọng.

Một đặc thù của Phú Lô Na là không thích người bề ngoài mặc áo cà sa, xưng là đệ tử Phật mà trên thực tế làm việc gì đều vì tư lợi chớ không vì Phật pháp.

Tất cả những vị quốc vương trên toàn Ấn Độ đều cảm oai đức từ bi của Phật nên sau khi các vua quy y theo Phật bèn ban sắc lệnh rằng:” hễ người phạm trọng tội, ngay cả tội chết, chỉ cần xuất gia làm đệ tử Phật, gia nhập tăng đoàn liền được đại xá”. Tuy Đức Phật biết điều ấy sẽ biến tăng

đoàn thanh tịnh thành nơi rồng rắn hỗn tạp, nhưng lòng từ bi của Ngài bao la như biển lớn dung nạp mọi con sông thì không nở nhìn tử phạm mà không cứu. Vì vậy Ngài trở lại khen ngợi chính sách nhân từ của các quốc vương.

Không cần phải nói thì trong tăng đoàn có lắm người bê bối. Họ mượn cửa Phật để tham cầu danh lợi, thậm chí còn làm bao nhiêu việc tà bậy và mua bán Như Lai.

Phú Lô Na thấy bọn tỳ kheo này thì bảo thẳng họ rằng:

- Các vị tỳ kheo! Các vị không nên làm những việc trái với lời dạy của Phật. Không nên một mặt khuyên người bố thí mà tự mình chứa cất tiền của vàng bạc. Nói với người ngũ dục là tai ách, là tai hại cho thân tâm, mà tự mình lại đắm chìm trong ngũ dục. Chúng ta được gặp bậc thầy là đấng Thế Tôn cứu thế thật là nhân duyên ngàn đời khó gặp. Phạm làm việc gì, không thể trái lời giáo huấn của Phật và không thể phạm giới điều Phật đã quy định.

Các vị xuất gia học đạo, đó là Đức Phật từ bi cho các vị cơ hội sám hối diệt tội mà các vị không vì sự trong sáng của giáo pháp, không yêu thích tăng đoàn, không nhiệt tình trong việc hoằng pháp lợi sanh. Tuy một thời Đức Phật từ bi nhiếp thọ các ông, nhưng về sau thì tương lai các ông sẽ không tốt đẹp, vô cùng đen tối. Phật thường dạy:” làm người không sợ có lỗi, có lỗi mà biết sửa đó là người đại thiện”. Trong tăng đoàn, làm một kẻ lục dục thường tình thì không đến nổi tệ, nhưng tệ nhất là làm người ích kỷ, không đoái hoài đến lời Phật dạy, không màng đến đại chúng mà tự tung tự tác. Tôi và các vị đồng học một thầy. Tôi có nói lời gì cho dù quý vị có đánh mắng cũng không sao, chỉ mong Phật pháp được hưng thịnh và chúng sanh được độ. Hy vọng rằng từ nay về sau, chúng ta chân chánh phát tâm tu học Phật pháp, y giáo phụng hành.

Những lời trung thực của Phú Lô Na đối với các tỳ kheo bất chính đã khiến họ rất cảm động mà cải tà quy chính.

Đối với người, Phú Lô Na không ưa bới vết tìm lông khiến người phiền não, mà chính Ngài muốn trừ bỏ những danh lợi cá nhân để nỗ lực làm lợi ích cho giáo pháp và rạng rỡ cho Đức Thế Tôn.

Tận Lực Hoằng Pháp Lợi Sinh

Lối làm việc của Phú Lô Na thì rất cẩn thận. Mọi việc liên quan với chúng tăng và đại chúng thì tôn giả suy nghĩ đôi ba phen mới phát biểu ý kiến. Nhưng đối với việc hoằng pháp là luôn luôn nhiệt tình, bất cứ khi nào có cơ hội gieo giống Bồ Đề thì không kể lợi hại hay thành bại về cá nhân, Ngài luôn luôn tinh tấn đi đầu.

Trong hàng đệ tử Phật, Ngài là người lúc nào cũng vì nhân quần xã hội mà truyền giáo mà không sợ nguy nan thất bại. Tất cả là làm cho Phật pháp và tự mình không mong cầu đến danh lợi. Có một số tỳ kheo, tuy theo Phật và rất lâu thông giáo pháp, nhưng đối với chúng sanh không phát tâm từ bi và xem nổi khổ sanh tử của kẻ khác không dính dáng gì đến mình mà khép kín thân mình trong tháp ngà điện ngọc. Lại có số tỳ kheo khác không thích hoằng pháp lợi sanh mà chỉ thích kết duyên ngoài xã hội, không dùng đạo để đối xử mà dùng tình để giao thiệp. Thật là nhận thức sai lầm.

Một hôm trên đường hoằng pháp, Phú Lô Na đi ngang qua vùng rừng núi nước Kiều Tát Di. Nơi này có một số tỳ kheo đang ẩn cư tu hành, Phú Lô Na thấy các vị ấy bèn cung kính hỏi thăm:

- Các đại đức! Nghe nói các vị ẩn cư trong núi rừng với nhân cách thanh cao không giống phàm tình làm tôi rất kính phục. Nhưng các vị vâng lời Phật dạy làm sứ giả đi các nơi giáo hóa sao không vào làng xóm mà độ chúng sanh?

Các tỳ kheo thấy tôn giả đến, rất vui mừng nhường tòa và đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi cũng đã đi các nơi giáo hóa, nhưng chúng sanh thật khó hóa độ. Đức Phật dạy đem cam lộ pháp thủy ban cho họ thì họ cho đó là một thứ hôi hám khó nghe. Bọn chúng ngu si can cường, ngoan cố chấp trước, đắm chìm trong ngũ dục, sát sanh tế thần cầu phước. Thật là tạo nhân ác đạo. Chúng tôi từ bi đưa tay tế độ mà bọn chúng chẳng thèm ngó ngang tới. Thưa tôn giả! Đạo lớn của chân lý không phải ai ai cũng theo được. Thế giới tràn đầy ánh sáng chẳng phải ai cũng có thể đến đó được bởi do họ từ chối tiếp nhận mà thôi. Hãy để cho họ ném mùi đau khổ, trầm luân đọa lạc và khi nhân duyên chín mùi thì họ sẽ tự nhiên quay đầu trở lại.

Phú Lô Na Nghe xong, biết các vị này khi hoằng pháp đã gặp thất bại, gặp ma chướng cản trở nên đối với chúng sanh thất chí nản lòng, không thể khởi nhiệt tình mà gieo hạt giống từ bi trí tuệ của Phật được. Tôn giả nói:

- Hành vi tu đạo của các vị tôi rất khâm phục, nhưng ý kiến của các vị về việc hoằng pháp tôi không đồng ý. Nếu Phật pháp dễ truyền chúng sanh dễ độ thì chúng ta đã không theo đuổi công tác ấy. Chính vì đời ngũ trược ác thế mà việc hoằng pháp lợi sanh rất khó khăn cực nhọc. Vì muốn đáp ơn Phật, chúng ta nên hăng hái theo đuổi sự nghiệp cao quý đó. Hoằng pháp là việc nhà, lợi sanh là sự nghiệp. Chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật thì không nên xem tăng đoàn là một nơi tỵ nạn, hoặc là viện dưỡng lão. Đã là tỳ kheo thì phải lo phận sự cho tròn, còn chuyện thế gian nên dẹp sang một bên. Phật pháp chưa truyền, chúng sanh chưa độ mà cho là không dính líu đến mình, thật là trái lời dạy của Phật.

Lòng từ nguyện bi của các Ngài chắc chắn không hoan hỷ đối với tác phong ấy. Chúng sanh khó tiếp nhận Phật pháp là vì họ rất nghèo cùng khổ. Người nghèo chỉ mong xin được vài đồng bạc là quý trong khi chúng ta đem gia tài Phật pháp cả ức vạn mà cho họ bảo sao họ không ngờ lòng tốt của chúng ta? Làm sao họ dám nhận lãnh tài bảo trân quý đó được? Chúng ta mang tâm lòng từ bi vô hạn và mang nhiệt tình sung mãn để trang nghiêm thân tứ đại vô thường của chúng ta, đem pháp lạc hoan hỷ ban khắp mọi người và đem ánh sáng, trí huệ, từ bi, oai đức của Đức Phật chia đều cho tất cả chúng sanh cùng hưởng. Đó là trách nhiệm của hàng xuất gia và trách nhiệm này không cho phép chúng ta được an nhàn trốn tránh trong khi chúng sanh vẫn còn đau khổ. Các vị! Phật pháp tại nước Bạt Đà chưa viên mãn, mong các vị cùng tôi đến đó hoằng hóa.

Các tỳ kheo nghe xong, rất cảm động trước lời chí tình của Phú Lô Na nên tất cả đều nguyện theo tôn giả sang nước Bạt Đà.

Phú Lô Na thường cố động phát khởi cho các tỳ kheo lười biếng, thích mưu cầu an nhàn, để mong cho Phật pháp được lan rộng khắp nhân gian. Vì công đức đó, chính Đức Phật thường khen ngợi giữa đại chúng rằng Phú Lô Na là người hoạt động tích cực nhất trong hàng tỳ kheo.

Khi thì tôn giả ở nước Ma Kiệt Đà, lúc ở nước Kiều Tát La. Ngày nay hóa đạo nơi thành Tý Xá Ly, nhưng ngày mai lại đến thành Ca Thi thuyết pháp. Nơi nào có bước chân tôn giả đến, thì Ngài đem chánh pháp của Đức Thế Tôn để chuyển mê thành ngộ cho chúng sanh và đưa họ trở về quy y với tam bảo. Có chúng sanh nào ngoan cố, kiên cường mà một khi đã nghe tôn giả thuyết pháp đều bỏ tâm cuồng vọng mà tiếp thọ sự tịnh hóa của Phật pháp. Thấy sự oai nghiêm và dường như tôn giả có sức mạnh vô hình nào đó tiềm ẩn trong Ngài mà một số tỳ kheo đã thắc mắc hỏi:

- Thừa tôn giả! Ngài đi hóa độ nơi nào thì khiến chỗ đó từ một nơi cỏ rậm hoang vu thành một vùng thánh địa trang nghiêm. Lại có nhiều thính giả nhờ ảnh hưởng pháp âm của Ngài mà trở nên được an ổn và tĩnh lặng. Trừ Đức Phật ra, không ai thuyết pháp thành công như tôn giả. Ngài làm sao được oai đức như thế?

Phú Lô Na khiêm tốn đáp:

- Tôi cũng chẳng biết tôi có sức gì, nhưng tôi chỉ biết một điều Đức Phật là một đạo sư. Trước mỗi lần thuyết pháp tôi luôn luôn hướng về Đức Phật cầu nguyện. Cầu nguyện từ quang của Thế Tôn che chở nhiếp hộ tôi và hỗ trợ tôi hoàn thành sự nghiệp tịnh hóa nhơn gian. Tôi không cần mọi người biết đến Phú Lô Na mà tôi mong ai ai cũng đều biết đến đức đại giác Phật Đà. Nhỏ bé như tôi, đâu có sức gì khiến người cảm động. Tạo sự cảm động đến người chính là Đức Thế Tôn và cũng chính là giáo thị chân lý của Ngài.

Lời nói thành thật của Phú Lô Na đều dành tất cả danh dự cho Đức Phật. Các tỳ kheo nghe xong ai cũng gật đầu khen phải, rồi hỏi tiếp:

- Tôn giả! Nếp sống hoằng pháp lợi sanh của Ngài rất kham khổ. Ngài đã chẳng chịu nghỉ ngơi và cũng chẳng xin thực phẩm bồi dưỡng thân thể. Ngoài thời gian thuyết pháp thì Ngài lại đi kinh hành, rồi tịnh tọa, khổ nhọc đến thế làm sao chịu được lâu dài?

Phú Lô Na cảm động đáp:

- Đa tạ các vị lưu tâm đến tôi. Chúng ta làm được chút ít cho Phật pháp đã cho là khổ nhọc mà chúng ta quên rằng như Đức Thế Tôn từ nhiều kiếp lâu xa đã tu hành, độ sanh, ngày ăn một hột mè, hột bắp, bô thí đầu, mắt, tủy, não thì sự cực khổ của chúng ta có sá gì. Sau những lúc thuyết pháp cho chúng sanh, tôi liền trở về bên Đức Phật để nghe lời Phật dạy và được nếm mùi vị cam lồ thì đó là thức bồi dưỡng tốt nhất cho huệ mạng của tôi. Tôi hành cước vân du các nơi, một ngọn cỏ, một cội cây đều làm cho tôi mỉm cười và ngọn núi con sông đều là niềm an ủi. Ánh sáng của Đức Thế Tôn thấm nhuần trên thân tôi và tâm Phật sống trong tâm tôi cho nên tôi chẳng biết khổ nhọc là gì. Các vị, lúc tôi thấy hàng vạn người quy y hướng Phật Đà, chấp tay đánh lễ thì tôi cầu nguyện nhiếp thọ những người ấy để ban cho họ lòng tin và sức mạnh.

Các tỳ kheo nghe xong đều sanh lòng khâm phục và chấp tay khen ngợi.

--- o0o ---

Thế Gian Là Quê Hương

Trong việc hoằng pháp lợi sanh thì tôn giả lấy thế gian làm nhà. Cuộc sống của Ngài thì nay đây mai đó, không có nơi chốn nào nhất định cả. Ban ngày thì ở đại lộ, đường hẻm hay trong thôn xóm để tùy duyên mà thuyết pháp. Chiều đến thì tọa thiền nơi núi non, rừng cây hoặc là bờ suối. Tôn giả không ở nơi nào cố định, đến đâu cũng xem là quê hương. Đôi khi, vì muốn Phật pháp thường trụ, Ngài cũng vận động kiến tạo tịnh xá hoặc giảng đường, nhưng khi xây cất xong Ngài thỉnh một vị tài đức trụ trì rồi lại lên đường đi nơi khác. Chẳng những Ngài không bao giờ xem những tịnh xá này là tài sản tư hữu của mình mà Ngài luôn luôn khuyên bảo và nhắc nhở chúng tăng đừng bao giờ lạm dụng của công mà tâm bất tịnh bởi vì tích tài thì tán đạo.

Phú Lô Na không cất chứa vàng bạc, ngoài ba y và một bình bát thì Ngài không đem theo món gì bên mình. Phú Lô Na không hề lưu ý về sự ăn mặc, ngoài ba y đã bạc màu, tôn giả không đắp y gấm vóc sang trọng và bình bát hòa duyên thì không phân biệt giàu nghèo, không chọn ngon dở, chỉ vừa đủ no là quá tốt. Tôn giả không nghĩ đến việc chọn lựa thức ăn để bồi dưỡng cho thân mình, mà đối với Ngài thực phẩm bổ nhất là cam lồ của Đức Phật.

Một hôm, khi Phú Lô Na đang đi nơi thành Câu Lợi thì gặp một người đồng hương. Người ấy làm lễ tôn giả và thăm hỏi:

- Tôn giả! Tôi nghe nói Ngài mỗi ngày vân du hành cước, bên ba mọi nơi như thế này, chẳng biết Ngài bận rộn chuyện gì? Từ khi xuất gia, tôi chưa thấy Ngài trở về quê thăm bà con, chúng tôi đều mong nhớ Ngài. Ngài xuất gia đã lâu, mà chẳng có một mảnh ruộng vườn trang trại, chẳng có chút gia tài nào. Vì đâu Ngài nghèo nàn đến vậy? Bao giờ Ngài mới trở về nhà?

Phú Lô Na cũng rất lễ phép đáp:

- Đa tạ! đa tạ! Hôm nay gặp ông thật cao hứng. Ông hỏi tôi mỗi ngày bận rộn điều gì ư? Tôi xin nói, mỗi ngày tôi bận lo cho chúng sanh lìa khổ được

vui. Đến nơi nào cũng là cố hương, cũng là thân quyến của tôi. Hiện tại tôi là đệ tử đức đại thánh Phật Đà. Ruộng vườn là giả tạo và gia đình tài sản là vô thường nên tôi không muốn nô lệ những thứ ấy. Tôi không thích bị mấy thứ hư dối ấy ràng buộc. Tôi thích đi hành cước và hoằng pháp mọi nơi. Tôi làm sứ giả cho chân lý và tôi vì chúng sinh mà chỉ dẫn cho họ con đường đến chánh giác. Xin ông vì tôi trở về cảm ơn những ai đã lo lắng cho tôi, Phú Lô Na này cũng sẽ giúp ích cho các ông và đến lúc cần về thì tôi sẽ trở về.

Người bạn đồng hương nghe xong thì nói thêm:

- Tôn giả! Xa cách lâu năm, tôi không ngờ sau khi theo Phật xuất gia, Ngài vẫn còn tích cực và nhiệt tình thì tràn đầy hơn bao giờ hết. Ngài hoàn toàn quên mình, mà vì mọi người. Tôi thật hết sức khâm phục. Khi Ngài trở về cố hương nhất định tôi sẽ hoan nghinh. Hoan nghinh Ngài đã đem ánh sáng của Đức Phật về cho quê hương chúng ta.

Tôn giả đáp :

- Đa tạ! Tôi sẽ y nguyện vọng của ông.

Phú Lô Na nói rồi lại tiếp tục lên đường đi nơi khác gieo hạt giống Bồ Đề.

Phương Pháp Và Tinh Thần

Hoằng Pháp

Phú Lô Na nổi danh là đệ nhất thuyết pháp bởi Ngài là một nhà truyền giáo vĩ đại vì khéo sử dụng những phương pháp hóa độ chúng sinh của Đức Phật như: phương tiện thuyết pháp, tùy bệnh cho thuốc, xem căn cơ dạy dỗ và sự lý viên dung. Có thể nói tôn giả là đệ tử duy nhất đạt được môn tam muội thuyết pháp của Đức Phật.

Tôn giả biết rằng thuyết pháp là hoàn toàn vì chúng sinh chứ không phải vì mình. Nói pháp là để cho chúng sinh nghe chứ không để cho mình nghe. Đạo lý cao siêu mầu nhiệm thì rất ít người hiểu được, do đó ở trước đại chúng tôn giả chỉ nói những đạo lý đơn sơ dễ dàng tiếp nhận mà thôi.

Gặp hạng người nào nên nói giáo pháp nào là sở trường của Phú Lô Na. Khi tôn giả gặp thầy thuốc liền hỏi:

- Các ông làm thầy thuốc có thể tạm thời trị lành những bệnh khổ vì thân, còn căn bệnh lớn tham sân si trong tâm người, các ông có phương gì trị liệu chăng?

Y sĩ trả lời:

- Chúng tôi chỉ có thể trị bệnh đau đầu, đau bụng, đau chân, nhưng không trị được bệnh khổ trong tâm. Vậy Ngài có biện pháp gì không?

Phú Lô Na khẳng định:

- Có! Giáo pháp của Đức Phật như giọt nước cam lồ có thể rửa sạch những dơ dáy trong tâm của chúng sanh và giới, định, tuệ sẽ như liều thuốc vạn linh có thể trị lành tâm bịnh Tham-Sân-Si.

Gặp thấy thuốc thì nói như vậy, còn gặp quan chức thì Phú Lô Na lại hỏi:

- Các ông làm quan, có thể trị tội phạm, nhưng các ông có cách gì trị người vô tội không?

Họ đáp:

- Tuy là quốc pháp, nhưng cũng chẳng thể trị phạt người vô tội.

Phú Lô Na giải thích:

- Ngoài quốc pháp, các ông và tất cả dân chúng nên phụng hành Phật pháp. Đạo lý của ngũ giới, thập thiện và pháp tắc luân hồi nhân quả. Nếu ai giữ đúng sẽ không hề phạm tội.

Ý của Ngài là về phần thân xác thì chúng ta vô tội vì chúng ta không vi phạm quốc pháp, nhưng còn phần tâm linh, nếu chúng ta không trì ngũ giới, không tu theo thập thiện nghiệp và tạo quá nhiều nghiệp chướng vì không tin vào luân hồi nhân quả thì chúng ta gây ra vô số tội rồi. Cho dù quốc pháp không thể trị những tội nghiệp ác này của chúng ta, nhưng nghiệp báo sẽ đưa chúng ta vào đường tam ác đạo. Đây là đạo lý chân thật.

Một hôm, Phú Lô Na đi ngang qua thôn xóm nọ thì gặp mấy người nông phu đang làm ruộng, Ngài bèn hỏi:

- Các ông làm ruộng, trồng lúa để nuôi thân. Tôi sẽ dạy các ông phương pháp canh tác ruộng phước để nuôi dưỡng huệ mạng, các ông có muốn không?

Người nông dân hỏi:

- Cày ruộng phước nuôi huệ mạng thì phải làm sao?

Ngài đáp:

- Tin Phật, phụng sự tam bảo, cung kính với sa môn, chăm sóc người bệnh, nhiệt tâm đối với những việc từ thiện lợi ích chung, hiếu thuận với cha mẹ, với làng xóm nên dầu điều xấu mà phở điều lành, đừng sát hại vô độ. Đó là cách tốt nhất để canh tác phước điền.

Tất cả nông dân đều chấp tay xin thọ lãnh lời dạy của tôn giả.

Phú Lô Na không có nơi chốn cố định. Khi thì diễn thuyết công khai giữa quần chúng, khi thì đến từng gia đình để thuyết pháp, lại có khi ngâm vịnh tán thán Đức Phật và có lúc lại hiện thân thông làm người phát tâm. Vì vậy giáo pháp của Đức Phật rất dễ được chúng sanh lãnh thọ.

Phú Lô Na khi thuyết pháp độ sanh, không cần sự cung kính, không mong được dễ dàng, thậm chí những nơi khó giáo hóa đến đâu, hay hẻo lánh đến đâu thì tôn giả cũng nhiệt tâm đến đó để truyền bá Phật pháp.

Một hôm, sau mùa an cư kiết hạ, Phú Lô Na nghĩ đến việc đi hoằng hóa, bèn đến thưa Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi cho phép con đến nước Du Lô Na thuyết pháp.

Đức Phật nghe nói, rất hoan hỷ, nhưng Đức Phật là nhà truyền giáo vĩ đại. Ngài biết chuyện ấy không phải dễ, nếu không tin chỉ cần đến một nơi như nước Du Lô Na thì sẽ biết sự thật. Thế Tôn nói:

- Phú Lô Na! Việc giáo hóa chúng sanh, lợi mình lợi người, ta rất vui hứa cho chí nguyện của ông. Ông đi giáo hóa các nơi ta đều an lòng. Nhưng ta bảo ông đi hoằng pháp không nhất định phải đi đến nước Du Lô Na. Tốt nhất ông nên chọn nơi nào khác rồi sẽ đi.

Phú Lô Na thưa:

- Vì có sao? Thưa Thế Tôn. Hễ nơi nào có chúng sanh đáng độ thì chẳng phải có thể đến đó dạy dỗ cho họ chăng?

Đức Phật giải thích:

- Phú Lô Na ! Du Lô Na là một nước nhỏ hẻo lánh, không có đường giao thông thuận tiện nên giáo hóa chẳng được như ý. Dân chúng tánh tình rất hung bạo, đánh chửi thành thói quen. Là người nước ngoài đến nước đó, chẳng lẽ ông không sợ nguy hiểm sao?

Nghe Phật nói như vậy, Phú Lô Na chỉ mỉm cười, nhưng biểu lộ chí nguyện cương quyết của mình, nên bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài từ bi thương tưởng chúng đệ tử, con không thể dùng lời diễn tả nỗi cảm kích. Con vì cảm động ân ấy mà hoan hỷ nguyện đem thân nhỏ mọn này phụng hiến cho Đức Phật, phụng hiến chánh pháp và tất cả chúng sanh. Chính vì Du Lô Na là một nước biên địa hoang dã, trước đây chưa Ngài nào phát tâm giáo hóa, nên con mới nghĩ rằng không đến đó không xong. Đến đó, con cũng biết có tất cả nguy hiểm theo bên mình, nhưng vì muốn tuyên dương chánh pháp, thì sự an nguy của một cái thân bé nhỏ của con không phải là một vấn đề cần yếu. Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi cho phép, dung từ quang nhiếp hộ con, cho phép con đi khai mở một cõi tịnh độ nhân gian.

Trên gương mặt Đức Thế Tôn lộ vẻ an tường và rất mực từ bi. Ngài rất hài lòng về việc vì pháp quên mình của Phú Lô Na, nhưng Đức Thế Tôn muốn nhân cơ hội này để giúp cho tất cả đệ tử khác thấu hiểu hành động cao cả, vì đạo, vì pháp của Phú Lô Na nên Ngài thân thiết hỏi Phú Lô Na:

- Phú Lô Na! Ông nói đúng, làm đệ tử ta, hoằng pháp là việc tu hành trọng yếu thứ nhất. Nhưng ta hỏi ông, ông đến nước Du Lô Na , nếu họ không chấp nhận ông mà lớn tiếng chửi mắng thì ông làm sao?

Phú Lô Na thưa:

- Bạch Thế Tôn! Họ chửi mắng con, con vẫn thấy họ còn tốt vì họ chưa lỗ mãng đến nỗi dùng roi gậy đánh đập con.

Phật hỏi tiếp:

- Nếu họ dùng nắm tay, gạch ngói, roi gậy đánh đập ông thì sao?

Ngài đáp rằng:

- Con vẫn thấy họ còn tốt, chưa đến nỗi đâm chém con.

Phật lại hỏi:

- Nếu như họ dùng dao búa thì làm sao?

Phú Lô Na thưa:

- Con cũng cho họ rất tốt vì họ còn tình người chưa đến nỗi giết con.

Phật lại hỏi:

- Nếu như họ giết ông chết?

Phú Lô Na bạch Phật rằng:

- Nếu thế con cảm ơn họ đã giết sắc thân của con để hỗ trợ cho đạo nghiệp của con. Họ giúp con đem sanh mạng báo đáp ân đức của Thế Tôn. Điều ấy đối với con tuy không có trở ngại chỉ sợ di hại ảnh hưởng không tốt cho họ mà thôi.

Đức Phật rất hoan hỷ, khen ngợi tôn giả:

- Phú Lô Na ! Ông thật xứng đáng là đệ tử hạng nhất của ta. Với tâm nhẫn nhục thì ông sẽ an bình, ta sẽ đưa ông lên đường.

Phú Lô Na được Phật khuyến khích nên rất cảm động, lòng từ bi và tâm Bồ Đề phát khởi mạnh mẽ trong Ngài. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong, Ngài thẳng đường đến nước Du Lô Na giữa những tiếng hoan nghinh của chúng tỳ kheo.

Sau khi cáo biệt đức Phật và tăng đoàn, Phú Lô Na một mình bước chân mãi miết đi về hướng Đông Bắc đến nước Du Lô Na. Nước Du Lô Na đất xấu dân nghèo, chỗ nào không có núi cao thì cũng có nước sâu. Phong thổ của đất nước này thì hơi giống như nước Mông Cổ. Khắp nơi không có đô thị phồn hoa, mà nhân dân chỉ sinh sống bằng nghề săn bắn, ăn lông ở lỗ và rất ít xóm làng đông đúc.

Khi tôn giả mới đến, Ngài không vội giáo hóa thuyết pháp ngay, mà Ngài cố gắng lo học cho được ngôn ngữ của xứ Du La Nô này rồi phải thấu hiểu phong tục địa phương thì việc hoằng pháp mới mong thành công được.

Tiếng nói của người dân Du La Nô thì không mấy cách biệt, nhưng khi mọi người thấy Ngài đáp y và mang bình bát thì họ nhìn Ngài với cặp mắt kỳ quái. Đối với một nước văn hóa lạc hậu như nước này thì đem giáo lý cao siêu của Đức Phật ra giảng thì không bao giờ thành công được, nên Ngài chuyển sang cải thiện đời sống của nhân dân trước đã. Thật vậy, hoằng pháp không ra ngoài sinh hoạt của thế gian. Do đó, trong lúc ban sơ, Ngài không cho họ biết thân phận của một vị tu sĩ mà chỉ làm việc như một ông thầy thuốc mà thôi. Hằng ngày, Ngài lo thăm bệnh cho mọi người không kể là họ ở đâu, xa xôi cách trở, cho dù phải trèo non lặn suối. Hễ nơi đâu có người bệnh hoạn rên xiết thì Ngài đến không kể ngày đêm. Vì vậy, đâu đâu người bệnh thấy Ngài như thấy vị cứu tinh và cho dù bệnh nặng đến đâu cũng thoát khỏi.

Ngoài tư cách là vị lương y, Ngài còn là một nhà giáo dục đại tài. Hàng ngày Ngài dạy họ cách trồng trọt để dự trữ thức ăn vào mùa lạnh, dạy họ học hành chữ nghĩa và sau cùng giảng giải cho họ thấu hiểu về nhân quả báo ứng của ngũ giới, thập thiện. Chẳng bao lâu, dân nước Du Lô Na có cuộc sống khá hơn và tất cả đều quy y theo Phật. Chính tại nơi đây, tôn giả đã thu phục 500 đệ tử và thành lập 500 ngôi tịnh xá.

Tôn giả tuy thân đi hoằng pháp khắp mọi nơi, nhưng tâm luôn luôn ở bên Phật. Mỗi lúc gặp Khánh đản của Phật, hoặc Thế Tôn mở đại hội giảng kinh, dù ở xa ngàn dặm, thì tôn giả vẫn về bên tòa để dự thính pháp âm và thăm viếng thưa hỏi Đức Thế Tôn.

Ngày nọ, Thế Tôn trên pháp tòa nhìn xuống thấy Phú Lô Na đang cùng đại chúng đánh lễ, Ngài mỉm cười hỏi:

- Phú Lô Na! Ông về đấy à! Đại chúng đều lo lắng cho ông! Ông giúp ta tuyên dương chân lý. Về phương diện tinh thần, ông đã xác định lòng tin vững chắc nơi tam bảo, ông đã tu dưỡng đầy đủ từ bi, trầm tĩnh, tài trí, dũng cảm. Còn về mặt thể chất ông đã tu luyện thân thể khỏe mạnh, phẩm hạnh cao, phong độ xuất phạm, âm thanh bén nhạy và biện tài đều hoàn bị. Phú Lô Na, ta rất hài lòng về việc giáo hóa cho nước Du Lô Na của ông.

Đức Phật ngưng một chút, rồi lại bảo đại chúng:

- Các tỳ kheo! Trong hàng đệ tử ta được như Phú Lô Na mới xứng đáng với danh xưng đệ nhất thuyết pháp. Các ông nên noi theo gương của Phú Lô Na.

Các vị tỳ kheo nghe Phật dạy, đều quay về Phú Lô Na tán thán, đánh lễ, khen ngợi, chúc mừng. Phú Lô Na một mặt cảm thấy e ngại, một mặt lại được cổ động tinh thần.

Thuyết Pháp Cho Vua Tân-Bà Sa-La

Khi nói về thần thông biến hóa thì Phú Lô Na cũng không thua kém gì Mục Kiền Liên. Một hôm Thái tử A Xà Thế của nước Ma Kiệt Đà hạ lệnh nhốt vua cha là Tân Bà Sa La vào ngục để soán ngôi. Đức Thế Tôn liền sai Phú Lô Na và Mục Kiền Liên bay vào trong ngục thuyết pháp và trao giới bát quan cho nhà vua.

Nhà vua ở trong ngục, bị Thái tử cấm chỉ không cho người mang thức ăn vào. Đối với đứa con ngỗ nghịch này, nhà vua càng can tâm và tự an ủi cho rằng đây chỉ là nghiệp báo của nhân duyên quá khứ mà thôi. Càng chịu tai ương khôn khổ, nhà vua càng nhớ đến lời Phật dạy: “Trời đất, trăng sao, núi Tu Di, biển lớn còn không thể trường tồn. Có thành ắt có bại, có thịnh ắt có suy, có hợp sẽ có tan, có vui phải có buồn và hết vui thì đến khổ. Trên thế gian chẳng có niềm vui nào là vĩnh cửu mà chỉ có khổ là miên man vô cùng vô tận”.

Tuy nhà vua nghĩ như vậy, nhưng cũng không thể hoàn toàn buông bỏ, nên mỗi khi nghĩ tới mạng sống của mình thì lấy làm âu lo sầu muộn.

Phú Lô Na và Mục Kiền Liên bay qua mấy tầng ngục tối om, đen kịt và không khí nặng nề như mồ chôn tử thi. Khi đến phòng giam Tân Bà Sa La, Phú Lô Na ngồi kế bên nhà vua, nói nhỏ:

- Đại Vương! Tôi vâng lời Phật đến đây. Phật dạy tôi nói với đại vương rằng sắc thân này là do nghiệp lực chiêu cảm, rốt cuộc rồi chịu khổ báo. Nghiệp quả nên để nó kết liễu. Người tu đạo cần yếu là có thể tiêu diệt nghiệp báo để được giải thoát. Người bị giam trong ngục bị trói buộc mất hết tự do. Thật ra người chưa vào ngục mà bị tiền tài, danh lợi, sắc đẹp làm cho khổ thì khác chi như người đang ở tù. Thế giới Ta Bà, đều là một thứ ngục lớn. Cho dù có ngôi tù hay không thì ai ai cũng không thoát chết, cho nên cái chết chẳng phải là điều đáng kinh hãi. Lúc sống thì hồ đồ cầu thả thì khi chết làm sao tìm được nơi an lành để về. Phật dạy nên xưng danh hiệu

Phật A Di Đà để phát nguyện vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Đó mới là một cõi nước an lành tự do giải thoát.

Vua Tân Bà Sa La nghe lời tôn giả nói xong thì trong lòng rất an ổn như vừa thấy được ánh sáng của vấn đề sống chết. Và sau đó nhà vua an tịnh mà sanh lên cõi trời.

Phú Lô Na đối với việc cứu độ chúng sinh khổ nạn thì không ai bì kịp. Ngài quả xứng đáng là đệ nhất thuyết pháp vậy.

--- o0o ---

Đức Phật Thọ Ký Cho Vị Lai Tôn Phật

Một hôm trong Pháp hội, Đức Phật nói rất nhiều về bốn sự nhân duyên tiền kiếp, Phú Lô Na nghe xong rất cảm động, liền từ tòa đứng dậy, sửa lại cà sa cho chỉnh tề rồi đến trước Phật đánh lễ sát đất và chí thành chiêm ngưỡng từ nhân Đức Thế Tôn. Ngài nghĩ đối với công đức cao vợi của Đức Phật không thể dùng lời mà xưng tán cho được, nên Ngài dùng hai tay vỗ vào ngực và mong rằng Thế Tôn sẽ hiểu rõ bốn nguyện thâm ý của mình.

Đúng là dùng tâm ấn tâm, Đức Phật hiểu ý Phú Lô Na liền nói:

- Phú Lô Na! Ông tinh tấn tu đạo, tùy lúc tùy nơi hỗ trợ ta tuyên dương chân lý, khai thị giáo hóa mang lợi ích cho chúng sanh được hoan hỷ. Trong hàng thuyết pháp, ông là đệ nhất. Trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp sẽ thành Phật tại thế giới này với danh hiệu là Pháp Minh Như Lai.

Đức Phật thọ ký xong thì Phú Lô Na đạt được pháp hỷ. Ngài không thể nói hết sự cảm kích của mình nên tôn giả trang nghiêm cung kính đánh lễ Phật. Ngài đi nhiều bên hữu ba vòng rồi mới trở về tòa ngồi và mắt rơi lệ vì cảm động.

Chúng tỳ kheo nghe tin Ngài tương lai sẽ thành Phật thì vừa vui mừng vừa kinh ngạc. Họ vui mừng vì thấy được vị Phật tương lai, nhưng kinh ngạc vì Phú Lô Na chỉ là một vị A La Hán chứ chưa thành Bồ Tát thì làm sao lại được Đức Phật đích thân thọ ký?

Đức Phật biết điều ấy liền bảo đại chúng:

- Các tỳ kheo! Các ông có thấy ta vừa thọ ký cho Phú Lô Na chăng? Vì ông ấy giỏi thuyết pháp nên tương lai sẽ ở quốc độ này thành Phật hiệu là Pháp Minh. Các ông cũng nên xưng tán Phú Lô Na. Ta thường khen ông ấy là bậc nhất trong hạng người thuyết pháp. Ông ấy thâm nhập biển Phật pháp, luôn làm lợi ích cho tất cả người đồng tu học đạo. Trừ Đức Phật, không ai có thể biện bác ngôn luận như ông. Các ông chớ tưởng rằng Phú Lô Na chỉ giúp ta tuyên thuyết chánh pháp, mà ông ấy ở thời quá khứ khoảng 90 ức cõi Phật đều hộ trì trợ tuyên Phật pháp và đều được xưng là đệ nhất thuyết pháp. Vì thế các ông nên noi theo gương của Phú Lô Na.

Sự vinh hạnh được Đức Phật thọ ký cho Phú Lô Na thì còn hơn là đem mũ báu bằng trân châu anh lạc đội cho Ngài. Từ đó địa vị của tôn giả là bậc đạo sư trong thiên hạ.

Phú Lô Na tương lai thành Phật, nhưng cõi Phật của Ngài sẽ như thế nào?

Cõi Phật của Phú Lô Na sẽ không còn phân chia chủng tộc, không phân biệt mạnh yếu, không oán thù, không có kẻ nghịch, không có trộm cướp giành giựt, xâm chiếm. Mọi người tôn kính lẫn nhau và ca ngợi lẫn nhau. Lúc ấy không còn gọi là thế giới Ta Bà, mà là một cõi thiện tịnh, giống như cõi Tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà vậy.

Lời Phật dạy hoàn toàn chân thật. Từ xưa tới nay, lời của Phật không hề hư dối. Phú Lô Na dùng sự nghiệp thuyết pháp đề trang nghiêm cõi tịnh của mình và điều ấy là một khích lệ lớn lao đối với người đã vì Phật mà tuyên hóa chân lý.

--- o0o ---

Chánh Pháp Là Pháp Thân Phật

Thời gian như nước chảy vô tình và năm tháng theo vô thường mà luân lưu chuyển biến. Xuân hoa, thu nguyệt, hạ nóng, đông lạnh thì ứng hóa thân của Thế Tôn cũng theo thời gian mà biến đổi. Mặc dù biết trước ba tháng trước khi Đức Phật nhập diệt, nhưng tôn giả Phú Lô Na, vì hoàng dương đạo pháp ở nước ngoài, nên khi nghe tin Thế Tôn nhập diệt thì cũng không về kịp để thấy Thế Tôn lần cuối. Tôn giả cùng chư đệ tử đều rất đỗi bi ai và vội vàng về thành Câu Thi Na để thọ tang, nhưng khi về đến nơi, thì Kim thân của Đức Thế Tôn đã được trà tỳ. Phú Lô Na ngoài mối thương tâm ấy, còn rất quan tâm đến giáo pháp của Phật. Thật vậy, chính tôn giả biết rằng giáo pháp chính là pháp thân Phật.

Biết được tôn giả Đại Ca Diếp cùng với 500 vị A La Hán cùng nhau kết tập kinh điển lần thứ nhất tại núi Kỳ Xà Quật. Sáng sớm hôm sau, Phú Lô Na vội đến tham dự, lúc ấy cuộc kết tập đã gần xong. Thấy Ngài đến, tôn giả Đại Ca Diếp rất vui mừng nói:

- Tôn giả! Ngài đến rất đúng lúc. Chúng tôi kết tập giáo pháp của Phật gần xong, đang chờ ý kiến của Ngài.

Phú Lô Na lắng nghe tử mỹ phân kết tập và đáp:

- Thưa chư tôn giả! Các vị kết tập giáo pháp như thế này khiến mọi người cảm phục. Về nội dung toàn bộ tôi không có gì bàn bạc thêm, nhưng về phần luật tạng có liên hệ đến 8 pháp ẩm thực mà quý vị đã ngăn cấm, tôi khó mà đồng ý bởi vì điều ấy trái với bản ý của Phật. Hiện tại các vị cấm tám việc như: chứa thức ăn trong phòng, nấu nước trong tự viện, tự lấy thức ăn, từ chỗ khác đem thức ăn về, ăn các thứ trái cây và ăn những vật thực sản từ hồ ao. Nếu cấm tám điều ấy thật là bất tiện cho các nhà tu trong tăng đoàn bởi vì gặp lúc lúa bắp khan hiếm, gặp thời đói khổ khi đi xin không được thức ăn. Chính Đức Phật cho phép tám việc trên.

Ngài Đại Ca Diếp là vị trưởng lão oai quyền trong đại chúng. Từ trước đến nay chưa ai dám đưa ra ý kiến khác biệt với Ngài, tuy trong tâm họ có đôi chút không vui mà ngoài mặt vẫn thân nhiên như thường. Phú Lô Na cũng là vị trưởng lão cao đức nên mới đưa ra điều này. Đại Ca Diếp nghe xong, nghiêm túc đáp rằng:

- Điều đó đúng, Đức Thế Tôn cho phép tám việc ấy, nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt mới chấp thuận mà thôi.

Cả hai tôn giả đều biện luận cho lý của mình, rốt cuộc họ không giải quyết được là nên cấm hay không. Cuối cùng Phú Lô Na đành nói:

- Đã không có biện pháp khác thì từ đây tôi chỉ giữ y theo những điều tự thân nghe Phật nói và theo sự lãnh ngộ của tôi.

Phú Lô Na nói xong lại lên đường tiếp tục hành trình hoằng pháp. Phú Lô Na nhập diệt ở đâu và lúc nào thì kinh điển Phật giáo không có tài liệu khảo cứu mà chúng ta chỉ biết rằng sau khi Đức Phật nhập diệt thì Ngài vẫn nhiệt tâm đi giáo hóa khắp nơi. Ngài luôn luôn lưu tâm đến Phật pháp và lúc nào cũng vì đại chúng mà mưu cầu hạnh phúc. Trong cuộc kháng nghị với tôn giả Đại Ca Diếp, chúng ta thấy Đại Ca Diếp luôn luôn giữ đúng y pháp mà

ngày nay được gọi là bảo thủ còn Phú Lâu Na thì đứng về phương diện tự do, uyển chuyển tùy theo hoàn cảnh mà thời nay chúng ta gọi họ là người cấp tiến. Sau cùng trong thời ma cường pháp nhược này, chúng ta tìm đâu ra một tinh thần và nhiệt tình hoằng hóa lợi sinh như Ngài Phú Lâu Na

--- o0o ---

17. Tôn giả A Na Luật

(Đệ nhất thiên nhân)

A Na Luật sinh ra trong dòng dõi vua chúa. Khi tuổi còn nhỏ, A Na Luật là một đứa trẻ thiên tư hoạt bát và rất thông minh mắn tiệp. Đến tuổi trưởng thành, A Na Luật là một thanh niên tướng mạo đường đường và bắt đầu hiểu được ý nghĩa cuộc đời.

Nhắc lại sau khi thành đạo thì đức Phật trở về cung thành Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp giáo hóa và sau đó thì con Phật là La Hầu La cũng xuất gia theo Phật. Vua Tịnh Phạn bèn lập Bạt Đề lên làm Thái tử để kế nghiệp mai sau. Về sau Thái tử Bạt Đề cùng với sáu vị vương tử khác đi xuất gia, thành thử khi vua Tịnh Phạn băng hà thì anh của A Na Luật là đại tướng Ma Ha Nam lên nối ngôi.

Sức cảm hóa của Thế Tôn quá mạnh, nên sau chuyến về thăm phụ vương và gia đình thì chẳng bao lâu trong hoàng tộc rất nhiều người xuống tóc quy y theo Phật. Trước tiên là Nan Đà, người sẽ thay Phật làm vua tương lai, theo Phật làm sa môn, kế đến là La Hầu La làm sa di. Điều này làm chấn động những vương tử thanh niên trong thành. A Na Luật cũng nằm trong tình trạng ấy vì chính ông cũng muốn xuất gia theo Phật.

Trong lúc còn đang băng khuâng, A Na Luật tìm đến anh là Ma Ha Nam mà nói:

- Thưa anh! Đức Phật trở về hoàng cung khiến cho mấy ngày gần đây, dòng họ Thích Ca chúng ta nhiều người cũng xuất gia làm sa môn để đem cam lồ pháp vũ của Phật truyền đi khắp tứ phương. Theo em nghĩ đó là một cuộc sống đầy ý nghĩa. Thái tử Nan Đà tuy có vợ đẹp là Tôn Đà Lị mà còn bỏ để gia nhập tăng đoàn. Còn La Hầu La nhỏ tuổi như vậy mà cũng xuất gia học đạo. Hai anh em ta nếu không có một người xuất gia thì thật là bất ổn. Vậy ý anh như thế nào? Đại tướng Ma Ha Nam anh dũng đã lập nhiều chiến công với quốc gia, nghe em nói bèn trả lời:

- A Na Luật! Lời nói của em giống anh. Hai anh em mình nhất định phải có một người đi xuất gia mới đúng cách. Anh định bàn với em, từ nay em hãy lo hiếu dưỡng cha mẹ để anh theo Phật làm sa môn.

A Na Luật lắc đầu không chịu:

- Anh không thể xuất gia được, nước nhà rất cần anh. Tuy em cũng biết võ công nhưng sánh với anh thật là thua xa. Xin anh hãy để em xuất gia, thêm nữa tính em thì thích hợp với lối sống tịch tịnh của tăng đoàn vì em không ưa chỗ ồn ào náo nhiệt cũng như nhàm chán ngũ dục của hoàng cung.

Ma Ha Nam đành phải nhượng bộ trước lập luận của em mình, nhưng từ khi La Hầu La xuất gia thì Đức Phật đã hứa với vua Tịnh Phạn là trẻ em dưới tuổi vị thành niên mà muốn xuất gia phải có sự chấp thuận của cha mẹ. Vì thế A Na Luật chỉ còn cách là năn nỉ với vương phụ và vương mẫu để cho mình được gia nhập tăng đoàn làm tỳ kheo.

Cho dù đôi ba phen nài nỉ, A Na Luật vẫn bị từ chối nên cuối cùng ông định tuyệt thực cho đến chết. Cha mẹ A Na Luật vì thương con mà phải chịu, nhưng nói:

- Nếu như con muốn xuất gia thì hãy thương lượng với vương tử Bạt Đề. Nếu Bạt Đề xuất gia thì chúng ta cho con đi chung bằng không thì đừng đòi hỏi trông mong nữa.

Thuyết phục vương tử Bạt Đề đi xuất gia không phải là chuyện dễ bởi vì sau khi La Hầu La làm sa di thì vương tử sẽ kế ngôi vua xứ Ca Tỳ La Vệ khi vua Tịnh Phạn băng hà. Mặc dầu việc khó như thế, nhưng A Na Luật vẫn đem ý định xuất gia nói và rủ Bạt Đề cùng xuất gia với mình.

Đối với việc từ bỏ dục lạc, vinh hoa phú quý của cuộc đời để xuất gia tu đạo thì Bạt Đề cảm thấy rất khó, nhưng đối với chỗ thân tình như A Na Luật thì khó mà từ chối thẳng nên Bạt Đề suy nghĩ giây lát rồi miễn cưỡng trả lời:

- A Na Luật! xuất gia làm tỳ kheo chẳng còn được lưu luyến dục lạc thế gian, ta và em đều còn trẻ làm sao đủ sức chịu nổi? Em hãy đợi vài năm, chúng ta hưởng hết những thú vui vương giả. Bảy năm sau ta sẽ xuất gia với em.

Rõ ràng là Bạt Đề khéo léo từ chối, nhưng A Na Luật đôi ba phen nói rõ niềm vui của cuộc đời xuất gia nên Bạt Đề hẹn từ bảy năm xuống còn một

năm. Rồi từ một năm xuống còn một tháng và cuối cùng từ một tháng giảm còn 7 ngày.

Bảy ngày sau, A Na Luật cùng Bạt Đề và năm vị vương tử khác là A Nan, Đề Bà, Kiếp Tân Na, Bà Sa và Nan Đề đồng lén bỏ nhà ra đi tìm những con đường Phật thường đến du hóa. Khi đến mé rừng thuộc làng Di Na, các vương tử cởi bỏ y phục, bảo Ưu Bà Ly cạo hết râu tóc, khoác áo cà sa và tìm đến yết kiến Phật.

Đức Phật chưa cho gia nhập tăng đoàn ngay mà bảo họ đến ở trong tịnh thất để tịnh tọa một tuần lễ cho quên hết thân thế cao sang của mình rồi sau mới chính thức cho xuất gia và ra mắt đại chúng.

--- o0o ---

Từ Chối Thiếu Nữ Cầu Hôn

Sau khi xuất gia, A Na Luật thường nghe giảng kinh điển, làm quen với lối sống đạm bạc và đối với lời dạy của Đức Phật thì hoan hỷ phụng hành.

Tuy chưa chứng thánh quả nhưng được kích động bởi niềm vui Phật pháp cũng như muốn báo ân đức Phật đã cho xuất gia nên A Na Luật dự định làm một chuyến giáo hóa phương xa. Đức Thế Tôn rất hoan hỷ và khuyến khích tôn giả cần phải có nhiệt tâm hoằng pháp lợi sanh. Vì trong khi làm việc độ sanh là phương cách nuôi lớn tín tâm mà tín tâm có mạnh thì mới có thể hy vọng khai ngộ chứng quả thánh được.

Một ngày nọ, A Na Luật từ tịnh xá Kỳ Viên đi đến nước Kiền Tát La. Trong suốt đoạn đường không có chỗ nào cho tỳ kheo tạm trú, A Na Luật không còn cách nào khác hơn là xin ngủ nhờ nhà dân chúng. Trong chốn đồng quê vắng vẻ và làng xóm lưa thưa, A Na Luật ghé lại một ngôi nhà có vẻ rộng rãi để xin tá túc qua đêm. Thật chẳng ngờ hôm ấy cả nhà đi vắng hết chỉ còn một cô gái trẻ tuổi ở nhà mà thôi. A Na Luật bị đặt vào hoàn cảnh tấn thối lưỡng nan vì một tỳ kheo mà lại nghỉ đêm tại ngôi nhà chỉ có một người thiếu nữ thì quá bất tiện mặc dù Đức Phật chưa chế giới đề cập đến điều này, còn ra đi thì ngoài trời mây đen phủ kín như sắp mưa to. A Na Luật không biết làm sao đành phải xin ở lại. Trong khi A Na Luật vào nhà không lâu thì có một ông già lờ đờ ghé vào xin tá túc nhưng cô chủ nhà quyết liệt từ chối. Thấy cô đối xử với ông già không chút lễ độ cũng không có tình người, A Na Luật không mấy hài lòng.

Ngược lại thiếu nữ đối với A Na Luật rất ân cần, mời trà mời nước cũng như hỏi gần hỏi xa. A Na Luật chỉ ngồi tịnh tọa, nhất tâm niệm Phật và mong cho trời sáng để đi khỏi nơi này.

Đến nửa đêm, ánh đèn dần dần mờ ảo, mông lung. Thiếu nữ đến bên A Na Luật thốt lời tình tứ:

- Em biết thầy là một sa môn và đối với sa môn mà có ý nghĩ này nọ thì không phải, nhưng từ khi em gặp thầy thật khó ngăn được cảm tình. Xin thầy hãy tin em, em không phải là hạng gái trác nét trắng hoa, rất nhiều công tử đến cầu hôn mà em chẳng nhận lời ai. Em thấy thầy dung mạo thanh tân, hành vi đoan trang nên em không sợ xấu hổ mà xin nguyện tự đính hôn ước với thầy. Từ nay mời thầy cứ ở lại nhà em, ba má em nhất định rất vui mừng đấy ạ.

A Na Luật vốn dòng dõi vương tôn anh tuấn, đối với chuyện ái tình của các cô thiếu nữ, A Na Luật cũng có chút kinh nghiệm. Vốn từ thời còn ở hoàng gia, cũng có nhiều công nương bao vây xin cầu hôn, tuy nhiên A Na Luật nhận thấy ái tình chẳng vui sướng gì vì thế A Na Luật không hề bị nhiễm dục mê hoặc. Đối với A Na Luật thì chỉ có tu đạo mới thật là niềm vui an ổn nhất.

Khi lửa ái tình của thiếu nữ bộc phát thì khó mà dập tắt ngay nên A Na Luật chỉ còn cách là nhắm nghiền đôi mắt, không ngó ngang thì cô ta mắc cỡ mà lui ra. Nhưng cô nàng lại có ý đồ bất chánh, liền tiến tới nắm tay tôn giả. A Na Luật vẫn ngồi yên như một quả núi không nhúc nhích khiến cô nọ dạn dĩ ôm choàng lấy Ngài. Lúc ấy A Na Luật mới trừng mắt nhìn cô ta trách rằng:

- Này cô nương! Cô không mắc cỡ sao? Nam nữ còn không thể làm như vậy. Huống chi tôi là người xuất gia, sao cô lại đối với tôi chẳng có chút lễ độ?

Tình ái của nam nữ trên thế gian là nguồn gốc của bể khổ sanh tử để gây ra đủ thứ phiền não, thị phi và rối rắm. Cô hãy dẹp tắt lửa tình của cô và hãy nhìn lại lòng mình.

Lời nói nghiêm nghị của A Na Luật khiến thiếu nữ hổ thẹn cúi đầu hối hận. Sau đó, xin A Na Luật tiếp dẫn cho mình quy y Phật làm Ưu Bà Di (tín nữ).

Tình cảm nam nữ là tập quán của loài người, nhưng người tu chân chính phải vượt khỏi tính người tầm thường thì mới tiếp thọ được tính Phật cao

siêu màu nhiệm. Từ đó về sau A Na Luật không dám ngủ lại ban đêm ở nhà nhân gian.

--- o0o ---

Bị Mù Vì Lời Nguyện

Đạo tâm của A Na Luật rất kiên cố cho dù gặp sắc đẹp mà cũng không xao động. Nhưng một hôm trong một buổi giảng kinh của Thế Tôn, A Na Luật ngủ gục tại tòa làm Đức Thế Tôn ở xa nhìn thấy bèn nói:

Dốt thay kẻ mê ngủ

Thu mình trong vỏ sò

Một giấc ngủ ngàn năm

Không nghe danh hiệu Phật.

Người tỳ kheo kể bên bên xô nhẹ A Na Luật làm tôn giả hoảng kinh thức dậy, Đức Thế Tôn bèn hỏi:

- A Na Luật! Ông đi xuất gia vì sợ phép nước hay vì sợ đạo tặc?

A Na Luật vội đứng lên cung kính thưa:

- Thưa không phải.

Phật lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì con nhàm chán sanh lão bệnh tử và muốn giải thoát ưu bi khổ não.

Phật dạy:

- Mọi người đều khen ông không vì nữ sắc mà phạm giới, chắc ông tự mãn điều ấy lắm, ông xem, trong khi ta thuyết pháp mà ông ngủ ngon như vậy.

A Na Luật nghe Phật quở liền quỳ xuống chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Xin từ bi lượng thứ cho sự ngu si giải đãi của con. Từ nay về sau, cho đến lúc chết con không ngủ trở lại nữa!

Đối với đệ tử biết nhận lỗi sám hối thì Đức Phật rất hoan hỷ. Kể từ khi A Na Luật phát nguyện, Đức Phật thường cố động an ủi và khuyên tôn giả nên gắng dụng công vì việc tu hành mà muốn thành tựu thì không thể buông lơi và dĩ nhiên cũng không thể quá gấp rút. Từ đó về sau A Na Luật dụng công chăm chỉ từ sáng đến tối và từ đêm đến ngày không ngừng nghỉ.

Khi tu hành mà không ngủ một lúc, hoặc một hai ngày thì chẳng sao, nhưng lâu ngày chày tháng, tuy sức người có thể miễn cưỡng cầm cự được, nhưng sắc thân tứ đại sẽ bị kiệt quệ và mang bệnh. Quả thật ít lâu sau, vì không ngủ nghỉ gì cả, hai mắt của A Na Luật bị sưng húp làm cho nhức nhối khó chịu.

Đức Phật biết tôn giả chuyên cần dụng công đến sưng mắt nên Ngài rất lo lắng. Một hôm Đức Phật cho gọi A Na Luật vào rồi dạy:

- A Na Luật! Ta nói với ông tu hành mà gấp rút thì không xong mà thái quá thì cũng không được.

A Na Luật thưa:

- Con đã từng phát nguyện trước Đức Thế Tôn nên con không thể làm trái lời nguyện.

Phật dạy:

- Ông đừng quan tâm đến vấn đề phát nguyện, con mắt mới quan trọng.

Tuy Đức Phật từ bi nói như vậy, nhưng A Na Luật vẫn không chịu ngủ. Đức Phật lại tìm phương tiện nói:

- Nay A Na Luật! Tất cả chúng sinh phải có thức ăn mới sống, còn lỗ tai dùng âm thanh làm thức ăn, lỗ mũi dùng mùi hương làm thức ăn, lưỡi dùng vị nếm làm thức ăn, thân dùng xúc chạm làm thức ăn và con mắt dùng ngủ nghỉ làm thức ăn. Ông không ngủ không được vì con mắt sẽ thiếu nhu cầu mà ngay cả Niết Bàn cũng cần đến thức ăn hưởng chi con mắt.

A Na Luật thưa:

- Niết Bàn ăn những gì?

- Niết Bàn cần dùng thiền duyệt pháp hỷ làm thức ăn vì thiền duyệt sẽ đưa đến được cảnh giới vô vi tịch tịnh.

A Na Luật bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không ngủ cũng chẳng hại gì, xin Ngài cứ yên tâm!

Lòng từ bi của Phật, A Na Luật rất cảm kích, nhưng tôn giả không muốn làm trái lời nguyện. A Na Luật cứ thức mãi đến lúc đôi mắt sưng đỏ, Đức Thế Tôn thấy thế bèn cho mời ngự y Kỳ Bà đến trị bệnh cho tôn giả. Kỳ Bà khám bệnh xong bảo A Na Luật chỉ cần ngủ trở lại thì mắt sẽ lành ngay, nhưng A Na Luật vẫn kiên quyết không ngủ. Chẳng bao lâu hai mắt của tôn giả trở thành mù lòa không còn thấy gì cả.

A Na Luật đã chứng minh rằng với quyết tâm sắt đá và tâm nguyện tu đạo kiên cố cho dù phải hy sinh đôi mắt mà vẫn không lùi bước để trái với lời nguyện của mình. Đức Phật chỉ nói một câu mà tôn giả đã phụng hành như thế thì đủ biết lòng cung kính của tôn giả đối với Đức Phật như thế nào.

--- o0o ---

Đức Phật Vá Y Cho A Na Luật

Từ khi trở thành mù lòa thì cuộc sống của A Na Luật bỗng trở thành vô cùng khó khăn, ngay cả những việc bình thường như vá y hay đi khát thực.

Trong tăng chúng có nhiều vị tỳ kheo khỏe mạnh thì mỗi khi đi khát thực về thường đem phần cơm dư chia cho các tỳ kheo bệnh thành thử đối với việc ăn uống thì A Na Luật cũng tạm yên tâm. Từ khi bị mù lòa, không trông thấy mọi vật khiến A Na Luật không còn bị ngoại cảnh làm lay động nên tôn giả một lòng chỉ chú tâm tinh tấn mà tu đạo.

Một hôm, ba y của A Na Luật đã rách nát và mấy lần tôn giả định vá lại, nhưng con mắt không thấy đường thì làm sao xỏ kim. Đang lúc còn đang bâng khuâng thì gặp lúc A Nan đi ngang qua. A Nan thấy vậy mới nói:

- Này anh A Na Luật! Ba y của anh rách hết rồi sao không vá lại. Đức Phật có dạy là y phục mới hay cũ không cần, nhưng cần phải chú trọng cho tề chỉnh sạch sẽ.

A Na Luật trả lời:

- Thưa anh A Nan! Tôi đã thử vá mấy cái y, nhưng con mắt tối đen không xỏ chỉ được, nếu anh có rãnh đến giúp tôi một phen được chứ?

A Nan rất hoan hỷ nhận lời và hẹn ngày đến vá y.

A Nan về đến tịnh xá Kỳ Viên định tìm thêm một vị tỳ kheo nữa để giúp A Na Luật, nhưng thiên nhĩ của Đức Phật đã nghe hai người đối đáp nên khi vừa gặp A Nan thì Ngài liền hỏi:

- Này A Nan! Sao ông không nói với ta đi vá y giúp A Na Luật?

A Nan nghe Phật hỏi bất ngờ vội thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc tôn quý, những việc vụn vặt của đệ tử chúng con không dám làm bận rộn Thế Tôn. Con và các tỳ kheo đều muốn giúp A Na Luật vá y nên con đang dự định đi.

Phật dạy:

- A Nan ! Ông đừng nên nói thế, ta cũng như các ông cũng là một phần tử trong tăng đoàn. Ta sẽ đi với ông vậy ông khỏi đi tìm nhiều người làm chi.

Đức Phật nói lời ấy khiến A Nan vô cùng cảm động. Mục Kiền Liên đứng kế bên cũng cảm kích lòng từ bi sâu thẳm của Đức Phật. Các vị đều nguyện theo Phật đến giúp A Na Luật.

Phật đến núi Ba La La và nói với A Na Luật:

- A Na Luật! Ông đem hộp kim chỉ ra đây. Ta đến để giúp ông vá y.

Nghe tiếng Đức Phật, A Na Luật bất ngờ hoang mang và trong đôi mắt mù lòa bỗng ứa vài giọt lệ nên không biết phải nói thế nào đây.

Đức Phật khâu kim và lấy vải trong hộp ra đo cắt. A Nan giúp phụ may luôn. Trong vòng một ngày, Đức Phật đã vá xong ba y cho A Na Luật.

Một người là tôn sư, là bậc Thế Tôn phước đức viên mãn, còn một người là đệ tử, là tỳ kheo mù lòa, trong tình sư đệ tương quan. Thầy thì từ bi bác ái, còn đệ tử cung kính đã biểu hiện tình sư đệ của nhà Phật và nêu lên một tấm gương sáng chói ngàn đời.

Nguyên Nhân Làm Nữ Nhân Bị Đọa Lạc

Tuy A Na Luật bị mù lòa đôi mắt, nhưng tâm thì rất sáng suốt lạ thường vì vậy đối với những sinh hoạt hằng ngày thì tôn giả gặp nhiều điều không vừa ý. Đức Phật từ khi giúp tôn giả vá ba y thì Ngài càng quan tâm nhiều hơn. Chính Đức Phật đã dạy cho tôn giả tu tập môn:” Kim Cang Chiếu Minh Tam Muội” và chẳng bao lâu A Na Luật chứng được thiên nhãn thông. Bây giờ, tôn giả cảm thấy hoàn toàn hân hoan cảm kích không lời nào tả cho hết. Thấy vậy, Đức Phật càng hoan hỷ và từ đó Ngài mới được yên lòng.

Nhờ có thiên nhãn này đã giúp cho tôn giả có thể thấy rõ mọi vật ở khắp nơi ngay cả tam thiên đại thiên thế giới. A Na Luật mất nhục nhãn mà được thiên nhãn làm cho tất cả chúng tăng hết lòng ái mộ và kính trọng. Việc chứng được thiên nhãn thông chẳng những do chí nguyện kiên quyết tu hành của tôn giả mà một phần cũng do sức từ bi của Phật gia hộ. Từ đó, A Na Luật không còn lo lắng về việc vá y nữa, chẳng những thế bây giờ tôn giả có thể nhìn thấy nhiều nơi mà người khác không thể thấy được. Đặc biệt trong kinh A Di Đà có nói tôn giả dùng thiên nhãn để thấy được thế giới Cực Lạc ở Tây phương. Vì thế sau này, chúng sanh có thể tin tưởng vào cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà để cầu được vãng sinh.

Thiên nhãn của tôn giả chẳng những thấy được thế giới Cực Lạc, mà cũng có thể thấy mọi sinh hoạt ở dưới địa ngục. Một hôm, tôn giả nhìn thấy rất nhiều phụ nữ bị đọa trong địa ngục, bèn đến hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con thấy rất nhiều phụ nữ bị sa đọa vào địa ngục. Theo con thấy người phụ nữ rất dễ tin theo lời Phật dạy cũng như người nữ nhiều lòng nhân hơn nam giới thì cơ sao họ lại bị đọa địa ngục nhiều hơn?

Phật dạy:

- Này A Na Luật! Trong Phật pháp, người nữ dễ tin theo lời Phật dạy là sự thật, nhưng người nữ bình thường dễ tạo tội nhiều hơn. Người nữ có ba thứ tâm lớn hơn nam giới:

1) Thứ nhất, mỗi sáng sớm thức giấc, tâm tham lam của họ rất nặng vì họ mong rằng tất cả tài bảo trên thế giới đều gom vào nhà họ.

2) Thứ hai, lúc ban trưa, tâm tật đố của họ tăng rất mạnh vì họ cảm thấy rằng toàn thể nhân loại đều làm chướng ngại cho mình.

3) Thứ ba, lúc xế chiều tâm dâm dục của họ lầy lừng vì lúc nào cũng mong có người dựa kề bên mình.

A Na Luật! Tâm tham lam, tật đố và dâm dục của nữ nhân rất dễ chiêu cảm họ phạm tội. Đó là nguyên nhân khiến họ đọa địa ngục rất nhiều.

A Na Luật chứng thánh quả và đạt được thiên nhãn nên trở thành bậc đệ tử thượng thủ trong tăng đoàn. Nhưng khi bàn về thiên nhãn thông với Xá Lợi Phất thì tôn giả Xá Lợi Phất vẫn răn dạy A Na Luật như thường. Một hôm A Na Luật đến hỏi Xá Lợi Phất:

- Thưa tôn giả! Tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh có thể thấy được ba ngàn đại thiên thế giới. Tôi được chánh niệm tinh tấn không lay động, hiện tại thân thể tôi khinh an như dạo chơi trong trời đất tịch mịch và tâm tôi đã lìa chấp trước cũng như không còn tán loạn. Xin hỏi tôn giả đó có phải là ly phiền não đặc giải thoát không?

Xá Lợi Phất là bậc thượng thủ đệ nhất trong tăng đoàn, thường hay thay Phật thuyết pháp nên khi nghe A Na Luật nói thế bèn bày tỏ ý kiến:

- Tôn giả A Na Luật! Vừa rồi ông nói nhờ có thiên nhãn nên thấy rõ ba ngàn đại thiên thế giới, đó là tâm ngã mạn. Ông nói ông có chánh niệm bất động, đó là tâm kiêu ngạo. Ông nói tâm ông lìa chấp trước, không còn tán loạn, đó là tâm cuồng vọng. Theo sự hiểu biết của tôi, cần phải xa lìa tâm ngã mạn, tâm kiêu ngạo, tâm cuồng vọng thì mới thật là lìa phiền não đặc giải thoát.

Đôi với lời dạy của Xá Lợi Phất, A Na Luật chẳng những không giận mà còn rất cảm kích. Tôn giả biết rằng lời nói của Xá Lợi Phất là lời nói của bậc chân chánh thấy đạo. Điều này chứng tỏ A Na Luật là một người rất khiêm tốn vậy.

--- o0o ---

Tu Nơi Rừng Sâu Tịch Mịch

Năm đó nhân vào mùa an cư kiết hạ thứ mười, Đức Phật trụ tại nước Câu Diệm Di và chúng đệ tử lúc ấy nổi lên chia rẽ lẫn nhau một cách mãnh liệt. Thấy thế, Đức Phật phải đem chuyện nhẫn nhục của vua Trường Thọ để nhắc nhở cho mọi người. Phật dạy:” Đem oán hận để trả thù cho oán hận thì oán hận kia không bao giờ dứt, chỉ có từ bi nhẫn nại mới dập tắt lửa oán thù”.

Lời Phật dạy đã làm nhiều người cảm động mà từ bỏ tâm sân hận, nhưng vẫn còn một số ít không chịu nhường nhịn và hòa giải với mọi người. Khi ấy Đức Phật lại nhớ đến đức nhẫn nhục khiêm tốn của A Na Luật, Ngài bèn đi bộ một mình đến khu rừng Ba Lợi Da Sa La thuộc nước Bạt Kỳ để thăm A Na Luật đang tu tập trong đó.

Trong rừng Ba Lợi Da Sa La, ngoài A Na Luật còn có Bạt Đề và Kiếp Tân La cùng tu một chỗ. Cả ba đều là anh em chú bác với nhau, khi còn tại gia họ rất thân thiện, nay đã xuất gia thì họ càng thân thiện hơn. Ba vị có một lời minh ước là luôn luôn tuân theo lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn để tu hành cho mau đạt thành chánh quả.

A Na Luật hiện tại là một vị A La Hán, còn Bạt Đề và Kiếp Tân Na cũng đã khai ngộ trong mùa an cư kiết hạ của năm đầu xuất gia. Họ nay đã trở thành ba vị thánh giả cùng sống chung một nơi và cùng sinh hoạt an tịnh hòa nhã trong một khu rừng sâu tịch mịch.

Ba vị cùng đính ước chung là bình thường không ai nói chuyện với ai và cứ năm ngày thì họ họp mặt để luận bàn đạo lý một lần. Họ trình bày cũng như trao đổi sự tu hành tâm đắc, hay cần sửa đổi bất cứ sinh hoạt cuộc sống hằng ngày. Thường ngày, các vị đi vào làng khát thực, nếu vị nào trở về trước thì trái sàng tủa, châm nước trong lu, sắp đặt bồn nước rửa chân và để vải chùi chân bên lu nước. Thọ trai xong, nếu thức ăn còn dư thì để một nơi cao ráo để người về sau nếu ăn không no sẽ lấy thức ăn đó để ăn tiếp.

Sau khi thu dọn gọn ghẽ, tự mình rửa tay rửa chân, sửa sang tọa cụ và vào trong tịnh thất niệm Phật hay tọa thiền. Người về tiếp theo, nếu ăn chưa no thì ăn tiếp thức ăn người trước để lại. Nếu có lợi dưỡng khác thì cũng để dành như vậy, ăn rồi rửa chén bát, lau khô cất riêng một nơi, quét dọn chỗ ngồi ăn, dẹp cất y bát, rửa chân tay, trải tọa cụ tọa thiền tu tập như người trước. Cho đến xế chiều, người xuất thiền trước bèn đến lu xem trong lu còn nước hay hết. Nếu hết thì xách thêm, một người xách không nổi thì đưa tay ra dẫu, kêu thêm người giúp. Hai người im lặng khiêng nước xong, im lặng trở về phòng. Và cứ như thế, sinh hoạt của các vị trong chốn rừng u tịch đều đặn trôi qua.

Đức Phật không thích chỗ sân si ồn ào chợt nhớ đến A Na Luật nên đi đến khu rừng hòa bình của ba vị tôn giả. Ngoài bìa rừng có người canh giữ, ông ta không biết Đức Phật vì bình thường Ngài đi giáo hóa các nơi đều có

đệ tử theo sau. Hôm nay, đức Phật đi một mình, nên trong lúc bất ngờ thì ông ta không ngờ đó là Đức Phật quang lâm, bèn cản lại:

- Xin Ngài đừng vào đây, trong rừng này có ba vị thánh đang tu tập.

Đức Phật mỉm cười, từ tốn trả lời:

- Ông hãy vào nói với họ có người đến thăm chắc hẳn họ rất mừng khi thấy ta.

Người giữ rừng vào trước báo tin, A Na Luật nhìn ra thấy chính là Phật Đà quang lâm thì rất mừng rỡ. Ba người vội vàng ra nghinh tiếp, A Na Luật đỡ y bát, Bạt Đề trải tòa, còn Kiếp Tân Na múc nước rửa chân. Đức Thế Tôn được sự đón tiếp thành kính của ba vị đệ tử, Ngài rửa tay chân xong liền an tọa rồi hỏi thăm về cách sinh hoạt và sự tu tập của ba vị. Ba vị thật tình trình bày và Đức Thế Tôn nghe xong thì hoan hỷ khen ngợi:

- Các ông tu hành hòa hợp như thế, cuộc sống đầy an lạc, không tranh cãi trầm tịch. Mỗi người nhất tâm nhất đức mà tu tập thì thật trên đời không có cái nào đẹp hơn.

Đức Phật khen xong lại nói thêm về sự tu hành của Ngài trong kiếp quá khứ để khích lệ ba người. Từ một nơi gầy gò đến một nơi yên tĩnh hòa bình làm Đức Phật rất hoan hỷ và đối với sự thăm hỏi bất ngờ của Đức Thế Tôn càng làm cho A Na Luật thật vui mừng và phấn khởi.

--- o0o ---

Cảm Hóa Kẻ Cướp

Sau khi chứng thiên nhãn, tôn giả A Na Luật không phải hoàn toàn ở trong chốn rừng núi để lo tu tập cho riêng mình mà trong tâm tôn giả luôn luôn muốn báo đáp ân đức của Phật đã cho tôn giả niềm vui Phật pháp bằng cách đi hoằng pháp lợi sanh ở những nơi chưa có đệ tử Phật đến.

Bề ngoài A Na Luật có vẻ lạnh lùng, nhưng trong tâm thì nhiệt tình vô hạn. Tôn giả không kể là hoàng cung vua chúa, hay gia trang của trưởng giả cho đến núi sâu, rừng thẳm cũng đều thấy hình bóng của A Na Luật một thời giảng kinh thuyết pháp độ sanh.

Như tại làng Ma Na Đề thuộc nước Chiêm Bà có người đau nặng, sau khi nghe tôn giả thuyết pháp liền dứt hết lo buồn phiền não và sau đó hết bệnh. Từ việc đem lại niềm vui cho bệnh nhân, tôn giả cũng phải đối đầu với bọn hung ác trên đường hành đạo.

Ngày xưa khi A Na Luật xin ngủ đêm tại một nhà thường dân, đã bị thiếu nữ trong nhà dụ dỗ lôi kéo, từ đó tôn giả phát nguyện không ghé nhà ai ban đêm. Điều này đối với một vị tỳ kheo đi hóa đạo thật là bất tiện mặc dù A Na Luật đã quen với nếp sống đơn giản là ngày ăn một bữa và đêm ngủ dưới bóng cây.

Một hôm, A Na Luật đang du hóa tại một làng quê đến chiều tối thì đi qua khu rừng kế bên đẽ tạc thiền. Đêm hôm ấy trên không trăng soi mờ nhạt, mặt đất in bóng cây lưa thưa và gió thổi lao xao, tôn giả khép mắt ngồi yên đợi cho trời sáng. Đêm càng sâu càng vắng và bóng dáng tôn giả chìm lẫn trong rừng cây tịch mịch. Bỗng từ xa có nhiều tiếng người xì xào bước về phía tôn giả. Khi khoảng cách giữa họ và tôn giả không còn xa mấy, thì tôn giả nhận ra đây chính là bọn cường hào thảo khấu vừa đi cướp bóc về. A Na Luật thở dài một tiếng làm kinh động bọn đạo tặc đang chuẩn bị chia chác với nhau. Vì tiếng thở dài của tôn giả làm cho bọn cường tặc biết có người nghe lén hành động đạo tặc của chúng nên chúng lên tiếng hỏi ngay:

- Các bạn! Chúng ta bị lộ rồi, thật là xui xẻo, chúng ta phải giết ngay tên này mới được.

Cả bọn rút dao ra, cầm lăm lăm trên tay sáng ngời và tiến gần đến chỗ ngồi A Na Luật. Tôn giả liền nói lớn:

- Các người muốn giết ta thì hãy đến giết đi, nhưng khi ta chết rồi thì các người cũng không toàn mạng.

Bọn cướp nghe nói kinh hãi, đưa mắt nhìn nhau, chẳng biết phải đối phó ra sao. Sau cùng tên đầu đảng xem xét lại một lúc rồi mới nói:

- Ông là ai? Lại chen vào phá hoại việc làm của chúng ta đêm nay?

A Na Luật nghiêm trang trả lời:

- Ta là sa môn, đang tịnh tọa tại chỗ này. Nếu nói rằng ta thấy các người làm quấy thì được, còn nói ta phá hoại việc làm của các người thì không đúng.

Tên đầu đảng hỏi:

- Ông sẽ đi tố cáo chúng ta phải không?

Tôn giả đáp:

- Ta chẳng cần đến quan phủ tố cáo làm gì. Tuy ta không báo cáo các người và quan tại địa phương không biết hành động của các người, nhưng nhân quả báo ứng chẳng tha cho các người bao giờ. Ta xót thương cho các người sau này chịu nhiều quả khổ bi thảm. Thật đáng tiếc thay!

Lời nói của tôn giả đánh thức lương tâm của bọn cướp khiến chúng vứt bỏ hết khí giới, lòng hung ác biến đi và được thể bằng bản chất thuần lương trung hậu. Tất cả lãnh thọ lời dạy của tôn giả và đồng phát nguyện quy y Phật để trở lại cuộc sống của những người dân lương thiện, tử tế.

--- o0o ---

Phật Dạy Bát Đại Nhân Giác

Đối với A Na Luật thì việc hoằng pháp lợi sanh rất quan trọng cho việc phát huy Phật giáo đến khắp mọi người, nhưng tôn giả không bao giờ sao lãng việc tu học cho chính mình. Một hôm, tôn giả ở lại nước Chi Đề và đang tịnh tọa tại làng Sáu Thủy Chủ thì chợt tư duy về ý nghĩa chữ Đạo. A Na Luật tự hiểu rằng: Đạo chẳng phải do tham dục mà đạt được mà cần phải do tri túc mới đạt đến. Đạo không thể tìm cầu ở những nơi ồn ào náo nhiệt mà chỉ ở những nơi vắng vẻ an nhàn mới thấy được đạo. Cầu đạo thì phải cần tinh tấn, chánh niệm cũng như phải tu học và trí tuệ mới mong đạt được.

Lúc tôn giả đang tư duy về chữ Đạo, thì Đức Thế Tôn ở tại vườn Lê Dã thuộc nước Bà Kỳ Sáu dùng tha tâm thông biết được tâm sở cầu của tôn giả bèn đặc biệt ngự đến làng Sáu Thủy Chủ để khen A Na Luật đã tư duy chân chánh và khởi niệm chân chánh. Một lần nữa, tôn giả lại được vinh hạnh tự thân Đức Phật quang lâm đến chỗ cư ngụ của mình.

A Na Luật đem vấn đề suy nghĩ của mình ra trình và thỉnh Phật ấn chứng. Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sống trong tăng đoàn vì lục hòa mà không nghĩ đến lợi riêng và quên bản ngã thì điều ấy chúng con làm được cũng như đối với chúng sanh phải hết lòng từ bi nhân ái thì điều ấy chúng con đã biết. Nhưng,

Bạch Thế Tôn! Chúng tại gia rất đông và hàng đệ tử xuất gia đi vào xã hội để hoằng pháp lợi sanh cũng rất đông thế thì làm thế nào để họ cũng được giác ngộ, tấn nhập Niết Bàn. Xin Đức Phật từ bi khai thị.

Đức Thế Tôn bèn hoan hỷ giảng Bát Đại Nhân Giác:

- A Na Luật! Ông hỏi điều ấy rất hay. Ông đã nghĩ đến vấn đề cho người tu học Bồ Tát đạo, ta sẽ vì ông nói Bát Đại Nhân Giác cho hàng đệ tử Phật chí thành tụng niệm cả ngày lẫn đêm:

Điều thứ nhất: Các ông đối với thế gian và nhân sinh nên quán vô thường, vô ngã, nỗi khổ, lý không và bất tịnh. Nên rời xa sanh tử để cầu được giác ngộ.

Điều thứ hai: Các ông cần phải biết căn nguyên của nỗi khổ vốn là đối với tham dục thế gian không chịu rời bỏ. Các ông nên ít muốn vô vi thì thân tâm mới được tự tại.

Điều thứ ba: Các ông cần xét kỹ tâm không biết chán đủ của mình, suốt ngày do tham cầu mà tạo tội. Nếu có thể an bản thủ đạo, tri túc thường lạc, lấy trí tuệ làm sự nghiệp thì cuộc sống mới được bình an.

Điều thứ tư: Các ông không được làm biếng hay trễ nãi trong khi làm việc lành và đối với sự lợi ích cho người không nên thối tâm. Phải tiêu diệt phiền não, hàng phục ma chướng mới có thể ra khỏi lao ngục của ba cõi.

Điều thứ năm: Các ông cần phải nhận định cho rõ ràng là sanh tử luân hồi rất đáng sợ nên cần phải chuyên tâm tu học để thấu triệt đạo lý này rồi phát tâm giáo hóa chúng sanh để đem an lạc đến cho họ.

Điều thứ sáu: Các ông phải biết rằng người nghèo khổ rất nhiều lòng oán hận. Bồ tát phải đem tài vật cứu tế cho họ, dùng tinh thần an ủi họ và dạy họ không nên ghi nhớ hận thù cũng như không nên oán trách người khác.

Điều thứ bảy: Các ông trong cuộc đời đừng để cho ngũ dục đánh ngã. Không kể là tại gia hay xuất gia, đừng chạy theo đắm nhiễm dục lạc của thế gian và cần có nếp sống thanh tịnh tinh khiết.

Điều thứ tám: Các ông đừng làm kẻ ích kỷ, nên phát tâm từ bi để độ khắp tất cả chúng sanh và nguyện cho chúng sanh bớt khổ cũng như đừng vì lợi riêng mình mà cầu an lạc.

Nhân lời thưa hỏi của tôn giả A Na Luật mà Đức Phật đã giảng tám điều cần yếu cho người tu học Bồ Tát đạo. Chúng sanh theo đó mà tu hành để cải thiện sinh hoạt hằng ngày khiến cho nếp sống của họ trở nên an lạc và tự tại.

--- o0o ---

Lời Sau Cùng Với Đức Phật

Sự hoạt động tích cực của tôn giả bên ngoài tăng đoàn như thế nào thì bên trong Đức Phật cũng đãi ngộ tôn giả như thế ấy. Tôn giả cùng các vị đại đệ tử của Phật như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... là những tấm gương sáng cho Phật giáo trải dài mấy ngàn năm trong lịch sử.

Khi giác hạnh của Đức Phật đã viên mãn thì Ngài đã 80 tuổi và Đức Thế Tôn quyết định nhập diệt tại thành Câu Thi Na bên rừng cây Long Thọ thì tôn giả A Na Luật và tôn giả A Nan đều có mặt bên cạnh.

Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng hai, Đức thế Tôn nằm nghiêng giữa hai cây Long Thọ có hoa đỏ thắm phủ trên thân Ngài trên đỉnh núi phía Tây với trăng tròn chiếu sáng. Các đệ tử vây quanh bốn bên và quỳ ló ló từ trong ra ngoài để nghe Đức Phật thuyết giảng lần cuối cùng. Ngài dặn dò cặn kẽ các đệ tử nên giữ trì giới, hoằng pháp lợi sanh, tinh tấn tu tập, nêu cao đức tính nhẫn nhục và giữ gìn khẩu nghiệp. Cuối cùng, như còn lo ngại cho hàng đệ tử về sau, Đức Phật dạy:

- Nay các tỳ kheo! Đối với pháp ta đã giảng dạy, các ông cố gắng noi theo chớ đừng quên lãng. Ta ví như ông lương y chẩn bệnh cho thuốc mà lành bệnh hay không chẳng phải lỗi ở thầy, ta cũng như người dẫn đường tài giỏi để dẫn người đi đến đường lành, còn đi hay không chẳng phải là lỗi ở người hướng dẫn. Nay các tỳ kheo! Những pháp như tứ diệu đế, mười hai nhân duyên ta đã nói đó đều là chân lý mà ta đã chứng ngộ và nó sẽ là ngọn đèn sáng cho thế gian và cũng là chiếc thuyền vượt qua biển khổ. Người nào hiểu rõ không còn nghi ngờ đối với các pháp đó là đã vào đạo. Nay ta sắp nhập diệt, nếu các ông còn có điều gì nghi ngờ hãy mau ra thưa hỏi, ta sẽ giải thích cho.

Đức Phật đã tha thiết hỏi đi hỏi lại ba lần trong đêm vắng lặng, nhưng đại chúng đều lặng thinh không một lời thưa hỏi. Thật ra đại chúng đều là những đệ tử theo Phật lâu năm nên đối với các pháp căn bản không còn chỗ nào không hiểu. Lúc ấy, tôn giả A Na Luật là người đủ tư cách đại diện cho tăng đoàn, bèn quỳ gối mặt rời chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử chúng con đều đã hiểu sâu pháp tứ diệu đế và mười hai nhân duyên là chân lý của vũ trụ nhân sinh. Trên thế gian này, mặt trời có thể lặn, mặt trăng có thể nóng, tuyết sơn có thể biến thành biển cả và đại địa có thể thành gò đất, nhưng giáo pháp tứ diệu đế và mười hai nhân duyên của Phật thì không bao giờ thay đổi.

Đức Phật an tịnh nghe A Na Luật thưa xong thì trên gương mặt lộ vẻ hoan hỷ vì câu trả lời của A Na Luật đã đáp ứng được sự lưu tâm của Ngài trong suốt 49 năm hành cước hóa độ chúng sanh. Sau khi Đức Phật nhập diệt thì tôn giả cùng với 500 vị đại A La Hán lo kết tập kinh điển trong núi Kỳ Xà Quật, nhưng không thấy nói đến sự tích của tôn giả về sau kể cả việc quan trọng như tôn giả nhập diệt ở đâu và khi nào? Thật là một điều đáng tiếc!

Tôn giả A Na Luật có ý chí kiên cường không lay chuyển. Cho dù có mù đi đôi mắt mà không hề thôi tâm khiến cho đại chúng hết lòng cảm phục. Mắt nhục nhãn mà được thiên nhãn giúp cho tôn giả tu hành và truyền đạo vô cùng an tường tự tại. Tôn giả A Na Luật quả thật xứng danh là vị thượng thủ trong giáo đoàn.

--- o0o ---

18. Tôn giả A Nan

(Đệ nhất đa văn)

Trong số các đại đệ tử của Phật thì A Nan là người có tướng mạo trang nghiêm và trí nhớ mạnh mẽ nhất. Ngay cả Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi còn phải khen ngợi Ngài như sau:

Tướng như trăng thu đầy

Mắt biếc tợ sen xanh

Phật pháp rộng như bể

Đều rót vào tâm A Nan.

Phụ thân của A Nan là Bạch Phạn Vương, còn Đề Bà Đạt Đa chính là anh ruột của Ngài. Khi Đức Phật trở về cung thành Ca Tỳ La Vệ để thăm lại phụ vương và gia đình, thì Bạch Phạn Vương lo sợ A Nan bị ảnh hưởng về tư tưởng xuất thế của Phật cho nên gặp Phật không lâu thì Bạch Phạn Vương

bèn đưa A Nan sang nước Tỳ Xá Ly để cho Ngài không có cơ hội thường tiếp xúc với Phật. Khi Đức Phật đi hoằng pháp tại Tỳ Xá Ly thì nhà vua lại đưa A Nan trở về thành Ca Tỳ La Vệ.

Buổi gặp gỡ đầu tiên khi vừa mới thấy A Nan thì Đức Phật đã thăm nghĩ:” Nếu như A Nan xuất gia thì tương lai có thể là một nhân tài phi phạm xuất chúng làm cho Phật pháp được lưu truyền mãi mãi ở hậu thế.” Một nhân vật vĩ đại thì điều quan trọng là phải chọn người có thể nối tiếp sự nghiệp của mình. Quả thật là nhân duyên bất khả tư nghị, bởi vì trong số rất đông các vương tôn công tử thì Đức Phật lại đặt niềm hy vọng nhiều nhất ở A Nan.

Lúc biết A Nan đã trở về Ca Tỳ La Vệ thì Phật bèn lập tức quay về, đến ngay cung điện của Bạch Phạn Vương và ngự tại phòng kế bên phòng của A Nan. A Nan mở cửa ngó qua, thấy Đức Phật bèn cung kính đánh lễ và lấy quạt quạt cho Đức Phật. Thái độ của A Nan đã cho thấy rằng tâm hồn thơ bé của Ngài đã sớm khởi lòng tin tưởng cung kính đối với Đức Phật. Khi nhân duyên đã đến, A Nan cùng với sáu vương tử khác là A Na Luật, Đề Bà Đạt Đa, Kiếp Tân Na, Bà Sa, Bạt Đề và Nan Đề đồng lên bỏ nhà tìm đến với Phật. Trong số bảy vương tử này thì A Nan là người nhỏ tuổi nhất. Khi đến mé rừng Ni Câu Đà thuộc làng Di Na thì họ cởi bỏ y phục, cạo râu tóc, khoác lên mình những chiếc cà sa và đến yết kiến Phật. Đức Phật chưa cho họ nhập tăng đoàn ngay mà bảo họ đến ở trong một tịnh thất để tịnh tọa một tuần lễ cho quên hết thân thế cao sang của mình, rồi sau đó mới chánh thức cho xuất gia và ra mắt đại chúng.

--- o0o ---

Giúp Thành Lập Ni Đoàn

Vì xuất gia từ lúc nhỏ nên A Nan lớn lên trong tăng đoàn. Với thiên tánh ôn hòa từ bi, dung mạo truyền cảm cho nên tôn giả là một nhân vật được phái nữ cả bên trong và bên ngoài tăng đoàn tôn kính.

Khi nói về duyên khởi để cho phụ nữ được Đức Phật cho phép xuất gia thì hoàn toàn là do công lao của tôn giả.

Số là bà dưỡng mẫu Ma ha Ba xa ba của Phật nhận thấy rằng Đức Phật sau khi thành đạo trong vòng năm năm mà tất cả các vương tử như Bạt Đề, A Nan ...đều quy y theo Phật, ngay cả vương tôn La Hầu La cũng đã là Sa Di. Rồi vua Tịnh Phạn cũng băng hà do đó trong hoàng cung bây giờ thật

là yên lặng và cô đơn. Do thiện căn bắt đầu nảy mầm, bà bèn đến xin Phật cho phép được xuất gia để ở trong tăng đoàn mà tu học chánh pháp.

Bà yêu cầu lần thứ nhất, Phật liền từ chối. Không nản chí bà lại tiếp tục yêu cầu đôi ba phen, nhưng lần nào cũng không được Phật chấp nhận. Về sau Đức Phật sợ bị bà dưỡng mẫu kéo nài phiền phức bèn dẫn tất cả đệ tử sang thuyết pháp tại tịnh xá Na Ma Đề Ni thuộc nước Tỳ Xá Ly.

Dưỡng mẫu nhất định không nản lòng, bà bèn tập hợp những mệnh phụ phu nhân của dòng họ Thích mà trong đó có cả công chúa Da Du Đà La. Họ đồng nguyện cắt bỏ tóc, đi chân đất và thay thế áo quần cao sang lộng lẫy bằng những bộ cà sa đơn giản. Họ bắt đầu rời thành Ca Tỳ La Vệ để đến tịnh xá Na Ma Đề Ni. Các vị phu nhân tiểu thư này từ trước tới giờ quen ở thâm cung, lên xe xuống lầu và không hề động đến đến móng tay mà bây giờ thì đầu trần, chân đất lội bộ suốt mười mấy ngày trường với thiện tâm được Phật thu nhập vào tăng đoàn và sau cùng họ cũng đến được Tỳ Xá Ly.

Khi đến Tỳ Xá Ly thì trời đã về chiều. Vì không quen cực nhọc đường xa nên ai nấy hình dung tiêu tụy, thở chằng ra hơi và cả đoàn cứ loanh quanh lẫn lộn trước tịnh xá mà không dám vô. Thờ may A Nan trong tịnh xá đi ra và Ngài không khỏi bàng hoàng kinh ngạc khi thấy Dưỡng Mẫu, công chúa Da Du Đà La và bao nhiêu người nữ dòng họ Thích khác đều mặc cà sa mà bụi bặm đen đúa và nước mắt đầm đìa. Còn chân của họ thì sưng lên và chảy máu trông rất thảm thiết. A Nan vốn giàu tình cảm, cố gạt nước mắt mà hỏi:

- Các bà làm gì ở đây?

Dưỡng mẫu đáp:

- Chúng tôi vì muốn cầu đạo, cắt ái từ thân, bỏ nhà đến đây cầu xin được thế độ. Nếu như lần này Phật không cho phép thì chúng tôi nguyện liều chết tại đây chớ không về.

A Nan nghe Dưỡng Mẫu vừa nói vừa rơi nước mắt, bèn an ủi:

- Các vị hãy yên tâm! Tôi chỉ thấy tình cảnh các vị như thế này trong lòng hết sức áy náy. Các vị hãy chờ ở đây một lát, tôi sẽ vào xin Đức Thế Tôn dùm cho.

A Nan vội trở vào tịnh xá, đem hết nguyện vọng của Dưỡng Mẫu thưa lên Đức Phật để khẩn cầu Phật thương xót cho họ được xuất gia.

Nghe xong, Phật từ chối và dạy rằng:

- Ta cũng thương cho bọn họ đấy, nhưng vì sự truyền thừa chánh pháp nên không thể chấp nhận được. Ông ra bảo họ rằng ta không bằng lòng.

A Nan không chịu đi ra mà cố nài nỉ với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu là ai khác thì con có thể từ chối được, nhưng đàng này là Dưỡng Mẫu, nếu nói thẳng chắc là sẽ có chuyện không hay. Họ đã nói, chẳng thà chết chứ không chịu về.

Phật dạy:

- Này A Nan! Chấp nhận cho người nữ xuất gia trong tăng đoàn thật chẳng tiện chút nào.

A Nan cố xin dùm cho phái nữ nên ra sức vận động:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Phật pháp lại phân biệt nam và nữ hay sao?

Phật dạy tiếp:

- Này A Nan! Pháp của ta thì dù ở cõi người, cõi trời đều là một. Ta không lựa riêng nam hay nữ vì tất cả đều là chúng sanh đáng thương nên ta đều đối xử với mọi người bình đẳng. Người nữ có thể tin theo pháp của ta như bên nam giới. Họ tu hành như nhau và chứng quả như nhau, chỉ không nhất định là họ phải xuất gia. Đây là vấn đề pháp chế, không phải vấn đề nam nữ bình đẳng. Người nữ xuất gia thì cũng như đám ruộng tốt sanh sản nhiều cỏ dại, không gặt hái được bao nhiêu.

Đức Thế Tôn nhìn xa thấy rộng nên lời nói của Ngài hàm chứa ý nghĩa sâu xa. Nếu dựa theo quan niệm tình người thì việc nữ giới được xuất gia là thích đáng, nhưng nếu đứng về phương diện lý pháp thì việc nam nữ cùng tu học chung một tịnh xá là một việc khó giải quyết. Bởi vì trí tuệ và tình cảm là hai đường đối nghịch nhau và đây là lý do tại sao Phật không cho phép người nữ xuất gia. Người nữ thì rất nặng tình cảm vì thế họ có thể vì tình mà bỏ đạo và đây là điều mà Phật không thể chấp thuận. Hoặc giả là nữ nhân

cao tâm ngã mạn, ham danh nặng hơn nam giới nên Phật mới làm khó để dạy cho họ một bài học chẳng?

Thầy Phật cứng rắn, A Nan bản tính vốn ôn hòa chưa từng cãi Đức Phật một câu nên chỉ còn rơi lệ sụt sùi đánh lễ mà bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Ngài nhẫn tâm để họ chết mà không đưa tay từ bi cứu độ?

Phật thấy rằng trên đời này, lý pháp và tình cảm cũng có khi không thể vẹn toàn. Ngài cũng biết rõ mối quan hệ nhân duyên, không thể có một pháp nào trên đời này mà thanh tịnh, thường trú bất biến mãi mãi được nên Ngài bắt đấng dĩ bảo A Nan:

- A Nan! Ta chẳng còn cách nào hơn. Thôi, hãy ra kêu họ vào đây.

A Nan vui mừng vội vàng chạy ra báo tin vui, Dưỡng Mẫu và đoàn người nghe tin đều mừng rỡ đến rơi nước mắt.

Họ theo nhau vào diện kiến Đức Phật. Ngài thân nhiên và ôn hòa cho phép họ được xuất gia làm tỳ kheo ni, nhưng bắt họ phải giữ đúng tám giới. Đây chính là những ni cô đầu tiên trong tăng đoàn của Đức Phật.

Với sự trợ giúp của A Nan mà sau cùng một ni đoàn được thành lập, bà Dưỡng Mẫu rất cảm kích đối với ơn của A Nan mà thành khẩn nói lên sự vui mừng của mình:

- A Nan! Chúng tôi vâng giữ tám giới luật (bát kinh pháp) cũng như người đẹp mà được mặc y phục mỹ lệ vậy.

Do nhân duyên ấy mà phái nữ đối với tôn giả rất mực kính ngưỡng dù ở trong hay ngoài tăng đoàn.

--- o0o ---

Nàng Ma Đăng Già

Vẻ đẹp và tuổi trẻ của A Nan đã gây ra nhiều chuyện phiền phức rối ren và câu chuyện về nàng Ma Đăng Già đã là đề tài mà Đức Phật thuyết bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm để giúp A Nan và tứ chúng tìm lại cái chơn tâm của mình.

Một hôm sau mùa an cư kiết hạ, A Nan bung bình bát vào thành Xá Vệ để khát thực. Trên đường đi ngang qua một giếng nước, thấy có một cô gái dòng Thủ Đà La đang lui cui xách nước thì Ngài cảm thấy khát bèn đến bên giếng và nói:

- Cô nương! Xin bố thí cho tôi miếng nước.

Cô gái ngẩng đầu lên thì thấy một vị tỳ kheo trẻ tuổi trang nghiêm và nhận đó là tôn giả A Nan. Cô vội nhìn xuống phục sức của mình và thẹn thùng nói nhỏ:

- Thưa tôn giả! Tôi không tiếc chi với Ngài, nhưng tôi thuộc dòng hạ tiện thì làm sao có thể cúng dường cho Ngài?

A Nan an ủi:

- Nay cô nương! Tôi là tỳ kheo nên không có tâm phân biệt cao thấp sang hèn đâu.

Cô gái bèn vui vẻ đem gàu nước trong treo đưa cho A Nan. Tôn giả uống xong, thốt lời cảm ơn và lặng lẽ tiếp tục đi.

Mỗi tình đầu chớm nở trong lòng cô thiếu nữ làm cô không ngăn nổi tia nước mắt lưu luyến đưa theo hình ảnh A Nan. Dáng dấp quý phái cao sang của vương tôn công tử ngày nào vẫn phảng phất đâu đây và với lời lẽ ôn hòa ấy như một nét mực đậm in trên tâm hồn trong trắng của cô vĩnh viễn không thể xóa nhòa. Tệ hại hơn nữa là cô ước mơ nếu được kết hôn với A Nan thì hạnh phúc biết bao nhiêu.

Cô Ma Đăng Già về nhà mà bơ phờ như người mất hồn. Cô không còn thiết tha gì đến việc ăn uống, làm việc cũng như mọi thứ trên đời này. Bà mẹ thấy vậy thì cố gạn hỏi nguyên do. Ban đầu thì cô không chịu nói, nhưng rồi sau cùng cô thú thật đã yêu và muốn lấy A Nan làm chồng. Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên vì chẳng những A Nan đã đi tu làm tỳ kheo mà ông ta lại thuộc dòng hoàng tộc thì làm sao mà cưới cho được. Nhưng vì quá thương con, bà đi thỉnh một đạo bùa chú của ngoại đạo và đợi lúc A Nan đi khát thực ngang nhà sẽ dùng tà thuật để mê hoặc Ngài.

Khi A Nan đi ngang qua nhà thì cô đứng trước cửa cười chúm chím và đưa tay vẫy. A Nan mê mẫn bước vào trong nhà. Ma chú có linh nghiệm hay không thì điều đó không thể biết được mà chỉ biết là A Nan cũng còn nhớ cô

gái bên giếng nước. Cô gái vừa mừng vừa thẹn lính quýnh cả lên thì ngay lúc ấy A Nan sực nhớ ra mình là một tỳ kheo. A Nan liền tưởng đến Đức Phật và đồng thời Đức Phật dùng thần thông mà nói chú Lăng Nghiêm để gia hộ cho tôn giả trí tuệ được sáng suốt trở lại. Đây chính là Phật lực đã đưa A Nan trở về tịnh xá Kỳ Viên.

Ngày hôm sau, A Nan bình tĩnh đi vào thành để khát thực như mọi ngày, nhưng cô Ma Đăng Già thì áo quần lộng lẫy, người đeo tràng hoa, đứng bên đường như chờ đợi A Nan. Vừa thấy tôn giả, cô bèn lẻo đẹo theo sau một bên. Trước tình cảnh tấn thối lưỡng nan này, A Nan chỉ còn một cách là quay về tịnh xá mà bạch với Đức Thế Tôn mà thôi. Đức Phật bảo A Nan gọi cô ta đến và Ngài sẽ đích thân nói chuyện với cô ta. A Nan vừa ra tới cổng đã thấy cô ta còn đứng chờ ở đó, A Nan bèn nói:

- Tại sao cô cứ theo tôi mãi như vậy?

Ma Đăng Già đáp:

- Thầy thiệt là ngọc mới đi hỏi một câu lẫn thân đến thế.

A Nan nói tiếp:

- Đức Thế Tôn muốn gặp cô, mời cô theo tôi vào tịnh xá.

Nghe nói đến Đức Thế Tôn thì cô gái có vẻ lo sợ nhưng vì muốn đoạt cho được A Nan nên cô lấy hết can đảm đến gặp Phật. Phật thấy cô bèn nói:

- A Nan là người tu, nếu muốn làm vợ A Nan thì điều kiện cần yếu trước tiên là phải xuất gia tu đạo một năm. Cô có chịu không?

Ma đăng Già đáp mà không cần suy nghĩ:

- Phật Đà! Con bằng lòng.

Cô gái không ngờ Đức Phật từ bi quá đỗi nên đưa điều kiện hết sức dễ dàng để tác thành cho cô vì thế cô chấp nhận một cách rất mau lẹ.

Thấy cô gái hoan hỷ, Phật dạy tiếp:

- Theo phép xuất gia của ta là phải có cha mẹ bằng lòng. Cô có thể mời cha mẹ đến chứng minh được không?

Đức Phật thật ra không muốn làm khó dễ cô bởi vì điều kiện của Ngài cũng dễ thôi. Cô liền về nhà và dắt mẹ đến. Chính bà mẹ cô cũng vui mừng trước Đức Phật để cô gái xuất gia tu hành rồi sau sẽ kết hôn với A Nan.

Nàng Ma Đăng Già vì muốn làm vợ A Nan nên rất cao hứng mà cạo tóc, mặc áo cà sa và trở thành tỳ kheo ni. Cô đem hết nhiệt tâm nghe Phật thuyết pháp và cũng rất tinh tấn y theo lời chỉ dạy của Phật mà tu tập. Ở trong Ni đoàn, cô hòa hợp với các sư tỷ, sư muội và các sinh hoạt theo Phật pháp.

Biển ái, tình si của cô dần dần lắng dịu. Xuất gia chưa được nửa năm mà cô đã thức tỉnh rằng thái độ của mình trước đây thật là hồ thẹn.

Đức Phật thường thuyết giảng rằng ngũ dục là pháp bất tịnh và chính là nguồn gốc của mọi khổ đau. Loài thiêu thân ngu si tự ném mình vào lửa để bị thiêu rụi. Con tằm vô tri làm kén để tự trói mình. Nếu chúng sinh trừ bỏ được ngũ dục thì nội tâm mới thanh tịnh và nhờ đó cuộc sống mới an ổn được.

Giờ đây, cô tự biết mình mê đắm A Nan là một lý tưởng bất thiện và bất định nên cô hối hận vô cùng. Một hôm, cô quỳ dưới chân Phật, khóc sám hối:

- Bạch Thế Tôn! Con đã tỉnh mộng. Con không dè lúc trước con ngu si đến mức như vậy. Hôm nay con chứng được thánh quả, được xem như qua mặt A Nan nên con rất cảm kích ân của Thế Tôn. Ngài vì hóa độ bọn chúng sanh ngu muội như con đã dùng hết phương tiện và nhọc lòng dạy dỗ. Từ nay về sau, con nguyện suốt đời làm tỳ kheo ni, theo chân Đức Thế Tôn làm một sứ giả cho chân lý.

Sự giáo hóa khẩn thiết của Đức Phật, cuối cùng đã thấm nhập vào tâm hồn của thiếu nữ. Cô đã giác ngộ mà thấy đời rất thanh lương và sau đó trở thành một tỳ kheo ni mẫu mực.

Nàng Ma Đăng Già đã nổi danh và cũng là một chứng tích trong lịch sử của Phật giáo. Đức Phật vì lòng từ bi đã giúp cho một cô gái dòng hạ tiện được xuất gia. Chính điều này đã làm cho nhiều người phê bình, chống đối, nhưng đối với bậc đại thánh Phật Đà thì Ngài đã nêu lên chủ trương bình đẳng như trăm sông đều chảy về biển cũng như bốn chủng tộc mà xuất gia đều là Thích tử.

Nàng Ma Đăng Già vì yêu mến dung mạo của A Nan mà sau cùng đã chuyển họa thành phúc và đây là một tấm gương sáng cho tất cả chúng sinh còn đắm chìm trong ngu dục.

--- oOo ---

Đạo Pháp Và Tình Cảm

Vì có dáng mạo thanh cao đẹp đẽ và con người rất giàu tình cảm nên tôn giả A Nan chẳng những đã bị các cô gái thế tục theo đuổi mà cho đến các tỳ kheo ni cũng thâm thương trộm nhớ Ngài.

A Nan đối với ni giới lúc nào cũng giúp đỡ tận tình nên các tỳ kheo ni đối với tôn giả luôn luôn một mực cung kính. Đôi khi A Nan cùng Đại Ca Diếp trên đường đi hoằng pháp, ghé ngang tịnh xá của các tỳ kheo ni thì các cô đồng thỉnh A Nan khai thị trước rồi sau mới mời Đại Ca Diếp. Nếu nói về phương diện tôn ti trong tăng đoàn thì Đại Ca Diếp đã chứng quả A La Hán còn A Nan thì chưa, còn luận về tuổi tác thì A Nan còn rất trẻ đáng hàng con cháu của Đại Ca Diếp, nhưng đối với các vị tỳ kheo ni thì không để ý đến chuyện này.

Đứng về phương diện tâm lý thì cuộc sống của người xuất gia như một bãi chiến trường. Lý trí và tình cảm giao tranh với nhau trong tâm tư của họ. Nếu lý trí thắng thì họ tu đắc đạo còn đi theo tình cảm thì dĩ nhiên vẫn là phạm phu tục tử mà thôi. Nhưng không thể nào lý luận rằng mỗi vị xuất gia đều lạnh lùng như cây khô, như xác chết và không còn một chút ái tình đối với thế gian.

Cũng vì cái phong tư thanh nhã mà trong lúc ở tại tịnh xá Kỳ Viên có một tỳ kheo ni trẻ tuổi đã đem dạ mến thương A Nan nên cô ngày đêm ôm ấp hình bóng của Ngài. Tuy cô thâm thương trộm nhớ A Nan, nhưng vì giới cấm quá khắc khe nên cô không thể làm gì hơn là chỉ nhìn lên tôn giả mà thôi.

Một hôm, vị tỳ kheo ni này có bệnh nên cô nhờ người thừa lại với A Nan rằng:

- Thừa tôn giả! hiện giờ con đang bệnh nặng biết không còn hy vọng bao nhiêu, xin tôn giả từ bi đến thăm một lần.

Lời yêu cầu đáng thương như vậy làm cho tôn giả động tâm nên sáng hôm sau tôn giả đắp y mang bát đi khất thực và thuận tiện ghé thăm. Vị ni cô này bị bệnh nên y phục không được chỉnh tề, không ngồi dậy mà nằm trên giường nhìn A Nan trân trối bằng cặp mắt đa tình lẳng lơ. A Nan thấy thái độ lẳng mạn của cô, không vừa ý, liền quay lưng bỏ đi mà không hỏi han gì cả. Vị ni cô này thấy hành vi bất mãn của tôn giả đối với mình nên sanh lòng hổ thẹn do đó cô vội vàng ngồi dậy, đắp y và trải tọa cụ để thỉnh A Nan trở lại. A Nan liền khai thị:

- Này cô! Không nên dùng vật bất tịnh nuôi thân, không nên dùng kiêu mạn nuôi tâm, không nên chứa chấp tư tưởng tham ái và ý niệm tham dục. Này cô, khi đau bệnh nên để thân tâm an trụ nơi cảnh giới vô sở cầu thì mới mau lành mạnh.

Cô tỳ kheo trẻ tuổi bây giờ hình như quên đi thân phận xuất gia của mình mà đưa mắt nhìn A Nan một cách tình tứ và nói:

- Chẳng phải tôi không biết đạo lý mà tôn giả vừa nói, nhưng đối với tôi, không được ăn ngon hay mặc đẹp thì tôi cũng chịu nổi, chỉ vì tình cảm của tôi với tôn giả là khó xử mà thôi. Tôi đã hết sức chế ngự mà không được. Người ta ai cũng muốn yên thân, yên tâm và dĩ nhiên là ai ai cũng có một điều mong ước chứ.

A Nan thuyết giảng tiếp:

- Này cô! Không nên nghĩ như vậy. Chúng ta đi xin thức ăn áo mặc là để giữ gìn cái thân mạng mà tu đạo. Có tu đạo mới có thể an tâm. Bỏ quên đạo lý chạy theo tìm cầu những dục lạc giả dối cho thân mình là một điều lầm lẫn. Người thợ thoa dầu vào bánh xe là để cho xe dễ chạy, còn người có bệnh ghẻ xước dầu trên mình không phải là để trang điểm mà cũng không phải là vì dục lạc mà chỉ có mục đích trị bệnh mà thôi. Nếu chúng ta muốn thân tâm thanh tịnh thì cần yếu là phải đoạn trừ ý niệm ái dục, lìa tâm ham vui và xa rời tâm hữu lậu để mong đạt được chân lý vĩnh hằng. Kẻ tu hành thì đừng để cho các pháp vô thường hư huyền làm mê hoặc mà hỏng đường tu thì phí cả đời mình.

Tỳ kheo ni nghe rồi quá xúc động vì nhận biết hành động sai lầm ngu muội có thể giết chết cuộc đời tu hành của mình vì thế cô ta liền dứt sạch tâm niệm ái dục và chứng được pháp nhân.

A Nan vì những chuyện của nữ nhân mà thường chuốc vào thân những điều phiền phức. Tôn giả bị người ganh ghét, phê bình và đố kỵ nhiều khi cũng làm cho Đức Thế Tôn quan tâm không ít.

Tôn giả thì hoàn toàn không giống như Ca Lư Đà Di vì Ngài không đeo đuổi các cô mà ngược lại thì các cô cứ nhắm mắt chạy theo Ngài. Dù cho tôn giả đối với nữ giới có chân chính cách mấy mà trong Phật giáo bất cứ việc gì dính dáng đến phái nữ thì chẳng lấy làm vinh dự lắm vì nam nữ luyến ái nhau tuy chẳng phải là tội ác lớn nhưng vốn là hành vi bất tịnh.

Một hôm, Phật đang hoằng pháp tại nước Xá Vệ thì có nhóm Phật tử làm rất nhiều bánh in đem đến cúng dường. Phật dạy A Nan đem bánh phân chia cho các tỳ kheo. A Nan chia xong, còn dư bánh khá nhiều nên Phật lại bảo đem chia cho những người nghèo trong vùng.

A Nan vâng lời liền nhóm họp hết những người bần khổ đến lãnh bánh. Có đến ngàn người kéo đến, nhưng A Nan tính số bánh với số người thì vừa đủ mỗi người một cái.

Khi A Nan đang chia bánh thì trong số lãnh phần có một thiếu nữ xinh đẹp thuộc nhóm ngoại đạo. Khi chia đến cô thì oái oăm thay phần bánh lại có hai cái dính chung gỡ không ra. A Nan không biết tính sao bèn đưa hết cho cô ấy. Đối với A Nan thì Ngài không có ý bất chánh hay hành động tà dâm, nhưng vì tính hiếu kỳ mà người đời xì xầm với nhau rằng:

- Thầy A Nan đẹp trai nên đem cho cô gái kia hai phần bánh in nòng nản thì chắc hai đảng đã quen biết với nhau. Chắc họ có tình ý gì rồi chẳng?

- A Nan nghe mấy lời bàn tán thì trong lòng không vui. Nhưng thật ra miệng người thị phi độc ác cho dù kẻ tu hành có tâm nhẫn nhục cách mấy đi chăng nữa cũng khó mà giữ cho tâm mình được thanh tịnh.

Đức Phật thường dạy các đệ tử nên tránh mọi cơ hiểm của thiên hạ. Nhất là vấn đề nam nữ. Chẳng cần biết ông tu hành chín chắn ra sao, nếu để bị tai tiếng dính dáng tới nữ nhân thì chắc chắn là sẽ gặp trăm tai họa gởi. Phật lại dạy thêm: Thật ra đối với người chưa chứng thánh quả mà nói hoàn toàn không mê sắc đẹp là chuyện không thể có. Nhưng bậc tu hành đối với ái dục nên phòng thủ chắc chắn và lúc nào cũng đề cao cảnh giác.

A Nan thường nghĩ đến việc khổ phiền cũng vì chuyện đàn bà con gái nên một hôm tôn giả ngồi tư duy nơi chỗ vắng và nghĩ thầm:

- Người đời do ái dục mà sanh, sinh hoạt hàng ngày bị nhận chìm trong ái dục mà không biết chán. Họ vừa thích tìm cầu ái dục cho bản thân mà lại thích đàm tiếu chuyện ái dục của người khác. Ái dục đem lại nhiều khổ não và tranh chấp cho thiên hạ. Đức Thế Tôn thường quở trách ái dục là quá chánh đáng.

A Nan thăm thía cho tiếng thị phi, nên khi chiều xuống Ngài bèn đến trước Phật, đem hết những cảm tưởng của mình mà bạch với Phật. Phật nghe xong bèn kể cho A Nan nghe về một đoạn nhân duyên của Ngài trong thời quá khứ:

- A Nan! Ông nói đúng. Người đời bị chìm đắm trong biển dục không biết nhàm chán. Thời quá khứ, có một ông vua tên là Đảnh Sanh, dùng chánh pháp ôn hòa trị dân mà không cần đao gậy mà người hung ác đều phục tùng. Nhưng nhà vua là một người tham dục đắm sắc, khi cai trị thì đi đến đâu cũng nghe nhân dân ca tụng đức độ, nhưng về phần dục lạc lại quá đam mê. Bao nhiêu cung phi mỹ nữ trong nước còn chưa đủ nên nhà vua lại tuyển chọn thêm giai nhân của các nước khác. Nhà vua bị bao quanh trong nữ sắc, cung tần ái phi hầu hạ ngày đêm mà nhà vua vẫn không vừa ý nên tính chuyện giết luôn quốc vương nước bạn để đoạt lấy hoàng hậu. Rốt cuộc vì tham dục quá độ và chìm đắm trong bể sắc nên việc triều chính càng ngày càng bê trễ. Cuối cùng nhân dân nổi dậy đánh đổ vương quyền và nhà vua phải chịu những ngày tàn thê thảm.

Phật dạy tiếp:

A Nan! Tham dục đưa đến tai hại như thế và vua Đảnh Sanh đó là tiền thân của ta.

A Nan nghe Phật khai thị xong thì tự nghĩ một người rất giàu tình cảm như mình cũng giống như vua Đảnh Sanh nên càng phải cấp tốc lìa xa ái dục.

--- o0o ---

Trở Thành Thị Giả Của Phật

Trong khoảng thời gian Đức Thế Tôn vừa trên 50 tuổi thì Phật nghĩ đến việc chọn A Nan làm thị giả. Phật thấy A Nan bị nhiều nữ nạn nên Ngài muốn tôn giả được cận kề Ngài để giữ được bản thân mà chuyên tâm tu đạo. Trước đó khi Phật thành đạo không lâu thì hầu cận Ngài có hai tôn giả Xá

Lợi Phát và Mục Kiên Liên. Sau lại đến tỳ kheo Na Ca Ba La (Nigajala) cũng từng làm thị giả. Do đó trong khoảng 20 năm đầu sau khi thành đạo, Đức Thế Tôn không có thị giả thường trực cố định. Việc hầu cận đều do các tỳ kheo thay phiên nhau mà thôi.

Khi Đức Phật trụ tại tịnh xá Trúc Lâm thì Ngài đã ngoài 50 tuổi. Các đệ tử tỳ kheo thấy Ngài ngày càng yếu bèn triệu tập một buổi họp để đề cử một vị thị giả tức trực lo cho Đức Phật. Các đệ tử thượng thủ hiện diện trong phiên họp này rất đông và người đầu tiên đứng dậy xin làm thị giả là Kiều Trần Như. Tôn giả là một trong số năm người tu khổ hạnh với Đức Phật khi Ngài còn đang trên đường tìm đạo. Tuổi tác của tôn giả thì lớn hơn Phật, nhưng nguyện đem tấm lòng thành xin suốt đời hầu hạ Phật. Phật cảm kích nhưng không chấp thuận vì Phật cho rằng tôn giả già nua chỉ cần tự lo cho mình cũng đủ rồi. Kế đó cũng có nhiều vị xin làm thị giả Phật, nhưng Ngài đều từ chối vì các vị đó cần phải đi hoằng pháp lợi sanh. Lúc ấy tôn giả Mục Kiên Liên biết ý Phật bèn rủ Xá Lợi Phát đến khuyên A Nan:

Tỳ kheo A Nan! Ý đức Thế Tôn muốn chọn ông làm thị giả. Giống như tòa lâu đài mở cửa về phía Đông thì ánh nắng sẽ chiếu thẳng đến vách phía Tây. Ông còn trẻ, mau mắn, thông minh nhu hòa, chúng tôi mong rằng ông sẽ bằng lòng.

A Nan nghe nói liền nghĩ đến trách nhiệm quan trọng bèn từ chối. Xá Lợi Phát và Mục Kiên Liên cứ khuyên mãi, lúc đó tôn giả mới đưa ra ba điều kiện:

- Một, A Nan không mặc y phục thừa của Đức Phật, dù cũ hay mới.
- Hai, nếu có Phật tử thỉnh Phật cúng dường, A Nan không đi trước.
- Ba, không phải lúc đến gặp Phật, A Nan không đến.

Mục Kiên Liên và Xá Lợi Phát đem ý A Nan bạch lại với Phật về việc ra điều kiện. Đức Phật chẳng những không giận mà còn rất hoan hỷ khen A Nan:

- A Nan thật là vị tỳ kheo có phẩm cách. Ông ấy đưa ra các điều kiện trên là để tránh sự tị hiềm và đó là sự đề phòng chánh đáng. Tỳ kheo A Nan sợ các thầy phê bình là: Thầy A Nan vì muốn mặc áo đẹp, ăn ngon mới làm thị giả. Hoặc là A Nan vì vật chất mới theo hầu Phật. Ông ấy biết lo xa nên mới yêu cầu như vậy.

Từ khi A Nan làm thị giả Phật, lúc ấy tôn giả khoảng 20 tuổi, thì trong suốt 27 năm theo bên cạnh Đức Thế Tôn, tôn giả luôn luôn vâng theo ý Phật, hành động theo lời Phật dạy, thường xuyên theo túc trực bên Ngài để đi giáo hóa khắp nơi. Cũng vì nhân duyên ấy mà tất cả biển Phật pháp đều rót vào tâm của A Nan.

Vì mỗi ngày ở cạnh Đức Phật nên bao nhiêu phiền não về nữ phái cũng thuyên giảm dần dần và dĩ nhiên tôn giả là người trung gian giữa Phật và các tỳ kheo. Mặc dù vậy, A Nan thường giữ tánh khiêm tốn và kính nhường. Rất nhiều tín chúng nhờ quen biết với A Nan mà đến quy y với Phật. Tuy trước đây, A Nan bị những rắc rối với phái nữ khiến người đời có tiếng thị phi vậy mà khi có cơ hội học hỏi trực tiếp từ Đức Thế Tôn, tôn giả đã tinh tấn tu dưỡng rất thuần thực.

--- o0o ---

Phật Pháp Và Tri Kỷ

Mặc dù là thị giả của Phật, nhưng tôn giả A Nan thì chưa khai ngộ. Ngài là người thân thiết nhất của Phật mà lại chưa chứng được quả thánh A La Hán như Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên, nhưng trong tăng đoàn vẫn xem Ngài ngang hàng với các bậc thượng thủ đó. Thật ra thì tâm tính ôn hòa của tôn giả khiến cho ai khi tiếp xúc qua đều cảm thấy thoải mái dễ chịu. Ngài đối với người không hề khoe điều tốt của mình ra, hoặc nói cái dở của người. Luôn luôn khuyến khích làm việc thiện, tránh xa việc ác và Ngài lúc nào cũng tận tâm giúp đỡ mọi người coi việc của kẻ khác là việc của chính mình. Ngay cả khi cùng ngoại đạo luận bàn Phật pháp, thì Ngài chỉ phát huy chánh pháp mà không phá tà. Tôn giả chưa từng có ý hại người để lợi mình vì thế tôn giả chính là tia nắng xuân ấm áp từ từ làm tan băng giá.

A Nan có duyên với chúng sanh nên tôn giả đã kết giao với rất nhiều bạn bè cư sĩ tại gia và các tỳ kheo trong tăng đoàn. Vì bản chất hiền hòa nên tôn giả thích nghe người thuyết pháp và cũng rất thích thuyết pháp cho người nghe. A Nan đối với cư sĩ như mẹ hiền thương con, còn đối với bậc trưởng lão thượng túc thì ôn hòa như em út.

A Nan có một người bạn cư sĩ tên là Lư Gi ở tại thành Ba Sa. Một hôm Đức Thế Tôn dẫn các đệ tử quang lâm đến đây và bộ tộc Ma La trong thành rất vui mừng cung nghinh. Họ cùng ước định là người nào không đi đón Phật sẽ bị phạt 200 đồng. Trong khi đó, ông Lư Gi lại là người không

tin vào Phật pháp. Trong tăng đoàn Phật giáo, trừ A Nan thì ông không hề tôn kính một người xuất gia nào dù đó là Đức Phật.

Nhưng hôm đó thì Lư Gi cũng có mặt trong đoàn người cung đón Phật. A Nan thấy bạn rất đỗi ngạc nhiên mà hỏi tự sự thì ông ta nói rằng vì sợ phạt 200 đồng vàng nên phải ra đón Phật. A Nan không vui bèn đem chuyện này bạch với Phật. Đức Thế Tôn rất thông cảm và muốn gặp ông ta. Phật thuyết pháp khai thị những khúc mắc về giáo pháp làm cho ông ta được cởi mở tâm tình. Ông phát tâm quy y tam bảo và trở thành Phật tử tại gia.

Về sau Lư Gi thường mang các thứ y phục, thức ăn, thuốc men, ngọa cụ đến cúng dường Phật và cảm tình của A Nan với bạn càng thêm thâm thiết. Ngày xưa là bạn, bây giờ lại cùng thầy nên A Nan xem gia đình bạn như gia đình mình.

Một hôm, A Nan cần ít thước vải bèn đến nhà Lư Gi xin. Nhưng hôm ấy Lư Gi đi vắng, A Nan bèn thật tình nói với vợ con Lư Gi. Khi vợ con Lư Gi đem vải ra thì A Nan tự chọn lấy một tấm mang về. Lư Gi lúc sau nghe vợ con nói lại vội đến tịnh xá hỏi A Nan:

- Sao tôn giả không chọn thứ vải tốt, lấy làm gì thứ vải thô ấy?

A Nan cảm động đáp lại:

- Tôi không cần vải tốt. Tôi chỉ chọn khăn thô để làm khăn tắm và xin thay thế bạn cúng dường cho các vị cao tăng mà thôi.

Cảm tình giữa hai người thân thiết như vậy làm cho một số người trong tăng đoàn phản đối thái độ tự nhiên này, nhưng Đức Phật không hề ngăn cấm việc làm của tôn giả.

Tuy A Nan làm thị giả, nhưng tinh thần hoạt động lại không giống đường lối tân tiến của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên và lại càng không giống sự bảo thủ của Đại Ca Diếp mà Ngài chủ trương theo đường lối ôn hòa cho nên tánh tình Ngài rất mực trung dung.

Có lần A Nan tiếp tay với Phật khuyên bảo tỳ kheo Quạt Đà Nhã cố gắng tinh tấn tu hành để chứng cho được chánh quả vì vị này còn ham mê ái dục nên muốn ra đời bỏ đạo. Trong tăng đoàn không khỏi có sự tranh chấp nên sự hòa giải của tôn giả đã khiến cho kẻ thích gây gổ quay lại con đường thiện.

Trong và ngoài giáo đoàn, tôn giả đối với mọi người đầy pháp tình hữu nghị và Ngài luôn luôn biểu lộ tư cách và nhiệm vụ của một đại đệ tử.

--- o0o ---

ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Đề Bà Đạt Đa là anh ruột của A Nan và là một trong bảy vị vương tử đầu tiên xuất gia theo Phật. Đi tu nhưng ông ta không phát tâm chân chánh mà chỉ vì ham vui nên sau khi xuất gia ông không an tâm tu hành mà chỉ muốn học được thần thông và thích khoe những điều kỳ lạ để lòe người. Tuy là anh em ruột, nhưng tánh tình mỗi người mỗi khác. A Nan thì hiền hòa nhân hậu còn Đề Bà Đạt Đa thì nham hiểm, tính toán và không an phận thủ thường. Chính Đức Phật đã nhiều lần khuyên ông ta nên hoàn tục làm cư sĩ chớ không nên ở trong tăng đoàn để gây thêm nghiệp chướng, nhưng ông không nghe.

Vì ham thích sự kỳ bí nên ông ta yêu cầu Phật dạy về pháp môn thần thông, nhưng Phật bảo ông trước hết phải lo tu tập cho thân tâm thanh tịnh mà đừng tham cầu phép lạ. Lý do là thần thông và phép lạ không đủ tiêu biểu cho đức hạnh. Sau khi nghe Phật từ chối, ông rất tức giận bèn đến nài nỉ hai Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Các vị này thừa biết tánh hung ác của ông nên cũng đều từ chối. Ngược lại các vị chỉ dạy cho ông tu quán đạo lý khổ, ý nghĩa chữ không, pháp vô thường và vô ngã mà thôi.

Do đó, Đề Bà Đạt Đa ôm lòng phản nghịch. Ông nghĩ rằng nếu không tiêu diệt Đức Phật thì ông ta không thể tự do tung hoành và thề rằng Đức Phật là kẻ thù không đội trời chung.

Một hôm, A Nan cùng Đức Phật đi ngang qua núi Linh Thứu gặp lúc Đề Bà Đạt Đa đang đi dạo trên đỉnh núi. Vừa thấy Phật, ông mừng thầm vì đây là cơ hội ngàn năm một thuở nên lập tức đẩy một tảng đá to nhắm ngay Đức Thế Tôn lăn xuống. Mặc dù thấy A Nan là em mình đang đi với Phật, Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng kể tình ruột thịt. Bên dưới Đức Thế Tôn vẫn đứng yên còn A Nan thì nhảy tránh ra xa. Tảng đá rớt bên chân Phật nhưng chỉ làm sơ xát chút đỉnh bàn chân của Ngài mà thôi. Một lát sau, A Nan mới hoàn hồn hỏi thăm Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngài không việc gì chớ? Chuyện này chắc lại do Đề Bà Đạt Đa gây ra, con thật không giữ nổi bình tĩnh. Thế Tôn gặp cảnh nguy hiểm quá.

Phật an nhiên đáp:

- A Nan ! Dùng bạo lực hoặc âm mưu để hại Phật đều không thể được. Trước kia Đề Bà Đạt Đa sai người giết lén ta, rồi thả voi say, bây giờ thì xô đá đè. Nhưng ông đừng lo, người nào tạo nghiệp ấy sẽ chịu hậu quả. Ta không thấy ta gặp nguy hiểm mà thấy ông bị một phen hoảng sợ, ông xem ông vừa làm gì đây?

Đạo lực của A Nan làm sao sánh bằng Phật nên tôn giả hồ thẹn vừa cười vừa thưa:

- Con vừa mới hoảng kinh nhảy lên đã bị Thế Tôn bắt gặp.

Phật cũng cười, vỗ nhẹ A Nan rồi hai thầy trò tiếp tục đi.

Một hôm khác, A Nan theo Phật trên đường đi hoằng pháp bỗng gặp Đề Bà Đạt Đa dẫn nhiều người đi ngược chiều sắp đến. Đức Phật vội tránh sang đường khác và đi một bên đường mòn. Tuy bản tánh ôn hòa, A Nan cũng không dằn được bực tức, bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sao Thế Tôn đi né tránh Đề Bà Đạt Đa? Ông ấy là đệ tử Phật, chẳng lẽ Ngài lại sợ ông ấy sao?

Phật biết A Nan bất bình, bèn an ủi:

- A Nan! Ta chẳng phải sợ ông ấy, nhưng ta không muốn gặp mặt. Cần gì phải tiếp xúc với người ngu? Như đánh nhằm chó điên, ắt là bị cắn bậy. Với người ác tâm như ông ấy, không gặp mặt thì không phải tốt hơn sao?

A Nan nghe lời Phật dạy, tuy vẫn còn bực mình nhưng không nói thêm nữa.

Một lần khác, Đề Bà Đạt Đa đến quấy rối đạo tràng của Đức Phật. Lúc ấy Phật đang tĩnh tọa trong thất nên ông ta đứng ở giữa giảng đường la lối:

- Các thầy! Ai tin theo ta thì đến đây. Mặc cho ông ta nói gì thì nói, các thầy khéo chẳng thèm đếm xỉa đến làm cho Đề Bà Đạt Đa tức giận quay sang A Nan nói:

- A Nan! mày là em ta, mày dám không nghe lời nói của ta chứ?

Một người ôn hòa nhã nhặn như A Nan mà lúc đó cũng không nhịn được nên cứng rắn đáp lại:

- Hôm nay may cho anh lắm đó. Nếu có mặt hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên ở đây thì chắc chắn không để cho anh thao túng như vậy. Đức Thế Tôn đang tĩnh tọa, xin anh đừng làm ồn. Anh hung ác quá đỗi mà không nghĩ sau này anh sẽ gặp quả báo và bị đọa vào tam ác đạo. Tôi thật buồn cho anh.

Đề Bà Đạt Đa nổi giận, muốn động thủ đánh A Nan, nhưng chưa thấy A Nan nổi nóng như vậy bèn không dám ra tay, chỉ làm thỉnh bỏ đi.

Ít lâu sau, ác báo của Đề Bà Đạt Đa hiện tiền nên ông phải chết một cách thâm thảm. Trong lòng A Nan thật ngậm ngùi khi nghĩ đến ông anh vì ham mê lợi dưỡng mà phí cả một đời.

--- o0o ---

Phật Đoán Bảy Điều Mộng Của A Nan

Trong suốt 27 năm làm thị giả cho Đức Phật, tôn giả A Nan lúc nào cũng tận tụy lo tròn trách nhiệm của mình. Mỗi khi có tỳ kheo, tỳ kheo ni hay tín đồ tại gia đến tham bái Phật, tôn giả đều sắp đặt thời gian rất thích hợp. Các tỳ kheo ở xa đến viếng Phật, trong khi chờ đợi thì rất thích nói chuyện với A Nan. Tất cả mọi người đều tin tưởng và thân thiết với tôn giả. Tuy tôn giả chưa khai ngộ, nhưng ai ai cũng thích nghe Ngài thuyết pháp. Họ thích A Nan giảng dạy chứ không thích A Nan làm thỉnh.

Thời gian thấm thoát qua nhanh, mới ngày nào mà nay tôn giả đã ngoài 50 tuổi. Một hôm, Phật đang ở tại giảng đường nơi kinh thành Xá Vệ của vua Ba Tư Nặc. A Nan đứng hầu mà trên mặt lộ vẻ lo buồn. Phật hỏi vì sao thì tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trong một đêm, con nằm mộng thấy bảy việc kỳ lạ cổ quái khiến lòng hoang mang lo sợ.

Phật ôn tồn hỏi tiếp:

- Ông nằm mộng thấy bảy việc gì?

A Nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Giác mộng thứ nhất, con thấy nước ở sông to biển cả đều bị lửa đốt cháy và ánh lửa cao ngút thấu trời xanh.

Đức Phật nghe nói xong thì đổi sắc mặt vì xúc động và Ngài giải thích rằng

- Này A Nan! Bậc thánh không nói chuyện mộng寐. Nhưng mộng của ông quả thật kỳ quái. Nước sông ngòi biển cả bị lửa thiêu trọn, đó là tượng trưng cho các tỳ kheo trong tăng đoàn tương lai sẽ có ác nghịch mạnh, tâm lạnh ít oi, chấp giữ vào sự cúng dường rồi sanh ra gây gỗ tạo cảnh huynh đệ tương tàn. Như nước trong lạng mát mẻ lại biến thành biển lửa. Giác mộng thứ hai của ông ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy mặt trời sắp lặn, thế giới Ta Bà tối đen và trên bầu trời không có lấy một ngôi sao.

Đây không phải là điềm lành, nhưng Đức Phật vẫn ôn tồn giải thích:

- Này A Nan ! không bao lâu nữa ta sẽ nhập diệt và các đệ tử cũng vậy. Điều ấy biểu thị rằng con mắt của nhơn thiên sắp tiêu diệt. Còn giác mộng thứ ba?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy các vị tỳ kheo không theo lời Phật dạy mà cũng đắp cà sa, chúng xuất gia rút dưới hầm, còn hàng tại gia thì đi trên cầu.

Phật đột nhiên thở dài nói:

- A Nan! điều ấy ám chỉ tỳ kheo đời sau, mở đại hội giảng kinh thì chỉ nói ngoài miệng, mà thật tâm y giáo chẳng phụng hành. Họ lại tạt đổ để hại nhau. Họ dạy lý nhân quả mà chính mình không sợ. Họ còn xâm chiếm chùa chiền, phỉ báng tỳ kheo, hủy hoại tháp miếu. Còn điềm thứ tư thì sao?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy tỳ kheo pháp y không đủ, bị mắt kẹt trong đám gai.

Phật lại cảm xúc nói:

- A Nan! Điều ấy nói rằng các tỳ kheo sau này bỏ pháp y không mặc, xả giới luật và ưa thích thế tục, nuôi nắng vợ con. Đó thật là bất hạnh cho Phật pháp. Còn mộng thứ năm?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy trong rừng rậm um tùm có rất nhiều heo rừng đào bới gốc rễ các đại thọ chiên đàn.

Phật lộ vẻ lo buồn mà nói:

- Ôi! Điều ấy nói lên các tỳ kheo sau này chỉ tính toán sinh kế, buôn bán Như Lai, tụng kinh làm nghề nuôi thân. Mộng thứ sáu?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy voi lớn bỏ rơi voi con. Sư tử là chúa của loài thú bị chết, hoa thơm rơi trên đầu, cầm thú kinh sợ bỏ chạy, chẳng bao lâu trong thân sư tử sanh trùng bọ rồi trở lại cắn rĩa thịt sư tử.

Phật chỉ còn biết lắc đầu, nói:

- Voi lớn bỏ voi con, đó là báo hiệu các vị trưởng lão đời sau, tự lo lợi riêng, không nâng đỡ lớp thanh niên hậu bối. Trùng trong thân sư tử lại ăn thịt sư tử, đó là ám chỉ không phải ngoại đạo phá hoại Phật pháp, mà chính là hàng đệ tử xuất gia và tại gia tự phá hoại giáo pháp của ta. Còn giấc mộng thứ bảy của ông ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy đầu con cao ngang đỉnh núi Tu Di.

Phật trầm ngâm hồi lâu mới nói:

- A Nan! Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập diệt, các tỳ kheo, tỳ kheo ni, thiện nam cũng như tín nữ khắp nơi đều nhờ ông kết tập kinh điển để truyền lại cho đời sau.

Bảy điều mộng của A Nan, qua sự giải thích của Phật, đã dự đoán sự suy đồi của Phật giáo về sau.

--- o0o ---

Lời Di Giáo Sau Cùng

Sắc thân tứ đại của Đức Phật cũng theo luật vô thường mà biến đổi. Sau 49 năm hành đạo thì Ngài sẽ nhập diệt ở rừng Long Thọ, thành Câu Thi Na cách kinh thành Ca tỳ La Vệ khoảng 30 dặm.

Giống như mặt trời sắp lặn lóe lên tia sáng cuối cùng. Trước khi nhập diệt, kim thân của Đức Phật phóng ra ánh hào quang đặc biệt khác

thường. Đức Thế Tôn nằm kiết tường trên sàng tòa do A Nan trải sẵn, đầu Ngài quay về hướng Bắc và lúc đó mặt trời đã chìm ở phương Tây đưa bóng tối mông lung phủ đầy. Rừng cây Long Thọ không phải kỳ trở hoa mà tuôn hoa đỏ thắm phủ khắp thân Đức Thế Tôn. A Nan quỳ bên Phật, nhẹ nhàng thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Về sau đối với phụ nữ, chúng con phải có thái độ như thế nào? Xin Thế Tôn nói lại một lần nữa cho con rõ.

Phật từ tốn dạy rằng:

- A Nan! Người muốn lìa xa phiền não, đạt đến chứng ngộ không thể bận tâm vì nữ nhân. Đặc biệt là ông, tuy bây giờ đã lớn tuổi, nhưng ông không tiếp xúc với họ vẫn tốt hơn. Nếu bắt buộc phải tiếp xúc nên xem người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em. Này A Nan! Ông phải nhớ kỹ lời ta đây.

Đức Thế Tôn trả lời vấn đề ấy xong, lại dạy rõ cách thức trà tỳ, xây tháp. A Nan vốn tình cảm yếu đuối nên vừa nghe xong những lời Phật dạy liên liên tưởng đây là lời dạy bảo sau cùng của Đấng Đạo Sư nên mũi lòng rơi lệ. Tôn giả không dám quỳ bên Phật, vội lùi ra sau rừng cây khóc một mình.

A Nan nghĩ đến lúc Thế Tôn nhập diệt, các đại đệ tử khác đều khai ngộ, chỉ còn Ngài thì sau này sẽ nương tựa vào ai để đạt đạo? Nghĩ đến từ nay về sau không còn ân sư để hầu hạ, tôn giả lại càng buồn ray rứt. Đức Phật không thấy A Nan đứng bên cạnh nên sai người ra kêu tôn giả vào. Ngài lại dạy tiếp:

- A Nan! Ông không nên buồn rầu! Có sum họp phải có biệt ly, có hưng thịnh thì có lúc suy diệt, ta chẳng từng nói với ông điều đó hay sao? Thế gian là vô thường, có sanh ắt có tử, cỗ xe đã hư nát rồi mà còn tìm cách sửa chữa lại để xài, đó không phải là kế lâu dài. Sắc thân hữu vi phải bại hoại. Đừng về pháp tánh thì ta luôn luôn chiếu cố đến các ông. Ông theo ta làm thì giả rất lâu, ân cần nhẫn nại, ông đối với ta không hề thiếu sót, ta đem công đức ấy đền đáp cho ông. Ông nên dụng tâm tinh tấn tu tập chẳng bao lâu sẽ đoạn dứt phiền não và chứng thánh quả.

Đức Thế Tôn nói đến đó A Nan lại cảm xúc khóc không ra tiếng. Đức Thế Tôn nhìn quanh đại chúng nói tiếp:

- Này các tỳ kheo! A Nan làm thị giả ta rất trung thành, theo bên cạnh ta bao nhiêu năm. Một mực ôn hòa tử tế, nghe kinh pháp không quên sót. Tương lai sau này công đức của ông sẽ rạng rỡ trên thế gian.

A Nan tay bưng mặt, đi ra chỗ khác. Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng hai, ánh trăng trong suốt trải khắp rừng Long Thọ. Nét mặt lúc đó ai cũng khóc lóc bi thương cho dù bậc Thánh đi nữa cũng không thoát khỏi tình người.

Đại chúng cứ khóc hoài không chịu nín, họ quên rằng làm cách nào để cho Phật pháp tồn tại lâu dài. Mọi người bàn tính với nhau và đề cử tôn giả đến hỏi Phật mấy vấn đề.

Thứ nhất, Khi Thế Tôn nhập diệt rồi thì ai làm thầy?

Thứ hai, sau khi Phật nhập diệt, an trụ như thế nào?

Thứ ba, làm sao hàng phục kẻ ác?

Thứ tư, khi kết tập kinh điển làm sao cho mọi người có thể tin?

Đức Thế Tôn an nhiên như thường lệ, từ bi vui vẻ trả lời:

- Này A Nan ! Các ông nên nhớ kỹ. Các ông nên y theo giới luật làm thầy. An trụ trong Tứ Niệm Xứ. Gặp người hung ác thì nên lánh đi. Đầu đề kinh thì nên đề:”Tôi nghe như thế này...” khiến người tin được. Các ông nên làm đúng như pháp vì pháp là nơi thường trụ của pháp thân ta.

Thế Tôn nói xong, mọi người nghe rồi lại cảm động, thương tâm. Tiếng nói của Ngài thật là uy nghiêm và từ ái.

Ngài lặng lẽ nhập định tuần tự trải qua các cấp thiền từ thấp tới cao rồi từ cao tới thấp và cuối cùng chủ động mà nhập diệt.

Đệ tử các nơi nghe tin đều tập hợp kéo về. A Nan nghĩ đến lúc Thế Tôn còn tại thế thì hàng nữ nhân ít có người được thấy Phật để tham bái cho nên lúc này tôn giả bèn ưu tiên cho các tỳ kheo ni và các tín nữ đến đánh lễ di hài Thế Tôn trước.

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển

Sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, A Nan như con thơ mất mẹ vì thế mà sau khi dự lễ trà tỳ viên mãn thì tôn giả một mình trở về tịnh xá để tưởng niệm ân sư. Trải qua bao ngày tận tụy cho ân sư thì tôn giả từ thể chất đến tinh thần vô cùng mệt mỏi nên Ngài đóng cửa thất tịnh tọa và mỗi ngày chỉ uống ít sữa mà không tha thiết nói chuyện với ai cả.

Ba ngày sau, tôn giả lên đường về thành Vương Xá ở phương Nam vì đã gần ngày kết tập kinh điển. Tuy A Nan chưa khai ngộ, nhưng tôn giả không thể không vì pháp mà quên mình để báo đền pháp thân huệ mạng cho Đức Thế Tôn.

Trên đường đi vào khoảng một tháng sau ngày Đức Phật nhập diệt, tôn giả phải đi ngang qua nước Tỳ Xá Ly. Ngày nay không còn Đức Thế Tôn nữa, nhưng vì tôn giả là cao đệ thường trực bên cạnh Đức Phật nên tín chúng mỗi ngày kéo đến tụ tập ở tịnh xá để yêu cầu tôn giả thuyết pháp. Họ càng nghe pháp thì kéo đến càng nhiều bất luận là ngày hay đêm. Dầu cực khổ, nhưng tôn giả luôn chịu ý mọi người vì đây là phương tiện tốt để khai thị cho họ.

Trong tịnh xá, có vị tỳ kheo tên Bạt Xà Phát đã chứng quả. Vì tín chúng tụ tập nói năng ồn ào làm cho thầy không thể ngồi yên tham thiền nên thầy trách A Nan tự thân không chịu cầu khai ngộ mà cứ thuyết pháp cho thiên hạ.

A Nan bị đả kích nhưng không dám cãi lại vì tôn giả biết chính mình là hàng hữu học mà chưa chứng được quả A La Hán. Vì kỳ đại hội đã gần kề nên tôn giả dừng thuyết pháp cho tín chúng để về Nam. Trên đường đi, tôn giả suy nghĩ về bạn đạo chê cười châm biếm, chẳng phải tôn giả không biết trình độ tu chứng của mình mà chính bản tính ôn hòa nhường nhịn khiến tôn giả hay chịu theo ý của mọi người mà làm cho bạn đạo không vừa lòng. Lời trách cứ của Bạt Xà Phát như mũi tên nhọn đâm ngay tim A Nan, từ đó tôn giả phát nguyện đem tâm hướng ngoại quay trở về bên trong để tu cho sớm được khai ngộ.

Khi A Nan về đến thành Vương Xá thì chỉ còn một ngày nữa là đến kỳ đại hội. Lúc ấy tôn giả Đại Ca Diếp được cử làm chủ tọa có nhiệm vụ tuyển chọn 500 vị tỳ kheo để tham dự đại hội. Các vị ấy đều là bậc A La Hán, cho nên tôn giả A Nan không đủ tư cách để tham dự. Đại Ca Diếp thừa biết khả năng thâm nhập giáo pháp của A Nan vì tôn giả là người duy nhất được nghe

tất cả 84,000 bài kinh của Đức Thế Tôn. Nhưng nếu cho một người chưa dứt hết phiền não, có nghĩa là chưa chứng thánh quả, tham dự đại hội thì họ sợ sẽ có những lỗi lầm trước nhất là đối với Đức Phật và chúng sanh đời sau.

Mặc dầu A Nan tuy chưa khai ngộ, nhưng lại được cảm tình của mọi người nên ai ai cũng ủng hộ tôn giả. Do đó khi nghe mọi người đề cử A Nan, Đại Ca Diếp bèn nói:

- A Nan chưa chứng thánh quả, tôi cũng biết ông ấy là sư tử, nhưng hiện tại chỉ là sư tử trong bầy nai tơ mà thôi.

A Na Luật cũng đồng ý với nhận xét đó và điều này thật là một sự bất ngờ cho A Nan. Nhưng A Nan có bản tính quật cường, càng bị ném xuống đất thì càng vọt lên cao. Những lời đả kích là duyên tốt cho tôn giả. A Nan chẳng hề nản lòng mà tự nhủ tự thân mình cũng như hoa mai mùa đông phải chịu một cơn gió tuyết lạnh lùng mới tỏa mùi hương đặc biệt. Ngay chiều hôm ấy, tôn giả nỗ lực tu tập, trầm tư mặc tưởng, buông bỏ tận cùng và đến nửa đêm thì Ngài khai ngộ chứng quả. Ngày hôm sau, A Nan hiện đại thân thông, không đợi cửa động mở mà bay thẳng vào đại hội.

Lúc ấy phong tư của tôn giả như mặt trăng tỏ rạng vừa ra khỏi đám mây và như ánh thái dương chiếu trên những cánh hoa sen tươi đẹp. Các vị đại tỳ kheo đều kinh ngạc nhìn tôn giả biểu lộ sự tán thán. Dưới sự chỉ đạo của Đại Ca Diếp và sự đề cử của toàn thể đại hội, tôn giả lên tòa sư tử và bắt đầu tụng:

- Tôi nghe như thế này, một thuở..., Đức Phật ở tại nơi nọ... Tôn giả đem trí nhớ của mình tụng lại những lời thuyết pháp của Đức Thế Tôn thật là lưu loát như mây bay nước chảy. Các đại tỳ kheo trong hội một lần nữa được tiếp thọ lời dạy của Đức Phật. Mọi người đều cảm động ngay cả tôn giả Kiều Trần Như, lúc đó đã già nua, rất đỗi xúc động đến nỗi xỉu tại tòa.

Những kinh điển đầu tiên như Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A hàm, Tăng Nhứt A Hàm và kinh Pháp Cú được kết tập trong kỳ đại hội thứ nhất này đều do chính tôn giả A Nan tụng lại.

--- o0o ---

Tôn Giả Nhập Diệt

Khi Đức Phật nhập diệt thì Ngài truyền thừa “y” “bát” lại cho tôn giả Đại Ca Diếp. Rồi 20 năm thối thoát trôi qua, bây giờ Đại Ca Diếp đã hơn 100 tuổi. Biết mình sắp ra đi, tôn giả bèn đem gia nghiệp Phật pháp dặn dò trao lại cho A Nan, lúc ấy cũng gần 80 tuổi. Đại Ca Diếp sau khi phú chúc cho A Nan thì ôm “bát” vào núi Kê Túc mà nhập diệt. Tôn giả kế thừa dòng pháp cũng là điều tự nhiên như hoa đến kỳ nở nhụy và đó cũng chính là niềm hy vọng của Đức Thế Tôn.

Nếu nhìn lại thì Phật pháp được phát triển rất rộng rãi từ thời Đức Phật thành đạo cho đến thời vua A Xà Thế. Nhưng sau khi Đại Ca Diếp nhập diệt thì về sau hàng đệ tử thân cận với Đức Thế Tôn chỉ còn lại A Nan mà thôi. Tôn giả tuy lãnh đạo tăng đoàn nhưng tuổi tác mỗi năm mỗi cao. Một hôm nọ trên đường đi, lúc đó tôn giả đã 120 tuổi, Ngài nghe một thầy tỳ kheo trẻ tụng bài kệ rằng:

Nếu người sống trăm tuổi,
Không thấy thủy lão hạc.
Chẳng bằng sống một ngày,
Mà được thấy hạc ấy.

A Nan nghe qua, thấy bài kệ bị tụng sai lầm một cách tệ hại như râu ông nọ cắm cằm bà kia, nên tôn giả bèn lập tức cải chánh. Bài kệ phải tụng như thế này:

Nếu người sống trăm tuổi,
Không hiểu pháp sanh diệt.
Chẳng bằng sống một ngày,
Mà được hiểu rõ ràng.

Thầy tỳ kheo kia nghe A Nan dạy xong liền trở về thừa lại với sư phụ, chẳng dè sư phụ của thầy nổi sùng nói rằng:

- Ông đừng nghe A Nan nói bậy, năm nay A Nan đã quá già thành ra lú lẫn. Ta dạy ông không sai đâu.

Thầy tỳ kheo trở lại đem lời sư phụ nói lại với A Nan. Tôn giả định đi tìm ông ta để hỏi tại sao lại nói những lời ngu si như vậy? Nhưng suy đi nghĩ lại thì con người đã thốt ra lời ấy có nói chưa chắc đã chịu nghe, nên thôi. Một vị trưởng lão ôn hòa như A Nan, một vị thống lĩnh giáo đoàn đương thời và nắm trong tay giáo quyền tối thượng mà vẫn áp dụng lối xử sự nhún nhường.

Tuy vậy, một bậc trưởng lão thánh tăng đã 120 tuổi thì việc đời không còn chút lưu luyến, nhưng sau khi gặp chuyện trên lại càng chán ngán cho thế gian. Đức Thế Tôn nhập diệt chưa bao lâu mà có người đã hiểu sai Phật pháp cho nên sau này trong giáo đoàn sẽ có những điều tà kiến thì làm sao tránh khỏi. Ta vì Phật tụng lại giáo pháp mà mọi người lại chấp chặt vào kiến chấp của họ chứ không chịu theo đúng pháp mà làm. Vậy ta còn ở lại nơi đây để làm gì?

Nghĩ ngợi như vậy khiến tôn giả tự nhiên nhớ đến Đức Phật, rồi liên tưởng đến các vị đại đệ tử Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên...Càng nhớ lại ngày xưa làm tôn giả càng suy tư triền miên:” Ôi! Những vị ấy, như chim bay theo gió, một lúc mà tất cả đã vào cõi thánh. Trong bao nhiêu vị thánh bây giờ chỉ còn mình ta, như rừng cây bị đốn sạch chỉ còn sót lại một cây cỏ thụ không đủ che mưa đỡ gió. Cõi nhân gian này thật trống rỗng, đã đến lúc ta nhập diệt mà thôi.

Suy nghĩ xong, tôn giả quyết định đem Phật pháp trao phó lại cho Thương Na Hòa Tu rồi ôm bát hương về hướng sông Hằng mà đi. Lúc bấy giờ vua A Xà Thế của nước Ma Kiệt Đà đang khai chiến với Tỳ Xá Ly. Tôn giả nghĩ rằng:” nếu nhập diệt ở nước Ma Kiệt Đà thì di thể không được chia cho nước Tỳ Xá Ly còn như tôn giả đến Tỳ Xá Ly nhập diệt thì họ cũng không chia phần cho Ma Kiệt Đà, cho nên tôn giả quyết định chọn sông Hằng là biên giới của hai nước và ở trên không mà nhập diệt.

Vua A Xà Thế nghe tin A Nan sắp nhập diệt thì choáng váng muốn xỉu liền tức tốc mang binh mã đuổi theo. Khi chạy đến sông Hằng thì thấy tôn giả đã lên thuyền ra giữa sông. Nhà vua bèn quỳ mọp sát đất mà lớn tiếng kêu:

Đức Phật tối thắng tự tại! Xin Ngài từ bi. Tôn giả đã ban an lành cho chúng con! Tôn giả là đèn sáng của ba cõi! Xin Ngài hãy quay trở lại.

Còn sông bên kia thì dân chúng Tỳ Xa Ly cũng tụ tập bên bờ và kêu réo như A Xà Thế. A Nan ở trong thuyền bèn nói lớn:

- Ta đã suy xét, chính vì sự oán hận giữa hai nước các ông ta mới đặc biệt đến giữa sông Hằng mà nhập diệt. Cầu mong cho các ông được hòa bình thân thiện.

Tôn giả nói xong, bèn ngồi giữa hư không nhập hỏa quang tam muội khiến di thể rơi xuống hai bên cho hai nước xây tháp cúng dường. Một tháp được xây ở giảng đường Đại Lâm phía Bắc nước Tỳ Xá Ly và một tháp được xây ở cạnh tịnh xá Trúc Lâm ở thành Vương Xá. Do nhân duyên nhập diệt của tôn giả khiến hai nước cởi mở oán thù, không còn gây chiến với nhau cứu được biết bao mạng sống của nhân dân. Sự hy sinh của tôn giả thật cao quý lớn lao vô cùng.

Tôn giả A Nan nhập diệt rồi thì công lao của Ngài đối với Đức Phật cũng như sự cống hiến cho Phật pháp thật là bao la vô tận. Khi biết giáo pháp thì phải nghĩ đến A Nan. Một A Nan ôn hòa từ mẫn, khiêm tốn nhân nhượng như là một ngọn đuốc soi sáng vào trong tâm của tất cả Phật tử ngàn đời về sau.

--- o0o ---

HẾT